

VĂN HÓA THÁI HÒA VIỆT TỘC XII



Ngọc Long Toại: Trống / Mái cùng Huyền thoại: Tiên / Rồng:
Nền tảng của Dịch Lý Việt Nam
Xem (8)+(9)

TRIẾT LÝ AN VI & VIỆT NHO VỚI QUỐC KẾ DÂN SINH VIỆT NHÂN XUÂN MẬU TUẤT: 2018

MỤC LỤC

<u>TRIẾT LÝ AN VI & VIỆT NHO VỚI QUỐC KẾ DÂN SINH</u>	- 11 -
<u>CHƯƠNG MỞ ĐẦU</u>	- 11 -
<u>A.- TRÁNH XA NGÔ NHÂN VỀ VIỆT NHO</u>	- 11 -
<u>B.- CÂU TRUYỆN LAC HỒN</u>	- 13 -
<u>1.- CÓ hay KHÔNG Dân tộc tính</u>	- 13 -
<u>2.- Câu chuyện LAC HỒN:Bán HỒN cho QUỶ</u>	- 13 -
<u>3.- Trang hoàng nước nhà</u>	- 14 -
<u>4.- Hai loại Trắc nghiệm Tâm lý</u>	- 14 -
<u>5.- Tại sao người Việt sát hai người Việt ?</u>	- 14 -
<u>6.- Tai họa mất Hồn</u>	- 15 -
<u>7.- Nhiệm vụ khởi công tìm lại Hồn Nước</u>	- 15 -
<u>8.- Cô Hồn cháo Lú và cô Hồn vong Ngoại</u>	- 16 -
<u>9.- Hồn ở nơi đâu?</u>	- 16 -
<u>10.- Tìm chỗ ẩn nấp sâu kín để Rước Hồn về</u>	- 17 -
<u>11.- Lập Mặt trận Văn hiến để cùng nhau Rước Hồn về</u>	- 18 -
<u>C.- CÔ HỒN CHÁO LÚ & CÔ HỒN VONG NGOẠI VONG BẢN</u>	- 19 -
<u>CHƯƠNG MỘT</u>	- 24 -
<u>A.- TRIẾT LÝ AN VI</u>	- 24 -
<u>I.- An Vi luân</u>	- 24 -
<u>1.- Thế nào là An vi</u>	- 24 -
<u>2.- Cần đặt vị trí cho An vi</u>	- 24 -
<u>3.- Tìm hoàn bị trong mỗi việc bất kể To / Nhỏ</u>	- 26 -
<u>4.- Giáo dục “ Vi Nhân “</u>	- 26 -
<u>5.- Những Phạm trù chính trong Triết Lý An Vi</u>	- 28 -
<u>a.- Bộ phạm trù đầu tiên</u>	- 28 -
<u>A1.- Bái vật</u>	- 28 -
<u>A2.- Ý hệ</u>	- 28 -
<u>A3.- Tâm linh</u>	- 28 -
<u>b.- Bộ phạm trù thứ hai</u>	- 29 -
<u>B1.- Cơ</u>	- 29 -
<u>B2.- Ý</u>	- 29 -
<u>B3.- Từ</u>	- 29 -
<u>B4.- Dụng</u>	- 29 -
<u>C.- Bộ Phạm trù của Việt Nho</u>	- 30 -
<u>C1.- Cơ</u>	- 30 -
<u>C2.- Ý</u>	- 30 -

C3.- <u>Từ</u>	- 30 -
C4.- <u>Dụng</u>	- 30 -
6.- <u>Ba Nguyên lý</u>	- 31 -
a.- <u>Nguyên lý Lương hợp</u>	- 31 -
b.- <u>Nguyên lý Nhân chủ</u>	- 32 -
c.- <u>Nguyên lý An vi</u>	- 32 -
C1.- <u>Cưỡng hành</u>	- 32 -
C2.- <u>Lợi hành</u>	- 32 -
C3.- <u>An hành</u>	- 32 -
<u>B.- TRIẾT LÝ AN VI VỚI NỀN VĂN HÓA DÂN TỘC</u>	- 34 -
1.- <u>Việt tộc có Bộ sách Dân tộc không</u>	- 37 -
a .- <u>Không</u>	- 37 -
b.- <u>Có</u>	- 37 -
c .- <u>Huyền số</u>	- 37 -
2.- <u>Những sách nào</u>	- 37 -
a.- <u>Sách có tên: Kinh Hữu tự</u>	- 38 -
A1.- <u>Sách Ước, gậy Thần của Hùng Vương</u>	- 38 -
A2.- <u>Sách Tản Viên, Ba Vì</u>	- 38 -
A3.- <u>Lạc Thư</u>	- 38 -
b.- <u>Sách không tên: Kinh Vô tự</u>	- 38 -
B1.- <u>Giai đoạn I</u>	- 38 -
B2.- <u>Giai đoạn II</u>	- 38 -
B3.- <u>Giai đoạn III</u>	- 38 -
B4.- <u>Giai đoạn IV</u>	- 38 -
B5.- <u>Giai đoạn V</u>	- 39 -
3.- <u>Ý nghĩa các Huyền số</u>	- 39 -
a.- <u>Số Đất</u>	- 39 -
b.- <u>Số Trời</u>	- 39 -
c.- <u>Vòng Trong, vòng Ngoài (Hợp Nội / Ngoại chi đạo)</u>	- 39 -
<u>CHƯƠNG HAI</u>	- 42 -
<u>VIỆT NHO</u>	- 42 -
I.- <u>Đồ hình và Số độ của Việt Nho</u>	- 42 -
II.- <u>Dịch với Đồ hình</u>	- 42 -
1.- <u>Từ Vô cực → Thái cực →Lương nghi Âm / Dương</u>	- 42 -
2.- <u>Từ Lương nghi: Âm / Dương → Tứ tượng</u>	- 43 -
3.- <u>Tứ Tượng</u>	- 43 -
4.- <u>Tứ tượng sinh Bát quái</u>	- 43 -
5.- <u>Cách thành lập các quẻ Đơn</u>	- 43 -
6.- <u>Cách thành lập Quẻ kép: 64 Quẻ kép</u>	- 44 -
III.- <u>Dịch với Đồ hình và Số độ kết hợp</u>	- 45 -

1.- Đồ hình và Số độ kết hợp tương trung cho	- 45 -
<u>Ý nghĩa của các Cơ cấu trong Vũ trụ</u>	- 45 -
2.- Ý nghĩa các số Huyền niêm	- 46 -
3.- <u>Khung Cơ cấu nền tảng của Vũ trụ</u>	- 46 -
<u>được tương trung bằng hình Thập tự nhai</u>	- 46 -
4.- <u>Đồ hình và Số độ Ngũ hành</u>	- 46 -
5.- <u>Vòng Trong và Vòng Ngoài của Ngũ hành</u>	- 47 -
6.- <u>Việt Tinh</u>	- 48 -
7.- <u>Hồng phạm</u>	- 49 -
8.- <u>Cửu trù</u>	- 49 -
9.- <u>Chữ Viên = Chữ Văn / Chữ Vạn</u>	- 49 -
10.- <u>Đồ - Thư hợp nhất</u>	- 50 -
<u>IV.- Nho: Nền tảng của cuộc Sống Thái hòa</u>	- 51 -
CHƯƠNG BA	- 53 -
<u>I.- Việt Nho với Triết lý Nhân sinh</u>	- 53 -
<u>II.- Việt Nho với sức sống của Dân tộc</u>	- 54 -
CHƯƠNG KẾT	- 55 -
<u>A.- VIỆT NHO VÀ TRIẾT LÝ AN VI QUA CÁI NHÌN NHẤT QUÁN</u>	- 55 -
<u>I.- Định Nghĩa Việt Nho</u>	- 55 -
<u>II.-Châm Ngôn Tinh Thần Lập Quốc của Việt Nam</u>	- 55 -
<u>III.- Định vị con Người Việt Nho</u>	- 55 -
<u>IV.-Định Nghĩa con Người Việt Nho</u>	- 55 -
<u>V.-Tinh thần Bất khuất của Việt Nho :“ TÌNH / NGHĨA NHẬP THẦN “</u>	
<u>VI.-Nền tảng Dân chủ trong Việt Nho</u>	- 55 -
<u>VII.- BẢN CHẤT THÁI HÒA CỦA VIỆT NHO</u>	- 56 -
B.- TRIẾT LÝ AN VI & VIỆT NHO VỚI QUỐC KẾ DÂN SINH	56
I.- Chính Lược Quốc gia hay Chủ đạo Hòa của Dân tộc.....	54
II.- Chiến lược Bảo vệ Quốc gia.....	56
III.- Chiến lược Xây dựng Quốc gia.....	56
IV.- Chiến lược đem Đạo Lý Nhân sinh vào các Cơ chế Xã hội.....	57
V.- Chiến thuật Giữ Nước.....	57
C.- LỜI KẾT	- 59 -
THAM KHẢO	61

(1).- Mật Ước Thành Đô.

(2) .- Bản Đồ Tàu tằm thực Lãnh Thổ và Lãnh Hải của Tàu cộng

(3).- Bài Thơ cho Nước

(4) . Minh triết Việt.....	67
(5). Nét Cong duyên dáng của Việt tộc.....	68
(6). The Living Constitution	69
(7). Năng lượng.....	70
(8). Truyện Tiên Rồng.....	70
(9). Truyện Việt Tinh.....	71

MINH TRIẾT VIỆT

A.- MINH TRIẾT	- 67 -
I.- ĐỊNH NGHĨA: TRIẾT: TRIỆT DÃ:	- 67 -
II.- MINH BẰNG CÁCH NÀO?	- 68 -
III.- VÍ DỤ ĐIỂN HÌNH.....	84
IV.- DỊCH LÝ	- 71 -
B.- MINH TRIẾT TRONG CẤU TRÚC NGÔN TỪ: NÉT GẤP ĐÔI.....	- 73 -
C.- MINH TRIẾT TRONG CÁCH ĐỊNH VỊ CON NGƯỜI.....	- 79 -
D.- MINH TRIẾT TRONG HUYỀN THOẠI LẬP QUỐC TIÊN / RỒNG	- 80 -
I.- HAI BIỂU TƯỢNG NGƯỢC NHAU	- 80 -
II.- PHÂN CỤC ĐỀ THĂNG HOA CUỘC SỐNG THEO DỊCH LÝ:	- 81 -
ÂM DƯƠNG HÒA HAY “ THUẬN VỢ THUẬN CHỒNG “.....	- 81 -
III.- TINH THẦN DÂN TỘC HÒA NHỊP THEO DỊCH LÝ	- 82 -
IV.- CẠI SẢY NẢY CÁI UNG.....	- 83 -
V.- SỰ NGUY HẠI CỦA CÁI UNG MÁT GÓC.....	- 84 -
E.- MINH TRIẾT VỀ GÓC ĐOÀN KẾT DÂN TỘC	- 84 -
G.- MINH TRIẾT TRONG NỀN VĂN HÓA THÁI HÒA VIỆT NHO	- 85 -
I.- NGUỒN MẠCH CỦA VĂN HOA VIỆT: TIỀM THỨC CỘNG THÔNG NHAN LOẠI	- 85 -
II.- NỘI DUNG VĂN HOA VIỆT: VIỆT NHO.....	- 87 -
H.- MINH TRIẾT TRONG NẾP SỐNG QUẢ DỤC	- 88 -
I.- MINH TRIẾT VỀ CHẾ ĐỘ.....	- 88 -
K.- MINH TRIẾT TRONG SÁCH LƯỢC QUỐC KẾ DÂN SINH.....	- 89 -
L.- MINH TRIẾT TRONG THUẬT CẠI TRỊ.....	- 90 -
M.- MINH TRIẾT TRONG VẤN ĐỀ GIÁO DỤC	- 92 -

N.- MINH TRIẾT VỀ QUYỀN HÀNH.....	- 93 -
O.- MINH TRIẾT TRONG CÁCH VẬN HÀNH CƠ CHẾ XÃ HỘI.....	- 95 -
P.- MINH TRIẾT TRONG CÔNG BẰNG XÃ HỘI.....	- 96 -
I.- VẤN ĐỀ CÔNG BẰNG.....	- 96 -
II.- NGUỒN GỐC CỦA BẤT CÔNG XÃ HỘI.....	- 96 -
III.- CÁCH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI.....	- 97 -
1.- Thuộc lãnh vực Tôn giáo.....	- 97 -
2.- Thuộc lãnh vực Văn hóa Việt.....	- 99 -
3.- Thuộc lãnh vực Xã hội.....	- 99 -
a.- Trong Chế độ Nông nghiệp.....	- 100 -
b.- Trong Chế độ Công nghiệp.....	- 100 -
Q.- MINH TRIẾT TRONG SINH HOẠT CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM.....	- 101 -
I.- TRONG NÉT CONG DUYÊN DÁNG CỦA VIỆT TỘC.....	- 101 -
(XEM 2 Ờ DƯỚI).....	- 101 -
II.- TRONG PHONG TỤC TẬP QUÁN.....	- 101 -
(VẤN HIẾN VIỆT NAM. VIỆT NHÂN).....	- 101 -
TẾT (TIẾT), LỄ, HỘI.....	- 101 -
I.- DANH TỪ.....	- 102 -
1.- <i>Tiết</i> : là thời tiết : <i>Tết</i>	- 102 -
2.- <i>Lễ</i>	- 102 -
3.- <i>Hội</i>	- 102 -
II.- CÁC LOẠI LỄ HỘI.....	- 103 -
1.- <i>Lễ hội liên quan đến sinh hoạt kinh tế</i>	- 103 -
2- <i>Lễ cầu mùa</i>	- 103 -
3.- <i>Lễ dâng cúng sản phẩm nông nghiệp</i>	- 103 -
4.- <i>Lễ rước lợn (heo), Xôi, Lễ ăn cơm mới</i>	- 103 -
5.- <i>Lễ hội trình diễn Tổ sư các ngành nghề</i>	- 103 -
6.- <i>Lễ hội thi tài và các trò vui chơi</i>	- 103 -
7.- <i>Lễ hội phồn thực</i>	- 104 -
a.- Rước Nỏ nường.....	- 104 -
b.- Trò chơi bắt chạch trong chum (cái Lu đựng nước).....	- 104 -
c.- Hội chen.....	- 104 -
d.- Hội ném còn vòng.....	- 104 -
8.- <i>Lễ hội hát giao duyên</i>	- 104 -
a.- Hát Trống Quân.....	- 104 -
b.- Hội hát Quan họ (Bắc Ninh).....	- 105 -
d.- Hát gheo.....	- 105 -

e .- Hát Ví.....	- 105 -
9.- Lễ hội liên quan đến việc ghi nhớ công lao của các vị:	- 106 -
a .- Lễ trẩy hội đền Hùng	- 106 -
b .- Lễ hội Thánh Dóng.....	- 106 -
c .- Lễ hội Hai Bà Trưng.....	- 106 -
d .- Hội Đền Kiếp Bạc.....	- 106 -
III .- Ý NGHĨA CỦA LỄ HỘI	- 108 -
R.- KẾT LUẬN.....	- 108 -
(3) . NÉT CONG DUYÊN DÁNG CỦA VIỆT TỘC.....	- 114 -
1.- Về việc lập viện khảo cổ Đông Nam Á.....	- 114 -
2.- Sự cần thiết phải có Triết tham dự: Học, Hành, Lập, Quyên	- 115 -
3.- Đức Người: Đức Tròn vào Vuông: Thời - Không nhất phiến	- 116 -
4.-Quá trình hình thành nét Cong	- 117 -
5.- Nét cong với nguyên lý Mẹ	- 119 -
6.-Phục Hy: Thê: Dương, Diện: Âm ; Nữ Oa: Thê Âm Diện Dương.....	- 119 -
7.- Văn minh Du mục và Văn hoá Đông Á	- 120 -
8.- Phân biệt riêng chung giữa Việt và Nho	- 121 -
9.- Việt Nho: Đại biểu cho nền triết lý Hoà giải	- 121 -
10. Nét Cong thanh thoát: Kết hợp luật Tả nhậm hay “ Chí Trung hoà “	- 121 -
11.- Việt Nho: Tiêu biểu cho nền triết lý Hòa hợp	- 122 -
II.- HIỆT CỬ HAY LỐI XỬ THÊ CỦA NGƯỜI XƯA	- 122 -
1.- Định nghĩa Hiệt cử	- 122 -
2.- Sống cho no tròn để đạt hạnh phúc.....	- 122 -
3.- Đừng quá phá lân nhân ngay ở việc nhỏ nhất	- 123 -
4.- Quan niệm về Nhân / Nghĩa và Chủ / Nô.....	- 123 -
a.- Quan niệm Chủ Nô: coi con Người như sự vật	- 123 -
b.- Quan niệm Nhân Nghĩa: coi con Người như con Người.....	- 124 -
c.- Cách yêu Người cuồng nhiệt của CS	- 124 -
d.- Lối yêu Người dè dặt của Việt Nho.....	- 125 -
III.- Ồ ĐỜI	- 125 -
1.- Trống Đông và hai chữ Hồng Bàng	- 125 -
2.- Huyền sử tràn ngập Chim	- 126 -
a.- Việt Trĩ: thời thờ Mặt Trời (Viêm Việt).....	- 126 -
b.- Hồng học : Lối sống nhập Thất (điều tục) của Văn Lang	- 126 -
c.- Lối sống bay cao (siêu việt) như Hồng Học	- 126 -
d.- Sống trong Thái thất (Tổ) nên Chim biến thành Tiên: Tổ Tiên	- 127 -
e.- Tiên Tổ đã hoá trang Chim (thê Đạo).....	- 127 -
g.- Tàu có chim Cú và mượn Chu Tước	- 127 -

3.- Lịch sử về Cái nhà của Tàu và Việt	127 -
4.- Lối sống Ở Đồi của Nho: Cư chi	128 -
5.- Loại nhu yếu làm nên con Người	128 -
6.- Ba quan niệm về Bản tính con Người : Mạnh, Tuân và Cáo Tử.....	129 -
7.- Quan niệm dàn hoà giữa Mạnh và Tuân.....	129 -
8.- Xét Quan niệm: “ Nhân giả Nhân dã “ của Nho	129 -
9.- Quan niệm về Mệnh của Việt Nho.....	130 -
10.- Tu dưỡng Khí Hạo nhiên: Tâm, Chí, Khí.....	130 -
11.- Việt Nho đặt Đạo ở gần con Người.....	131 -
IV.- ĂN : PHƯƠNG THỨC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC VĂN LANG	131 -
1.- Khám phá lừng danh của Marx.....	131 -
2.- Câu nói đầu mỗi chót lưỡi của Dân Việt Nam: Có Thực mới vực được Đạo	131 -
3.- Môi sinh văn hoá Âu Tây: Duy Tâm	132 -
4.- Cơ cấu văn hoá Âu Tây xây trên Lợi hành.....	132 -
5.- Nguyên nhân sai lầm: Triết lý một chiều	132 -
6.- Lý do bất lực về phương thức sản xuất Á Châu của Marx.....	132 -
a.- Về Tâm lý	133 -
b.- Về khách quan	133 -
7.- Phương thức sản xuất của nước Văn Lang: Tự do Bình sản	133 -
8.- Góc rẽ sai lầm: thiếu Tâm linh sử quan.....	133 -
9.- Đáp đề: Trút bỏ Đảng tính và 4 loại Giai cấp	134 -
10. Định nghĩa về Giai cấp.....	134 -
a.- Giai cấp Chủ / Nô	135 -
b.- Giai cấp Giàu / Nghèo	135 -
c.- Giai cấp Thống trị / Giai cấp Cai trị	135 -
11.- Kết luận về phương thức sản xuất Á châu.....	136 -
a.- Bình sản và Tự do	136 -
b.- Tâm linh sử quan: “ Thiên Địa vị yên, vạn Vật dục yên “	136 -
V.- MẶC	137 -
1.- Triết lý về mặc: Đỉnh Nhân lý Nghĩa	137 -
2.- Mặc ở giai đoạn thờ mặt Trời: bỏ ăn Vật Tổ, mặc Vật Tổ.....	137 -
3.- Mặc ở giai đoạn thờ Trời: Áo lông Ngỗng, xâm mình, xâm trán.....	137 -
4.- Nhận diện chim Trĩ là di sản của Việt tộc	138 -
* Thực tự và Hư tự	142 -
* Liên hệ ý nghĩa.....	142 -
*Liên hệ lân cận.....	142 -
*Lập lại Nguyên âm	142 -
*Lập lại Chủ âm	142 -
b.- Số 3	143 -
*Nền Nhân sinh quan Nhân chủ hùng tráng	143 -

* Khác biệt giữa Tây ngữ và Việt ngữ (Le La và con cái. . .).....	143 -
* Thú tiếng sông Hiền và sông Ân tạo nên mối liên hệ Vạn vật nhất thể.....	143 -
* Liên hệ giữa Tư tưởng và Ngôn ngữ.....	144 -
c.- Số 5	144 -
* Con số “ Thiệp đại xuyên.....	144 -
* Ngũ hành (5) với Linh cổ (3 – 4)	145 -
* Bộ số Vài Ba (nhịp kép Hai) nhập vào Ngũ lý	145 -
* Bè 6 – 8 được thể hiện trong trống Đồng Ngọc Lũ.....	146 -
* Tiếng Nói theo Cơ cấu trần đầy Nhân chủ tính và Tâm linh	146 -
* Cái Thừa và thiếu của tiếng Nói theo Ngũ luật.....	146 -
* Tính chất đơn sơ và hàm súc của tiếng Nói theo Cơ cấu	146 -
VII. – LÀM (THEO TRIẾT LÝ TÁC HÀNH).....	147 -
1.- Phương pháp Tỉ giáo của triết lý bằng Động từ To be	147 -
2.- Nguyên nhân sa đoạ từ To be ra Being.....	147 -
a.- Đợt một ly	147 -
b.- . . . Đi một dặm	148 -
c.- Đáp đề của thuyết Tam tài	148 -
3.- Thái thất của (Việt) Nho.....	149 -
a.-ĂN dẫn tới Việt tinh : mức lên nước Cam tuyền bất tận.	149 -
b.-MẶC dẫn tới thể Đạo : mặc Đạo vào thân.	149 -
c.-NÓI dẫn đến Hư tự : để hòa tan với Vô biên.....	149 -
d.- LÀM dẫn đến An vi : làm là làm không lệ thuộc Đối tượng.....	149 -
4.-Thiên sinh, Địa dưỡng, Nhân hòa	149 -
5.- Quan niệm (Việt) Nho về Trời.....	150 -
6.- Quan niệm quá hạ thấp và quá đề cao con Người	150 -
7.-Hiện tượng Dân chủ rất sớm ở nước ta	151 -
C.- PHONG TỤC, TẬP QUÁN	152 -
I.- TRỐNG QUÂN : TRIẾT LÝ NHẢY ĐÀM	152 -
1.- Cuộc nhảy mang tính chất công thể và Tâm linh.....	152 -
2.- Cuộc nhảy: Hoạt động cả Thân Tâm	153 -
3.- Cuộc nhảy: kết mối Hoa Tình (Đại Đạo Âm Dương hòa)	153 -
4.- Phương thuốc chữa bệnh Duy: Phục hoạt triết lý hướng dẫn Thân Tâm	154 -
II. - TRỐNG QUAN XÉT NHƯ KHOI NGUYEN NGHỆ THUẬT SỐNG CỦA VIỆT TỘC	154 -
1.- Trống Quân biểu hiện nét Lương hợp sinh động	154 -
2.- Về Nguồn bằng cuộc đấu: Tình, Lý, Nói, Ca	155 -
a.- Thời gian và Không gian cuộc đấu	155 -
b.- Các đấu thủ: Hai bè Nữ và Nam.....	155 -
c.-Khí giới giao đấu: Ca vũ.....	155 -
d.- Chiến lợi phẩm cuộc đấu: Kết đôi Hoa Tình.....	155 -
e.- Những mối liên hệ trong cuộc đấu Hoa Tình	155 -

3.- Kinh Thi: Chiến lợi phẩm của trống Quân	156 -
4.- Trống quân là một cuộc Tế Lễ: Tôn giáo Phong Nhiêu	156 -
5.- Bầu khí của cuộc Lễ: Tự do	157 -
a.- Con gái: Nói thẳng, làm thẳng	157 -
b.- Chưa có tinh thần Thanh giáo kiêm chế	157 -
c.-Con gái làm chủ tình thế	157 -
6.- Hợp với Thời tiết: Triết lý Chử Thời	157 -
7.- Lộ xác phía vương triều để thành Tế Giao	158 -
a.- Tế Giao: biến thể của Trống Quân.....	158 -
b.- Lễ Phong Nhiêu	158 -
c.-Lễ Phong Thiện, Lễ Nam Giao	159 -
d.- Ý nghĩa chữ Nam Giao	159 -
8.-Lộ xác phía dân gian.....	160 -
a.- Không gian và Thời gian của hát Trống quân	160 -
b.- Sự hợp tác giữa Văn gia và Chắt gia	161 -
9.- Trống quân với Lạc Việt.....	161 -
a.- Việt ngữ hợp với Trống Quân.....	161 -
b. Giàu song ngữ có tính cách co dãn	161 -
c.- Giàu nhạc tính.....	162 -
d.- Nói như Thơ, Thơ như Nói, Nói Thơ đều để ve.....	162 -
e. Triết lý “ Chí Trung Hoà “ trong cách gieo vần Thơ	162 -
g.- Trống quân với nhịp Song trùng của Ta	162 -
h.- Những tiếng ngân nga của Ta và Hư tự của Tàu	163 -
10.- Lạc Việt là chủ của Trống quân	163 -
11.-Trống quân trình bày một Vũ trụ sinh sinh hoá hoá	164 -
12.- Trống quân: Một vũ trụ quan Thống nhất.....	164 -
13.- Trống quân: Thỏa đáp 3 nhu yếu nền móng của con Người.....	165 -
14.- Trống quân: cuộc Lễ gồm đủ Tam Tài	165 -
15.- Hát Trống Quân : Lối thông giao với nguồn Tâm linh	165 -
III.- ĐỊA VỰC LỄ LAY: NGUỒN GỐC VĂN MINH.....	166 -
Ba cái Tết: Ba cái Lễ sống.....	166 -
1.- Tết Nguyên đán.....	167 -
a.- Gia đình tính	167 -
b.-Táo quân	167 -
c.- Tổ tiên	168 -
d.- Múa Lân.....	168 -
2.- Đoan Ngọ	169 -
3.- Trung Thu.....	169 -
IV.- QUỐC TÚY QUỐC HỒN XUYÊN QUA TỤC ĂN TẾT	170 -
1.- Định nghĩa về Quốc Hồn và Quốc Túy	170 -

2.- Đạo được đặt vào truyện thường nhật	- 170 -
3.- Con Người chủ động trong việc Đạo	- 170 -
4.- Cái Ăn: khung của Đạo lý.....	- 170 -
a.- Bề ngoài của cái Ăn với cái Nhai No, Say	- 170 -
b.- Bề trong: Tiết nhịp Hòa giữa 3 cõi: Thiên, Địa, Nhân	- 171 -
*Nền tảng triết lý trung thực mưu hạnh phúc cho con Người.....	- 171 -
* Mừng Tết trong khung cảnh Thái hòa.....	- 172 -

SƠ LƯỢC

TRIẾT LÝ AN VI & VIỆT NHO

CHƯƠNG MỞ ĐẦU

A.- TRÁNH XA NGỘ NHẬN VỀ VIỆT NHO

Qua Công trình khai quật của Triết Gia Kim Định về Nho và Triết ý An vi, thì chúng ta mới nhận ra không những chỉ có Hán Nho của Tàu mà còn có nhiều thứ Nho khác nữa: Nào là Thái Nho là Nho được thai nghén tại Thái Bình Dương lúc nước biển chưa dâng cao, tới Hoàng Nho tại vùng Trung nguyên bên Trung Hoa, tới Nguyên Nho do đức Khổng Tử thuật lại nền Văn hoá của phương Nam tức là của Việt tộc, rồi tới Chu Nho, Hán Nho, Đường Nho, Tống Nho, Minh Nho, Thanh Nho của Tàu.

Khi đi sâu vào bản chất thì Nguyên Nho của Khổng Tử là Nho Vương đạo, còn Chu Nho, Hán Nho, Đường Nho, Tống Nho, Minh Nho, Thanh Nho đều là mở hổ lớn giữa Nho Vương đạo và Bá đạo, vì các Nho đó đã được xen dậm nhiều yếu tố bạo động của Du mục vào, luôn gây Chiến tranh, Cuóp bóc và Bành trướng, cứ đọc qua Lịch sử Tàu và Việt Nam thì rõ: Nước bé nhỏ Việt Nam phải đương đầu với hơn 1000 năm Nô lệ với 20 cuộc chiến lớn nhỏ với Tàu.

Số là khi Thủy tổ của Tàu là Hiên Viên Hoàng Đế từ Tây Bắc tràn qua vùng Trung nguyên bên Tàu, thôn tính Đại chủng Việt mà lập nên nước Trung Hoa sau Họ Hồng Bàng 182 năm, họ thu hút Dân chúng đất đai, các phát minh nhất là Văn hoá của Chủng Việt làm của riêng của Tàu. Các nhà cầm quyền đời sau cứ lần lượt cạo sửa, thêm bớt, xen dậm các yếu tố Du mục vào rồi vu cho Tứ Di (Bắc Địch, Nam Man, Đông Di, Tây Nhung) là man di mọi rợ để “ Dịch Chủ vì Nô “.

Tuy Nho của Việt Nam chưa được viết ra, nhưng một mặt Tổ tiên Việt đã sáng tạo ra vô số Di vật, Cổ nghệ cùng Huyền thoại làm Cơ cấu và đồng thời đem Nội dung của Văn hoá vào trong Đời sống vào các sinh hoạt như Lời Ăn Tiếng Nói, cách Ăn Mặc Phong tục Tập quán, Lễ hội Đình đám, chế độ Bình sản v. v...với mục đích là cất dấu nền tảng Văn hoá không cho Tàu cướp lấy, và đồng thời duy trì nếp sống Văn hoá trong nếp sống hàng ngày khi chưa có Văn tự để lưu

truyền, cụ thể là Dịch Tàu chỉ hút được cái Ngọn 64 quẻ để bốc phệ, mà không biết tới Góc triết lý Nhân sinh nơi Góc Dịch lý.

Triết gia Kim Định đã khai quật lên Việt Nho có một Vũ trụ quan động, một Nhân sinh quan Nhân chủ, một lộ đồ đem Đạo lý Nhân sinh vào Đời. . . , đó là Vương đạo.

Vì bị đô hộ cũng như giao lưu Văn hoá lâu ngày, làm cho hai nền Văn hoá trộn lẫn vào nhau khó phân biệt, nhất là Hán Nho đến thời mặt vận qua hình ảnh của Vua quan, lý hào thời Quân chủ vừa què mùa vừa lạc hậu. Dân Việt Nam một mặt vừa ghét Tàu vừa ghét Hán Nho mà không biết Việt Nam còn có Việt Nho trong huyết quản của Dân tộc mình, nhờ đó mà có Tinh thần Bất khuất mới chống cự nổi với quân xâm lược Tàu qua trường kỳ lịch sử, hoá ra ghét Nho thành ra lại ghét cả Tinh hoa của Dân tộc đã giúp Dân tộc tồn tại cho đến ngày nay, mặc dầu cũng đã bị sa đọa một phần.

Tiếp đó Dân tộc chúng ta lại bị Pháp đô hộ, thay đi học Văn minh của Khoa học lại học lấy Văn hoá Duy lý cực đoan, xa rời con Người và Dân tộc, làm cho tình trạng phân hoá ngày thêm trầm trọng.

Tình trạng sa đọa trên được Triết gia Kim Định gọi là “ **Cô hồn Cháo Lú và Cô Hồn Vọng Ngoại** “ rất nguy hiểm cho sự tồn vong của Dân tộc .

Triết gia Kim Định đã để 50 năm trong cuộc đời để khai quật lên Việt Nho là Nho vương đạo của Việt Nam, chứ không phải là Hán Nho bá đạo của Tàu, Việt Nho có khả năng công hiến cho Dân tộc một Chủ đạo Hòa để đoàn kết toàn dân, một Lộ đồ để đem Đạo lý Nhân sinh vào Đời để Cứu nước và Dựng nước.

Do sự “ cả vú lấp miệng em “ của Hán Nho, lại học phải cái bã Văn hóa Duy Lý của Tây phương nhất là CS, nên một số khá đông dân Việt Nam đã bị “ Lạc Hồn Dân tộc “, những chuyện bên Tây, bên Tàu, bên Nga, bên Mỹ thì rõ vanh vách, còn chuyện tinh thần Dân tộc, Văn hoá Tổ tiên thì nhắc đến thì không những không nghe, không thèm hiểu, nghe như vịt nghe sấm, vì thành kiến đối với Hán Nho quá sâu sắc, nên nhìn Gà hóa Cuốc, nhìn đồng bào ra ngoại nhân, thậm chí là kẻ thù!

Dân tộc nào thì Hồn Dân tộc nấy, mất Hồn Dân tộc là mất Đoàn kết, Không Đoàn kết là Chia rẽ, Chia rẽ là chết, vì mất Nội lực Dân tộc .Chúng ta không thể lấy Hồn Dân tộc khác làm Hồn Dân tộc mình, vì Hồn nào thì chỉ nhận ra con dân Dân tộc đó, nên chỉ học được cái Hay của Dân tộc khác có thể Đồng hoá mà thôi, mà không thể thay thế Hồn Dân tộc được!

Chúng tôi xin Trích bài Câu chuyện Lạc Hồn để chúng ta suy gẫm, và xin đọc tiếp để nhận ra Việt Nho của Tổ tiên có những gì đáng cho chúng ta quan tâm.

B.- CÂU TRUYỆN LẠC HỒN

(*Hồn Nước với lễ Gia tiên: I.- Hồn Nước. Kim Định*)

1.- CÓ hay KHÔNG Dân tộc tính

“ Từ mấy chục năm nay, chúng ta hay được nghe tới Dân tộc tính. Nhóm này hô hào phải phục sinh Văn hoá Dân tộc, phải duy trì Dân tộc tính, phải làm sống lại Hồn nước, nhóm khác cười nhạo và nếu không nói toạc ra là chẳng có Hồn, chẳng có Dân tộc tính. Cử chỉ và hành vi họ còn nói điều đó rõ hơn. Vì thế chúng ta cần phải mở đầu bằng tìm hiểu xem có Dân tộc tính chăng. Người thưa “ CÓ “, phải, người thưa “ KHÔNG “ mới đúng?

2.- Câu chuyện LẠC HỒN: Bán HỒN cho QUỲ

Thiết nghĩ cả hai đều đúng, đúng hết và đó không phải là mĩa mai, nhưng là nói thật, và xin mượn câu chuyện “ Lạc Hồn “ để biểu lộ sự thực đó. Đây là câu chuyện phim nhan đề “ Một sinh viên thành Prague “.

“ Ở Prague có một sinh viên nghèo đang lâm vào bước quân bách quá, không biết tìm đâu ra tiền .

Quý liền hiện đến đề nghị cho anh một món tiền ketch xù với điều kiện là nhường lại tất cả những gì anh đang có trong phòng.

Ngờ là điều kiện gì chứ cái đó thì anh khỏi suy nghĩ vì tất cả cơ đồ của anh chỉ là một cái ghế bô đã thủng với một cái gương mờ, vài đồ chơi rẻ tiền.

Quý cứ việc mang tất cả đi và để tiền lại cho anh. Nhưng trước khi đưa đi, quý bảo anh soi vào gương một cái. Đang khi anh soi thì quý làm dấu, bóng anh biến đi và quý đem các đồ đồng tuốt, để lại tiền cho sinh viên nợ sống cuộc đời đế vương, không chú ý tới chuyện xảy ra nữa.

Anh chỉ thấy hơi phiền một chút là lúc soi gương cạo mặt, không thấy mặt trong gương nữa. Tuy thế đó là sự bất tiện nhỏ nhoi không đáng quan ngại, nhất là khi người ta có đủ tiền để thuê người cạo mặt.. Nhưng một ngày kia vì có chuyện bất bình với em rể không sao giàn hòa được, nên phải hện đánh nhau để phân phải trái.

Bố vợ can ngăn hết lời vô ích nên chỉ xin anh đừng có giết em. Điều đó thì anh chịu liền, vì thực bụng chính anh cũng không muốn giết em rể, mà chỉ có ý làm sày da một chút gọi là đắc thắng có nghĩa là đắc lý.

Vì thế, anh lấy danh dự hứa với bố vợ là không giết em. Khi ngày quyết đấu tới anh lên xe để đến chỗ hẹn ở bên ngoài thành. Dọc đường xe gãy bánh, anh phải xuống đi bộ một quãng xa, nên không tới đấu trường kịp giờ. Khi gần tới nơi, anh thấy một người cầm gươm đi lại để đón anh, mặt mày có vẻ giống anh như hệt và đang chùi sạch cây gươm còn nhỏ máu.

Thấy thế anh liền giật mình nhận ra đó chính là cái Hồn của anh mà anh đã vô tình bán cho quý, mà nay có thể là quý sai về giết hại em mình. Nghĩ thế anh liền chạy vội tới đấu trường thì quả

đúng rồi, xác em rề đã nằm chết sòng soại, máu tuôn ra lai láng, anh buồn muốn ngất xỉu: Không những vì thương em, nhưng vì còn thẹn với bố vợ là thất hứa. . . Thật là mọi sự đã xảy ra ngoài ý muốn của anh, chỉ vì một cử chỉ như vô thường vô phạt:

Nhường tâm gương soi mặt cho quý, mà khiến nên nông nổi đau thương.

Đành rằng đời sống vật chất của anh có lên cao, nhưng nếu nghĩ đến cái xác vô tội của người em nằm trên vũng máu, nghĩ tới cặp mắt cha vợ đầy oán trách kinh hoàng cho anh là đưa hèn nhất nuốt lời thề. . . thì khó bình tâm ngồi hưởng thụ giàu sang kiếm được bằng giá máu của em.

Đó là câu chuyện mà chúng tôi cho là phản chiếu khá trung thực trạng huống nước ta trong mấy chục năm qua.

3.- Trạng huống nước nhà

Cũng có đủ cả việc Cướp Nước, Bán Nước và bán Hồn Nước. Và vì đó một số người vào hòa với ngoại bang làm giàu trên xương máu đồng bào trước muôn vàn đau thương của Dân tộc. . .

Cũng từ đây xảy ra việc nhiều người xem vào những gương Tiên Tổ thì chẳng còn thấy bóng dáng mình đâu nữa.

Thấy sao được, vì đã bị ngoại bang dẫn đi rồi. Và Hồn có phải là vật cụ thể hiện ra thù lù trước mắt đâu, nhưng là cái gì u linh, như ẩn như hiện, có mà không, không mà có. Nếu tấm lòng yêu nước thương nòi đã phai nhạt thì xem vào tấm gương mẽ là cái nước chậm tiến lạc hậu này, thấy sao được Hồn nữa, nên có nói nước Việt không Hồn, dân tộc Lạc Việt không có tính chất đặc trưng, thì chỉ là nói lên một nhận định chân xác khách quan thôi.

4.- Hai loại Trắc nghiệm Tâm lý

Không những khách quan mà còn đúng tâm lý nữa: ngày nay các nhà Tâm lý đã biến chân lý đó thành các loại trắc nghiệm chiếu giải (tests projectifs) dành cho khoa giáo dục để tìm hiểu Tâm lý mỗi đứa trẻ như các loại tests gọi là T.A.T (Thematic apperception test) nổi tiếng thứ nhì sau loại test của Rorschach được sáng chế năm 1935 do hai người Mỹ là các ông Morgan và Murray: nó hệ tại đưa ra một màn kịch với vài ba nhân vật rồi bảo trẻ đặt mình vào hoàn cảnh của các nhân vật đó để nói lên điều ước muốn (needs) hoặc sự bó buộc (press) phải đối xử ra sao. . . Hoặc như trắc nghiệm của ông Szondi cũng gọi là trắc nghiệm vận mệnh: Đưa ra 6 bộ hình, mỗi bộ có 8 cái hình người, rồi bảo trẻ con chỉ ra những người nào mà nó có cảm tình nhất. . .Nhà tâm lý theo đó mà đoán vận mệnh và tìm hiểu tâm tính của tuổi trẻ.

Theo luật tâm lý đó thì phải là người có Hồn mới thấy được Hồn Nước, còn không có Hồn thì không sao thấy được.

5.- Tại sao người Việt sát hại người Việt ?

Bao nhiêu người Việt ngày nay còn gọi được là có Hồn Nước? Nếu còn có Hồn sao lại Việt cộng lại đi sát hại đồng bào cách hăng say thành khẩn như giết quân thù: “ Thề phan thây uống

máu quân thù “. Nếu còn có Hồn, ai đủ cam đảm hát như thế ! Cũng còn được mấy tý Hồn trong số những công chức làm việc giải đãi, trong những người được địa vị ưu đãi lại thẳng tay bóc lột người dân cách tàn tệ dưới đủ mọi hình thức, từ hối lộ cho đến bắt trả dịch vụ một cách rất xa mức chịu đựng của dân. . . Đó cũng là một lối giết dần giết mòn. Nhưng giết dần dần hay giết ngay đều là việc bên ngoài ý muốn của hai bên. Đến nỗi nếu ai nói với họ như thế họ sẽ phát đoá cho là vô bằng.

Quả thật sinh viên thành Prague có giết em rẻ mình đâu, đó là cái Hồn của y đã giết em đấy chứ, cái Hồn mà y đã nhường đi rồi thì còn quyền điều khiển nữa đâu, soi vào gương còn chưa thấy Hồn huống chi điều động sao được.

Vì thế đổ cho anh tội giết em là oan, hay có đúng thì chỉ đúng một phần nhỏ vì đó là hậu quả bất ngờ của một việc vô thưởng vô phạt, đúng hơn thưởng nhiều phạt ít, và đối với anh còn thật mãi, vì sau khi em rẻ bị giết anh vẫn còn giàu sang.

Giới trí thức của ta vẫn thế, chẳng phải ai chịu hết trách nhiệm trạng huống nước nhà, bởi tất cả được đào tạo trong một nền văn hoá không phải của nước ta thì làm chi còn Hồn.

Có chăng cũng chỉ còn là cái tình tự sông sẻ hơi hột, không đủ gây nên những công cuộc sâu xa có tính cách quyết định.

6.- Tai họa mất Hồn

Cho nên có thể nói chung là chúng ta không có Hồn, và vấn đề không phải ở tại có bán hay không? Ai bán? Ai có lỗi? Thành thực mà nói chẳng ai có lỗi cả.

Tại họa chúng ta là Hồn không còn ở lại với chúng ta nữa: một mớ thì vọng ngoại, cho nên những người trong giới được ưu đãi bóc lột dân thì tại cái học Duy lý là cái học hoàn toàn mưu sinh trục lợi, không có một khoa nào dạy cho một chữ gì đủ khả năng làm họ nương tay: toàn là trí thức rất dễ dùng để làm hại nhau mà thôi. Thấy vậy đâm ra phát cáu, một mớ đem gói hồn sang Nga, để học cách cứu đồng bào như quân thù. . . . Còn một mớ Hồn nữa không biết bám víu vào đâu thì lạc long như những cô hồn chồn vờn trong làn hơi cháo lú.

Bởi vậy muốn nói nước có Hồn hay không có Hồn cũng đều đúng cả: đúng với tâm trạng của người nói.

Khi Tâm thức không còn gì phảng phất Hồn Nước mà cũng nói về Hồn Nước, nói về Dân tộc tính, nói về nền Quốc Học thì cũng chỉ là những lời thiếu chân thật.. Việc khởi đầu do lỗi lầm của một hai người trước đây. Nay có đào bới lên cũng chỉ là chuyện vô tích sự.

Điều quan trọng là xét xem Nước phải cần có Hồn chẳng và nếu cần thì nên làm thế nào để hù cho Hồn trở lại với Nước cùng Non.

7.- Nhiệm vụ khởi công tìm lại Hồn Nước

Nhiệm vụ của thế hệ này là phải khởi công. Tôi dùng chữ khởi công vì nó bao hàm rất nhiều công tác nặng nhọc, như phác họa một chương trình hoạt động cân đối với tỷ lệ quan trọng và có công theo đuổi.

Không những thế thì Hòn càng biến biệt xa bay, và cái hố giữa những Hòn vọng ngoại một bên và cô Hòn cháo lú một bên càng ngày càng mở rộng.

8.- Cô Hòn cháo Lú và cô Hòn vọng Ngoại

Thí dụ bên cô Hòn bảo Hòn Nước ở cái Áo Thụng, ở Lễ Gia Tiên, ở việc không khiêu vũ thì làm sao những người tân tiến trí thức chịu lý: Lễ Gia Tiên có ngay tự bên Roma, còn Áo Thụng đã trở thành trò diễu cợt từ lâu rồi, từ thuở còn tuần báo Ngày Nay, Phong Hoá. . . , cho nên càng cổ võ Hòn Nước, càng cổ võ Dân Tộc tính thì hai bờ càng dang xa mặc dầu thiện chí giúp nước của đôi bên có thừa. Có thiện chí sao lại thất bại?

Thưa vì hai bên đã bỏ qua một việc rất cần thiết là đào sâu, vậy mà chẳng còn ai nghĩ tới nữa: Tất cả đều bám vào những cái bên ngoài thì chối Hòn Nước hay quyết có Hòn đều vô ích.

Hòn đâu có nằm bên ngoài trừ trừ như thế .

9.- Hòn ở nơi đâu?

Kinh Dịch nói rất đúng là Hòn không ở bên nào: “ **Thần vô phương** “, không ở trong cái Áo Khẩu, cũng chẳng trong cái Lu Hương hay Lễ Gia Tiên, vì nếu đã phải có chôn, có nơi như thế thì hết là Hòn, cùng lắm là cái Phách, cái Vía, chứ Hòn thật có ở trong cái gì đâu , **nhưng là bàng bạc khắp nơi, không đâu không ở. . . phải có Tình cảm, phải Cung Kính mới nhận ra trong những cái tế vi mà mắt thường không thấy được.**

Chẳng hạn là phải tiếp khách cả, người Pháp cũng như người Anh đều dành ra một căn phòng trang hoàng chững chạc. Đó là một sự kiện suýt soát đầu mà chả thế, nếu ta dừng lại ở đấy thì hai đảng có thấy chi khác nhau đâu, cũng bàn cũng ghế cũng thuốc lá.

Nhưng khi đi sâu vào sẽ nhận ra lý do tại sao cũng là phòng khách mà người Anh gọi là phòng ngồi (sitting room), vì trong thực tế ngồi chiếm chỗ hơn nói hay nói đúng hơn những câu nói được trao đổi theo một nhịp độ còn để kẻ hở cho ý thức được sự mình đang ngồi. . . Trong khi bên Pháp thì gọi là phòng nói (Parloir) cũng như Quốc hội gọi là Parlementaire (Chỗ để nói), và càng tiến xuống mạn Nam nước Pháp, nhất là sang đến nước Ý thì càng thấy đúng là Parloir.

Một sự việc bé nhỏ đó có thể làm khởi điểm cho một cuộc so sánh giúp chúng ta nhận ra nhận ra biết bao cái khác nhau.

Cũng là tránh nhau, mà bên Pháp tránh bên mặt, bên Anh tránh bên trái. Vào nơi tôn nghiêm thì bên Ả Rập tụt dầy, bên Âu Châu bỏ mũ, bên ta tôn kính thì chấp tay trước ngực, bên Tây rất nhiều linh mục quý gói cúi đầu trước tượng Đức Trinh Nữ mà hai tay bắt sau lưng. .

Đó là những cái khác nhau từ bên ngoài, và thực ra **Hồn không ở trong những cái tử mĩ nhỏ mọn đó.** Tuy nhiên đó có thể là những dấu đặc trưng để dẫn tới chỗ nhận ra Hồn, và những người chịu để tâm nghiên cứu chẳng hạn nhà Tâm lý học người Đức ông Wundt, đã viết được 10 quyển về “ Tâm lý các Dân tộc “ (Psychologie des peoples, 1900 -1920). Nếu theo gương đó chúng ta chịu để tâm nghiên cứu cũng sẽ tìm ra Hồn Dân Tộc.

10.- Tìm chỗ ẩn nấp sâu kín để Rước Hồn về

Trong tập này (Hồn Nước với Lễ Gia Tiên) chúng tôi chỉ lấy có một thí dụ là Lễ Gia Tiên như sẽ bàn sau.

Ở đây chỉ xin nhấn mạnh một điểm là nếu chúng ta không đi sâu vào thì dù có thiện chí mấy cũng không đủ phác họa ra một sách lược có hy vọng thành đạt, không đủ khả năng hù Hồn trở lại.

Chẳng hạn mỗi khi nói đến Dân tộc tính hoặc Hồn Nước thì lại thấy những lời đả kích gài điếm, sách dâm ô, đồi phong bại tục, lối ăn mặc hoặc cư ngụ này nọ. . . Bấy nhiêu chỉ tổ gây nên trong nhóm có khuynh hướng phóng khoáng một ấn tượng về cái gì có tính cách khắc nghị, tiêu cực, cầu nhàu, đôi khi không thành thực và phần nhiều thiếu thiết thực.. Một số người du học đã thành tài nhưng không chịu về giúp nước. . . , chưa phải vì thế mà lên án được là bật rể. Có thể là vong bản mà cũng có thể không, và nếu thấy nước không cải tổ lại, nhân tài cứ bỏ xó vào những việc bàn giấy vớ vẩn. . , thì có thể ở lại lập nghiệp ở ngoại quốc là thực tế hơn nhiều.

Đại để Hồn Nước rất tế vi phải xét kỹ mới nhìn ra không phải hễ đi với ngoại kiều hay yêu thương một tí là bật rể, hiểu như thế để đưa tới những cử chỉ bất lịch sự cả với những người khách ngoại quốc.

Thí dụ lấy có kiểm tặc để xâm phạm vào đời sống tư riêng của người khách thì như vậy là đi ngược Hồn Nước, vì Hồn Nước của Dân tộc ta vốn tôn trọng khách, kính khách.

Nếu không làm gì được hơn ít nhất cũng phải đủ tế nhị để khách được tự do tổ chức đời sống tư riêng một cách thoải mái, mà nghĩa vụ của nước Văn hiến chính là chỗ không cho ai được xâm phạm vào.

Một số sách khêu gợi, mấy đôi trai gái yêu thương ngoài công lộ, một khách ngoại quốc dặt một cô nhân tình Việt. . . bấy nhiêu đã sụt trời sụt đất chi đâu mà phải hò la, cùng lắm có làm chướng mắt mấy nhà Nho thì chỉ là thứ thanh Nho hương nguyệt mà thôi. Hay nếu có hệ thì cũng mới nặng một phần so với chín phần nhiều cái bật rể khác. . .

Cần phải suy nghĩ kỹ mới đánh giá được cách trung thực là cái gì bật Rể, cái gì Hồn, và lúc ấy chúng ta mới kinh hoàng nhận ra biết bao cái mất Gốc ẩn sau những cái Vô uy nghi trang trọng.

Nhưng moi móc cái đó ra chưa chắc ơn ích vì con người có muôn phương thế để che đậy, để trình bày kiểu này hoặc đôi kiểu kia.

11.- Lập Mặt trận Văn hiến để cùng nhau Rước Hồn về

Điều tốt hơn hết là phải tìm phương thế sửa đến tận Gốc rễ trong hết cái mức độ có thể làm. Trong các phương thế thì một là đánh thức dậy cái Hồn Nước xa xưa . **Điều quan trọng là những người yêu nước chân thành phải liên lạc với nhau trong mặt trận Văn hiến để suy tư tìm kiếm ra trong những cái không đáng kể, nhưng nhiều khi lại là chỗ phát khởi sức mạnh vô biên.**

Cái sức địch muôn người của Simson không nằm trong cánh tay hộ pháp của ông nhưng trong những sợi tóc bé nhỏ phát phơ trước gió. Hồn dân tộc cũng thế, nó phảng phất trong những cái tế vi, và nếu không tìm ra để bị Dalida cắt mất thì càng ngày càng trở nên yếu hèn.

Để cho dễ quy tụ ý tưởng chúng ta nên phân biệt ra 3 đợt Hồn Nước:

a.- Tình tự Tổ quốc

b.- Nền tảng Triết lý của Hồn Nước

c.- “ Tình / Nghĩa nhập thân “ nhằm tiến tới chân trời xa lạ.

Cho tới nay nói đến Hồn Nước thường chúng Ta mới môn môn ở đợt tình tự thường được nuôi dưỡng bằng lịch sử, một số bài văn hiến theo mức độ văn học văn nghệ với một số thói quen, và thể chế mà ta gọi bao trùm bằng danh từ Thuần phong Mỹ tục, Lễ Giáo, Quốc Tuý, Quốc Hồn.. Đợt này tuy cần và rất phổ cập, mọi người đều cảm thông được hết, nhưng nếu không có cán bộ để tiến lên đợt hai thì rất dễ sa đọa: Sử ký có thể đưa đến bài ngoại, Văn học có thể choán chỗ lẽ ra phải để dành cho những áng văn kiệt tác của nhân loại; thuần phong mỹ tục dễ trở nên nơi ẩn náu của hủ tục, của những ước lệ chỉ hợp thời xưa. . . , làm cho mặt trận Hồn Nước trở thành nhân tố níu lại bánh xe lịch sử với bầu khí cổ hủ khác hẳn với tinh thần khai phóng của Hồn Nước chân thực.

Vì mỗi lần nhân loại trải qua một giai đoạn giao thời cũng gọi là khúc quanh lịch sử, như hiện tại, thì cần coi nhẹ thói tục, tập quán để chú trọng vào việc đào sâu: Đi lên đợt hai là Triết lý, là Đạo thuật, rồi cuối cùng khi đã thấu triệt, đã “ Tình Nghĩa “ thì “ nhập thân ” nghĩa là thâm hoá tinh hoa từ bốn phương trời đem về tài bồi cho Hồn Nước để nó linh động những thể chế mới, thói quen mới.

Đây là chiều hướng lý tưởng của sự tìm hiểu Hồn Nước. Trước khi đề ra tiêu chuẩn một cách khái quát để xác định nội dung Dân tộc tính chúng ta đi ngay vào một thí dụ là Lễ Gia Tiên.

(Xem cuốn Hồn Nước với Lễ Gia Tiên)

C.- CÔ HỒN CHÁO LÚ & CÔ HỒN VỌNG NGOẠI

Qua hơn 70 năm làm Cách mạng vô sản, người CS VN nào cũng tự hào mình là những người yêu Dân thương Nước cuồng nhiệt, họ muốn tô điểm cho Cơ đồ ngàn xưa của Việt Nam thêm rực rỡ, họ muốn chấn hưng Văn hoá Dân tộc, họ cũng muốn làm cho Dân No, Dân Ám, Dân sống Tự do, họ đâu có muốn để kẻ thù truyền kiếp xiết vòng Kim Cô vào cổ để bị sai khiến làm chuyện Tham tàn và Cường bạo, thực tình họ chỉ muốn cứu Dân giúp Nước một cách thiết tha.

Thế nhưng, khi đi làm Cách mạng Vô sản, vì “ thiếu hiểu biết “, những người CSVN ăn phải Bùa Mê “ Tham, Sân, Si “, nên đã bán đoạn Hồn Dân tộc cho Marx, Lenin, Stalin, Mao Trạch Đông, các Hồn đó mới đưa đường chỉ lối cho họ đi vào công cuộc Tàn Dân hại Nước như hiện nay.

Thâm tâm họ, lúc khởi đầu đâu có muốn giết Dân, đâu có muốn cướp Của, đâu có muốn bách hại Nhân dân, mà chỉ do Hồn Ma : Xít, Mao, Hồ xui khiến thôi thúc làm Cách mạng Vô sản cho đến “ triệt để “ mà thôi.

Nay nghĩ lại, những người CSVN vẫn tin mình là người Yêu Dân thương Nước Việt Nam thật sự, chỉ có Hồn ma CS như Mác, Mao, Hồ bỏ bùa mê “ Tham, Sân, Si “, khiến họ say sưa đưa Việt Nam vào cảnh Quốc phá Gia vong như hiện nay, do đó mà những người CSVN đâu có hiểu tại sao mà càng xây thì Chủ nghĩa Xã hội được áp ử trong đầu họ càng xa, càng khuất bóng, chỉ còn lại là những người CSVN với Thượng và Hạ tầng Quốc gia tan hoang và đổ vỡ không thể sửa chữa, nên phải “ Cường dân “ bằng hàng hàng lớp lớp Công an để tồn tại, nếu không biết mau mau “ Gọi Hồn Dân tộc về “ hầu canh tân cuộc Sống mà chuộc tội thì ngày tàn chắc sẽ không xa!

Cái trớ trêu rất nguy hiểm là những tội ác mà đảng CSVN đã tàn dân hại Nước trong gần thế kỷ, mọi việc họ làm đều đúng theo Chủ trương Chính sách của Mác Mao và chính Tay họ làm đúng như vậy, có sai chẳng là cái Đầu người CSVN đâu còn có hồn Dân tộc mà nhận ra tội ác của mình làm ra mà ngừng tay, mà sửa sai!

Cứ xem lời trăng trối của ông Hồ chí Minh trước khi qua đời, là khi chết Hồn Ông sẽ tìm về với Hồn Mác Mao một nơi xa xăm lạnh giá nào đó, đâu có tìm về với Hồn ấm áp của Ông Bà Tổ tiên Việt Nam!

Rõ ràng đảng CSVN đã bị một nhân vật bí ẩn “ Lạc Hồn “ tự xưng là “ Cha già Dân tộc “ Đem Đàng Đi Buôn “ Họ rủ nhau Buôn những thứ mà chưa ai dám Buôn, như Buôn Dân tộc, Buôn Đất Nước, Buôn Nhân Dân, Buôn Nhân quyền, buôn Dân chủ, buôn mọi thứ mà xưa nay chưa ai dám thầu Buôn để Bán !?

Quả thật, vì mang Hồn Hận Thù của Mác Mao nên CSVN nhìn Đồng bào Việt Nam chỉ có người Bần Cổ Nông mới là bạn, còn các vị Lãnh đạo tinh thần, các vị Trí thức, các Địa chủ, các Công Thương gia đều cho là thành phần bóc lột, họ bị ghép là thành phần phản Dân hại

Nước, nên phải lập kế hoạch tịch thu hết của Chìm của Nổi và tước đoạt hết mọi thứ Tự do và giết hại với khẩu hiệu : “ Thà giết lầm hơn bỏ sót “ để tránh hậu hoạn.

Cái trở trêu là các thành phần bị tiêu diệt lại là những thành phần tinh hoa nhất của Dân tộc Việt Nam, họ đã đóng góp nhiều nhất cho công cuộc Xây dựng và Bảo vệ đất nước Việt Nam, nhưng khôn thay họ là đối tượng chính mà Tàu nhất là Tàu cộng không thôi nhắm tới, Tàu đã âm mưu “ Tiêu diệt Dân tộc Việt Nam “ suốt hàng ngàn năm mà vẫn chưa làm nổi, khôn thay Tàu cộng đã xiết cổ được đảng CSVN, buộc họ phải bí mật ra tay thực hiện âm mưu tàn thực cho họ! Đành rằng những thành phần đó cũng có tội, nhưng các tội đó nếu có, thì phải được xét xử theo Công lý phân minh.

Sau đó, Hồn Mác Mao lại sai khiến CSVN đưa Bần cố nông vào Tập đoàn, sản xuất Tập thể với Sổ hộ khẩu và tem phiếu Thực phẩm. Những Bần Cố nông tuy được tôn lên mấy tầng mây, nhưng cũng chỉ sống trong trại Tập thể như đàn bò, mọi công việc hàng ngày như Ăn , Làm, Nghỉ, Ngủ nhất luật đều tuân theo tiếng kêng!

Vì quyền Tư hữu của Nhân dân bị tước đoạt, khiến động cơ sản xuất mất hiệu lực, nền Kinh tế bị phá sản, nên họ phải mở cửa theo kẻ thù Đế quốc Tư bản để có Tư hữu mà tồn tại, nhưng Hồn Mác Mao vẫn cứ bảo phải thực hiện Chế độ XHCN, nhưng phải dán Nhân hiệu Dân chủ, Công bình, Văn minh, Tiến bộ vào chế độ để khỏi bị lật tẩy, đảng trưởng CSVN đã thú nhận là chưa biết đến bao giờ hồn ma XHCN mới ló dạng, nhưng đảng CSVN phải vẫn cứ phải là đảng của “ Nhân dân mất hết quyền làm Người “, nhà cầm quyền vẫn phải cai trị Đất nước Việt Nam “đoạt ngôi vị đội sổ thế giới “!

Trước cảnh nền Văn hoá suy đồi tận nền, Tàu cộng đã bủa vây tứ phía, và lũng đoạn mọi Cơ chế xã hội, chỉ chờ dịp thuận tiện, CSVN phải bí mật hợp thức hóa việc dâng Việt Nam thành một Tỉnh của Tàu.

Hiện nay các thành phần yêu nước đang dũng cảm vùng lên chống “ Thù trong Giặc ngoài để bảo vệ quyền làm Người và nền Độc lập Quốc gia “ đang bị bách hại trắng trợn một cách vô tội vạ, nhưng Hồn Mác Mao vẫn cứ bảo những thành phần đó chống lại Nhân dân, chống Đảng CSVN, cần phải tận diệt!

Còn một số trong thành phần không CS thì cũng không còn mặn nồng với Hồn Dân tộc, một số cũng không nhận ra nhau là Đồng bào, nên mới gọi nhau là Đồng hương, họ nhìn Gà hóa Cuốc, nhìn nhau như những người xa lạ, không thấy đâu hình ảnh Đồng bào, nên cũng tranh dành đấu đá Hơn Thua nhau một cách cực đoan không khoan nhượng, để chứng tỏ mình là người yêu nước hơn, làm cho cảnh phân hoá ngày càng trầm trọng.

Do cảnh Văn hoá suy đồi mà bị Lạc Hồn, không phục hoạt lại Văn hoá thì khó mà gọi Hồn Dân tộc về, một Dân tộc mà để cho nền Văn hoá suy đồi tất không thể tồn tại và phát triển. Cái trở trêu là nếu một Dân tộc Không có Văn hoá mà sa đọa thì phải chịu thiệt thòi, đàng này đất nước mình đã có một nền “ Văn hóa bất khuất “ đã được thử thách hàng ngàn năm

“, chỉ vì bị mắc mưu gian kế thù truyền kiếp cũng như ngoại nhân mà ngoảnh mặt đi với nền Văn hoá ngàn đời của Tổ tiên thì thật đớn đau !

Cái lỗi chính là: “ Không nhận ra chính nền Văn hoá (mạch Sống của Dân tộc) mới là nguồn cội cho mọi Cơ chế Xã hội, làm Chính trị mà quên Nguồn cội Văn hóa là ôm Ngọn bở Gốc, vì không có Hướng chung, thiếu Chủ đạo HÒA, mỗi phe cứ một mình làm lãnh chúa một phương, chỉ đóng vai trò lực cản tranh dành nhau, nên không bao giờ tới đích. Làm Chính trị mà không lưu tâm tới Triết lý Nhân sinh thì làm sao mà phục vụ được con Người và Dân tộc, nên chỉ phục vụ riêng cho phe nhóm, cho cá nhân mà thôi. Lối hành xử “ khôn Độc Đại Đàn “ này đã gây ra không biết bao là tai họa”!

Xưa nay thế giới đều được cai trị bởi Tư tưởng hay cách khác bởi Hồn Người, vì Hành động của Tay là do Tư tưởng nơi cái Đầu sai khiến. Vì vậy cho nên trước khi muốn cứu nước, tiên vàn chúng ta phải soát lại xem mình còn có “ mang Hồn Dân tộc theo không “ nếu không thì chúng ta chỉ làm trò vô bổ, chỉ làm tội đời cho “ cô Hồn Cháo lú “ và “ cô Hồn Vọng ngoại vong bản “, chỉ tổn hại cho con Người và Dân tộc mình thôi!

Tuy nhờ sự đầu tư của các nước Tư bản mà đời sống nhân dân trong nước đã được cải thiện phần nào, nhưng sự cải thiện về Kinh tế lại góp phần không nhỏ cho những cảnh sa đọa về Văn hoá, do tình trạng “ Cơm no ấm cất, Dâm dật mọi nơi “ tràn lan làm cho nền Văn hóa suy sụp tận nền. Sự cải thiện về kinh tế chẳng đóng góp gì cho nếp sống Tinh thần mà chỉ góp phần đáng kể cho cuộc sống sa đọa về Thể xác: cách sinh hoạt hàng ngày với nhau thì lấy mưu mánh làm tôn chỉ, lối sống nhậu nhẹt tràn lan suốt ngày đêm được xếp hàng đầu thế giới, nạn cờ bạc, đĩ điếm cũng như nạn bán đàn bà con gái tràn lan, đạo quân “ kẻ cướp ăn no ấm cất “ ngày càng đông, những người có quyền thì mua quan bán tước thành tục lệ, họ chỉ là kẻ cướp ban ngày, đâu phải là người tham nhũng, công trình Quy hoạch đô thị hay các chương trình xây dựng khác cũng đều chỉ có mục đích vỗ béo đảng và đảng viên CS.

Vậy sự phát triển Kinh tế què quặt này thì chỉ làm được Nô lệ mà không thể làm Chủ được Đất nước .

CSVN tuy là thiếu số, mà đã làm cho đa số Dân tộc chúng ta điêu đứng, chúng ta luôn tự hào là chúng ta thông minh hơn, đạo đức hơn, vậy Tài năng Đức độ của 90 triệu dân chúng ta ở đâu ?. Mỗi chúng ta hãy tự trả lời cho riêng MÌNH câu hỏi khó nghe đó.

Có một sự thật mà CSVN vấp phải không thể tránh là : Khi hô hào cùng nhau cho là phá xiềng xích Chế độ cũ để cướp Chính quyền hầu cướp lấy mọi thứ, thì họ yêu nhau hết mực, nhưng khi đã dành được Quyền và Lợi thì họ lại giết nhau tận tình, vì mục tiêu tối hậu của họ là « cướp Chính quyền để dành Quyền / Lợi cho riêng đảng họ , cho cá nhân họ « , họ cho là do công lao họ phục vụ cho đảng nên họ phải có, nhưng nguồn Lợi mà họ dành dặt nhau để lấy đều do hành động Bất công, đâu phải là Chính nghĩa Quốc gia để tạo ra cuộc sống ổn định an vui cho toàn dân . Những lâu đài đồ sộ, những tài sản có được bằng nước bọt, những

số tiền lớn gửi bằng ngoại quốc có thật sự là của những đảng viên CS « Cần, kiệm, Liêm, Chính, chí Công vô Tư » không ?

Đến nay, đảng CSVN vẫn cứ tin là đảng của « Đỉnh cao Trí tuệ », nhưng là Trí tuệ của sự gian manh « Khôn Độc Đại Đàn », vì thiếu vắng Tình Người, Đảng viên CSVN vẫn tự coi mình là Người Yêu nước, nhưng lối Yêu nước cuồng nhiệt là : » không ăn thì cứ dè cổ nhét XHCN vào họng để cho có Hạnh phúc « ! Cứ Yêu nhau như thế thì bằng ngàn lần giết nhau !

Hiện nay, đảng CSVN đang chống tham nhũng, nhưng đảng CSVN đâu có tham nhũng, mà chỉ cướp ngày một cách ngang nhiên, vì đảng chính là pháp luật, việc chống tham nhũng cũng là dành nhau giữ ngôi, hầu làm tròn nhiệm vụ tôi đòi ngoại bang mà thôi!

Đảng đã chẳng bảo » Ý đảng là Ý Dân «, mà « Ý Dân là Ý Trời », nên đảng nghiêm nhiên được lên ngôi Trời, thứ Trời biến Nhân dân thành đàn Bò, Quốc gia thành trại tập trung, XHCN mới là món ăn Hạnh phúc ! Thế là X. H. C. N. !

Ôi ! Mẹ Việt Nam ơi !

Sao » Vật đổi Sao dời ngã nghiêng « đến thế !

Xin Mẹ mở rộng cánh tay Nhân ái với Lòng Bao dung, xin Mẹ ôm tất cả chúng con bất kể tốt, xấu, lành, dữ, giàu sang, nghèo hèn, thông minh, u tối. . . vào Bọc Ấu Cơ Tổ mẫu, đừng áp ủ chúng con bằng Tình / Nghĩa Đồng Bào, có thể, thì trong hoàn cảnh nào chúng con cũng có thể sống an hòa với nhau, chứ không có « tranh dành Hòn Thua, Chém Giết nhau bằng Tà đạo » cho nát Cơ đồ Tổ Tiên như đã từng xảy ra, chỉ để chuốc lấy khổ đau cho Đồng bào cả Dân tộc ! Nếu ai trong chúng ta cảm thấy bị hai thứ cô Hồn trên ám ngự thì hãy xin giả từ chúng mà Rước Hồn Dân tộc về .

Hy vọng với Tình Yêu bao la như biển Thái Bình dạt dào của Mẹ Ấu Cơ, với Trí sâu biển thăm của Cha Lạc Lạc Long, mới có thể hâm nóng lại “ CON TIM giá buốt Vô cảm “, và soi sáng “ KHỐI ÓC vụn mảnh mất hết Tình Liên đới “ của một số chúng con đang bị Lạc Hồn, để chúng con cùng nhau vươn lên vực dậy! Cầu xin Hồn Thiêng Sông Núi độ trì và soi sáng cho tất cả chúng con !

D.- LỜI KẾT

Trừ nhân vật bí mật như Hồ Chí Minh, Hồ Quang . . . thì những người CSVN, khởi đầu đều Yêu nước Việt Nam, nhưng từ khi Hồn Việt của họ đã được người bí mật đem bán đoạn cho Tàu rồi, thì việc họ cúc cung phục vụ cho Tàu là chuyện đương nhiên, họ dâng lãnh Hải, lãnh Thổ, dâng Việt Nam cho quan thầy Tàu là họ làm đúng theo sự sai bảo Hồn Tàu của họ, chẳng có gì sai trái, có dâng Đất nước cho Tàu, có thêm Việt Nam thì là thêm một Tình cho Tàu, nhưng vẫn có tên Âu Lạc, cũng do người Việt Nam đứng đầu cai trị, chỉ có mất đi cái Hồn “ Tình / Nghĩa nhập thần “ mà thôi, nhưng người CS là những người Duy Lý trục vật, xem của cải Vật chất quý

trọng hơn Tình Người, họ tôn Vật chất lên làm Chủ của mình, suốt tiến trình Kách mạng chỉ dơ nắm tay lên mà dành miếng ăn, cho Tình / Nghĩa là thứ xa xỉ không giúp gì cho người CS, cho XHCN, ngay đến khi thành trì XHCN đã đổ nhào mà họ cứ giả đui giả điếc mà cứ ôm khư khư lấy Bóng Ma ấy cho được!

Hiện nay, CSVN đang đối diện với con Đường kiệt, chẳng biết Tiến Thoái ra sao, chỉ loay hoay qua lại luôn lách giữa hai tròng nô lệ để tồn tại hàng ngày, mà không tìm ra lối thoát.

Dân tộc Việt Nam cũng đang bị vây khốn trong cảnh mất Hồn, đó là khi mất Tình / Nghĩa nhập Thần thì mất Nhân Tình và Nhân Tính: Khi mất Nhân Tình thì con người không còn Yêu thương bao dung nhau; khi mất Nhân Tính thì con Người không biết hành xử với nhau theo lẽ Công chính mà sống hoà với nhau, khi mất Tình / Nghĩa thì cuộc sống con Người bị giáng cấp, con người bị đẩy đoạ như phường trâu ngựa, gương 1000 năm Bắc thuộc và 80 thuộc Pháp trước đây còn sờ sờ ra đó!

Bốn Dân tộc Mạn, Mông, Hồi, Tạng đang quần quạy dưới gót hài Thiên tử. là tám gương sáng soi cho Dân tộc chúng ta!

Ôi! Cái Hồn thì không thấy được, tưởng chẳng đáng gì, nhưng Hồn Tình / Nghĩa nhập thân sao mà quan trọng đến dường ấy!

Khi mất Hồn thì con Người tuy có sống cũng như chết, Khi một Dân tộc mất Hồn Tình / Nghĩa thì mọi con Dân mất mối Liên hệ khăng khít với nhau, mà trở nên rời rạc yếu hèn khiếp nhược, nên khi mất Hồn thì Dân tộc sẽ bị tan rã.

Mỗi chúng ta nên nghĩ lại mà xem và nên làm gì ?

Phải chăng đường lối của Trung công và Việt Cộng đối với Dân tộc Việt Nam như việc Luộc Rùa, họ bỏ Rùa vào trong nồi nước, rồi đun nóng lên từ từ, khi nóng lên thì Rùa cứ co lại trong mu, cho đến khi bị luộc chín, mà Rùa không có cửa quạy để thoát thân.

Mật Ước Thành Đô cũng chẳng khác !

Qua gần 5 ngàn năm lịch sử, Dân tộc Bất khuất chúng ta chưa khi nào là Rùa mà để cho họ luộc một cách dễ dàng như vậy! Còn Thế hệ Văn minh của Chúng ta ngày nay thì sao?

CHƯƠNG MỘT

A.- TRIẾT LÝ AN VI

I.- An Vi luận

(Văn Lang vũ bộ: Mục 14. Kim Định)

1.- Thế nào là An vi

“ Nhiều người hiểu An vi là thanh nhàn không phải làm gì, khỏi bận tâm đi kiếm tiền kiếm của: thế gọi là An vi. Nếu An vi là vậy thì cần chi đến Triết lý chỉ việc gõ cửa mấy ông nhà giàu bự là đủ. Có người lại nghĩ rằng An vi là không nóng giận, cả không vui mừng nữa; sống bình thản trước mọi cảnh đời: éo le cũng như đắc ý, không dấy mình vào việc chi, đời sao mặc đời. Nếu An vi là thế thì có khác chi mấy kẻ ù lì, việc chi phải đặt ra Triết lý An vi. Ngược lại Triết lý An vi cần:

Cho những người Dấn thân vào đời

Cho những người phải Chiến đấu

Cho những ai Gặp bước gian truân

Cho những ai Gặp cảnh bần hàn

Cho những ai Muốn cải tạo Xã hội.

Như thế thì An vi không có nghĩa là hưởng nhàn mà là làm việc hăng say mà vẫn thanh thản. An vi cũng không phải là vô cầu, nhưng cầu mà như không: không cầu mà cầu; nhắm thành quả mà quan trọng nhưng không đặt ở thành quả, nên không lấy thành quả để luận anh hùng. Bởi vậy với người đời đó là thứ Triết lý rắc rối ốm ờ, nhưng với người thấu hiểu thì lại nhận ra thứ Triết lý vi diệu rất khó đạt được. Tuy nhiên nếu hiểu đúng, đặt nền tảng cho ổn thì hy vọng đạt được không phải là điều vợi. Bởi vậy sau đây chúng ta sẽ bàn đến ít điểm cần cho sự hiểu Triết lý An vi mong có thể hiện thực được vào bản thân cũng như đời sống xã hội.

2.- Cần đặt vị trí cho An vi

An Vi nằm đâu đó giữa Hữu vi và Vô vi, hay đúng hơn bên trên hoặc bao quanh lấy cả Hữu vi lẫn Vô vi. Chữ An có nghĩa thông thường là "yêu hòa giải không tranh chấp" (hiếu hòa bất tranh viết An). Nghĩa đó đúng nhưng chỉ ở vòng ngoài trong lối sống thường nhật, chưa phải là nghĩa Siêu hình của chữ An vi. Muốn hiểu được An vi cần phải hiểu đến tận gốc rễ, mà cho được thế cần phải hiểu thế nào là Hữu vi và Vô vi và cái cạm bẫy đầy nguy cơ nấp sau hai Triết thuyết đó. Vậy Hữu vi là Có Làm. Có làm thì phải rồi tại sao lại bảo là chứa chấp nguy hiểm. Thừa rằng, cái đó rất tế vi nên không dễ nhìn ra được, cần phải phân tích thấu triệt.”

“Ta quen hỏi bạn đang làm gì đấy? Và câu thưa sẽ là tôi đang uốn cảnh hay ngắm hoa, đọc sách, biên thư. Bạn có thể thưa cả hàng ngàn câu, nhưng khi phân tích ra thì câu nào cũng có một động tự (uốn) và một đối tượng (cảnh). Ngay trong câu hỏi làm gì cũng đã có đối tượng rồi: nằm trong chữ Gì? Gì là Đối tượng của Làm. Vậy mà cạm bẫy trong chữ Gì, nghĩa là nằm trong Đối tượng.

Cái hại là Đối tượng sẽ thu hút hết nghị lực của con Người, khiến cho trong hành động tác nhân sẽ trút hết tinh anh vào Đối tượng. Người thường không thấy nguy cơ đâu cả, nhưng hiền triết nhận ra đó là đầu mối của nạn vong thân, nó ở chỗ bắt con người đầu tư trọn vẹn tâm thần ý chí vào Đối tượng của việc làm, khiến cho dần dần Đối tượng trở nên Chủ và sẽ Đối tượng hóa luôn con Người (objectiver l'homme) mà nghĩa thông thường là "Nhân hóa Vật": Người hóa ra như Vật, nghĩa là người cư xử và động ứng theo cung cách Vật thể. Điều đó sẽ dẫn tới chỗ Người xử với Người như với Vật (chosifier).

Từ đây bất cứ cái chi dầu là linh thiêng nhất cũng quan niệm theo lối sự Vật tức có hình thể. Thí dụ như Siêu hình cũng bị quan niệm kiểu những Vật hữu hình, tức như cái gì đứng bên ngoài mình, kiểu một Đối tượng, nghĩa là cái Tượng hình đứng đối diện với mình, mình phải đi tới nó để chống lại hoặc chiếm hữu lấy: avoir.

Đó là hậu quả đầu tiên làm tiêu tan mất cái linh thiêng vi tế trong Tâm hồn mình mà chính nó mới là Bản gốc của Người, vì thế gọi là vong Bản.

Từ đó sẽ dẫn đến nhiều ác quả mà trước hết là sự đề cao những tác hành có đối tượng bên ngoài mình và thế là dẫn tới Lợi hành: làm hoàn toàn vì lợi. Mà lợi đi với Địa (Thiên lợi, Địa lợi) tức là đi với cái gì bé nhỏ, có cục hạn như mọi sự vật: vì thế Lợi hành là con đường thẳng đưa người ta đến Duy Vật. Một khi đã Duy Vật thì sẽ coi là vô giá trị mọi việc gì không có lợi, không sản xuất ra cái gì cầm nắm được và như vậy sẽ đi đến chỗ phế bỏ mọi việc Tinh thần, Tâm linh.

Hậu quả việc đó là cột chặt con người vào Đất, khiến nó bị tước đoạt hết những khả thể thanh thoát bay bổng, như thấy rõ trong lối hành xử của người cộng sản: chỉ gọi là làm việc khi có sản xuất ra cái chi cụ thể. Đó là tai họa lớn lao hơn hết trong kiếp người.

Vì thế có một thái độ đi ngược lại là không làm: Vô vi. Ở đây không nói đến chữ Vô vi của Lão Tử (đã bàn rồi trong Định Hướng Văn Học) nhưng có ý nói Vô vi là không làm gì, vì coi sự làm chứa đầy cam bẫy giam hãm con người lại, không cho tung cánh bay cao. Nói theo kiểu triết Ấn Độ là hễ làm thì có Quả mà có Quả là có giây trói buộc do luật khắc khe Nhân Quả không cho con người giải thoát. Vậy tốt hơn hết là đừng có làm: Vô vi.

Nhưng Vô vi cũng đặt ra đầy khó khăn như không làm thì sống sao đây? Muốn Sống thì phải có Làm, mà có Làm thì lại bị trói buộc. Đàng nào cũng chết.

Đại để đó là gong kìm nan giải đặt ra trước những Lương tâm bèn nhậy cao độ để thấy nguy hại trong cái Hữu vi, nên chạy ùa sang Vô vi, vì chưa đủ tinh anh để đặt một lối thoát khác. Và lối đó chính là An vi được đề ra để hòa giải khó khăn gặp trên hai con đường Hữu vi và Vô vi.

Chủ trương của An vi là làm nhưng không đặt trên cái Có của Hữu vi: nói khác, không đặt quan trọng trên Đối tượng hay Hậu quả, nhưng đặt vào Tác động, và nhờ đó tuy có làm mà vẫn không bị đối tượng trăn trói, tức không bị lệ thuộc vào thành quả. Nhờ đó thành tựu hay thất bại không phá vỡ nổi Tâm trạng an nhiên thư thái của tác nhân.

Đó là bí quyết của Triết lý An vi, nó nằm bên trên Hữu vi (có làm) và Vô vi (không làm). Nó vừa giống Hữu vi vì có làm, nhưng cũng giống Vô vi vì không đặt trọn sinh lực vào đối tượng (gọi khác là thành công) nhưng phần lớn được đặt vào tác Nhân hay thành Nhân.

Câu nói của nhà cách mạng Nguyễn Thái Học "không thành Công thì thành Nhân" là hậu quả của Triết lý An vi. Y như Triết lý An vi là hiện thân của đạo Ba, là đạo đặt trọng tâm vào con Người.

Đang khi các Triết lý khác, không Hữu vi thì cũng Vô vi, và cả hai gặp nhau ở chỗ đặt quan trọng vào Đối tượng, tức là những mục tiêu nằm bên ngoài con Người.

Đây là điều rất tế vi đã được minh chứng tỉ mỉ trong cuốn Chử Thời. Ở đây chỉ có thể nói vắn tắt rằng nền Siêu hình của các Triết học đó đều sai lầm, nói là Siêu hình mà kỳ thực là Hữu hình hay ít ra Hữu tượng như thí dụ Lý giới của Platon hay thế giới Bản thể của Aristote đều là Hữu hình. Cho nên sau này Kant mới phê bình là Siêu giả tạo (illusion transcendante), nó gieo tai hại vô biên vì làm cho con Người vong Thân mà không hay biết.

Cứ tưởng để lòng trí vào Siêu hình là trở nên cao thượng, có biết đâu rằng đó mới là Siêu hình mà chưa Siêu tượng nên là lối vong Thân tế vi, chính nó giam cầm con Người trong gông cùm của Trục vật (chạy theo sự Vật mà quên Bản thân).

Dần dần đi đến chỗ cùng cực là chỉ biết trọng những việc gì có công hiệu cụ thể hữu hình v.v. hoặc chỉ biết trọng những việc có Đối tượng cao cả, mà chưa sao đạt được thái độ coi trọng việc xét là việc, không cần đối tượng cao hay thấp, vì thế ở đây xin nói tới khía cạnh ấy của Triết An vi, đó là:”

3.- Tìm hoàn bị trong mỗi việc bất kể To / Nhỏ

“ Đó là hậu quả của Siêu hình đích thực. Người thực sự đạt Siêu hình thì không còn lệ thuộc vào những cái Hữu hình (tức đối tượng) nên không đặt quan trọng ở Đối tượng, nhưng đặt ngay ở nơi Tác nhân, đặt ở thành Nhân, còn thành Công chỉ được coi như phương tiện, như những chặng trung gian mà không là tối hậu: nên coi mỗi thành Công là khởi điểm cho chặng tiến khác. Do đó khi thành tựu không tự mãn, khi thất bại không nản lòng. Bởi chung kỳ vọng là thành Nhân, thành Thân, có tính cách vô biên tức quá cao chẳng bao giờ gặp giới mốc nên không thể tự mãn, vì trước mặt đường tiến vẫn còn rộng mở. Có thất bại cũng chỉ là lật vạt thuộc đối tượng, không hỏng đến đại cuộc là thành Nhân, vì thế mà không nản.

Nói thành Nhân không có nghĩa là coi thường thành Công. Thực ra không thể thái bỏ thành Công vì thành Công đã nằm trong thành Nhân như Thành phần nằm trong Toàn thể. Toàn thể là Nhân, vì Nhân được định nghĩa là "Thiên Địa chi đức" nên đương nhiên Nhân bao gồm mọi đối tượng. Vì không một đối tượng nào dù to hay nhỏ có thể ra khỏi vòng Thiên hay Địa, còn thiếu chi đâu!

Đó là một tâm trạng coi như vu vơ, mà ai đạt được lại thấy hậu quả tràn ngập toàn thể Thân Tâm mình. Vì thế hậu quả đầu tiên khi đạt tâm trạng đó là sẽ làm rất hăng say bất cứ công việc nào vì lúc ấy to nhỏ không được đánh giá quan trọng như trước, bởi to nhỏ do đối tượng, nhưng bây giờ vì không đặt nặng đối tượng, nên việc nào cũng đáng làm với cả Tâm hồn Thể xác. Người ta nói về Thượng Đế là đáng tỏ ra "rất cao cả trong những việc hết sức bé nhỏ" (maximus in minimis) là vì quan trọng đặt ở Tác động, tức là đặt ở tác Nhân là Thượng Đế, mà vì Thượng Đế có khả năng vô biên nên dù làm một việc rất nhỏ, như một con muỗi thí dụ, cũng làm đến độ cực kỳ vi tế đến độ đủ biểu lộ được quyền lực vô biên. Họa sĩ có thiên tài không cần phải vẽ cái chi cao cả mà chỉ vẽ vài quả táo thôi như Mục Khê đã làm cũng đủ biểu lộ thiên tài, khỏi cần đối tượng to.

Người sao chiêm bao vậy: không cần chiêm bao to hay nhỏ, nhưng cần người chiêm bao phải To. Làm như thế để cho con Người nên To, đó là ý nghĩa sâu xa của nền Minh triết Tam tài đặt con Người ngang cùng Trời Đất như được bàn nơi khác (Chử Thời, Nhân Bản). Ở đây chỉ đề cập đến một khía cạnh cụ thể là nền Giáo dục.

Giáo dục muốn đạt An vi phải là nền Giáo dục làm to con Người, gọi tắt là Vi Nhân. “

4.- Giáo dục “ Vi Nhân “

“Nghĩa là nền Giáo dục trước hết nhằm đào luyện ra Người to, người to rồi việc mới to, việc nhỏ cũng sẽ hóa ra to, người nhỏ thì việc to rồi cũng hóa ra nhỏ. Nói khác, không phải hễ chương trình hay thì rồi mọi việc sẽ hay khi thiếu người hay, nhưng nếu muốn cho mọi việc hay thì cần trước hết phải có người hay.

Bất cứ Chính trị, Xã hội, Kinh tế chi chi cũng không thoát luật chung đó. Vậy mà Giáo dục hiện nay lại hướng hết vào Đối tượng, mà bỏ bê con Người, vậy là bỏ Gốc ôm Ngọn. Dấu hiệu rõ nhất của sự vụ là Giáo dục hướng trọn vẹn vào Lợi hành.

Các nhà giáo dục tận tâm khuyến khích thành Công: luôn luôn tập rèn cho trẻ biết đánh giá theo thành Công, đến nỗi coi đó như Cứu cánh cuộc đời. Đây là một việc thừa để khỏi nói là có hại. Thừa là vì thành Công thuộc Tiểu ngã không cần khuyến khích thì con Người cũng đã chạy theo rồi, nhất là khi còn bé nhỏ chưa thể thấy gì khác hơn là thi đua. Lẽ ra Giáo dục phải biết tiết chế chiều hướng đó lại, để nuôi dưỡng lòng hướng Thượng, lòng ham muốn thành Nhân, vì đó mới là sứ mạng của nền Giáo dục chân chính tức là nuôi dưỡng (dục) cái Nhân tính (giáo) chứ không phải là Giáo dục con người để chạy theo sự Vật đến độ quên Minh như nay.

Con người hiện đại chỉ biết trục Vật là lỗi do nơi nền Giáo dục chỉ biết đề cao thành Công là làm nhỏ Tâm hồn con người lại, không còn chỗ trống cho sự nảy nở những mối Tình cao thượng vị tha. Chỉ khi nào biết đề cao Chủ thể hay tác Nhân, thì mới là vun tưới Đại ngã man mác. Tổ tiên ta được tiếng là: "Thắng không kiêu, Bại không nản".

Chính vì đã được tôi luyện trong nền Giáo dục An vi vậy. Để chứng minh xin trưng ra đây hai việc rất linh thiêng đã được in dấu của nền Giáo dục Vi Nhân như thế nào. Đó là hai Lễ Gia Tiên và Tế Thiên.

Tại sao Việt Nho đã biến việc thờ Tổ tiên ra lễ Gia tiên, biến việc thờ Thượng Đế ra lễ tế Thiên? Thừa vì thờ Tổ tiên là tin có linh hồn về hưởng của dâng, rồi xin ơn này nọ, vậy là bám vào những cái tư riêng hữu hình bé nhỏ. Điều đó sẽ gây tai họa sâu xa vì dùng những giờ phút trang trọng nhất để vun tưới cho lòng tham, khiến cho những giờ phút linh thiêng nhất được dùng vào việc tài bồi óc ham muốn. Vậy là bó chặt thêm mãi tâm hồn vào những cái bé nhỏ hữu hình, cho nên tiên Nho nói: "tự cầu đa phúc" là vì vậy, tự cầu là không xin gì ngoài mình thì rồi lòng sẽ được thả buông dần và siêu lên đến chỗ thanh thoát an nhiên. Vì thế mà tục thờ Ông Bà đã thăng hoa thành lễ Gia tiên. Nơi đây chỉ biết tế dâng là tế dâng, không để cầu cạnh cái chi hết, chỉ cốt dùng việc tế dâng để đi vào tới tận thâm Tâm lòng mình, dâng hội thông cùng Trời Đất vạn vật hầu làm nên nhất thể (đọc lại quyển Hồn Nước với Lễ Gia Tiên, chương II, Phúc giả bị dã.)

Tế Thiên cũng vậy. Thiên ở đây không còn là Thượng Đế nhân hình nữa, nhưng chỉ còn là luật Trời Đất huyền vi. Người không hiểu cho là lời mờ, nhưng với người hiểu thì biết đây mới chính là siêu hình: vì Thiên không còn Nhân hình nữa nhưng chỉ là khối linh quang u linh bàng bạc cùng khắp, khiến cho Tâm hồn quen thờ trong bầu không khí man mác đó sẽ lợi dần khỏi đối tượng bé nhỏ để bay lên thanh thoát nhẹ nhàng theo Tiết điệu uyên nguyên của Vũ trụ, tiên Nho kêu đó là "đại thuận đại hóa".

Đại thuận là thuận theo thời Trời, gọi là đại vì không gì lớn lao hơn Trời Đất, nên cũng là đại hóa tức vươn ra mệnh mông như Vũ trụ "ngô tâm tiện thị vũ trụ" là vậy. Vì thế An hành, An vi được nhắm như lý tưởng tối hậu của nền giáo dục đặt xa bên trên hai đợt Cường hành và Lợi hành.

Cường hành đặt móng trên sự sợ hãi: sợ Trời đánh Thánh vật, tức chưa đi vào đến Lý trí nên là thấp nhất.

Đến Lợi hành tuy đặt trên Lý trí nhưng đối tượng chỉ mới là thành Công, chưa đạt Tâm linh.

Chỉ còn An hành mới đạt Tâm linh trọn vẹn, mới có sức phát huy Nhân phẩm, Nhân cách.

Người ta sẽ dễ nhận ra điều đó khi thấy Việt Nho đã đào tạo ra được nhiều nhân sĩ hơn hết với một tâm hồn thanh thản, cái thanh thản kiên cường không cần chắn gió che sương nhưng dám đi giữa bụi đời xoáy lốc mà vẫn thanh thoát tự tại “.

5.- Những Phạm trù chính trong Triết Lý An Vi (Hoa Kỳ với thể chiến lược hoàn cầu: Chương V. Kim Định)

“ An Vi chính là triết lý Việt Nho nhưng được đào sâu và quảng diễn hợp với cảm quan thời đại nên cần đặt cho tên mới để dễ nhận diện. Nền triết lý này chia sử trình Tâm thức con Người làm 3 nấc: Bái Vật, Ý Hệ và Tâm Linh.

a.- Bộ phạm trù đầu tiên

A1.- Bái vật

Là thời mông muội, Lý trí con Người chưa phát triển đủ nên dễ nghe sao tin vậy: Bất cứ vật nào hễ xem ra có mùi quyền phép đều được coi như thần linh, được tôn thờ bái lạy, nên gọi là Bái Vật (animistic totemic). Con Người thờ đủ thứ vật từ con to như hổ, báo, voi, hùm, sư tử cho đến con nhỏ như cóc, ngóe, bọ cạp, gà, chó, mèo heo. . .

Cao lên một bậc là ma thuật: Khi thấy van xin không được thì tìm cách sai khiến Quỷ Thần, đó gọi là ma thuật; ma thuật kể như nghi lễ của Bái vật. Như vậy Bái vật là tên rất chung chỉ mọi thứ dị đoan tràn ngập đời sống lúc con Người chưa bước vào tuổi dùng Lý trí, còn y cứ trên những định đề của Bái vật, những đế quốc cổ xưa như Babylon, Assyria, Egypte, Perse, Ấn Độ thuộc vào thời này, thời “ Nhĩ bất thuận tâm “ nên rất hoạc.

A2.- Ý hệ

Là giai đoạn chống lại Bái vật. Con Người không tin nữa mà chỉ muốn “ nhìn tận mắt, bắt tận tay “, quay ra phê bình chỉ trích những niềm tin trước, lấy sự vật thực tế làm nền tảng. Đây là thời kỳ sẽ mở vào Khoa học xán lạn, mang lại ơn ích lớn cho loài Người. Nhưng trong phạm vi Triết, vì cũng muốn theo kiểu khoa học chỉ bằng vào có tai mắt, nên hẹp hòi: tai mắt chỉ có thể thấu nhận những hình ảnh của vật trừ hình, gọi là ý niệm.

Nếu xây Triết trên ý niệm suông sẽ gây ra ngoài biết bao cái tế vi, vô hình, thí dụ những gì Linh thiêng hoặc Tình cảm con Người, Tình nhà, Tình nước đều kể như không có.

Chỉ phát triển có Lý trí nên gọi là Duy Lý một chiều, rồi hệ thống hoá các ý niệm cách chặt chẽ nên gọi vắn tắt là Ý hệ.

Ý hệ là Triết làm bằng Ý niệm suông rất khô khan, người ta gọi đó là Triết lý vô hồn: không có niềm hy vọng lớn lai để thổi căng cánh buồm nghị lực. Các đế quốc được thiết lập theo Ý hệ thì như Tây Âu nhất là thời chiếm thuộc địa, hoặc Nga Xô nay.. Còn La Hy có thể coi như ngồi dang chân lên cả hai: Cả Bái vật lẫn Ý hệ.

A3.- Tâm linh

Là giai đoạn của Lý trí được mở rộng để bao gồm cả Tình, cả Chí, cả Thiên năng, Tiềm thức, Siêu thức, gọi chung là Tâm, nên chữ Tâm rất rộng nghĩa.

Ta có thể tạm dùng chữ Thiên năng, Siêu thức để chỉ tỏ cửa ngõ của Tâm đang có một ý niệm sơ sài.

Vì tính cách bao trùm đó, nên Triết lý xây trên nền Tâm cũng gọi là Triết lý Toàn thể, bao trùm cả Vũ trụ, gọi là “vũ trụ chi tâm”. Tâm biểu lộ ra bằng Tình.

Tình ở đợt Bái vật là thứ Tình bị tràn ngập chưa được Lý trí kiểm soát.

Ý hệ thì đẩy Tình ra để Lý trí chiếm trọn.

Đến Tâm linh mới hội nhập cả Tình cả Lý, cả Thiên năng, Tiềm thức, nên rất hiệu nghiệm, gọi vắn tắt là Linh. Linh với Thần như nhau, đều không ở nơi nào nhất định, mà ở khắp chốn, nói Tâm linh cũng là nói lên sự hiệu nghiệm bao trùm vì có mặt khắp nơi, không gì không tiếp cận. Các nước y cứ trên Tâm linh xưa có Tàu, Việt, Đại Hàn, Nhật Bản, gọi chung là Việt Nho.

b.- Bộ phạm trừ thứ hai

Để nhận rõ hơn tính chất của 3 đợt Tâm thức trên, triết lý An Vi đưa ra bộ phạm trừ thứ hai: Dụng, Từ, Ý, Cơ làm thước đo sự sâu rộng của một nền triết. Triết nào khởi từ Cơ thì đi xuyên qua Ý và Từ để xuống mãi tới Dụng:

B1.- Cơ

Là Nguyên lý cùng tột.

B2.- Ý

Là Tư tưởng, là Triết học (hệ thống của ý)

B3.- Từ

Là Lời Nói, Văn học.

B4.- Dụng.

Là việc Làm, Định chế, Thói tục.

Triết nào khởi từ Cơ đi qua Ý, Từ rồi thấu đến Dụng là triết sâu và rộng nhất.

Nói Dụng, Từ, Ý, Cơ là bắt đầu ở chỗ cụ thể hiện hình mà lần lên cũng thấy hợp với Từ và Ý rồi đến Cơ thì cũng vậy. Triết học Lý niệm khởi từ Ý, tận cùng ở Từ hầu không tới được việc làm cụ thể, hậu quả chỉ là những thuyết lý trừu tượng hoặc không tưởng (utopie) chẳng có chân nào trên mặt đất, như Cộng hòa của Plato hay các thuyết trong triết học cổ điển Tây Âu, mà nền tảng Siêu hình xây trên ý niệm hữu thể rất trừu tượng thuộc Lý trí rờng đến độ đẩy lui Tình và Chí là những cái có sức huy động nghị lực con Người, nên triết trở thành trừu tượng son đẹt.

Triết làm ra là để bàn luận trong trường ốc, chứ không thực thi vào đời sống được. Nếu chẳng may người ta Cưỡng thi hành như Cộng sản cố tình làm với triết học Karl Marx thì phải bù bằng đủ thứ công an mật vụ để ép buộc, khủng bố mới có Làm, vì cái Làm đó không do tự trong phát xuất thường trái với bản tính con người, nên chỉ có Làm bao lâu còn có sự khủng bố, ép buộc. Ngược lại, Triết lý đặt trên Cơ tức trên nhu yếu thâm sâu của con Người, tất nhiên có Dụng theo, khởi cần phải thúc đẩy từ ngoài. . . Vì thế nó khác với Ý hệ ở chỗ không đưa ra Utopia hoặc nên ý tưởng rất cao cũng vẫn còn làm được. Thứ đến, nó cũng khác Ý hệ, nhất là khác Bái vật ở chỗ không dùng “Muru Gian Đạo Đức” (vì Đạo Đức mà đánh lừa, pia fraud), thí dụ Mặc Địch hứa tìm việc cho môn đệ, nhưng khi học xong ông nói có việc đâu, đó chỉ là đánh lừa môn sinh để chịu khó học. Bái vật dùng tràn ngập pia fraud đã đành, cả đến Triết lý nhiều khi cũng không

chê, thí dụ ông Tô triết Tây là Plato cũng dùng bộn. Còn Cộng sản thì khỏi nói: luôn luôn sống trên những lời hứa cuội (lợi hành) kèm theo khủng bố (Cưỡng hành), tại Ý hệ là triết học xây trên Ý niệm, không đủ sâu để khơi động nguồn nghị lực tâm hồn, đành phải dùng những trợ lực ngoại khởi như pía fraus.

C.- Bộ Phạm trù của Việt Nho

Hãy so sánh các xã hội cổ sơ vừa nhắc đến, để có sự minh hoạ. Đang khi các xã hội theo Việt Nho đều có cả 4 đợt: Dụng, Tù, Ý, Cơ:

C1.- Cơ

Là Đạo Nghĩ.

C2.- Ý

Là Triết lý, Đạo học.

C3.- Tù

Là văn học nghệ thuật, cũng tuân theo Đạo lý.

C4.- Dụng

Là sự áp dụng Triết học vào đời sống gọi là Định chế, là Thói tục, mà từ vua tới dân đều cố theo.

Vì thế tất cả 4 chặng đều ăn chịu với nhau như một Cơ thể, nên có hiện tượng này là dù Triết đưa ra lý tưởng hết sức cao (Cơ), nhưng vẫn hiện thực (Dụng) được, không những thâm nhập vào Triết học (Ý), Văn học (Tù), nhưng còn thấu tới Thân Tâm con Người. Lịch sử văn minh đã phải khen là “ nền luân lý hiệu nghiệm hơn hết gặp được trong các dân ở bất cứ thời nào “ (W. Durant. Story of Civ. Vol. I 6- 40). Một xã hội đồng người nhất, với phương thức cai trị bèn bỉ nhất, vào tạo được hạnh phúc hơn hết cho con Người : Không có chế độ Nô lệ hay nếu có cũng đã được bãi bỏ sớm. Tuy có chuyên chế nhưng là chuyện từng giai đoạn với từng ông vua, chứ nói chung thì không. Người ta không thấy chỗ đó vì lẫn lộn với độc tài, độc chuyên với chuyên chế .

Độc tài (authoritrianism) thì nhất định các vua xưa đều độc tài, nhưng không hẳn chuyên chế theo nghĩa mạnh của từ Tyranny hay là Totalitarianism, nó đòi kiểm soát hết mọi chuyện không những chính trị, mà hết cả đời sống, nó định đoạt tiêu chuẩn cho mọi giá trị, từ kinh tế, nghệ thuật, văn học đến bản thân, tư tưởng, cảm tình, tôn giáo như ta thấy thực thi trong các xã hội cộng sản: người dân mất hết mọi tự do. Trong chế độ quân chủ xưa mà ta gọi là độc tài, người dân còn hưởng rất nhiều tự do, từ tôn giáo, tư tưởng, nghệ thuật đến kinh tế, đi lại, cả đến tài sản. . .

Có thể so với Dân chủ ngày nay tuy đời sống thấp hơn nhiều, nhưng về Tự do không thua bao lắm, thường chỉ trong chính trị, ngoại trừ một số người sống bên cạnh Vua bị ràng buộc nhiều hơn, còn toàn dân sống trong thôn làng vẫn có thể nói mà không sợ bị cải chính, là “ phép Vua thua Lẽ làng “

Ngược lại trong các nền Văn minh khác như Babylon, Perse (Ba Tư) , Egypte (Ai cập) phải gọi là Đế quốc vì thường có những điểm đi cùng, như chuyện bóc lột hết mọi Tự do. Đây là những cái diệt hạnh phúc con Người, các xã hội đó đều có cả bảy nhiều một cách nền móng. Đó là kết quả của sự xây trên Ý hệ cũng như Bái vật, đã bao gồm một vài Giai cấp được hưởng Tự do như Quý tộc trong xã hội La Hy. Nhưng nói chung, Định chế vẫn đặt trên liên hệ Chủ Nô kéo theo sự Giàu Nghèo chênh lệch quá đáng. Đây là lý do căn để để gây nên sự suy sụp các Đế quốc họ.

Ngoại trừ Ấn Độ, không một đế quốc nào sống được một phần ba tuổi của các xã hội Việt Nho. Là vì Bái vật và Ý hệ không có sự hiệu nghiệm phát xuất từ Cơ, nên không bao được Dụng, Từ, Ý, Cơ mà trở ra chỉ có Từ và Ý, thì Từ đầu óc sản xuất, rồi phát biểu ra miệng, không đủ sức huy động Tâm Tinh. Trái lại Cơ phát xuất từ Tâm Tinh nên huy động toàn thân, tự nhiên thì hành ra, và khi thi hành thì sinh ơn ích, gây hạnh phúc cho con Người.

Các xã hội Dân chủ Tây Âu nay dù đã bỏ được chuyên chế, không phải do Cơ, mà hầu hết là do Lương tri như tranh đấu, do Kinh tế phồn thịnh, do Tâm thức con Người đã phát triển đủ. . . Vì không do Cơ, nên xã hội chỉ có luật pháp, trên nữa không có Đạo Nghĩa, dưới không có gì hướng dẫn việc tu Thân, tề Gia và các Liên hệ tinh tế của con Người. Đây là chỗ cần nói đến sự khác biệt giữa Cơ cấu học hiện nay và cơ cấu An Vi. Tuy cả hai cùng dùng phương pháp như nhau: cùng số độ, đồ hình, huyền thoại, huyền sử, cũng đối chiếu với các Văn minh, cũng nhìn bao trùm. . . Nhưng cái khác là Cơ cấu hiện này còn mang nhiều tính chất Lý trí, phần lớn được Lý trí kiên tạo ra (construit) để tìm Hiểu các Văn hoá cổ sơ hay giải nghĩa các tác phẩm Văn học, chứ không chủ chốt nhằm vào hướng dẫn đời Sống. Vì vậy bộ phạm trù Dụng, Từ, Ý, Cơ chỉ áp dụng riêng cho Việt Nho, ít ra cách trung thực hơn cả.

6.- Ba Nguyên lý

Để thấy điều đó ta hãy phân tích cái Cơ của Việt Nho về phương diện triết. Vậy Cơ ở đây được biểu diễn ra 3 nguyên lý tối cao, nên đứng ra gọi là Định đề (premises), đó là:

- a.- Nguyên lý Lương hợp
- b.- Nguyên lý Nhân chủ
- c.- Nguyên lý An vi.

Ba nguyên lý này thuộc Cơ, vì nó không còn ở trong tầm tay lý lẽ để mà chứng minh, mà lý luận nữa, nó đã ăn sâu vào Tiềm thức phần lớn rồi.

a.- Nguyên lý Lương hợp

Hai mà một, một mà hai, có mà như không, không mà lại có, đó là một, không thể nhập nhằng nước đôi, vậy đó là định đề căn bản của Triết lý An vi. Nhờ đó, nó đưa ra được Vũ trụ quan Động, ngược hẳn với nguyên lý Tĩnh của Ý hệ, gọi là nguyên lý Đồng nhất: A là A, Động là Động, Tĩnh là Tĩnh.

Đã Động thôi Tĩnh, đã Tĩnh thôi Động. Nó rất hợp với Lý trí, nên làm nền móng cho Logic.

Trái lại, Việt Nho thì Động mà Tĩnh, Tĩnh mà lại Động. Đó là Nguyên lý Đồng Thời.

Trong A đồng thời có B, trong B đồng thời có A, một mà hai, hai mà một, các học giả kêu là Dual Unit (Hai mà Một), nó bao gồm cả hai bên.

Đột cao nhất của nó thuộc siêu hình là Có Không, Không mà lại Có. Có nương Không mà sinh, Không nương Có mà xuất hiện.

Đợt hai thuộc thực tế cụ thể hơn, nên nói Trời / Đất, Núi / Sông, Mưa / Nắng. . . Những chữ đối đáp này chỉ thị hai hạn từ đối lập nên là phạm trù tổng quát chỉ các cặp đối lập như Sáng / Tối, Cứng / Mềm, Ngày / Đêm, Nam / Nữ. Triết học Lý niệm chỉ có một bên, quen gọi là Duy: một là một, A là A, đã A thì không B, không thể có trường hợp thứ ba được: tertium non datur, excluded middle.

Triết lý An vi không những nhận có trường hợp thứ ba, còn tôn lên gọi là Tam tài và lấy làm nền tảng. Tam tài là Trời, Đất, Người.

Đó cũng là điều nghịch lý, hay siêu lý vì con Người bé nhỏ đặt ngang hàng với Trời cùng Đất sao được: không thấy vô lý sao? Nhưng vậy mới nói là nó vượt khỏi phạm vi Lý trí để ăn sâu vào Tiềm thức và thuộc về Cơ .

Cơ chú ý tới mọi liên hệ giữa hai Thái cực, nói trong Tam tài có Người giữa Trời cùng Đất cũng là nói Người là liên hệ giữa Trời và Đất.

Triết học cổ điển chỉ chú ý đến từng hạn từ (term) hoặc Trời hoặc Đất, hoặc Có hoặc Không. Do vậy hoặc Duy Vật hoặc Duy Tâm mà không chú ý đến mối Tương quan của nó như triết Việt Nho chú ý đến cả hai: Cả Âm lẫn Dương, “Âm Dương tương thối “.

Huyền sử nói Mẹ Âu Cơ gặp bố Lạc Long trên cánh đồng Tương là hàm ngụ ý đó. Nói cụ thể là không đặt ưu tiên vào Trời với Đất, mà đặt vào Người được quan niệm là mối Liên Hệ giữa Trời cùng Đất.

Do việc đặt đề này mà Việt Nho chính là Tổ sư Cơ cấu: vì Cơ cấu không quan tâm đến Hạn từ, nhưng đặt nặng trên Tương quan của Hạn từ. Tương quan là cái gì năng động. Nói Người là Tài cũng nói Người là Tác năng, là “ tạo hoá Con “ , (không tạo hóa viết hoa) là do vậy. Hậu quả của sự nói Cơ với Dụng là thế. Đó là nguyên lý đầu tiên có thể gọi là Vũ trụ quan động.

b.- Nguyên lý Nhân chủ

Nguyên lý thứ hai thuộc Nhân sinh quan cũng thuận theo thế Động của Vũ trụ quan gọi là Nhân chủ theo nghĩa người là Chủ nhân ông. Chủ là cái gì ? Thừa là Chủ Trời cùng Đất, nói đúng ra chủ Thân Tâm mình bao gồm Trời Đất ở trong, ngược với Vật chủ ở hai đợt Bái vật và Ý hệ, nơi ấy con Người vong Thân bị sự vật sai sử nên gọi là Vật chủ (chosisme), Mỹ gọi là Reified man hoặc thingified man). Đó là Nhân sinh quan Nhân chủ.

c.- Nguyên lý An vi

Đây là nguyên lý khó hiểu nên cần bộ phạm trù thứ ba gồm: Cường hành, Lợi hành và An hành.

C1.- Cường hành

Chỉ những việc mà động cơ ở ngoài con Người như làm vì sợ Trời đánh Thánh vật, làm vì bị bắt buộc như Tù nhân phải lao động, mất hết Tự do, Tự lực.

C2.- Lợi hành

Thì động cơ là Lợi lộc, tuy ở ngoài nhưng còn để cho con Người ít Tự lực, được Tự do khỏi cưỡng buộc, chỉ mất Tự do Luân lý.

C3.- An hành

Không còn tìm động cơ từ ngoài nhưng tìm ngay trong mình, thấy đáng làm thì làm, thành bại là thứ yếu. Loại này hợp cho con Người được quan niệm như Nhân chủ, nó không phạm đến Tự do Tâm lý con Người, con Người vẫn là Chủ cả ngoài lẫn trong, tâm lý vẫn đủ sức tự Cường, tự

Lực, khỏi cần sự thúc đẩy từ ngoài. Nó là việc cốt cán cho triết lý xây trên Nhân chủ gọi là An vi. Gọi thế để đặt vị trí giữa hai khuynh hướng triết ở hai Thái cực là Hữu vi và Vô vi.

Hữu vi là cố làm hiệu là sự làm gắn liền với Đối tượng, nô lệ cho Đối tượng. Điều đó kéo theo sự nguy hiểm rất vi tế dẫn con Người đến tai họa bị Vật Hóa (thingification) vì thế đã có sự phản động lại để tránh tiếp xúc với sự vật để khỏi bị Vật Hoá (một thứ chính sách Monroe trong triết cũng gọi là chính sách đà điều). Nhưng không làm thì sống sai, nhân tiên là không có ăn: theo nguyên tắc tay có Làm thì hàm mới có Nhai.

Thế là Vô vi cũng mắc kẹt như Hữu vi. Đàng nào cũng chết: Làm thì bị Vật Hoá, không Làm thì làm sao sống. Vậy phải tìm lối nào đây để thoát khỏi gọng kìm một bên là Hữu, một bên là Vô. Và câu thưa là An vi.

Triết lý An vi lấy An hành làm lý tưởng, nhưng không gẫy bỏ Lợi hành và Cường hành.

Nhưng cái đó thuộc Tiểu ngã, thuộc vòng hiện tượng không dễ gì bỏ được, lý tưởng là phải có thêm nhiều tác động ở đợt An hành, để nó làm Chủ, để nó bao phủ lấy việc hai đợt dưới hầu làm cho chúng trở nên thanh thoát lấy. Còn chính chủ tịch của của Thanh thoát phải là các việc thuộc đợt An hành: Chính những việc này mới giúp vào công cuộc thanh nhàn hơn cả.

Vì thế Tiên hiền Việt Nho đã đưa ra định chế Tứ Quý để giúp thực thi. Tứ Quý là bốn tuần cuối bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông Hay tuần cuối của tháng 3, 6, 9, 12.

Đó là bốn tuần mà Tứ Quý mượn của bốn tháng nọ. Mượn để làm gì ? Thưa để không làm chi hết, mà chỉ Ngồi Không, chữ Nho nói về vua là “ Thù Y thường “ : thả lỏng áo quần xuống như Người không phải đi làm. Nếu muốn nói “ có Làm “ thì là làm cái “ Không làm “, vì việc chính của Tứ Quý là trút sạch những cái Có trong lòng mình ra, những cái đó thuộc Hữu vi đầy sức ngang trở Tâm hồn, không để cho cái Có trôi lên mặt Tâm thức để nói lên tiếng nói Thiên mệnh, tức là những nhu yếu thâm sâu của bản tính con Người.

Thành thử con Người chỉ nghe được lệnh truyền của Bái vật hoặc Ý hệ hoàn toàn ngoại khởi, không nghe được nguyên ngôn là mệnh lệnh của Nhân tính Tâm linh. Những ngang trở đó có nhiều nhưng được quy vào hai cặp danh từ Bái vật và Ý hệ. Đó là những động cơ từ ngoài, có sức Vật Hoá Người nên lâu lâu cần thì giờ không làm gì mà chỉ lo xả bỏ.

Khi xả hết rồi sự làm sẽ thông dong, để trở nên An vi, làm vì đáng làm là làm, không phải làm vì bị trời đánh thánh vật, hoặc vì bôn ba lợi danh nữa. Những thứ làm đó đều bắt con Người nô lệ cho Đối tượng, nô lệ cho sự thúc đẩy bên ngoài, nó làm sa sút Nhân chủ tính, chỉ có an hành mới xứng là việc của con Người Nhân chủ.

Đó là đại để cái khung của triết lý An vi đặt trên cơ cấu ba nguyên lý Lương hợp, Nhân chủ và An hành. Đó là cơ cấu thượng thặng ta có thể diễn tả bằng Hình vẽ, bằng Huyền số, bằng Huyền thoại.

Xem lại lịch sử cũng như quan sát con Người sẽ dễ dàng nhận ra cả ba loại việc kể trên Cường hành, Lợi hành, An hành. Nhưng nhiều khi có An hành mà không có An vi. Đó là những bậc “ sinh nhi tri chi “ tức là bẩm sinh được như thế : rất cao thượng, không màng công danh. Nhưng đó là những đoá hoa vĩ đại không được vun tưới mà tự nhiên mọc lên được giữa rừng hoang. Triết lý An vi muốn phân tích hành vi của những bậc cao cả nọ để rút lấy cái cơ cấu đặng thiết lập ra một nền triết hản hoi để giúp nhận thức ra hiện thực.

Điều đó Việt Nho đã làm rồi nhưng chỉ đủ cho đợt tiến trước, không còn hợp cho cảm quan đợt tiến mới có thêm khoa học thuộc cả Sinh (Sống) lẫn Tâm (Linh): Sinh như kỹ thuật cơ khí nâng cao mức sống, Tâm như các khoa học Tân Nhân văn: xã hội, khảo cổ, Nhân học, uyên tâm,

cơ cấu. . . Các khoa học đó sẽ giúp con Người có thêm rất nhiều những xác định căn kẽ hơn, những cái nhìn thấu triệt mới lạ. Vì thế cần một Triết lý hội nhập tất cả các sở đắc mới nọ. Đó là nền Triết lý mà nước Mỹ, dân Mỹ phải làm và rồi họ sẽ làm được. Khi nào làm được thì Mỹ sẽ dẫn đầu cuộc cách mạng Tâm linh đang thiếu đường hướng. Hiện nay Mỹ đang ở tuổi Ý hệ, Lợi hành. Chỉ cần đặt trên Lợi hành một đọt An hành nữa là xong. Muốn được thế cần mạnh dạn đi vào cuộc cách mạng Tâm linh mà việc đầu phải là xây đắp nền Triết mới trên Cơ cấu, rồi bắt toàn dân học biết như biết Hiến pháp vậy. Nói đến đây có người sẽ la ó cho là phạm đến Tự do, phạm đến Hiến pháp xây trên Tự do, nên phải để mọi người Tự do! Mỹ phải theo chế độ đa phương nghĩa là nhiều Triết.

Nhưng bạn có biết đa phương thực sự là chi chằng ? Thừa là chần che sự ngu dốt, sự bất lực. Nói rõ ra cả Mỹ cũng như Tây Âu không sao thiết lập nổi một nền Triết Nhân sinh có đủ sức làm lãnh chúa, phải ở lì lại trong Ý hệ, tất nhiên mắc cảnh “Thập nhị sứ quân”, cá đối bằng đầu, nên phải lấy đa phương làm tôn chỉ, cốt để tránh cái họa chuyên chế độc hữu vốn là đặc tính của Ý hệ. Tưởng như vậy là trọng kính Tự do, có ngờ đâu rằng nước thiếu một nền Triết của quốc gia cũng y không có một nền Hiến pháp. Nếu ở đọt Hiến pháp không thể “đa phương” thì ở đọt Triết cũng vậy. Sở dĩ người ta không nhận ra điều đó vì không biết đến thứ Triết lý đặt trên Cơ có tính cách bao dung nên thường không xuất hiện như nền Triết lý độc nhất, nhưng như Triết lý ưu thắng, nghĩa là vẫn dung chứa các nền Triết lý khác, nhưng thường những Triết lý này chỉ có để làm cảnh, người nào thích thì đem ra bàn cãi vậy thôi, chứ giả có trao cho tay lái con thuyền đời sống chẳng biết đâu mà rờ.

Thí dụ cụ thể trong lịch sử Tàu, đời Hán ban đầu rất trọng Lão Trang, đã đem quyền hành đặt vào tay Đạo giáo, nhưng chỉ ít lâu tỏ ra bất lực lại phải mời Nho lên đặt trên Cơ. Cái phiên của Âu Mỹ là chỉ có loại Triết lý làm cảnh, chứ không có Triết lý xây trên Cơ.

Triết lý đặt trên Cơ phải đi sát đời Sống, nhưng đi sát mà lại không đi vào những xác định chi li, nên vẫn giữ được tính chất Bao dung. Vì mỗi xác định là mỗi bám sát vào biến cố, một sự việc. Thí dụ nói về Chính trị, triết lý An vi chỉ đưa ra những Nguyên lý ở đọt đầu gọi là Chính lược, không xuống đến đọt Chiến lược, càng không đến đọt Chiến thuật. Vì càng xuống càng cá thể hoá cho hợp sự việc phải làm, việc nào cũng có một Không điểm, một Thời điểm nhất định, nên chỉ có một không thể hai, là những cái phải quyết định tùy hoàn cảnh mỗi lúc mỗi khác.

Triết học Duy Lý y cứ trên Ý niệm là cái đã xác định nhiều, khó có thể xuống tới Dụng là việc làm. Việc làm nào cũng là một cá thể có một không hai, phải luôn luôn quy định riêng cho nó. Muốn tổng quát hóa ở đọt này sẽ dễ dàng đi vào độc đoán và chuyên chế. Đây là lý do khi theo Triết học lý niệm để câu nệ chấp một, thiếu sự mềm dẻo quên đi với Triết học xây trên Cơ. Cơ không có hệ thống nên không kèn càng, dễ thể nhập vào bất cứ đâu, vào bất cứ tổng hợp mới nào. Triết học Ý hệ rất khó lột xác để đi vào tổng hợp mới, do cái hệ thống kèn coi của nó với những xác định chi li, vì thế mà nó thất bại và chịu để thế giới hiện đại như thuyền không lái: bới thiếu một Triết lý đặt trên Cơ. Ấy là nền Triết lý con Người đang mặc nhiên mong đợi, vì chỉ có nền Triết lý đầy Tâm Tình nó mới ứng hợp cho con Người thời hậu kỹ nghệ, nó sửa soạn bước vào giai đoạn phong lưu, làm ít chơi nhiều, sống thành thoi như chim trời cá nước.”

(Trên đây là một mẫu thử áp dụng triết lý An vi vào chính trị Mỹ).

B.- TRIẾT LÝ AN VI VỚI NỀN VĂN HÓA DÂN TỘC

Khi đọc T. G. Kim Định chúng ta mới thấy mở ra một chân trời mới, một lộ đồ có thể đáp ứng được Quốc nạn và Quốc nhục của Dân tộc. Cái thất bại lớn lao nhất của lớp đàn anh là không thấy nan đề là nằm trong phạm vi Triết học, không có cái nhìn Triết học thì không có cái nhìn

toàn triệt vấn đề mới sinh ra rắc rối. Triết đây không phải Triết Tây phương, mà là Triết lý Đông phương.

Theo Đông phương thì triết được Định nghĩa: Triết : Triệt Dã (Triết là phải đi cho tới cùng triệt của mọi vấn đề để có cái nhìn Chu tri (holistic knowledge), do đó mà phải Triệt Thượng và Triệt Hạ.

Triệt Thượng là “ Cao minh phối Thiên: Phải lên tới lãnh vực cao rộng sáng láng để kết hợp với Trời (thuộc lãnh vực Tinh thần, Tâm linh) để đôn hậu Tình Người và đồng thời cũng phải Triệt Hạ để “ Bác hậu phối Địa “ nghĩa là phải lặn lội khắp mặt Đất để khám phá thế giới vật chất (thuộc lãnh vực Khoa học) để phát triển Lý trí hầu được Chu tri. Như vậy Triệt Thượng là để un đúc nguồn Tình, Triệt Hạ là trau dồi Nguồn lý , mặt khác Tình / lý là cặp đối cực (opposite term), nhưng cần phải làm sao kết thành nét lưỡng nhất (dual unit) để trở nên Hùng / Dũng mới đạt tới trạng Thái hòa nhờ gọi là ” Âm / Dương hoà “.

Để sống cho được Âm / Dương hoà là điều khó khăn bậc nhất, nên Âm / Dương hoà được tôn lên là Đại Đạo (Đạo lý Nhân sinh) .

Cuộc sống Vợ Chồng là khó khăn nhất, vì gia đình có là Tổ ấm để Vợ Chồng sống hoà hảo hạnh phúc bên nhau, sinh ra và nuôi dưỡng con cái thành Trai hùng Gái đảm, Gia đình được dùng làm nền tảng cho Xã hội.

Muốn Sống Hoà với nhau thì Vợ Chồng một mặt phải tôn kính nhau, Yêu thương và bao dung nhau để không xa rời nhau, mặt khác khi khi sống bên nhau hàng ngày thì phải biết kính trọng nhau và hành xử công bằng với nhau thì mới hoà với nhau được . Đừng xem thường đời sống Vợ Chồng trong Gia đình , nếu thất bại ở đây thì mọi lãnh vực khác cũng sẽ không ổn. Vậy ai có thể sống được như vậy, thừa mọi người.

Do đó vấn đề con Người được đặt lên vị trí hàng đầu, đó là con Người có Tư cách và khả năng. Có Tư cách thì mới biết tự chế để sống hoà với người khác. Muốn có khả năng Tự chế thì mỗi người phải có Lòng Tha thứ như Kitô giáo, Hỷ xả như Phật giáo, Hùng / Dũng như Nho giáo, vì khi sinh ra và lớn lên mọi người đều bắt toàn nên phải tu Thân, nghĩa là Làm Người, mà Làm Người thì khó lắm, ngày nay nói đến chuyện làm Người thì người ta cười cho, vì cho rằng đã là người thì còn Làm Người làm gì nữa, người ta không nhận ra mình vẫn là con Người bắt toàn và tin tưởng là khoa học có thể giải quyết được mọi nan đề, nhưng Khoa học mà thiếu Lương tâm thì chỉ là sự hủy hoại của Tâm hồn.

Khoa học như con dao hai lưỡi, Lưỡi bên này giúp Ăn nên Làm ra, còn Lưỡi kia thì khi đem mồ hôi nước mắt của Nhân dân ra chế bom Nguyên tử chỉ để dọa nhau mà đâu có dám dùng, làm ra nhiều rồi lại hô nhau tài giảm, nhưng vẫn luôn tìm ra thứ mới để hù dọa nhau, trong khi đó cuộc sống của người dân còn nhiều khó khăn chưa thể giải quyết. Tuy khoa học rất cần cho đời sống Vật chất, thiếu khoa học thì không thể Ăn nên Làm ra để nâng cao đời sống Vật chất, nhưng đời sống Tinh thần Tâm linh thì quan trọng hơn nhiều, do đó là cần phải làm sao cho đời

Sống Tâm linh và Khoa học được Lương nhất theo kiểu Âm / Dương hoà thì nhân loại mới sống yên ổn bên nhau được. Sống như vậy là sống theo Dịch lý Việt, cũng là khởi đầu cho Triết lý An vi, nghĩa là làm sao cho Triết Hữu vi (Tây phương) / và Triết Vô vi (Đông phương) được Lương nhất tạo nên Triết lý An vi.

(Xin xem bài Minh Triết Việt : nền tảng của Triết lý An vi)

Một điều mà chúng ta phải quan tâm là khi tìm về nếp sống Tổ tiên xưa, thì mới nhận ra Tổ tiên xưa luôn đi trên con đường mòn từ Gần (Nội) tới Xa (Ngoại) từ Nhỏ tới Lớn, từ Đơn giản tới Phức tạp, từ Tâm thường tới Phi thường, từ Tinh vi tới Vĩ đại, . . . và đặc biệt phải làm sao cho Triết Thượng và Triết Hạ được giao hoà (Lương nhất), có khởi từ gần thì mới tiến tới Xa, có khởi từ Nhỏ thì mới tới cái lớn được . . . , vì Gần / Xa, Nhỏ / To, Đơn giản / Phức tạp, tâm thường / Phi thường, Tinh vi / Vĩ đại. . . đều là các cặp đối cực theo Dịch lý cần được Lương nhất mới ổn, mà Dịch lý là Thiên lý mà chúng ta phải tuân theo mới sinh tồn và phát triển được.

Khi đi vào Việt Nho, chúng ta không thể không bàn về nét Lương nhất trong Văn hoá Việt hay Việt Nho, nét Lương nhất là nền tảng của Dịch hay rộng hơn là của Triết lý An vi, Triết lý An vi là Hồn của Việt Nho có Bản chất Hoà, nhờ luôn đạt thế Quân bình động, nên Việt Nho là nền Văn hoá Thái hoà.

Nay chúng ta bàn về Việt Nho là bàn về phần Xác của Triết lý An vi, Xác Việt Nho lại có Cơ cấu là Đồ hình và Số độ.

Đồ hình tượng trưng cho Floor plan hay cái Khung của ngôi nhà Việt Nho, còn Số độ tượng trưng cho những bảo vật trang trí quý giá trong ngôi nhà, cả hai có mục đích giúp cho đời sống Vật chất và Tinh thần con Người được nâng cao .

Có lẽ vào thời xa xưa, Lý trí của Tổ tiên chúng ta chưa được phát triển, chưa đủ Văn tự để diễn đạt Tư tưởng cho rõ ràng (mang tính chất Phân tích), nhất là mặt Tình cảm lại u linh man mác (mang tính chất Tổng hợp), nên phải dùng tới các Đồ hình và Số độ để vừa Hội Ý (về Tình cảm) và vừa Ngôn truyền (về Lý trí). Đồ hình là hình tượng (cụ thể) được dùng làm Biểu tượng như bàn nhún để vươn từ Hình tượng lên các Linh tượng (trừu tượng).

Ví dụ: Khi nhìn bức tượng của Đức bà Quan Thế Âm hay Đức Bà Maria thì ta nhận ra đó là các Biểu tượng cho nguồn Tình bao la của các Ngài, của các bà Mẹ.

Khi nhìn hình người đàn bà bị bịt mắt cầm cân cân (để khởi thiên vị) giữ cho hai đĩa thăng bằng với nhau nơi các Toà Án thì Người đàn bà là Biểu tượng của nguồn Tình bao la nơi nguồn Tâm linh, chỉ có nguồn Tình mới có khả năng giữ cho hai đĩa cân được thăng bằng hầu thực thi lẽ Công bằng hay Công lý xã hội.

Nhìn hình Chúa Giê su thì chúng ta nhận ra Ngài là sứ giả Tình yêu của Đức Chúa Cha, Ngài có sứ mạng đem Tình Yêu để thực thi Công lý Xã hội hầu kiến tạo Hòa bình, vì chỉ có Tình yêu mới

có khả năng thực thi lễ Công bình, hay Tình yêu là cái La bàn giúp cho nền Công chính xã hội được thực hiện. Đây là sự sinh hoạt sao cho “ Tình / Lý tương tham ”

Còn các số độ là những con số thuộc Cơ số 10 được phân ra số Lễ và số Chấn, mỗi số đều mang theo một ý nghĩa linh thiêng hay Huyền niệm (Mystical numbers). Số Lễ tượng trưng cho Vô, số Chấn tượng trưng cho Hữu.

Phân tích / Tổng hợp cũng như Ngôn truyền / Hội ý hay Hữu / Vô đều là các cặp theo Dịch lý cũng cần đạt trạng thái lưỡng nhất. Các Đồ hình thì dùng Hình Tròn và hình Vuông, hình Tròn tượng trưng cho Vô, hình Vuông tượng trưng cho Hữu, Tròn / Vuông cũng phải đạt nét lưỡng nhất. Hình Tròn / Hình Vuông được lưỡng nhất qua hình Hình học thành Hình Vuông ngoại tiếp, Cha ông chúng ta gọi là Mẹ Tròn / Con Vuông.

Chúng ta sẽ lần theo nền tảng của Văn hoá Dân tộc để làm sáng tỏ một số vấn đề căn bản:

1.-Việt tộc có Bộ sách Dân tộc không ?

(Kinh Hùng Khải Triết 6. Kim Định)

“ Thừa là : Không mà lại Có :

a .- Không

Vì chưa có Văn tự riêng , không có chữ Viết thì hẳn là không có sách .

b.- Có

Là vì có Kinh Vô tự tức là những Văn kiện được biểu hiện bằng dăm ba bộ Số, với một mô Huyền thoại và vô số Tục ngữ Ca dao. Các Số này được gọi là Huyền số, nó không dùng để đo đếm, nhưng để biểu thị cái khác, vì thế chúng làm nên những tiêu điểm khách quan nhưng cam nín, nên cần đến Huyền thoại làm như những lời nói lên có ý nghĩa. Tuy không có chữ, nhưng còn có Truyền khẩu mà Nội dung là Huyền thoại, nên kể là có.

c .- Huyền số

Những số đó (huyền số) có đủ giá trị chăng ? Thừa là quá đủ, vì đây là đang nói về giá trị Văn hoá thuộc Tinh thần, mà Tinh thần đi ngược với Vật chất. Với vật chất càng To càng hay, còn Tinh thần càng Bé lại càng quý : Bé cho đến số Không thì quý vô cùng. Vì tất cả triết lý Đông phương đều đặt trên số Không : Ấn Độ là Thái Hư, Lão Tử là Cốc Thần (hang trống) Nho là vô Thanh vô Xú , Việt là Trống (trong chữ Trống Đồng), muốn nói theo Nho thì đó là Hư Tâm, Hư Linh, tức cái Tâm có trống rỗng thì đạt được linh thiêng . Đó là bí quyết làm cho nước nên Văn hiến tức là có nền Văn hoá giàu chất Tâm linh.

2.- Những sách nào

Có bao nhiêu sách Dân tộc và những sách nào ? Sách Dân tộc Việt toàn là những Kinh không có chữ chỉ biểu hiện bằng bộ Số Vài Ba. Sau khi đã nghiên cứu mới thấy bộ Số đó quả là con

châm Chủ quyền đã đóng vào vô số Văn kiện , Điền chương, Lược đồ, Di vật, Hiện vật, nên có thể nói đó là bấy nhiêu Sách Dân tộc. Tuy nhiên con Châm đóng hẳn xuống đã biến dạng nhiều cách nên khó nhận diện, chỉ sau khi đọc toàn bộ mới thấy rõ .

a.- Sách có tên: Kinh Hữu tự

Ở đây xin kể tạm vài ba quyển thôi:

A1.- Sách Ước, gậy Thần của Hùng Vương.

A2.- Sách Tản Viên, Ba Vì.

A3.- Lạc Thư.

b.- Sách không tên: Kinh Vô tự

Sách không tên thi vô số , như : Cái Trống, cái Đình, cái Nhà sàn, cái gGềng và vô số Vật dụng khác đều hàm tàng các số 2 , 3 đôi khi cả 5 , 9 nữa . Cũng phải kể đến Huyền thoại mà nét đặc trưng là vẫn tắt hết sức chỉ một vài dòng như chuyện “ Nữ thần Mộc dạy anh em Lộ Bàn , Lộ Bộc biết làm nhà chữ Đinh ” , vẫn tắt như thế nhưng ý nghĩa lại bao la vô tận . Quả đúng như câu châm ngôn triết : “ Nội hàm càng nhỏ Ngoại hàm càng to” . Nội hàm rút vào cùng cực thì toả ra cũng cùng cực . Nội hàm rút vào còn có một chữ Trống thì toả ta muôn vàn. Trong các Kinh Vô tự, phải kể đến Kinh Dịch. Nó có một địa vị đặc biệt ở chỗ có chân trên cả hai bình diện Văn và Tự, tức là không có chữ mà chỉ có Số, vì thế gọi là Văn, vừa có chữ , nên gọi là Tự (tức là các Hệ từ). Truy tầm theo lối Sinh thành thí thấy Kinh Dịch có 5 giai đoạn (theo Tam phần thư) :

B1.- Giai đoạn I

Dịch thiên nhiên hay **Đạo Dịch của Trời Đất.**

Tức hồn Dịch gặp được trong các Huyền thoại đầy chất Lưỡng Hợp như truyện **Ông Cò / Bà Cộc , Núi / Sông, Nước / Lửa, Tiên / Rồng . . .**

B2.- Giai đoạn II

Dịch Của Phục Hy.

Thành bởi nét Đứt (- -) nét Liên (—) ghép thành 8 quẻ đơn , mỗi quẻ có 3 nét . Đó là bộ số 2 , 3 , 5

B3.- Giai đoạn III

Dịch Của Ông Đại Vũ đúc 9 đỉnh.

Tức là thêm vào vòng Trong 5 số, Sinh 4 số Thành nữa là 9 , cũng gọi là Cửu Lạc (số 9 của dân Lạc) .

B4.- Giai đoạn IV

Dịch của Văn Vương.

Bắt đầu có Văn tự, đó là những lời giải nghĩa 64 quẻ gọi là Hào từ.

B5.- Giai đoạn V

Không Tử có thêm Thập Dục.

Nổi nhất trong đó là Hệ từ đại truyen có giá trị Triết lý siêu hình . Xưa nay người ta chỉ biết có giai đoạn IV và hầu hết nó đã trở thành sách bói toán và tán nhảm .

Giai đoạn V được chú ý chút ít . Chỉ như 3 giai đoạn trước thì hầu như không có ai nói gì tới và đây là chỗ cắt nghĩa sự sa đoạ của Nho là vì Đạo là cái gì linh thiêng siêu việt không thể dùng ngôn từ hữu hạn mà nói được, “ nói được thì không phải Đạo thường hằng nữa ”, mà chỉ là Đạo phù phiếm thuộc xã hội . Vì thế “ Tri giả bất ngôn ” người biết Đạo không nói mà chỉ dùng một hai dấu hiệu, vài ba con số để chỉ thị rồi yên lặng .

Đó là lý do tại sao các ạo lý Đông phương quý chữ Trống rỗng, Hư tâm, Vô thể. Vì thế Kinh Dịch khởi đầu chỉ có số 2 và 3 , đến sau mới thêm lời vào Vậ mà các thế hệ sau lại chú ý nhiều về lời thành ra chỉ chuyên Ngành mà bỏ Gốc . Nay muốn tìm lại Đạo Uyên Nguyên thì phải học về các số trong Kinh Dịch.

3.- Ý nghĩa các Huyền số

Muốn tìm ý nghĩa các số ta hãy căn cứ trên Kinh Dịch . Kinh Dịch chia các số theo những lối cần phải biết để sau đoán ý .

a.- Số Đất

Chỉ bằng các số chẵn là 2 , 4 , 6 , 8 , nếu vẽ ra hình sẽ là nét Ngang — hoặc hình vuông □ .

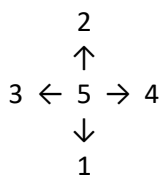
b.- Số Trời

Chỉ bằng các số lẻ 1 , 3 , 5 , 7 , 9 . Vẽ ra là hình nét Dọc | , hoặc hình tròn ○ .

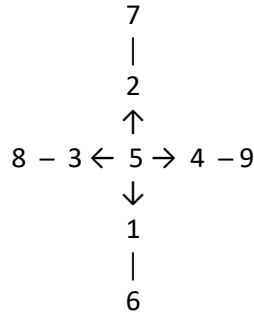
c.- Vòng Trong, vòng Ngoài (Hợp Nội / Ngoại chi đạo)

Các số trên được chia ra vòng Trong và vòng Ngoài:

Vòng trong (xếp theo Ngũ hành): gồm 5 số từ 1 – 5 , được gọi là số Sinh.



Vòng ngoài : gồm 4 số từ 6 – 9 được gọi là số Thành.



(5+1 = 6 ; 5+2 = 7; 5+3 = 8 ; 5+4 = 9 : Số Thành)

Văn hoá nào có nhiều số 4 là thiên về Địa, có thể gọi là Duy vật với hình Ngang hay Vuông . Chính trị đặt trên mẫu Du mục: có Giai cấp, liên hệ người là Chủ / Nô. Còn thiên về số 1 là nghiêng về Thiên có thể gọi là duy Tâm linh, hình là nét Dọc hay Tròn. Đây chỉ là sự phân loại Tiên thiên chưa được áp dụng. Đó sẽ là việc được bàn trong toàn sách, chỉ cần nói rằng trong thực tế Văn hoá nào cũng có rất nhiều sửa sai nên nó làm cho khó nhận diện. Lại theo luật hai Thái cực ở liền ngõ (les extrêmes se touchent), nên Văn hoá ưa dùng số 4 cũng dùng số 1 (nguyên lý Đồng nhất), còn Văn hoá ưa dùng số 1 cũng lại dùng số Đất như số 4. Vì thế có những bộ số: 1 – 4 hay 4 – 1.

Việt Nho thì dùng bộ số 2 - 3. Việt nói Vài Ba (2 – 3); Tàu nói Tham Lưỡng (3 – 2) . Hai số cộng với nhau thành 5 , số Ngũ hành. Đó là bộ số chỉ trở sự Quân bình vũ trụ: Trời 3 , Đất 2 . Vẽ ra là hình Thập tự nhai \perp gồm nét Ngang là 2 Đất, cộng với nét Dọc là 3 Trời thành Ngũ hành là số 5. Hoặc cùng vẽ là hình Tròn trên Vuông hay Tròn bao lấy Vuông.(Vòng Tròn ngoại tiếp của hình Vuông)

Xã hội theo quy chế Bình sản không có chế độ Nô lệ. Hỏi ai là chủ bộ số 2 – 3 này trước thì đó là Việt. Vì cả Khảo cổ (nét song trùng lưỡng hợp hay Lưỡng nhất : dual unit) lẫn Huyền thoại (Tiên / Rồng) đều nói lên điều đó. Đây chỉ nói có số 2, vì nó là đầu mối cho các số nền tảng sau:

Thí dụ :

$$\text{Số } 3 = 1 + 2$$

$$\text{Số } 5 = 2 + 3$$

$$\text{Số } 9 = 5 + 4$$

Các bộ số cứ đi đôi (2) như vậy vừa Căn bản lại vừa Đặc trưng để nhận diện. Trong thực tế thì phải nói cả Việt lẫn Tàu đều là chủ. Việt chủ ở đợt số Sinh gọi là Văn hoá; Tàu chủ ở đợt số Thành gọi là Văn minh. Nói khác đi Việt thái ngهن ra những tượng ý, thí dụ bánh Dày bánh Chung. Còn Tàu thì hoàn chỉnh tượng ý đó bằng đồ khuôn lời gọi là công thức hoá Bánh dày Bánh chung Việt trở thành câu “ Thiên viên Địa phương ” của Nho.

Còn Rắn với Thuồng luồng của Việt trở thành con Long của Tàu, Nhà sàn trở thành Tam tài. Do đó mà đặt thứ tự Việt Nho tức là Việt trước Nho (khi hiểu Nho là Tàu). Đây là vấn đề rắc rối sẽ phải nhờ đến sự trợ lực của các khoa Tân nhân văn như Khảo cổ, Dân tộc học, Cổ sử để phân xử. Để đi đến hệ quả là muốn tìm ra đâu là Nho trung thực tức là Nho chưa xa lìa số Sinh của nó thì phải kể đến yếu tố Việt. Nói cụ thể là phải kể đến Huyền thoại và Huyền số nữa, nếu không dễ trật đường. Trên đây ta đã nói bộ số nền tảng của Việt Nho là Vài (2) Ba (3). Sau đây là vài thí dụ đi trật đường:

1 .- Trong thời gian thai nghén Văn tự thời còn là chữ chân Chim (điều tích tự) hay chữ con Quăng (khoa đầu) thì số 2 Đất được biểu thị bằng 2 nét ngang 二 , còn số 3 Trời được biểu thị bằng 3 gạch thẳng | | | , cả hai hợp lại thành chữ Kỳ (căn = radial) : 示 (5 nét). Vì hai bộ số này là linh thiêng nên dùng căn kỳ đi với các chữ gì thì linh thiêng như:

Chữ tế: 祭 Chữ lễ: 禮 Chữ thần: 神 Chữ thiên: 禪 Chữ kỳ: 祈 ..

Nhưng về sau người ta quen viết Tháo (chữ viết cho nhanh) thì chữ kỳ 示 (Căn : radical) chỉ còn 4 nét (禿).

Vậy là sa đoạ ra số Đất lúc nào rồi mà không một ai ý thức điều đó.

2 .- Hủ Nho bỏ số Sinh mà chuyên nhiều về số Thành là bát quái và 64 quẻ. Do thế Nho là một đạo quân bình siêu đẳng đi lặn vào chỗ suy vi bị bẻ quặt.

Nay muốn tìm ra môi Đạo Uyên nguyên, thì đó là cả một công trình bao la đòi phải có sự đóng góp nhiều ngành chuyên môn. Về phía Triết chúng tôi cố gắng tìm lại phần nào bằng chú tâm đến bộ số “ Vài Ba, Tham Luỡng ” như (2 – 3) và (5 – 9). Cái bí quyết thành “ Văn hoá chi bang ” nằm trong mấy con Huyền số nọ. Nói khác đi đây là nhằm khai quật phần Tâm linh trong nền Văn hoá nước nhà. Riêng về Tàu và Việt khi nói tới Việt Nho thì chỉ xin hiểu là 2 thực thể hoàn toàn Văn hóa, xin gầy ra ngoài mọi suy luận thuộc Chủng tộc hay Chính trị, để chỉ chú ý đến Văn hoá mà thôi.

Theo đó, thì Việt chỉ tất cả các dân đã cư ngụ trong nước Tàu trước khi có Dân tộc Tàu, Việt Nam chỉ là một chi trong cái khối lớn lao đó, Có chăng Việt là chi được coi như kế thừa nền Văn hoá của khối Đại Việt, đối với Tàu xuất hiện về sau. Cả hai nơi đều tổ chức xã hội theo mẫu Nông nghiệp, Việt thì còn giữ nguyên chất nhiều hơn, hãy tạm gọi là 9 nông 1 du, còn Tàu thì 6 nông 4 du. Do đó có một số nét khác biệt làm cho Tàu nói chung không quân bình bằng Việt.

Thí dụ về Vật biểu Tàu chỉ có Rỗng (độc Dương) , đang khi Việt có cả Rỗng lẫn Tiên, nhân đó Việt trọng bên Tả, nổi về Văn hoá tinh thần, Tàu trọng bên Hữu nổi về Văn minh (vật chất). Còn rất nhiều chi tiết sẽ đề cập sau. “

CHƯƠNG HAI

VIỆT NHO

Việt Nho là Văn trường chung của Đông Nam Á, trong đó gồm có Nho của Tàu, Nhật, Hàn, Việt, các Nho tuy có đại đồng, nhưng vẫn có nhiều tiểu dị.

I.- Đồ hình và Số độ của Việt Nho

Đồ hình Nguyên thủy là Thái cực Âm / Dương: Nhất Nguyên lưỡng cực (dual unit)

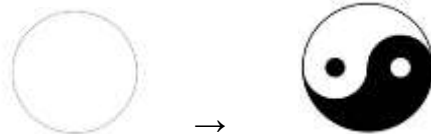
Đồ hình thứ hai là Thập tự khai với trục Dọc và trục Ngang được hình thành để làm khung cho các Cơ cấu trong Vũ trụ, đồng thời chi tiết hóa Thái cực ra thành hai cặp đối cực và sắp xếp hai cặp Thủy / Hỏa, Mộc / Kim vào Thập tự khai qua Tâm đối xứng Thổ để tượng trưng cho Cơ cấu Vũ trụ và Nhân sinh, đó là đồ hình Ngũ hành, được dùng làm Khung Cơ cấu.

Các Cơ cấu Vũ trụ và Nhân sinh được sắp xếp và tóm tắt trong bảng Nguyệt lệnh sau đây :

Ngũ Hành	Thủy	Hỏa	Mộc	Kim	Thổ
Thời Tiết	Đông	Hạ	Xuân	Thu	Tứ quý
Ngũ Phương	Bắc	Nam	Đông	Tây	Trung ương
Ngũ Tạng	Thận	Tâm	Can	Phế	Tỳ
Tác Dụng	Thị giác	Thính giác	Cử chi	Ngôn ngữ	Tư duy
Ngũ Sắc	Đen	Đỏ	Xanh	Trắng	Vàng
Ngũ Vị	Mặn	Đắng	Chua	Cay	Ngọt
Ngũ Cung	Vũ	Chủy	Giốc	Thương	Cung
5 Số	6	7	8	9	5
Thiên Can	Nhâm- Quý	Bính- Đinh	Giáp- Ất	Canh- Thân	Mậu-Kỷ

II.- Dịch với Đồ hình

1.- Từ Vô cực → Thái cực → Lưỡng nghi Âm / Dương



2.- Từ Lượng nghi: Âm / Dương → Tứ tượng

3.- Tứ Tượng

(Thái Âm < Hình Đen > / Thái Dương < Hình Trắng > ,
 Thiếu Âm < Điểm đen > / Thiếu / Dương < Điểm trắng >



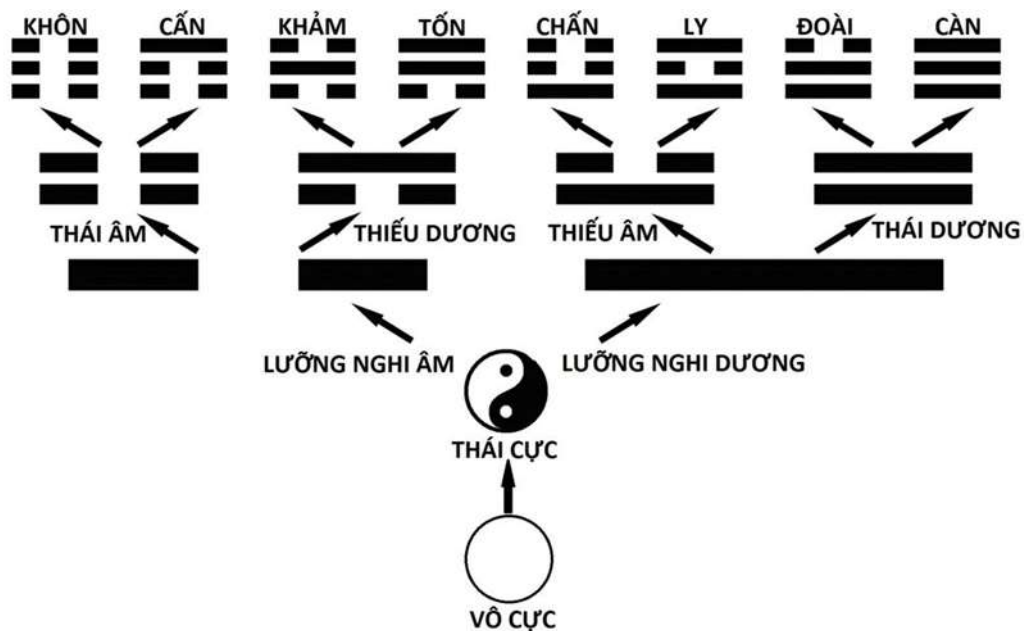
4.- Tứ tượng sinh Bát quái

Thái Âm → gồm cặp đối cực: Khôn / Cấn

Thái Dương → gồm cặp đối cực: Khảm / Tốn

Thiếu Âm → gồm cặp đối cực: Chấn / Ly

Thiếu Dương → gồm cặp đối cực: Đoài / Càn



5.- Cách thành lập các quẻ Đơn

Dịch của Phục Hy, Âm được tượng trưng bằng nét Đứt: - - , Dương được tượng trưng bằng nét Liền: —.

Từ Quan niệm Tam tài: Thiên Địa Nhân, mỗi Tài được tượng trưng bằng một Nét, nên một Quẻ đơn gồm 3 Nét. Chồng hai nét Đứt Liền lên nhau theo phép Hoán vị (permutation et arrangement) thì ta có 8 quẻ Đơn gọi là Bát quái.

Bát quái (8 Quẻ đơn): Khôn / Càn, Cấn / Đoài, Khảm / Ly, Chấn / Tốn
(4 cặp đối cực: Âm / Dương)

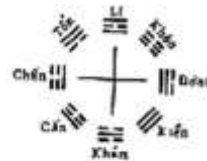
乾 Càn ☰	兌 Đoài ☱	離 Ly ☲	震 Chấn ☳	巽 Tốn ☴	坎 Khảm ☵	艮 Cấn ☶	坤 Khôn ☷
------------	-------------	-----------	-------------	------------	-------------	------------	-------------

Bát quái: Tiên Thiên / Hậu Thiên



TIÊN THIÊN BÁT QUÁI

(Đối xứng)



HẬU THIÊN BÁT QUÁI

(Bất đối xứng)

6.- Cách thành lập Quẻ kép: 64 Quẻ kép

Để thực hiện nét Gấp đôi, (Pli en deux, Two fold) Tổ Tiên Việt đã đem 8 Quẻ Đơn chồng lên nhau theo phép Hoán vị, chúng ta có 64 quẻ Kép. Nên nhớ nét Gấp đôi là nền tảng của Dịch cũng là của Việt Nho.

Xếp 8 quẻ Đơn (Bát quái) lên trục Ngang và cả trên trục Dọc , rồi tuân tự chồng các Quẻ đơn 3 nét (1 nét cho nét Thiên, 1 cho Địa và 1 cho Nhân) lên nhau, ta được 64 Quẻ kép 6 nét (8 X 8 = 64): 2 nét cho Thiên, 2 cho Địa và 2 cho Nhân.

Trên/Dưới	KHÔN 8	CÁN 7	KHÂM 6	TÓN 5	CHÁN 4	LY 3	ĐOÀI 2	KIẾN 1
KHÔN 8								
CÁN 7								
KHÂM 6								
TÓN 5								
CHÁN 4								
LY 3								
ĐOÀI 2								
KIẾN 1								

(H.19) 64 QUẺ KÉP ĐẶT TRÊN ĐỒ NGANG

Dịch Tào chuyên về Đồ hình với 64 quẻ dùng để Bốc phệ là chuyên đi theo đường lối Đồ hình. Tuy có đồ hình được thiết lập theo Dịch lý, nhưng Nội dung lại mang theo Bản chất Độc Dương của Du mục, vì thiếu Đối cực, thiếu tính chất Chính Trung, đánh mất mối Tương quan trong mọi lãnh vực, nên luôn hành xử theo Bạo lực và Bành trướng.

III.- Dịch với Đồ hình và Số độ kết hợp

Việt Nho hay nền Văn hoá Việt là nền Văn hoá toàn dùng bằng Biểu tượng, các Biểu tượng bằng Đồ hình và số độ kết hợp, các Đồ hình là những cái khung để trình bày (Định vị) các cặp đối cực theo Dịch lý, còn Số độ để gán cho mỗi Đồ hình một ý nghĩa, nên các số độ mang theo Nội dung của Việt Nho hay cách khác là mang theo Vũ trụ quan và Nhân sinh quan của Việt Nho. Do đó mà Dịch của Việt không những có Đồ hình về Cơ cấu của Vũ trụ, mà mỗi Cơ cấu con kèm theo một số độ, mỗi số độ mang một ý nghĩa về Nhân sinh, do đó mà nền Văn hoá có Triết lý Nhân sinh, cùng Lộ đồ Tu, Tề, Trị, Bình.

Hán Nho bá đạo là vì bỏ Tiên nhận Rông, “Độc Dương Bất sinh, nên bất Biến hoá “, trở nên Duy Lý, trọng Lý hơn Tình, trọng Võ hơn Văn, Chế độ Chính trị đời nào cũng đàn áp Nhân quyền (Chuộng Bạo lực, Trọng Nam khinh nữ với ngu Hiếu, tôn Quân làm Thiên tử với Ngu Trung, suốt dòng Lịch sử chuyên gây Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng.)

1.- Đồ hình và Số độ kết hợp tượng trưng cho

Ý nghĩa của các Cơ cấu trong Vũ trụ

< 1 > . Numbers and their meanings.

Mỗi Cơ cấu được gắn liền với một con số thập phân, mỗi con số mang một Ý nghĩa Huyền niệm gọi là Huyền số, nền Văn hoá có Cơ cấu hay Bộ số Huyền niệm :2 – 3 , 5 là Việt Nho. Tinh thần Dịch lý trong Nho gọi là Triết lý An vi.

2.-Ý nghĩa các số Huyền niệm

Số 2 : tương trưng cho cặp đối cực của Dịch lý như Tiên / Rỗng, Vợ / Chồng, Cái / Đực, Mái / Trống, nhụy Cái / nhụy Đực Trời / Đất, Tán / Tu, Vũ / Trụ, Sức Quy Tâm, / sức Ly tâm, Thời gian / Không gian. Đức / Tài, Nhân / Trí, Hùng / Dũng, Bác ái / Công bằng, Từ bi / Trí tuệ, Số Lẻ / số Chẵn

Cặp đối cực là Nghịch số hay Nghịch lý, “ Dịch : Nghịch số chi lý “, nhưng vẫn có thể Lưỡng nhất, hòa hợp với nhau, nghĩa là tương tranh, tương hỗ để đạt tình trạng Quân bình động ở vị thế Chính trung để luôn Tiến bộ và Hoà với nhau. Vậy cái Lý của Dịch là luôn Tiến bộ trong trạng thái Hòa.

Số 3: 1 Trời, 2 Đất, 3 Người. Con Người ($3 = 1 + 2$) là Tinh hoa của Trời (1) Đất (2) : “ Nhân giả kỳ Thiên Địa chi Đức ”. Con Người giữ vị thế Chính trung giữa Trời Đất, không Duy Tâm cũng không Duy Vật để duy trì vị thế Tự Chủ, nên phải tự Lực, tự Cường, luôn sống bám theo Thiên lý (cũng là Dịch lý) để trở thành con Người Nhân chủ để làm Chủ Vận hệ Minh, Gia đình Minh và Đất nước Minh.

Số 5 (Dynamic force) : 5 thuộc Trung cung hành Thổ trong Ngũ hành, 4 hành xung quanh tương trưng cho Hữu, hành Thổ tượng trưng cho Vô (đối đãi với Hữu), Vậy số 5 tương trưng cho năng lượng Vũ trụ : $E = mc^2$)

Vậy : Số 0 tương trưng cho Vô (Đã bị phân cực) đối đãi với Hữu. (Tương đối)
Số 0 tượng trưng cho VÔ CỰC: Hồn mang chi sơ vị phân Thiên Địa. (Tuyệt đối)
Số 2: Thái cực: 0 / 1 (Vô / Hữu).

3.- Khung Cơ cấu nền tảng của Vũ trụ

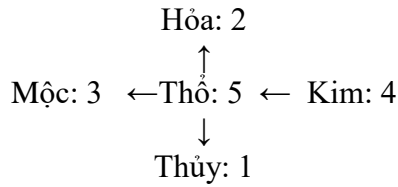
được tượng trưng bằng hình Thập tự nhai (Định vị Không gian)



Trên / Dưới: Trục Dọc: Tâm linh (Inward world)
Tả / Hữu: Trục Ngang : Thế sự hay Khoa học (Outward world)

Thập Tự nhai (Con đường thông ra 4 ngả) : Nét Dọc / Nét Ngang giao nhau

4.- Đồ hình và Số độ Ngũ hành

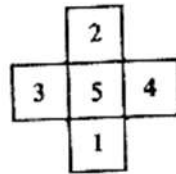


Ngũ hành được chi tiết hóa từ Thái cực

Ngũ hành với các cặp Đối cực: Thủy / Hỏa, Mộc / Kim với Thổ là Tâm đối xứng.

Ngũ hành với cặp đối cực Lẻ / Chẵn: 1 / 2 ; 3 / 4

Thổ : số 5: Dynamic force



Số độ Ngũ hành

Ngũ hành là Tạo hóa lưu hay Lò cừ' có:

Trục Dọc gồm:

Thủy là Nước (Vạn vật chi nguyên) tượng trưng cho Vật chất (Địa)

Hỏa là Lửa tức là Năng lượng (Thiên)

Nhân thuộc Thổ (Nhân giả kỳ Thiên / Địa chi Đức)

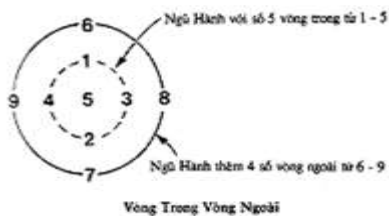
Trục Ngang gồm

Mộc tượng trưng cho Sinh vật

Kim tượng trưng cho Khoáng chất

Vậy Ngũ hành là Biểu tượng cho Nguồn Sinh Sinh Hóa Hòa trong Vũ trụ được gọi là Tạo Hóa Lưu hay Lò Cừ.

5.- Vòng Trong và Vòng Ngoài của Ngũ hành (Hợp Nội / Ngoại chi Đạo)



Hợp “ Nội + Ngoại “ chi đạo

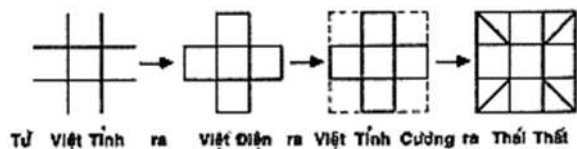
$$5 + 1 = 6, \quad 5 + 2 = 7, \quad 5 + 3 = 8, \quad 5 + 4 = 9$$

Vòng trong : (1, 2, 3, 4, 5)

Vòng ngoài: (5+1= 6, 5+2=7, 5+3=8, 5+4 =9

6.- Việt Tĩnh

Khung Ngũ hành được kép nét ☯ (*templum*) thành khung Việt tĩnh:
(nét Gấp đôi: Two fold: Pli en deux)



4	9	2
3	5	7
8	1	6

Việt Tĩnh Cường

Việt Tĩnh cường cũng là Lạc Thư

Các Số Lẻ (1, 3, 5, 7, 9) được xếp theo khung hình Chữ Thập, (4 Phương chính) còn các số Chẵn (2, 4, 6, 8) được xếp theo hình Chữ Thập chéo (4 Phương bàng).

Việt Tĩnh cường cũng là Lạc Thư, Hình này khoa học gọi là Ma trận (Matrix), cộng các số bất cứ chiều nào cũng có Tổng số 15, nên Tổ tiên Việt lập nước Văn Lang có 15 Bộ.

Việt Tĩnh cường (là cách quân phân Điện sản trong xã hội xưa của Tổ Tiên Việt) có 9 Ô , 8 Ô xung quanh thuộc về Nhân dân (thuộc Tư sản), còn Ô 5 ở giữa dành cho Vua (thuộc Công sản

hay Công điền công thổ) đây là phép Tỉnh điền trong chế độ Bình sản để thực hiện Công bằng Xã hội tương đối trong Xã hội Nông nghiệp. Còn trong xã hội Công nghiệp thì thiết lập quỹ An sinh Xã hội để thực hiện Công bằng Xã hội tương đối.

Việt Tinh cương có 5 trù (Số Lẻ: 1, 3, 7, 9), cộng thêm 4 trù 4 góc (Số Chẵn: 2, 4, 6, 8) thành Cửu trù Hồng phạm. (các cặp đối cực Lẻ / Chẵn kết thành Lương nhất)

4 Ngũ Kỳ	9 Ngũ Phúc Lục Cực	2 Ngũ Sự
3 Bát Chính	5 Hoàng Cực	7 Kê Nghi
8 Thứ Trưng	1 Ngũ Hành	6 Tam Đũ

CỬU TRÙ HỒNG PHẠM

7.- Hồng phạm

“ Hồng Phạm là mọi việc (4 góc mang số chẵn) đều phải theo mẫu lớn (Hồng phạm) là Ngũ hành đặt ở giữa .

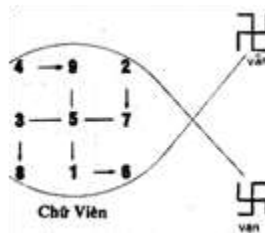
8.- Cửu trù

Kể ra những việc cần làm cho một nước đời xưa, toàn là những việc Tinh thần, nên đáng gọi là Tâm linh sử quan. Đây là việc mẫu kê theo con số 9 của dân Lạc Việt gọi là Cửu Lạc.

Cửu trù Hồng phạm là đường lối đi vào lãnh vực Chính trị, Xã hội và Nhân bản.

9.- Chữ Viên = Chữ Vãn / Chữ Vạn

Các số trong Lạc thư có hai mạch nối:



4 — 9 2
 | |
 3 — 5 — 7
 | |
 8 1 — 6

Mạch nối hình chữ Vãn

4	9	—	2	
3	—	5	—	7
8	—	1	6	

Mạch nối hình chữ Vạn

Trong hai hình trên các số Lẻ được xếp theo 4 Hướng chính, (hình chữ Thập), các số Chẵn được xếp theo 4 phương bàng (hình chữ Thập chéo). Theo Lạc Thư Minh triết khi các số Lẻ và các số Chẵn trong hình chữ Viên được quay ngược chiều nhau sẽ đan kết với nhau, cá biệt hóa mà sinh ra vạn vật. (Xem cuốn Lạc Thư minh triết của Kim Định)

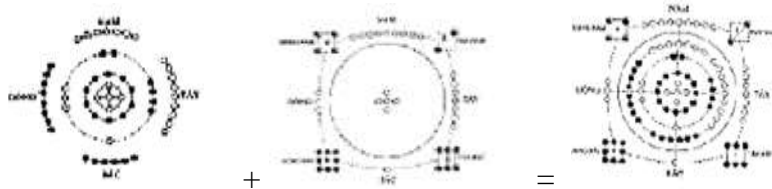
Nếu ta liên hệ số Lẻ cho Thời gian và số Chẵn cho Không gian thì “ Lạc Thư Minh triết “ chẳng khác nào Time – Space – Continuum của Einstein .

Theo Einstein thì Thời và Không gian là hai mô căn bản đan kết với nhau mà sinh ra Vạn vật.

Lạc thư thì rất Xưa, Time – Space continuum của Einstein thì lại rất Nay, thế là Xưa / Nay đã gặp nhau.

(Xem SPACE.com. *Warping Time and Space*)

10.- Đồ - Thư hợp nhất



Hà đồ / Lạc thư = Đồ - Thư Lương nhất

Mẹ Tròn (Lạc Thư) + Con Vuông (Hà Đồ) = Đồ - Thư hợp nhất.

(Huyền thoại 100 Trứng 100 Con)

Đây là Nền tảng của Gia đình và Xã hội Việt Nam, nên cũng là đỉnh cao của Dịch lý.

“ Lạc thư Hà đồ có thể coi như bước tiến triển cuối cùng của Ngũ hành. Hà Lạc làm nên bởi chấm đen và trắng: Đen thay cho số chẵn hay Đất, Trắng cho số lẻ hay Trời:”

“ Việt Nho nhấn mạnh trên Lạc thư hơn Hà đồ, Lạc thư còn có tên là “ Cửu lạc “ , Huyền sử kêu là “ Cửu Thiên Huyền Nữ “ tức ám chỉ rằng Lạc thư là tên Minh triết đặt trên nền số 3 (Tam tài chỉ vị trí con Người. Còn số 9 dạy con Người biết lối ở đời. Huyền thoại nói kiểu văn hoa bằng truyện Nữ Thần Mộc (số 3) dạy Lỗ Bàn, Lộ Bộc làm nhà chữ Đinh (丁).”

Tóm lại: Văn hoá Tàu hay Hán Nho không có:

1.- Góc Dịch lý, vì Độc Dương trở nên Duy lý một chiều (Bạo lực), đánh mất mối Tương quan giữa Thiên - Nhân - Địa, trở nên Độc tài chuyên chế với ngu Hiếu và ngu Trung.

2.- Ngọn Đò -Thư hợp nhất, nên đã đánh mất nền tảng “ Gia đình thuận hòa “ trở thành “ Chồng Chúa Vợ Tôi “, nên đánh mất luôn Triết lý Nhân sinh, nền Văn hoá thiếu nét Gấp đôi, không biết đặt sự quan trọng vào những việc nhỏ nhặt (Vật khinh hình trọng) hay những cái thứ Tế vi, nên đánh mất cái Vĩ đại, đó là “ Vi ngôn đại Nghĩa “, Vi ngôn to lớn và quan trọng nhất là Âm / Dương Hòa . (Tinh vi / Vĩ đại →Lưỡng nhất)

Xem thế, Dân Lạc Việt là Chủ nhân ông của Nho từ Góc Dịch lý (Tiên / Rộng) đến Ngọn Hà đồ Lạc thư (Mẹ / Cha với Tình Nghĩa Đồng bào).

Tóm lại Dịch của Việt Nam phát xuất từ Lưỡng Cực Tiên / Rộng, và phát triển cao độ tới Đồ-Thư hợp nhất và Cửu trù Hồng phạm, các đồ hình và số độ luôn duy trì theo đường lối Chính Trung bằng cách “ Chấp kỳ Lương đoan,(nét Gấp đôi) không chọn một bỏ một, luôn giữ được mối Tương quan hoà điệu giữa các đối cực, nhờ vậy mà đường lối Chính trị, Xã hội đều mang bản chất Nhân bản.

IV.- Nho: Nền tảng của cuộc Sống Thái hòa

Theo thiên ý, mỗi con Người được sinh ra ngoài Ý muốn của mình, Trời Trên Đất Dưới và Vạn vật xung quanh cũng đã có sẵn đó rồi, mình chẳng biết Mình được sinh ra có Ý nào không?

Nên Mình phải tự mình ra tìm cách sống giữa Ba môi Trường: Trời - Người – Đất sao cho lập được mối Tương Liên Hoà mà tồn tại và phát triển, đó là con Người biết cách xếp đặt mọi thứ trong Vũ trụ sao cho hợp với Thiên lý, được T.G. Kim Định gọi là Sắp Thế kỷ, chúng ta có thể nhận thấy ý đó trong chuyện Bàn Cổ nhất là trong sách Trung Dung:

“**Trung giả, Thiên Hạ chi đại Bản** : Sự sắp đặt mọi thứ trong Vũ trụ đều theo các Cặp đối cực, vì có đối cực thì mới có thể lập được mối Tương liên, nhờ đó mà có thể hành xử (đối đãi với nhau) theo lối Chính trung tức là cách sống Phải Người phải Ta. .

Hòa giả Thiên Hạ chi đại Đạo: Khi hành xử với nhau bằng đường lối Chính Trung thì mới đạt được mối Tương quan Hòa giữa các đối cực của các Cơ cấu.

Thiên Địa vị yên: Khi mọi thứ trong Thiên Địa được xếp đúng vị trí ổn định.

Vạn Vật dục yên (Thì Vạn vật được Nuôi dưỡng nghĩa là được tồn tại và phát triển điều hòa .

Chí Trung, Hoà: Có hành xử được Chí Trung mới lập được mối Tương quan ổn thỏa thì mới đạt Chí Hòa.”

Đây là lối Sắp thế kỷ của Tổ tiên Việt.

Xã hội ngày nay bị rối loạn là do đã đánh mất mối Tương quan giữa các đối cực với nhau, mà nguyên nhân sâu xa là đánh mất cái Tâm để Lý trí lấn át mà trở nên Vô cảm.

Tuy Tổ Tiên Việt đã xây dựng nên nền Văn hoá Thái hoà có một:

- 1.- Chính lược Hòa với Lộ đồ Tu, Tề, Trị, Bình rất là Nhất quán.
- 2.- Vũ trụ quan Động với Dịch lý có 3 Luật lớn : Biến động, Giá sắc và luật Loại tụ.
- 3.- Nhân sinh quan Nhân chủ: Con người Nhân chủ: tự Chủ, tự Lực, tự Cường.
- 4.- Tâm linh sử quan với nguồn Sống (Vật chất) và nguồn Sáng (Tinh thần: Nhân / Nghĩa),
- 5.- Đạt quan Phong (Thiên) / Lư (Địa) nên an nhiên tự tại.

Đây không là Lý thuyết mà là công trình Vi nhân suốt đời không ngưng nghỉ mới đạt được.

Thế nhưng trải qua gần 5000 ngàn năm bị nạn “ Dị cường lãng nhược ” của Bắc và Tây phương (Pháp), cả hai đều theo nếp sống Du mục Bạo lực gây Chiến tranh và Bành trướng, do đó mà Dân tộc Việt Nam tuy không bị đồng hóa, nhưng ngày một yếu dần, con cháu quên luôn cả nền Văn hoá Thái hoà của Tổ tiên, do nếp sống Văn hoá bị suy đồi mà tình trạng xã hội ngày càng phân hoá, khó tránh khỏi bị Nô lệ Bắc phương lần nữa, nếu không lo canh tân đời sống để phục hoạt lại Tinh thần Bất khuất của Dân tộc.

(Xin xem thêm 11 cuốn về “ Nền Văn hoá Thái hoà Việt tộc ” của Việt Nhân và Nguyễn Quang trên vietnamvanhien.net).

- 1- Văn Hoá Đông Nam - Việt Nhân
- 2- Văn Hiến Việt Nam - Việt Nhân
- 3- Đạo Lý Xử Thế - Nguyễn Quang
- 4- Việt Nho Trong Lòng Dân Tộc Việt Nam - Việt Nhân
- 5- Hội Nhập Văn Hóa Á Âu - Việt Nhân
- 6- Đạo Lý Xử Thế II - Nguyễn Quang
- 7- Sơ Thảo Về Vấn Đề Giáo Dục - Việt Nhân
- 8- Tìm Về Cội Nguồn Văn Hoá Dân Tộc - Việt Nhân
- 9- Khi Đông /Tây Giao Hội - Việt Nhân
- 10- Dịch Tàu, Dịch Việt, Văn hóa Việt, Văn hóa Tàu- Việt Nhân
- 11- Tìm về Hồn Thiêng Sông / Núi hâu chấn hưng Tinh / Nghĩa Đồng bào- Việt Nhân.
- 12.- Triết lý An vi và Việt Nho với Quốc kế Dân sinh.

CHƯƠNG BA

I.-Viết Nho với Triết lý Nhân sinh

Dịch của Việt chú trọng về Triết lý Nhân sinh, còn Dịch của Tàu thì lại chuyên về Bốc phê, về Nhân, Cảm, Động, Toán.

*Triết lý Nhân sinh được đặt nền tảng trên Bản năng của con người. Bản năng đó là “ Thực, Sắc, Diện: Thiên Tính dã “
Từ định nghĩa “ Nhân giả kỳ Quý / Thần chi hội . . “ nên con người phải Thiệu hóa mọi phương diện hàng ngày để có Nhân phẩm: Nhân / Trí, Hùng / Dũng.*

***Thực** là nhu cầu ăn uống phải Ngon / Lành và làm sao cho đạt được các tiêu chuẩn: Chân, Thiệu, Mỹ để “ Có Thực mới vực được Đạo - Đạo làm Người -.*

***Sắc** là nhu cầu thành lập Gia đình thuận hòa để Vợ Chồng sống hạnh phúc với nhau, Gia đình là cái Nôi nuôi dưỡng Trai hùng Gái đảm cho xã hội bằng con đường hành xử theo Nhân Nghĩa. Gia đình được dùng làm nền tảng cho Xã hội.*

***Diện** là nhu cầu phải tu Thân làm sao cho cái Thể bên Trong con người được Tốt (Tức là Nhân / Trí), thì cái Diện bên Ngoài mới được Lành (tức là Hùng / Dũng).*

Nhân là Lòng kính trọng, yêu thương nhau và Bao dung.

Trí hay Lý Công chính là cách ăn ở có Đì có Lại với nhau nghĩa là Công bằng thì mới hòa với nhau, để được thế thì mỗi người phải hành xử sao cho Nhân / Trí hài hoà thì đạt Hùng / Dũng: Hùng là sức mạnh của Thể chất, Dũng là sức mạnh của Tinh thần.

Để đạt tới Nhân phẩm Nhân / Trí, Hùng / Dũng thì ai ai cũng phải tu Thân hàng ngày cho đến suốt đời, chứ không thể tự nhiên mà có được. Nan đề của chúng ta cũng như của Nhân loại là ở nền tảng này chưa được vun đắp đầy đủ.

Đây là nền tảng của Triết lý Nhân sinh.

(Xem bài Minh Triết Việt ở dưới)

Có một số Tôn giáo cũng như Triết lý coi thường Bản năng, cho là thô tục, nên tìm cách tránh xa. Thay vì tránh xa, Việt Nho lại chấp nhận Bản năng, và tìm cách đáp ứng nhu yếu Bản năng bằng lối sống Quả dục để hoàn thiện nếp sống con Người sao cho đạt tới Nhân phẩm: Nhân / Trí, Hùng / Dũng.

Nhân / Trí, Hùng / Dũng là Nhân phẩm của con Người, là Tinh thần lập Quốc của Dân tộc và cũng là Tinh thần Hiến pháp của Việt Nam.

Từ khi tiếp xúc với Văn minh Phú Lạng Sa cũng như Liên Xô, tưởng rằng Khoa học có khả năng giải quyết mọi nan đề, nên đa số lớp tân học đã bỏ Gốc Tiên / Rồng (Nền tảng của Nhân / Trí,

Hùng / Dũng), cho là chuyện hoàng đường, quê mùa lạc hậu, nên Dân tộc bị tan đàn xẻ nghé như ngày nay.

Trước cảnh rối loạn Nhân tình Thế thái cùng các Cơ chế xã hội rối ren, các vị làm Chính trị chỉ hò hét đa Nguyên đa Đảng với Pháp trị để cải thiện Xã hội, mà quên Gốc con Người, nên những lời gào thét đó cũng chỉ là những tiếng kêu trong sa mạc, nên chẳng lạ gì con Người ngày càng xuống cấp, Xã hội ngày một điều linh!

Còn các vị trí thức cũng như đa số các vị Lãnh đạo Tinh thần, chỉ chuyên lo cho chuyện Đời sau, mà không màng soi sáng những nan đề trong Trần thế quá nhiều nhưng về mặt Công bằng Xã hội do tình trạng Bất Nhân và Bất Nghĩa gây ra !

Những dòng trên chúng tôi chỉ bàn lý thuyết về Nội dung của Việt Nho, trong thực tế thì lại rất phức tạp. Số là 70% dân Tàu vùng Nông thôn, sống về Nông nghiệp gồm thành phần Sĩ Nông là thuộc đại chủng Việt, còn thành phần Công Thương cũng như các nhà Chăm quyền Tàu ở Thành thị lại sống theo Văn hóa bạo động của Du mục. Và lại sự giao lưu Văn hoá hai bên qua hàng ngàn thế kỷ cũng đã hoà trộn nhau phần nào. Tuy nhiên, nếu chịu khó tìm hiểu về sự phân biệt giữa Văn hóa Việt và Văn hoá Tàu, chúng ta vẫn có được những nét căn bản.

(Xem bài Minh triết Việt)

II.- Việt Nho với sức sống của Dân tộc

Chúng ta cần nhận rõ **Việt Nho và Triết lý An vi là mạch sống Bất khuất của Dân tộc Việt Nam**, Tổ tiên không những đã thiết lập được nền tảng thật vững bền, mà nền Văn hoá này còn có khả năng cung cấp cho Dân tộc một Lộ đồ Tu, Tế, Trị, Bình có nét Nhất quán hay nét Lương nhất theo Tinh thần Dịch lý Việt, nhưng đây mới là Chính lược hay Chủ đạo Hòa Quốc gia về con Người, về Tinh thần Đoàn kết Dân tộc, về cách đem đạo lý Nhân sinh vào đời để mưu cầu phúc lợi chung và cuối cùng là giúp đạt tới cuộc sống Phong lưu hay an nhiên tự tại lúc tuổi già. Chúng ta cần nhận rõ nền Văn hoá Việt chỉ là chiếc La bàn định hướng chung cho Dân tộc gọi là Chính lược Hòa của Quốc gia. Các nhà làm Chính trị cũng như các nhà chuyên môn phải nắm vững Tinh thần này để vạch ra Chiến thuật theo từng giai đoạn phù hợp với hoàn cảnh đất nước, mà điều hành các Cơ chế Quốc gia cho được luôn Tiến bộ và Quân bình theo Dịch lý.

Điều quan trọng nếu chúng ta không bắt đầu từ Nguồn gốc Văn hóa Dân tộc là chúng ta đã quên Con Người và Tinh thần Đoàn kết Dân tộc cũng như cách đem Đạo lý Nhân sinh vào Đời thì đã đánh mất cái Kiềng 3 chân của triết lý Nhân sinh, nếu cứ đi theo ngã Văn học Nghệ thuật thì chỉ ôm Ngọn bỏ Gốc, thì đương nhiên các Cơ chế xã hội không thể tiến bộ và ổn định được.

Chúng ta không thể từ nan, viện lý do cho Văn hoá là vấn đề lâu dài chưa thể làm được mà bỏ qua, bỏ Gốc Văn hóa thì đánh mất tinh thần Đoàn kết Dân tộc để Dân tộc lâm vào cảnh phân hoá như nay thì phỏng làm được gì to lớn, vì vậy chúng ta cần có một phong trào vừa chấn hưng Văn hoá Dân tộc để vừa chấn hưng Tinh Nghĩa Đồng bào sao cho “ Tinh / Nghĩa Nhập Thần “ vừa đem Đạo lý Nhân sinh vào Đời thì may ra mới giải quyết nổi căn bệnh Vô cảm và thiếu Tinh thần trách nhiệm chung rất là trầm kha của Dân tộc.

CHƯƠNG KẾT

A.- VIỆT NHO VÀ TRIẾT LÝ AN VI QUA CÁI NHÌN NHẤT QUÁN

I.- ĐỊNH NGHĨA VIỆT NHO

“ Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo, Nam phương chi cường dã, Quân tử cư chi “. (*Khổng Tử*)
(*Tàu ở phương Bắc, Việt Nam ở phương Nam*)

II.- CHÂM NGÔN TINH THẦN LẬP QUỐC CỦA VIỆT NAM

Mẹ Âu Cơ: Non NHÂN

Cha Lạc Long: Nước TRÍ

Con Hùng Vương : HÙNG / DŨNG

(NHÂN / TRÍ → 1 (*Lưỡng nhất: Dual unit*) : HÙNG / DŨNG)

III.- ĐỊNH VỊ CON NGƯỜI VIỆT NHO

Vị trí Con Người trong Tam tài: Thiên / Địa *Lưỡng nhất* → Nhân

IV.- ĐỊNH NGHĨA CON NGƯỜI VIỆT NHO

“ Nhân giả Kỳ:

Thiên / Địa chi Đức

Âm / Dương chi Giao

Quý / Thân chi Hội

Ngũ hành (*Thủy / Hỏa - Thổ - Mộc / Kim*) chi Tú Khí “.

V.- TINH THẦN BẤT KHUẤT CỦA NHO: “ TÌNH / NGHĨA NHẬP THẦN “

“ Cư Thiên hạ chi quảng cư, Hành Thiên hạ chi Đại Đạo

Phú quý bất năng dâm, Bần tiện bất năng di, Uy vũ bất năng khuất “

VI.- NỀN TẢNG DÂN CHỦ TRONG VIỆT NHO

“ Dân duy bang bản, Bản cố bang ninh. Dân vi quý, Xã tắc thứ chi, Quân vi khinh. “

“Tru bạo quốc chi quân, nhượng tru độc phu “ (*Mạnh Tử*)

VII.- BẢN CHẤT THÁI HÒA CỦA VIỆT NHO

“Trung giả: Thiên hạ chi Đại Bản: Đại Bản là Dịch lý: “Chấp kỳ lưỡng đoan và Đoãn chấp quyết Trung “.

“Hoà giả: Thiên hạ chi Đại Đạo: “ Đại Đạo: Âm / Dương Hoà “.

“Thiên / Địa vị yên: Cơ cấu / Nội dung về Vũ trụ và Nhân sinh đều được sắp xếp tuân theo Dịch lý .

“Vạn vật dục yên: Thiên sinh / Địa dưỡng Lương nhất → Nhân hòa .

CHÍ TRUNG HÒA: Triệt Thượng / Triệt Hạ Lương nhất → THÁI HÒA < Trung Dung >.”

VIỆT NHO LÀ NỀN VĂN HÓA THÁI HÒA.

B.- TRIẾT LÝ AN VI & VIỆT NHO VỚI QUỐC KẾ DÂN SINH

I.- Chính Lược Quốc gia hay Chủ đạo Hòa của Dân tộc

1.- Bản chất Hòa của Việt Nho

Nền Văn hoá Việt tức Việt Nho có thể tóm tắt vào 3 chữ: **Chí Trung hoà**. Chí Trung hoà được thể hiện là nhờ vào Nguồn Bản chất Hòa của Nhất lý: “ **Thái cực “ Âm / Dương Hoà “** và cũng nhờ “ **Nhất lý thông mà Vạn lý minh (Tiểu Thái cực) “**.

Thái cực “**Âm Dương hoà “** là “ **Nhất lý thông “**, còn “ **Vạn lý minh “** là các **Tiểu thái cực**. Các **Tiểu Thái cực** chỉ Hòa được:

Khi **Nhân / Trí (hay Tình / Nghĩa)** được Lương nhất thì trở nên **Hùng / Dũng (HÒA)**

Khi **Từ bi / Trí tuệ** được Lương nhất thì trở nên **Hỷ xả (HÒA)**

Khi **Bác ái / Công bằng** được Lương nhất thì **Tha thứ được đến 70 lần 7 (HÒA)**.

Trong cuộc sống với nhau hàng ngày, trạng thái **Chí Trung Hòa** chỉ được thể hiện khi mỗi người đạt được mức sống “ **Tình / Nghĩa nhập Thân**”.

Tình là nguồn yêu thương có khả năng nối kết mọi người lại với nhau nhờ lòng Bao dung, về Lý thì khi sống với nhau phải theo **Nghĩa** tức là Ăn Ở với nhau theo Lễ Công bằng, vì “ **Có Đi / có Lại**” mới toại Lòng nhau”, nghĩa là “ **Tình / Nghĩa tương tham** “ hay “ **Tình / Nghĩa nhập Thân** “ khi đó mới Hoà với nhau, ngược lại là xa lìa nhau.

Hầu hết mọi Người đều bất toàn, mỗi người có Tư tưởng khác nhau, Thói quen khác nhau, Tính Tình khác nhau, mức độ Tình / Nghĩa cao thấp cũng khác nhau, nên khi sống hàng ngày với nhau tất phải có đụng chạm làm mất lòng nhau, gây ra bất hòa.

Tình Nghĩa tuy là cặp đôi cực nhưng lại không thể tách rời, mà liên kết với nhau như hai mắt của một Đồng Tiền.

Khi hành xử với nhau theo Tình thì phải nhớ kèm theo tiêu chuẩn Lý Công chính để không bị Thiên lệch, khi xử Lý với nhau cũng vậy, hai bên đối xử với nhau không thể thiếu Tình Yêu để sa vào cảnh Duy Lý cực đoan mà làm điều Bất công có hại cho nhau.

***Lối sống Thiên vị** cũng như **Bất công** đều gây ra Bất hòa, làm rối loạn Gia đình và Xã hội, làm khổ đau con người, cho nên” **Ăn Đồi thì Dễ mà Ở Đồi thì Khó** “ là thế!*

*Chừng nào mỗi người sống sao cho **Tình / Nghĩa nhập Thần** thì mới mong sống Hoà, sống Hạnh phúc với nhau được.*

*Thần là gì ? **Thần thì vô phương nên rất linh**, không chỗ nào mà Thần không hiển hiện được, không những thế mà còn hiển hiện nhiều nơi cùng một lúc, do đó Thần rất linh động, rất uyển chuyển, có vậy mới đáp ứng thỏa đáng cho mọi tình huống, nên chỉ có những Người Lòng rộng và Trí sâu mới đạt được.*

*Một con Người có tu luyện thường xuyên trong cuộc sống thì mới mong hành xử với nhau theo tiêu chuẩn Tình / Nghĩa hài hòa một cách linh động, uyển chuyển và nhuần nhuyễn sao cho thích hợp với từng Người, từng Hoàn cảnh, từng Sự việc, do đó mà có câu “ **Vi Nhân nan hỹ : Làm Người khó thay** “!*

*Với tình trạng say mê khoa học cùng với đời sống “ **Cao tốc và Mì ăn liền** “ hiện nay, khiến đa số xem nhẹ Đời sống Tâm linh (nguồn Tình), nên rất khó làm cho cặp đối cực Tâm linh / Khoa học hay Vô / Hữu được Lương nhất, con Người luôn bị dằng xé giữa hai yếu tố Vô biên và Hữu hạn. Tình thần cứ hướng “ Lên “ tới Vô biên, còn Thân xác thì lại bị Hữu hạn níu kéo “ Xuống “, nếu không ý thức rõ “ **ngịch số của Dịch lý** “ thì cứ khinh suất bỏ bê cái Thân xác Hữu hạn mà chỉ lo Tình thần Vô biên làm mất Quân bình thì sẽ làm cho Tâm / Thân không thể Hợp nhất được mà đạt Đạo, vì con người bị nhất chẻ đôi, nên bị phân liệt.*

*Theo Dịch lý thì trong cuộc sống hàng ngày, con Người một mặt phải hướng tới Tuyệt đối, nhưng mặt khác cũng phải chấp nhận Tương đối với lòng khoan dung để làm sao cho **Tuyệt đối / Tương đối Lương nhất** theo Dịch lý thì cõi Lòng mới an nhiên tự tại được.*

*Việc Làm Người thực sự là công trình khó khăn bậc nhất, nhưng nếu con Người cứ dùng lối sống **Vô cảm** (thiếu Tình) và thiếu **Tình thần trách nhiệm chung** (thiếu Công lý) thì cứ gây khổ đau triền miên cho nhau khiến cuộc sống trở nên thực sự vô nghĩa.*

*Cho tới lúc nào lâm vào cảnh **Chuột chạy cùng sào**, buộc con Người phải có Lựa chọn, hoặc quay lại lối sống “ **Vi Nhân nan hỹ** : mà an vui với nhau, hoặc cứ theo lối “ **Sống Chết mặc bay** “ thì cứ diều nhau vào cảnh Hoả ngục trần gian tăm tối!*

***Xem ra Tình / Nghĩa nhập Thần** “là chìa khóa vàng giúp mở toang cánh cửa Hoà, nguồn của Hạnh phúc Nhân loại. Chìa khóa đã được đúc sẵn, chỉ cần mọi người nắm lấy, tẩy sạch hết cặn bụi Thời gian cho trơn tru, mở tung cánh cửa Hoà ra mà sống cho hết cỡ Làm Người.*

*Tóm lại nền Văn Hóa Thái Hoà của Tổ tiên có khả năng đáp ứng được Nan đề “ **Bất Nhân và Bất Công** “ của con Người và Nhân loại, nếu chúng ta quyết tâm cùng nhau sống theo lối “ **Vi Nhân nan hỹ** “ bằng cách “ **Hoàn thiện mọi việc Làm** “ và “ **Hoàn thiện các mối Liên hệ hàng Dọc và hàng Ngang** “: **Hàng Dọc với Thiên Địa, hàng Ngang với Tha nhân**, mỗi người cũng phải sống sao cho hai “ **mối Liên hệ Dọc / Ngang lương nhất** “ thì mới vươn tới cuộc sống Hoà vui được.*

Trở lại với thực tế của Dân tộc ta hiện nay, cả Trong và Ngoài nước, tình trạng phân hoá ngày càng trầm trọng, một người trăm ý, trăm người ngàn ý, với gần trăm triệu người thì trăm triệu Ý, mong vào đâu mà toàn Dân tộc có được Một Ý / Một Lòng.. Một Ý chỉ có được khi mọi Người có được Một Tấm Lòng, đó là khi mà mọi người đạt được “ Tình / Nghĩa nhập thần “. Quả là thiên nan vạn nan!

Tình / Nghĩa nhập Thần hay Hùng / Dũng là Hồn của Dân tộc, có đi vào Hồn Dân tộc thì mới nhận ra nhau là Đồng bào, khi đó mới đoàn kết Toàn Dân với nhau được, nếu không thì cứ bám vào Phe nhóm, Dòng tộc, Đảng phái, Trí thức, Bình dân, ngay cả Tôn giáo cực đoan nữa, các thành phần khác nhau cứ vẫn tiếp tục tranh dành Hòn Thua đủ với nhau mà tan đàn xẻ nghé, nạn “ Tham Dĩa bỏ Mâm “ gây ra Đại Họa như đã từng xảy ra!

Hy vọng các Vị Lãnh đạo Tinh thần, các Vị Trí thức các ngành, các Vị Truyền thông là đầu tàu của Dân tộc, cùng nhau quay về Gốc con Người (Nhân / Nghĩa) và Gốc Dân tộc (Hùng / Dũng) để có được cuộc sống “ Tình / Nghĩa nhập thần”, thì các Vị có thể sẽ thổi lên một LUÔNG GIÓ HÒA, khi NGỌN GIÓ được dấy lên, thì trăm triệu Dân tuy đông, nhưng cũng chỉ như những Ngọn cỏ, LUÔNG GIÓ HÒA thổi chiều nào thì Ngọn cỏ sẽ ngã rạp theo chiều đó. Đó là sức mạnh NGHĨA KHÍ CHI DŨNG của nền Văn hoá Thái hòa có thể cứu nguy Dân tộc trong Công cuộc Cứu và Dựng Nước.

II.- Chiến lược Bảo vệ Quốc gia

Chiến lược Bảo vệ Quốc gia được Chiến lược gia Nguyễn Trãi đã tóm tắt trong Bình Ngô đại cáo của Vua Lê Lợi:

**“ Lấy Đại Nghĩa để thắng Tham tàn
“ Đem Chí Nhân mà thay Cường bạo “**

(B.N.Đ. C.)

III.- Chiến lược Xây dựng Quốc gia

Một nền Văn hóa có giúp Dân tộc xây dựng được nếp sống Thái hòa mới có khả năng Đoàn kết Dân tộc.

Có Đoàn kết Dân tộc mới tạo ra sức mạnh Chí Nhân của Toàn Dân, chứ không là sức mạnh phá hoại của Hận thù .

Một Dân tộc có Lòng Chí Nhân mới có khả năng thực hiện Lẽ Công chính hay Đại Nghĩa vào các Cơ chế xã hội để đem lại phúc lợi cho toàn Dân. Đó là Chính Nghĩa Quốc gia.

IV.- Chiến lược đem Đạo Lý Nhân sinh vào các Cơ chế Xã hội

Đạo lý Nhân sinh có phần Dụng rất quan trọng (Cơ, Ý, Tì, Dụng,) của Văn hoá Thái hòa, vì có thể giúp cho các Cơ chế xã hội được Tiến bộ và luôn Ổn định.

Bản chất Thái hòa mang tính chất Tiến bộ và Ổn định của nền Văn hóa là nhờ vào nền tảng hay Cơ cấu Dịch lý, do đó mà việc điều hành các Cơ chế Xã hội phải làm sao cho « các cặp đôi cực tương ứng « được Lương nhất.

Về **Kinh tế** phải điều hành làm sao cho cặp đối cực **Công hữu / Tư hữu** lưỡng nhất.

Về **Giáo dục** phải điều hành làm sao cho cặp đối cực **Thành Nhân / Thành Thân** lưỡng nhất.

Về **Chính trị** phải điều hành làm sao cho cặp đối cực **Nhân quyền / Dân quyền** lưỡng nhất.

Về **Xã hội** thì phải điều hành làm sao cho cặp đối cực **Dân sinh / Dân trí** lưỡng nhất .

V.- Chiến thuật Giữ Nước

Về chiến thuật thì phải tùy theo Hoàn cảnh Đất nước từng giai đoạn, các nhà làm Chính trị và chuyên môn một mặt cần nắm vững Chiến lược Quốc gia và phải quyền biến và tùy theo tình trạng lúc đó mà có những kế hoạch linh động phù hợp mới mong đạt kết quả.

Vì ở cạnh một nước lớn, nên chiến thuật Giữ nước vẫn là :

“ Dĩ Nhu thắng Cương

Dĩ Nhược thắng Cường “

Với cuộc Chiến Du kích của Toàn Quân, Toàn Dân và Toàn Diện.

Chiến thuật này không những giúp các nhà Lý, Trần, nhà Lê, nhà Nguyễn Tây Sơn . . . đánh thắng quân Tàu nhiều lần. . . mà ở Đại Hàn Hoàng Tử Lý Long Tường cũng giúp Vua Đại Hàn đánh thắng quân Mông Cổ hai lần.

C.- LỜI KẾT

Chỉ có Hán Nho bá đạo mới là quê mùa lạc hậu, còn Việt Nho thì không, vì Việt Nho gồm cặp đối cực **Tâm linh / Khoa học lưỡng nhất** là một **Tổng hợp Đông, Tây, Kim, Cổ** rất hợp với cảm quan thời đại. Việt Nho là một hệ thống về Triết lý Nhân sinh có khả năng Cứu nước và Dựng nước, cần phải phục hoạt. Phục hoạt Việt Nho là phục hoạt lại Hồn “ **Tinh / Nghĩa nhập Thần** “ của Dân tộc, tức là “ **đánh thức Hồn Dân tộc** “ đang ngủ” , đang chu lưu âm thầm trong huyết quản của Dân tộc mình, chứ không phải phục hoạt Việt Nho là để khoe mẽ rằng Dân tộc mình cũng có Văn hóa để xóa đi mặc cảm tự ti hay tự tôn rơm.

Thiết nghĩ Việt Nho tuy rất cổ, nhưng Tinh thần Triết lý An vi đã làm cho Việt Nho rất tân, vì đã cho chúng ta một cái nhìn Nhất quán về một Tổng Hợp Đông, Tây, Kim, Cổ, Việt Nho lại là nền Văn hoá Thái Hòa, một nền Văn hoá có thể đóng vai một Tôn giáo.

(Xin xem thêm Cuốn “ **Khi Đông Tây Giao Hội** “ trên vietnamvanhien.net)

Khi thiếu Hồn Dân tộc thì lẽ tất nhiên phải đi hoang, có làm gì về Văn hoá, Triết học, Chính trị, Kinh tế, Truyền thông cũng chỉ để tranh dành Hòn Thua nhau mang tinh thần “ **Khôn Độc**

**Dại Đàn ” mà không đi tới đâu. Nếu có lời nào đụng chạm thì Xin thứ tha cho những lời “
Trung ngôn nghịch nhĩ “ .**

Trân trọng,

Việt Nhân

THAM KHẢO

(1).- Mật Ước Thành Đô

(2).- Bản đồ tầm thực Lãnh Thổ và Lãnh Hải của Trung cộng

(3).- Bài thơ cho Nước

(4) . Minh triết Việt

(5). Nét Cong duyên dáng của Việt tộc

(6). The Living Constitution

(7). Năng lượng

(8). Truyện Tiên Rồng

(9). Truyện Việt Tinh

(1).- Mật Ước Thành Đô

Mật ước Thành Đô đã bắt đầu

(kimluan@comcast.net chuyển)

Thỏa Hiệp ngày 05-07-2020 là ngày thực hiện đợt 1 sát nhập nước Việt Nam.

Ngày 10-08-1987, ông **Nguyễn Văn Linh** (đang mắc bệnh ung thư) bay qua Trùng Khánh gặp Hồ Diệu Bang (1915-1989), Đặng Tiểu Bình (1904-1992= thọ 92 tuổi) bàn luận về các kế hoạch cắt đất, cắt biên giới và phác họa rõ ràng hơn 1 chương trình “sát nhập Việt Nam vào lãnh thổ Trung Quốc” qua chiến thuật “**Hoà Bình, hữu nghị, chậm chậm, êm ả, kín đáo, không ai có quyền biết đến**” với thời gian **60 năm, phân ra làm 3 giai đoạn, mỗi giai đoạn 20 năm.**

GIAI ĐOẠN I : Ngày 15-07-2020 : QUỐC GIA TỰ TRỊ.

GIAI ĐOẠN II : Ngày 05-07-2040 : QUỐC GIA THUỘC TRỊ.

GIAI ĐOẠN III: Ngày 05-07-2060 : Tỉnh lỵ Âu Lạc.

Thỏa Hiệp ngày 05-07-2020 là ngày thực hiện đợt 1 sát nhập nước Việt Nam.

TS KERBY ANDERSON NGUYỄN

10 giờ sáng ngày 08-04-2013, **Thiếu tướng Hà Thanh Châu**, Chính Ủy Tổng Cục Công Nghiệp Quốc Phòng (Chủ Nhiệm Tổng Cục là Trung Tướng Nguyễn Đức Lâm) được Luật Sư William

Lê hướng dẫn đến Sở Di Trú King County, Seattle, tiểu bang Washington State, nạp đơn “**xin tỵ nạn chính trị**”, sau 2 tuần lễ ông và vợ ông đi thăm 3 người con đang là “du học sinh” ở tiểu bang này.

Bốn ngày sau, qua trung gian của 1 “viên chức” cao cấp Hoa Kỳ, ông trao cho chủ bút Tạp Chí **Foreign Policy Magazine** một tập tài liệu “**tối mật**”, có liên quan đến sự sống còn của nước Việt nam, dự trù sẽ đăng tải cuối năm 2013. Tập tài liệu này, do người anh vợ của ông, Thiếu Tướng H.T.T. làm Chính Ủy Tổng Cục 2, dưới thời Tổng Cục Trưởng **Trung Tướng Nguyễn Chí Vịnh**, chép lại nguyên văn từ cuốn băng nhựa AKAI mang bí số ML887, ghi âm những cuộc họp bí mật của **các nhà lãnh đạo Việt Nam: Nguyễn Văn Linh, Lê Khả Phiêu, Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Nông Đức Mạnh** và **Trung Cộng: Giang Trạch Dân (sinh năm 1926), Lý Bằng, Lương Quang Liệt, Diệp Tuyền Ninh, Dương Đắc Chí, Hứa Thế Hữu... tại Thành Đô, thảo luận các thỏa hiệp sát nhập nước Việt Nam vào lãnh thổ “Trung Quốc”.**

Chúng tôi (tác giả bài viết này), hiện làm “bình bút” cho tờ *Foreign Policy Magazine*, nên được phổ biến bằng Việt ngữ, giới hạn, trong vòng thân hữu.

Thật ra, các cam kết “**giao nước Việt Nam cho Trung Quốc**”, đã được “**ký**” bằng “**lời hứa danh dự**” của **ông Hồ Chí Minh** với 2 Đại Tướng Tàu **Trần Canh** và **Vị Quốc Thanh**, thay mặt cho Mao Trạch Đông vào năm 1926. Bốn năm sau, năm 1930, thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam, ông Hồ khẳng định một lần nữa với Tổng Lý Chu Ân Lai: “*Việt Nam và Trung Quốc tuy hai mà một. Một dân tộc. Một Nền văn hóa. Một phong tục. Một tổ quốc. Nếu giúp chúng tôi thắng Pháp, thắng Nhật, thắng tất cả bọn tư bản vùng Đông Nam Á, nắm được chính quyền, thì nợ viện trợ sẽ hoàn trả dưới mọi hình thức, kể cả cắt đất, cắt đảo, lùi biên giới nhượng lại cho Trung Quốc, chúng tôi cũng làm, để đền ơn đáp nghĩa....*”

Ngày 14-09-1958, ông Hồ chỉ thị Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký “**công hàm**” giao đứt quần đảo Hoàng Sa cho Mao Trạch Đông. Lê Duẩn (tên thật Lê Văn Nhuận: 1907-1986) chết ngày 10-07-1986, ông Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) lên nắm chức Tổng Bí Thư, tức khắc nổi lại bang giao với Trung Quốc bằng 1 câu nói đề đòi trong lịch sử: “**Tôi cũng biết rằng, dựa vào Trung Quốc sẽ mất nước, nhưng mất nước còn hơn mất Đảng**”.

Ngày 10-08-1987, ông Nguyễn Văn Linh (đang mắc bệnh ung thư) bay qua Trùng Khánh gặp Hồ Diệu Bang (1915-1989), Đặng Tiểu Bình (1904-1992= thọ 92 tuổi) bàn luận về các kế hoạch cắt đất, cắt biên giới và phát họa rõ ràng hơn 1 chương trình “**sát nhập Việt Nam vào lãnh thổ Trung Quốc**” qua chiến thuật “**Hoà Bình, hữu nghị, chậm chậm, êm ả, kín đáo, không ai có quyền biết đến**” với thời gian 60 năm, phân ra làm 3 giai đoạn, mỗi giai đoạn 20 năm.

GIAI ĐOẠN I : Ngày 15-07-2020 : QUỐC GIA TỰ TRỊ.

GIAI ĐOẠN II : Ngày 05-07-2040 : QUỐC GIA THUỘC TRỊ.

GIAI ĐOẠN III: Ngày 05-07-2060 : Tỉnh lỵ Âu Lạc.

Tỉnh trưởng vẫn là người Việt, đặt dưới quyền lãnh đạo của Tổng Đốc Quảng Châu.

Thời gian này, **tiếng Việt là ngôn ngữ phụ, tiếng tàu là ngôn ngữ chính**. Một chút lịch sử về “**Âu Lạc**”: “**Thế kỷ thứ 3 trước Tây Lịch, ông Thục Phán, thủ lãnh của bộ tộc Âu Việt, là một trong những bộ tộc của Bách Việt ở về phía Bắc Văn Lang đã cùng Hùng Vương thứ 18 đánh bại cuộc xâm lăng của nhà Tần. Sau khi thắng quân Tần, vua Hùng Vương nhường ngôi cho Thục Phán, sát nhập lãnh thổ của người Âu Việt và Lạc Việt vào một, lập nước Âu Lạc, đóng đô ở Cổ**

Loa, thuộc huyện Đông Anh, Hà Nội ngày nay. Ông tự xưng là An Dương Vương, Nước Âu Lạc của An Dương Vương bị Triệu Đà thôn tính vào năm 206 trước Tây Lịch”.

QUY CHẾ KHU TỰ TRỊ: Sau đây xin mời quý vị nghe lại cuộn băng nhựa của Tổng Cục 2 Việt nam với lời lẽ bề trên, trích thượng của người Tàu, ban mệnh lệnh, giáo huấn, dạy dỗ, răn đe cấp lãnh đạo Việt Nam phải làm những gì suốt 60 năm dài **“tịch thu”** nước Việt Nam từng bước một: **“Âm thầm, Lặng lẽ, Từ từ như tầm ếch dẫu. Khéo như dẹt lụa Hàng Châu. Êm như thảm nhung Thảm Quyển...”** theo thể thức “diễn tiến hoà bình”. Làm cách nào để cho người Việt Nam và dư luận quốc tế nhìn nhận rằng, người Tàu **không “cướp nước Việt”** mà **chính người Việt Nam tự mình “dâng nước”** và tự ý đồng hóa vào dân tộc Trung Hoa.

Tại Thành Đô, Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh xin xỏ **Đặng Tiểu Bình:** *Nhờ Trung Quốc mà Đảng Cộng Sản Việt Nam mới nắm được chính quyền, mới thắng đế quốc Pháp, đế quốc Mỹ, diệt được bọn tư bản phản động. Công ơn Trung Quốc to lắm, bốn biển gộp lại cũng không bằng. Do thế, nhà nước Việt Nam đề nghị Trung Quốc xóa bỏ các hiểu lầm, các bất đồng đã qua. Phía Việt nam sẽ làm hết sức mình để vun bồi tình hữu nghị lâu đời vốn sẵn có giữa hai đảng do Mao Chủ Tịch và Hồ Chí Minh dày công xây dựng trong qua khứ. Việt Nam sẽ tuân thủ đề nghị của Trung Quốc là cho Việt Nam được hưởng **“quy chế khu tự trị trực thuộc chính quyền trung ương Bắc Kinh”** như Trung Quốc đã từng dành cho Nội Mông, Tây Tạng, Tân Cương, Quảng Tây...* Để kịp chuẩn bị tâm lý nhân dân và giải quyết các bước cần thiết cho việc gia nhập vào đại gia đình dân tộc Trung Quốc, xin cho thời hạn chuyển tiếp sát nhập là 60 năm: 1990-2020. 2020-2040. 2040-2060. (còn tiếp)

(2) .- Bản đồ tầm thực Lãnh Thổ Lãnh Hải của Trung cộng



(3) .- Bài thơ cho Nước

Thơ Trương Chi

[Nha Nam Media April 1, 2018](#)

*Tôi sinh ra giữa lòng Cộng Sản
Và lớn lên dưới ảnh Bác Hồ
Bao nhiêu năm viết “Độc lập – Tự do*

và Hạnh phúc” nhưng chưa từng thấy thế
Đất nước tôi có bao người tuổi trẻ
 Đều làm tin vào lịch sử Đảng truyền
 Họ nói rằng: Bác là thánh, là tiên
 Người đưa Nước thoát khỏi vòng nô lệ
Nhưng trong tôi thấp muôn vàn lý lẽ
 Cuộc chiến nào mà Đảng thắng – Nước thua?
 Dân làm giặc mà Đảng lại làm vua
 Trên danh nghĩa “kẻ tôi đòi trung hiếu”
Đất nước tôi tất thủy do Đảng liệu
 Đảng phân công, quản lý hết cuộc đời
 Từ cây kim, sợi chỉ đến chén cơm, manh áo dù rách nát, nhỏ nhoi
 Thì tất cả đều nhờ ơn của Đảng
“Yêu Tổ quốc” có nghĩa là “yêu Đảng”
 “Chống chính quyền” là “phản bội quê hương”
 Bao người vì non sông với niềm tin vào ngày mai nước Việt hùng cường
 Đều lần lượt chịu tù đầy, khổ ải
Đất nước tôi có gì không độc hại
 Từ thức ăn, nước uống đến không khí ô nhiễm tràn lan
 Từ nhu yếu phẩm của đứa trẻ sơ sinh đến cụ già sắp lìa khỏi trần gian
 Đều tẩm độc vào xác – hồn nước Việt
Có nơi đâu mà người dân thua thiệt
 Bằng thiên đường Xã Hội Chủ Nghĩa thế này không?
 Máu dân oan đã nhuộm đỏ sông Hồng
 Loài hung bạo chiếm hết trời – đất – biển...
Đất nước tôi với mọi điều trái ngược
 Ngược văn minh, ngược tiến hóa loài người
 Những phát ngôn của quan chức nực cười
 Ngược đời thế, nhưng “tài tình lãnh đạo”
Ươn hèn nhất, bọn bút nô – Tuyên giáo!
 Với hàng trăm tờ báo, đài vô tuyến – truyền hình
 Ngoài mị dân, ru ngủ, chỉ những tin “cướp – giết – hiếp” hay bản nhạc “đúng quy trình”
 Còn nhục nước họa dân thì muôn đời nín lặng
Đất nước tôi với sưu cao thuế nặng
 Còn hơn thời phong kiến, thực dân
 Những trạm BOT mọc lên khắp tỉnh thành
 Cùng hàng vạn “áo vàng” chực rình thu mãi lộ
Ôi chân lý mà bao người “giác ngộ”
 Làm suy đồi đạo đức mấy ngàn năm
 Đưa quốc dân vào chia rẽ – thù hằn
 Và kiểm tóa đường tương lai dân tộc
Đất nước tôi mất dần vào Trung Quốc
 Mất Hoàng Sa, rồi mất đến Trường Sa
 Mất Biển Đông, Bản Giốc, rồi những nơi trọng yếu của nước nhà
 Đảng biết rõ, nhưng làm ngơ tất cả
Từ có Đảng, biết bao điều tai họa

Như mệnh trời muốn thử thách người Nam
Mà Đảng vẫn huênh hoang nào “thắng lợi vẻ vang”
Nào “thời đại Hồ Chí Minh”, nào “dân giàu nước mạnh”
Đảng hào nhoáng với ngai vàng lấp lánh
Còn dân đen thì đời khổ, nghèo nàn
Những ủy ban, hội đồng... đều mang mác “nhân dân”
Chỉ kho bạc là của riêng “nhà nước”
“Đổi mới” rồi “kiến tạo” với bao đời Thủ tướng
Bao đời Tổng Bí thư từ Chinh, Duẩn, Linh, Mười...
Bao sai lầm mà Đảng chẳng nên người
Sợ kinh nghiệm rút kiếp nào cho hết
Đảng cứ sống và dân thì cứ chết
Cứ chết dần trong mơ ước tàn phai
Trong căn bệnh ung thư hay tai nạn giao thông... rồi sẽ đến một mai
“Chết từ từ” để giết nòi giống Việt
Tôi xấu hổ khi nói cùng thứ tiếng
Và viết chung ngôn ngữ với một đảng đê hèn
Hít thở bầu khí quyền màu đen
Bóp nghẹt Tự Do ở dưới triều Cộng Sản
Tôi sinh ra giữa lòng Cộng Sản
Nhưng tôi là một người Việt Tự Do
Trong tim tôi là lý tưởng Quốc Gia
Và chính nghĩa là chủ trương dân tộc
Xin cảm ơn những tấm gương bất phục
Và những người yêu Nước của hôm nay
Đã dấn thân vào những chốn đọa đày
Vẫn khí khái cất cao lời tranh đấu
“Ghét Cộng Sản” chẳng bao giờ là xấu
“Yêu đồng bào” từ giòng máu Việt Nam
Chúng ta là con cháu xứ Văn Lang
Và thể quyết làm sáng danh Hồng – Lạc
Hỡi những người trai, cô gái Việt
Hãy đứng lên vì non nước lâm than
Diệt bá quyền, lật đổ lũ tham tàn
Cho không thẹn với hồn thiêng sông núi
Hãy bước đi theo tiếng đời thúc gọi
Triệu tâm lòng vì đất nước – quê hương
Sẽ noi gương anh dũng của Trưng Vương
Mang ý chí Diên Hồng xây đắp nền Cộng Hòa tự chủ.
Cho quê hương Việt Nam, mùa Xuân 2018

Trương Chi

(4)

MINH TRIẾT VIỆT

Việt Nhân

Nhận được thư chuyển có tựa đề: **Mối Quan hệ giữa Minh Triết với Quyền lực và Chính trị** “ của Ts. Lê Công Sự “ cùng bài phản biện của Ông Phạm Khiêm Ích (1) với lời yêu cầu Góp ý của Ông Lê An Vi, tiếp theo chúng tôi lại nhận thêm bài Thơ “ **Đất nước mình ngộ lắm phải không Anh ?** của người con Gái nơi quê Mẹ của tôi cách nửa vòng trái Đất “ (2), cùng **những tin đồn dập về Cá chết hàng loạt ngoài biển** miền Trung, chúng tôi không có ý phản biện bài viết, cũng không họa thơ, mà chỉ nhận cơ hội góp vài ý về Minh triết Việt để làm sáng tỏ một vài vấn đề về Văn hoá Việt, hy vọng sẽ phần nào đáp ứng được ước vọng của những người còn thiết tha với tiền đồ của Dân tộc.

Tuy với Hình thức Cũ rất Cũ, nhưng với Tinh thần Minh triết, Bài viết sẽ mang tới Nội dung rất Mới, rất hợp với thời đại Khoa học ngày nay, Kính xin quý vị cảm phiền chịu khó đọc Kỹ cho hết. Đa tạ.

A.- MINH TRIẾT

I.- Định nghĩa: Triết: Triệt dã:

Theo Nho thì Triết cần phải “ suy xét cho tới cùng triết “ mọi vấn đề, nên phải Triệt Thượng và Triệt Hạ. Triết gồm có hai lãnh vực ngược chiều:

Triệt Thượng là : **Cao minh phối Thiên:** Có vuơn Lên chỗ Cao mới Sáng soi thấu được cõi Trời hay linh phối với bầu Trời để tiếp cận với nguồn Tâm linh: Nguồn Sống và Nguồn Sáng (Có thể suy từ trục Thủy / Hỏa của Ngũ hành) thuộc Đời sống Tinh thần.

Triệt Hạ là: **Bác hậu phối Địa:** Có lăn lộn Xuống khắp chốn Rộng Sâu mới bao quát được bờ cõi mặt Đất để khai thác các định luật Vật chất trong Vũ trụ cần thiết cho đời sống Vật chất.

Con Người là Tinh hoa của Trời Đất (**Nhân giả kỳ Thiên Địa chi Đức**),tuy Tinh hoa Trời Đất được kết tụ nơi Minh, nhưng Tinh thần và Vật chất có được kết hợp với nhau làm Một (: Body and Mind in One) thì mới giúp cho “ Thân an Tâm lạc “, nhờ đó mà con Người có “ **một Cơ thể tráng kiện trong một Tâm hồn minh mẫn** “, cũng nhờ đó mà con người có khả năng sống theo Tiết nhịp “ **Thiên sinh, Địa dưỡng, Nhân hòa.** “.

Nói cách khác, khi có cái nhìn Cao Sáng và Sâu Rộng đủ cả Trên lẫn Dưới, cả Trong lẫn Ngoài, từ Gần tới Xa, từ Nhỏ tới To, từ nơi Rõ ràng tới chốn Sâu kín. . . thì con Người mới được Chu tri (holistic knowledge) hay có cái Nhìn viên mãn để tránh cảnh “ triết lý sờ voi “ mà đưa tới cảnh bị phân hoá.

Khi kết hợp được hai chiều ngược nhau của: Trên / Dưới , Cao / Thấp, Trong / Ngoài, Rộng / Sâu, Trước / Sau . . . thì con Người mới có cái nhìn toàn diện, giúp quán thông được cả ba cõi **Thiên, Địa, Nhân** , do đó mà bảo : ” **Thông Thiên, Địa, Nhân, Viết Nho.** “.

II.- Minh bằng cách nào?

Minh là “ làm rõ ra “ phải làm sao cho Triệt Thượng và Triệt Hạ ngược nhau mà giao hòa hay được kết hợp với nhau thành nét **Lưỡng nhất**: (Dual unit: 2 →1).

Chúng ta dùng hình Thái cực để giải thích về **nét Lưỡng nhất**: “ **Âm Dương hòa** “



Hình Thái cực

Thái cực gồm **Âm** (màu Đen) / **Dương** (màu Trắng) kết lại làm một, gọi là “ **Nhất Nguyên Lưỡng cực**”.

Nho có các câu về Thái cực :

“ **Âm trung hữu Dương căn, Dương trung hữu Âm căn**: Trong Âm màu Đen có mầm Dương màu Trắng, trong Dương màu Trắng có mầm Âm màu Đen “.

“ **Thể / Dung nhất Nguyên, Hiển vi vô gián**: Cái Thể (Bên Trong) và Diện (Bên Ngoài) có cùng một Góc, Cái Hiện rõ (Dương) và cái Ẩn tàng (Âm) liên kết với nhau, không có chia cách “.

***Âm** (màu Đen) **trung hữu Dương căn** (có chấm màu Trắng): Trong Âm có mầm Dương.

Tuy Âm có Thể bên Trong màu Đen, nhưng Dung hay Diện bên Ngoài lại có chấm Trắng, nên Diện mang tính chất Dương, do đó Âm trở thành ion +

***Dương** (màu Trắng) **trung hữu Âm căn** (có chấm màu Đen): Trong Dương màu Trắng lại có mầm Âm màu Đen, cái Diện bên ngoài mang tính chất Âm, nên Dương là ion –.

***Ion + kết hợp với ion – thành dòng Điện tức là ion – và ion + đạt trạng thái Hòa ở thể Quân bình động.**

Triệt Thượng liên hệ với Âm, Triệt Hạ với Dương, khi Thượng Hạ giao thoa thì « Âm Dương hoà ». Khi “Âm Dương hoà “thành luật phổ biến thì trở thành « **Đại Đạo Âm Dương hoà** « ..

Khi Triết Thượng và Triết Hạ kết giao thành nét Lương nhất thì Triết mới được Minh, ta gọi là Minh triết. Minh triết là luật Biến dịch trong Vũ trụ hay Thiên lý, chứ không ai có Minh triết.

Đông phương thì có Minh triết « **Đại Đạo Âm Dương hoà** ». Tây phương cũng suy tư theo nghịch lý **Diễn dịch / Quy nạp** hay **Phân tích / Tổng hợp**, nhưng không thấy đề cập tới nét Nhất quán hay Lương nhất của Vấn đề. Mối Liên hệ của Tây phương theo Khoa học thuộc loại **Liên hệ Cơ khí** (mécanique) chứ không phải mối **Liên hệ Cơ thể hai chiều** theo Dịch lý như như Đông phương (organique) .

Tổ tiên chúng ta đã sống thuận theo Thiên lý bằng cách sống sao cho « **Tình Lý tương tham** », Cụ Nguyễn Du đã ví von : " **Bên Ngoài là Lý, nhưng Trong là Tình** .

Khi sống ngoài Xã hội thì phải **Suy tư** (nhờ Nguồn Sáng: Thinking) theo Khoa học để khám phá vũ trụ Vật chất mà nâng cao đời sống Vật chất, nhưng **trong từng Cá nhân** thì phải **Quy tư** về nguồn Tâm linh (nhờ Nguồn Sống: feeling) mà nâng cao đời sống Tinh thần bằng cách ngồi yên tĩnh và bất động, bỏ vương vấn cuộc đời mà « **Đôn hồ nhân, cố năng ái** : Đôn hậu Tình người để mà yêu thương nhau « tức là **un đúc nguồn Tình** ».

Khi sống với nhau trong Gia đình và ngoài Xã hội thì lại phải dùng Lý, nhưng Lý cần được sự bao bọc che chở của nguồn Tình để cho Lý được công chính mà đạt tới trạng thái Hòa .

Tình Và Lý hoạt động như sự truyền đi của Ánh sáng : Theo nhà vật lý Brooglie thì Ánh sáng được truyền đi vừa theo Đường Thẳng của dòng Hạt photon vừa theo làn Sóng hình Sin bao quanh dòng photon. Làn Sóng bao bọc che chở cho dòng Photon tựa như nguồn Tình, còn dòng Photon truyền theo đường thẳng tựa như Lý công chính. Đây là lối sống hòa « **Hợp Nội Ngoại chi Đạo**: kết hợp Trong / Ngoài vào nhau làm Một » .

Tình thôi thúc con Người tìm đến với nhau, Lý giúp con người sống « có Đi có lại cho toại lòng nhau « nghĩa là sống công bằng mà Hoà với nhau, khi hành xử Tình / Lý kết đôi thì sống hoà vui với nhau. Hoà là nguồn mạch của hạnh phúc.

Nếp sống theo Việt lý này đã được thâm nhập vào huyết quản của Dân tộc Việt trong mọi lãnh vực qua hàng ngàn năm. Các cặp đối cực của Dịch lý hay nét Lương nhất là sợi chỉ hồng xuyên suốt nền Văn hoá Việt, nét Lương nhất đã thâm nhập vào mọi sinh hoạt của dân Việt như các huyết quản chu lưu khắp thân thể con người .

Đây là nếp sống vừa **Chu tri theo tinh thần Triết lý (Lý)** vừa có **tính chất Tế vi của Nghệ thuật (Tình)** để giúp sống hòa với nhau, nên là việc không dễ làm, xin đừng làm là nếp sống nhà quê lạc hậu.

III.- Ví dụ điển hình

Để làm sáng tỏ Vấn đề, chúng ta xét tới sự giao thoa thành nét Lương nhất của một số cặp đối cực :

1.-Trong Con Người

Khi em bé vừa được sinh ra, bắt đầu hơi **Thở Vào** và hơi **Thở Ra** được điều hòa thì mới khóc oe oe, báo hiệu là cuộc sống bắt đầu . **Hơi thở Vào** do **Thần Kinh Giao cảm** (sympathetic) làm cho

quả tim đập nhanh, hơi Thở Ra do **Thần kinh đối Giao cảm** (*parasympathetic*) làm cho quả tim đập chậm, do vậy mà hơi Thở Vào và Thở ra có **điều hoà** theo Quân bình động thì áp suất máu mới điều hoà, sức khỏe con Người mới ổn định. Những người có hơi thở không điều hoà thì bị bệnh áp huyết cao hay thấp.

Người ta thường ngồi Thiền tập hơi Thở Vào / Thở Ra để duy trì thể cân bằng trong Cơ thể hầu như dần, hầu loại trừ những ý tưởng làm vướng vẩn cuộc đời cho Thân an Tâm lạc hay Thân Tâm hợp nhất (*Body and Mind in One*).

2.- Trong cây cối:

Rễ cây thì mọc **Xuống**

Thân, Cành , Lá thì mọc **Lên**.

Rễ cây hút Nhựa Thô dưới Đất chuyển **Lên** Lá cây, ở đây nhờ năng lượng ánh sáng mặt Trời, Nhựa Thô được quang hợp thành Nhựa Luyện. Nhựa luyện lại được chuyển **Xuống** khắp nơi trong cây để cho cây sinh tồn và phát triển. Nhờ Hiện tượng luân chuyển **Lên Xuống** để cho nhựa Thô biến thành nhựa Luyện để cây phát triển mà đơm Hoa kết Trái. Hoa Trái là hệ quả cao nhất của hoạt động **Lên Xuống** của nhựa cây. Hoa được kết Trái là Tinh hoa của sự **Lượng** hợp **Lên Xuống** của nhựa cây.

3.- Trong Sinh vật

Gái / Trai, Mái / Trống, Cái / Đực , nhụy Cái / nhụy Đực là những cặp đối cực (*opposite term*) kết hợp với nhau mà sinh ra Con Cái . Con Cái là hệ quả của nét **Lưỡng nhất** . Con cái (1) mang nhiễm thể X / Y của Cha Mẹ (2) mà thành là nét **Lưỡng nhất** (2 → 1)

4.- Trong Không gian

Các Thiên thể di chuyển không ngừng trong không gian theo hướng vô cùng vô tận nhờ sự cân bằng động của sức **Quy tâm và Ly tâm**.

5.- Trong một Nguyên tử

Một Nguyên tử được trung tính nhờ sự cân bằng giữa sức **Quy tâm** của hạt Nhân (*proton*) và sức **Ly tâm** của **điện tử** (*electron*).

6.- Trong Điện học

Những **ion -** và **ion +** chạy ngược chiều trong dây dẫn điện giao thoa nhau mà sinh ra dòng Điện.

7.- Trong Từ học

Từ lực của **Cực Nam** và **cực Bắc** của một Nam châm giao thoa nhau mà sinh ra Từ phổ.

8.- Trong Hoá học

Thì có Base (*pH: 7 - 14*) và Acid (*pH : 7 - 1*) phản ứng với nhau mà có phản ứng Trung tính.

9.- Trong Âm học

Thì hai âm có Tần số thích hợp thì giao thoa với nhau mà sinh ra tiếng Bồng tiếng Trầm cũng như cộng hưởng với nhau,

7.- Trong Toán học

Thì có số Âm - và số Dương + đối xứng kết hợp với nhau thành số 0. Trong toán học cũng có phép **Vĩ phân và Tích phân**.

8.-Trong Vũ trụ

Thì có Năng lượng Tối và Năng lượng Sáng.

9.- Trong Khoa học Vật Lý hiện đại

Thì có **Thời / Không** nhất phiên (Time – Space – Continuum) của Einstein. Thời gian và không gian là hai mô căn bản (tissu fondamentale) như sợi Dọc và sợi Ngang đan kết với nhau mà sinh ra vạn vật.

(Xem SPACE.com. Warping Time and Space).

10 . Trong Nho

Thì có **Cơ cấu Ngũ hành**: 2 cặp đối cực (**Thủy / Hỏa, Mộc / Kim**) của Tứ hành nhờ sự Dung hoá của **hành Thổ** mà đan kết với nhau mà sinh ra vạn vật. Ngũ hành chính là nguồn sinh sinh hóa hóa của Vũ trụ, hay Tạo hóa hư hay Lò Cừ .

11.- Trong Lạc thư của Lạc Việt

Thì có các cặp số **Lẽ** và số **Chẵn** thuộc vòng Trong và vòng Ngoài của số độ Ngũ hành được xếp theo mạch nối chữ Văn và chữ Vạn, quay ngược chiều nhau, đan kết với nhau cá biệt hoá mà sinh ra vạn vật, đó là Lạc thư Minh triết (xem cuốn Lạc thư Minh triết của Kim Định).

Những ví dụ trên nói về sự kết hợp của những cặp đối cực làm Một để thành một hợp thể Tiến bộ mang tính chất Hòa, gọi là nét Lương nhất .

IV.- Dịch lý

Tất cả các cặp đối cực được Nho tổng quát bằng Âm Dương. Cặp đối cực Âm Dương được gọi là Nghịch số của Dịch (sự biến hoá) , nên có câu: “**Dịch : Nghịch số chi Lý** “ , Lý Biến dịch của “ **Âm Dương tương thôi** “ (Tương thôi là níu kéo và xô đẩy nhau) lập nên thế Quân bình động, nhờ trạng thái quân bình động mà thay đổi để tiến bộ và luôn được ổn định trong trạng thái cân bằng động tức là **trạng thái Hoà**, do đó mà có : “ **Âm Dương hoà** “ , Âm Dương hoà là luật phổ biến, nên trở thành “ **Đại Đạo Âm Dương hoà** “ hay còn gọi là **Tiến nhị của Vũ trụ** (cosmic rhythm).

Ta có thể lấy một thí dụ đơn giản để gợi ý về sự Biến dịch của “**Âm Dương tương thôi**” như sự **kéo dãn của hai phe**. Hai phe là cặp đối cực mà sức Niu / Kéo của hai bên không quá cách biệt, khi hai bên kéo nhau thì cái dây cứ liên tiếp xích bên này rồi xích bên kia, mỗi lần di chuyển rồi lại ngừng giây lát, và cứ dãn co như vậy. Sự di chuyển tạo ra sự “ Tiến bộ “ và sự ngừng lại ở mỗi thời điểm và không điểm là Trạng thái “ giao Hòa nhau “ , điểm Ngừng lại không ở một chỗ mà cứ di chuyển qua lại liên tiếp, đó là trạng thái Quân bình động.

Như vậy, sự Biến dịch theo Dịch lý tạo ra sự Tiến bộ ở Trạng thái tạm ổn định mà Hòa ở từng Thời và Không điểm gọi là Quân bình động.

Vợ Chồng là Nghịch số, là cặp đối cực. Vợ Chủ Tình, Chồng chủ Lý, khi sống sao cho Tình / Lý vẹn toàn với nhau thì “ Thuận Vợ thuận Chồng “. Mỗi Tình giúp hai Vợ Chồng tìm đến kết đôi với nhau, Lý giúp hai Vợ Chồng hành xử công bằng với nhau mà sống Hòa với nhau để “ Thuận

Vợ Thuận Chồng, sống Hạnh phúc bên nhau, Hạnh phúc là mục tiêu cao cả của con Người. Vợ Chồng là đầu mối của đời sống của người Quân tử (**Quân tử cho Đạo, tạo đoan hồ phu phụ**), vì Gia đình là nếp sinh hoạt cao nhất trong Vũ trụ và cũng là nền tảng của Xã hội. Gia đình “ thuận Vợ thuận Chồng “ là Hạnh phúc con Gia đình cũng là nền tảng Hoà bình của Xã hội.

Cặp đôi cực Âm Dương kết thành Thái Cực .Nho lại có câu: “ **Nhân nhân, vật vật các hữu Thái cực** “ : Người nào, Vật nào cũng đều có Thái cực, vì Người nào, Vật nào cũng do cặp đôi cực đã kết thành Lương nhất.

Do đó mới có câu: “ **Thế / Dụng nhất Nguyên, Hiên / Vi vô gián** “: Cái Thế bên Trong và cái Diện bên Ngoài của mỗi Vật đều có nguồn Gốc Nhất thể. Con Người chân tu có cái Thế (Lòng) Nhân ái thì mới có bộ Mặt (Diện) hiên lành, Ấn Nói từ tốn, Hành động khiêm cung. Nhất thể của Vạn vật là Vật chất và Năng lượng. Vật chất có thể biến ra năng lượng theo công thức (của Einstein) : **E= MC²** .

M là khối lượng Vật chất được biến ra năng lượng, C là tốc độ ánh sáng: 300.000 km / giây . MC²: bình phương của tốc độ ánh sáng là số năng lượng phát ra từ khối lượng vật chất M. E là Năng lượng từ khối lượng M phát ra, đó là năng lượng Nguyên tử .

Con Người có Cơ thể là Vật chất. Vật chất và Tinh thần (siêu Vật chất) đều hoạt động được là nhờ năng lượng. Vật chất và Tinh thần có là Một thì con Người mới quân bình.

Cùng một lẽ, **Đạo và Đời cũng là Một**, không thể ly cách, vì: “ **Đạo bất viễn nhân**: Đạo không ở xa con Người mà ở trong Tâm con Người “, muốn tu thì cứ đi vào Tâm mình bằng cách ngồi yên tĩnh và bất động, xóa bỏ màn Vô minh Tham, Sân, Si cho cõi Lòng trống rỗng mà tiếp cận với Nguồn Sống và nguồn Sáng, nên ai cũng phải Tu, mà Tu Đạo là để có Nhân Nghĩa mà sống Hoà trong Đời, ở Đời mà không Tu để tìm về Nguồn Gốc. “ thì mất Gốc Nhân Nghĩa thuộc Tâm linh mà sống xào xào với nhau . Chữ Đạo theo Nho là đi về Nguồn (Tâm linh) .

Do đó “ **Cố ly vật cầu Đạo giả, vọng nhi dĩ hĩ**: Việc Lià Xa sự Vật mà cầu Đạo là chuyện hão huyền “ (Hồ Như Phong. Đại cương 145).

Cùng thế, những cái **Hiên rõ** (Dương) cũng như cái **Ấn tàng** (Âm) đều không có chia cách vì cùng Nhất thể, do Nhất thể, nên “ **Vạn vật tương liên** “, giữa con Người với các môi trường Không khí, Nước, Đất cũng như (môi) trường Tần số (do ba động của làn Sóng) đều có Liên hệ Cơ thể với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau, một cái dơ nắm tay của chúng ta cũng ảnh hưởng đến cả Vũ trụ, vì vật nào nặng nhẹ đều phát ra Tần số, vật nặng có Tần số Thấp, vật Nhẹ có tần số Cao, các Tần số thích hợp có thể giao thoa với nhau và cộng hưởng với nhau, do đó mà Tổ tiên chúng ta có câu: **Hồn Thiêng Sông Núi**.

Hồn thiêng. Hồn thiêng khi nào và ở đâu Hồn cũng hiển hiện được, và hiển hiện cùng một lúc (cùng Thời gian) ở nhiều nơi trong Không gian (ubiquitous), đó là nhờ tần số của Tư tưởng. Tần số do năng lượng của các electron phát ra khắp vũ trụ. Người ta biết được khả năng hiển hiện của Tần số do năng lượng của electron phát ra khắp nơi, vì tổng số pin của hai electron ở gần hay cách xa vạn dặm vẫn bằng không, số pin là số vòng quay ngược chiều của hai electron. Nhờ có năng lượng mà con người Suy tư được, năng lượng gây ra ba động tạo ra tần số.

Theo Huyền thoại Việt Nam, chúng ta có Châm ngôn:

Mẹ: Non Nhân, Cha: Nước Trí, Con Hùng Vương : Hùng Dũng .

Mẹ / Cha , Nhân / Trí là Nghịch số trong Thái cực. Khi mình Ăn Ở biết yêu thương nhau (theo Tình: Nhân) và hành xử Công bằng với nhau (theo Lý: Nghĩa) thì mình bắt gặp được Tàn số tư tưởng của Cha ông qua cảm nhận của Trực giác. Khi luôn sống theo Tình Lý kết đôi thì con Người trở nên Hùng / Dũng: **Hùng** là sức mạnh của Cơ bắp, **Dũng** là sức mạnh của Tinh thần. **Hùng Dũng là tinh thần Đoàn kết cũng là Nội lực của Dân tộc để lập Quốc Việt Nam .**

Vua Hùng là Quốc Tổ Hùng Dũng của Việt Nam

Lối Quy tư và Suy tư của Tổ tiên Việt cũng là Triệt Thượng và triệt Hạ:

Một là **hương Ngoại** thì **Suy tư** để khám phá định luật trong **thế giới Vật chất** mà nâng cao đời sống.

Hai là **hương Nội** tức là **Quy tư** về Tâm mình để tiếp cận với **nguồn Tâm linh**: nguồn Sống và nguồn Sáng. Nguồn Sống là Động lực (Tình) giúp cho Hương đi của nguồn Sáng (Lý) được Công chính mà Hoà với nhau.

Khi kết hợp được Nghịch số Quy tư và Suy tư theo Dịch lý “ Âm Dương hòa ” thì cuộc sống con Người mới bắt nhịp với **Tiết nhịp Hòa của Vũ trụ** mà sinh tồn và phát triển.

Trên đây là vài nét về Minh triết Việt theo Việt Nho.

B.- MINH TRIẾT TRONG CẤU TRÚC NGÔN TỪ: NÉT GẤP ĐÔI

Người Việt Nam có thói quen Nói theo lối gấp đôi (twofold) thành cặp đối cực của Dịch lý. **Khi để ý tới Cơ cấu và cách Vận hành của Ngôn từ Việt thì chúng ta nhận ra được cuộc sống nhịp theo Thiên lý Thái cực của Dân tộc Việt.**

Chúng ta thường nói: Ăn / Ở, Ăn / Nói, Ăn / Uống, Ăn / Làm, Ăn / Ngủ, Làm / Lụng, Đi / Đứng, Học / Hành, Vợ / Chồng, Mẹ / Cha, Tiên / Rồng, Tình / Lý hay Nhân / Nghĩa, Núi / Sông hay Sơn / Hà, Nhà / Nước, Thời gian / Không gian hay Vũ / Trụ . . .

Ăn / Ở

Ăn (vào) / Ở (ra)

Ăn là nhu cầu đầu tiên của con Người để tồn tại và phát triển, đó là Thiên tính, không ai có thể Sống mà không Ăn. Đã sinh ta thì ai cũng biết Ăn, nhưng Ăn cho khỏe Xác thì thức ăn phải gồm đủ hai yếu tố ngược nhau Ngon / Lành.

Thức ăn Ngon phải thoả mãn năm giác quan: Đẹp mắt (Thi giác), Ngon miệng (Vị giác), Mùi thơm (Khứu giác), Dòn tan khi nhai (Thính giác), Dễ chịu khi cầm lấy (Xúc giác), có vậy Dịch vị mới tiết ra giúp sự tiêu hóa được tốt.

Thức ăn lành thì dễ tiêu hóa không gây bệnh. Đồ ăn Ngon thì không mấy lành, đồ Ăn Lành thì ít Ngon. Có điều hòa được hai yếu tố Ngon và Lành thì sức khỏe mới luôn ổn định, khi đó thì Cơ thể mới khỏe mạnh, làm giá đỡ cho Tinh thần mình mãi. (Body and Mind in One).

Còn cách ăn thì ngôi chồ chung, ăn chung, không mỗi người một đĩa như Âu Tây. Khi ăn mọi người quây quần xung quanh bàn ăn, các thực phẩm có nhiều món để chung trên mâm, chồ ngôi cũng như thức ăn cũng được để ý về cách “ **Kính già yêu trẻ** “. Khi ăn mọi người đều “ lưu tâm mà chia sẻ mọi thứ “ như về Lời Ăn tiếng Nói cùng san sẻ thực phẩm cho nhau sao cho thuận Tình hợp Lý mà sống hoà vui với nhau, đó là cách xử Lễ với nhau, “ **Ăn xem Nồi, Ngồi xem Hương** “ là vậy. Ăn còn là bài học Lưu tâm và Chia sẻ hàng ngày cho tuổi trẻ. Thường sau khi ăn buổi tối là những lúc cả gia đình hàn huyên với nhau về những sinh hoạt ban ngày của mỗi người trong gia đình, đây cũng là thời gian quan trọng làm cho mỗi dây ràng buộc buộc mọi

người trong gia đình với nhau. Do đó mới có câu: “ Có Thực mới vực được Đạo “ làm Người

Ở là cách hành xử với nhau hàng ngày cũng phải có hai chiều Đi / Lại, cho công bằng mà Hoà với nhau. Khi giao tiếp với nhau phải “ **cẩn ngôn cẩn hành**: cẩn trọng trong Lời Nói, dẫn đó trong việc Làm “ vì “ **Bệnh tông khẩu nhập, họa do Ngôn xuất**: Bệnh do của “ ăn vào “ không lành hay tham thực, Họa do lời “ Nói ra “ sắc hơn dao gây tổn thương nhau. “

Cha ông căn dặn cách sống ở đời: “ **Học Ăn, Học Nói, Học Gói, Học Mở** “.

Ăn Vào, Nói Ra. Ăn để cho Khỏe Xác và để “ Vực được Đạo làm Người “. Nói điều Nhân Nghĩa cho vừa Lòng nhau.

Gói Vào cho Kín để khỏi bị rơi ra, **Mở ra cho hở rộng** để không còn bị che lấp, tức làm việc nào cũng đến nơi đến chốn.

Tất cả đều Học và Hành theo cách sống với Dịch lý.

Có kết hợp được cả hai cách **Ăn Ở được hài hoà** thì mới “ **Thân An Tâm Lạc** ” tức là “ **mạnh Hồn khỏe Xác “** hay “ **Một cơ thể tráng kiện trong một Tinh thần minh mẫn** “. **Ăn Ở** là một nghệ thuật sống thường xuyên rất tế vi, có vậy thì cuộc sống mới được an hòa hạnh phúc.

Trong bài Viết:

“ Khắc kỷ phục Lễ “ đầu đó, T.G. Kim Định có câu nhại Kiều:

“ **Ở / Ăn thì Nết phải hay**

“ **Nói điều “ ràng buộc “ thì Tay phải Già** “

Ở Ăn phải hay là phải làm sao cho hai chiều Ngược Xuôi được êm thấm. **Tay Ràng buộc phải Già** là phải có nghệ thuật làm sao kết hợp được nghịch số cho vừa đủ hài hoà, chứ cứ “ **già neo thì đứt dây** ” “.

Ăn / Nói

Ăn / (vào) / **Nói** (ra)

Ăn vào thì phải có thực phẩm Ngon / Lành. **Nói ra** điều Nhân / Nghĩa theo cách “ **Lời Nói chẳng mất tiền mua, liệu Lời mà Nói cho vừa Lòng nhau** “

Ăn Nói cũng đều có hai chiều vào ra, cần phải được hài hoà thì mới giúp cho cuộc sống được an vui thoải mái.

Ăn / Uống

Ăn (chất Đặc) **Uống** (chất lỏng)

Ăn Uống sao cho hai chất **Đặc / Lỏng** được trộn lẫn cân bằng cho sự tiêu hóa tốt thì mới có sức Khỏe, “ **Sức Khỏe là vàng** “, có “ **Tiền mua Tiên cũng được** ”, nhưng nhiều khi có vàng cũng không mua nổi sức khỏe .

Ăn / Làm

Ăn (Trong) **Làm** (Ngoài)

Ăn để có năng lực mà làm việc, **Làm việc** thì tiêu hao năng lượng, nhưng có **Làm** thì mới có **Ăn**, nên: “ **Tay Làm hàm Nhai, Tay quai miệng trẻ.** ” **Ăn Làm** phải kết hợp vừa sức thì cuộc sống thoải mái, có **Ăn** mà không **Làm** thì miệng trẻ nghĩa là không có **Ăn** hay cướp lấy của người khác mà **Ăn**, có **Làm** mà chẳng được **Ăn** thì sống kiếp Ngựa Trâu. Thái quá cũng như **Bát cật** cũng

đều bị **Lạm dụng** làm cuộc sống mất quân bình, nên cần phải sống **Tiết độ** (No more , no Less) trong mọi lãnh vực.

Ăn / Ngủ

Ăn (Động) / **Ngủ** (Tĩnh)

Ăn (Ban ngày) để có năng lực mà **Làm** việc để nuôi sống và phát triển, khi làm Ban Ngày thì tiêu hao năng lực, nên phải **Nghỉ** (Ban đêm) cho cơ thể hết mệt, nhất là giấc **Ngủ ngon** (sound sleep) thì hấp thụ năng lượng (năng lực) trong không khí được nhiều hơn thức ăn vào. Qua giấc **ngủ ngon** lúc sang thức dậy tinh thần con người rất thoải mái. **“Ăn được ngủ được là Tiên, mất Ăn mất Ngủ là Tiên mất đi “.**

Làm / Lụng

Làm (Thực tự: Hữu) / **Lụng** (Hư tự : Vô)

Trong Các Lời nói Gấp đôi có nhiều cặp có tiếng đầu có nghĩa thuộc **Thực tự** (Hữu) và tiếng sau là **Hư tự** (Vô) thì vô nghĩa, cặp này cũng diễn tả Dịch lý: **“ Thực nhược Hư, Hữu nhược Vô: Có mà như Không, Không mà dường như Có “.** Đây là Lời nói về sự **Biến hóa bất biến** của **Vật chất** trong Vũ trụ, có đó rồi không đó, nên trong cuộc sống không thể bám chặt vào những cái **Biến đổi** từng sát na như của cái **Vật chất** mà tranh dành sát phạt nhau làm cho xã hội rối loạn, con Người khổ đau.

Đi / Đứng

Đi (Động) **Đứng** (Tĩnh)

Chân này phải **Động** mới bước tới được, nhưng **Chân** kia phải **Đứng yên**, để làm **Điểm tựa** cho chân **Kia Động** mà bước tới. **Chân Động** bước tới được là nhờ **Chân Tĩnh**, nên **“ Hữu sinh ư Vô “**: Cái Có từ cái Không mà ra . Cứ chân này **Tĩnh** giúp cho chân kia **Động** bước tới, hai chân cứ luân chuyển **Tĩnh Động** như thế thì bước đều nhịp nhàng mà đi được quãng đường dài. Nếu hai chân đều đứng yên thì không bước tới được, nếu hai chân cùng bước thì chỉ có thể nhảy được một số bước là đã mệt nhoài, một chân làm việc để cho chân kia nghỉ thì hai chân mới làm việc được lâu dài. Đó là sự phân công hợp lý trong mọi trường hợp.

Học / Hành

Học (vào) **Hành** (Ra)

Học để có kiến thức (information) giúp cho phát triển **Khả năng**) và có cả kiến thức về sự đào luyện **Tư cách** (formation) ,

Hành là đem hai loại kiến thức trên thể hiện vào cuộc sống hàng ngày để trau dồi **Tư cách** và **Khả năng** để nâng cao đời sống **Vật chất** và **Tinh thần**.

Học mà không **Hành** là cái **Học** vô bổ. **Hành** mà vô **học** thì làm càn, vì **“ Bất học vô thuật: không học thì không biết cách làm “**, thường gây rắc rối trong xã hội, vì không kết hợp được **Học** và **Hành** hay **“ Tri Hành phải hợp nhất “.**

Những nhà cầm quyền mị dân thì chỉ Nói Hay mà Làm không được Tốt vì **“ Lực bất tòng Tâm “** hay **Tâm nông Trí cạn** .

Vợ / Chồng

Vợ (Gái, Mẹ) / **Chồng** (Trai, Cha)

Gái / Trai là cặp đôi cực kết nên Vợ Chồng. Vợ Chồng tìm đến với nhau bằng **Tình** qua lễ **Thành hôn**, sau lễ Thành hôn, trước khi vào phòng riêng trao thân gửi phận cho nhau, hai Vợ Chồng cùng uống chung với nhau một ly rượu và hai bên bái nhau gọi là lễ **Giao Bái** như là lời kết hứa tôn trọng nhau suốt đời cho đến khi “ **cốt rủ xương mòn, răng long đầu bạc** “ với nhau. Đây là lời giao ước sống Hoà với nhau theo **Lý** công bằng Do đó mà có câu : **Quân tử chi Đạo tạo đoan hồ phu phụ** : Vợ Chồng là đầu mối cho người Quân tử.

Nhờ yêu nhau bằng Tình yêu khăng khít, sống Hoà với nhau bằng Lý Công chính, nên “ **Thuận Vợ thuận Chồng**, biến gia đình thành Tổ ấm, Vợ Chồng cùng nhau xây dựng Gia đình và Xã hội mà vui sống bên nhau cùng sinh Con đẻ Cái, đó là nguồn sinh sinh hoá hóa cao nhất trong Vũ trụ. Sự phân công trong Gia đình thì: **Nữ Nội, Nam Ngoại**: Người Vợ chủ Tình được phong làm **Nội Tướng, quán xuyến mọi việc trong nhà**, người Chồng chủ Lý đóng vai **Ngoại Vương lo toan xây dựng phần Ngoài thuộc Gia đình và Xã hội**.

Ngày nay người ta cho lễ Giao bái là cổ hủ, nên bỏ đi Lễ sống tôn trọng và công bằng với nhau, nên bỏ luôn cuộc sống Hoà.

Liên hệ với câu chuyện Bà Eva ăn trái Cấm nơi vườn Địa Đàng gây ra Tội Tổ tông cho Nhân loại, chúng ta cũng có cách lý giải theo Dịch lý: Số là Bà Eva là Nữ bỏ Chức Nội tướng chủ Tình, Bà đã bỏ Tình ra Ngoài là lãnh vực của Lý để ăn trái Cấm, lại còn rủ Ông Adam cùng ăn, để hai bên cùng sống theo “ Lý chay “ ở bên Ngoài. Hành động của bà Eva đã làm đảo lộn trật tự “ **Tình Trong Lý Ngoài** “ hay “ **Âm Dương Hoà** “ của Vũ trụ. Nan đề của Nhân loại ngày nay là quên Tình, sống theo “ **Duy Lý một chiều** “, vì đã đánh mất cái “ **Hướng sống Công chính** “ từ nguồn Sống Tình thuộc Tâm linh.

Khi mất Tình thì con người trở nên **Vô cảm** và đánh mất luôn **mối Liên đới trách nhiệm**.

Gia đình có là Tổ ấm thì mới là Trường học đầu đời **uơm Tình đơm Lý** cho người con khi lớn lên biến thành Trai hùng Gái đảm. Gia đình Tổ ấm được chọn làm nền tảng cho xã hội yên vui. Văn hóa Việt được đặt trên Nguyên lý Mẹ (Mẹ Ái Cơ), trọng Tình hơn Lý, vì người Nữ yếu hơn nên phải “ **phù yếu trọng nữ** “ giúp cho cuộc sống Nữ Nam được cân bằng, do đó mà đặt Vợ trước Chồng, tục này được gọi là **Tả nhậm** tức là thói quen quay về phía bên tay Trái hay cái nút áo về phía Tay Trái, bên tay yếu hơn và có quả Tim, tức là trọng Tình, chứ không gọi là Phu phụ hay Chồng / Vợ như Tàu “ **Trọng Nam khinh Nữ** “, tức là thói quen Hữu nhậm (Tay phải, tay mạnh hơn (Trọng Lý hơn). Tục Hữu nhậm của Tàu thì lại cài nút áo về phía tay Mặt, vì giao lưu Văn hoá qua hàng ngàn năm, dân Việt Nam quên mất Thói quen quan trọng này. .

Nhân (Tình) / Nghĩa (Lý)

Nhân (Trong: Tình Cá nhân), **Nghĩa** (Ngoài: Những người trong Gia đình và Xã hội). Nhân là Lòng Yêu thương do tác động hướng Nội níu kéo mọi Người lại với nhau. Nghĩa là cách hành xử hướng Ngoại giúp mọi người hành xử Công bằng để sống hòa với nhau. Sống trong Nhân Nghĩa thì con Người có Dũng lực tự chế để không làm chuyện Bất công mà làm rối loạn Gia đình và Xã hội.

Nhân (Âm) Nghĩa (Dương), Hùng Dũng (Hòa) tức là “ **Âm Dương hoà** “ theo Dịch lý.

Bao (Bọc ở Ngoài) / Dung (Chứa ở Trong)

Bao là Bọc lại trong bao để che chở, **Dung** là Chứa, là chấp nhận cùng sống Công bằng trong Bao (theo Lý) nhờ được nuôi nấng bằng Tình Bao la của Mẹ.

Muốn sống theo tinh thần Bao dung phải có Dũng lực của Nhân Nghĩa.

Đều (Núi, Nàng) / **Đắt** (Kéo, lôi)

Đều là Nhờ **Tình yêu** mà giúp đỡ ai bước đi hay làm một điều gì, mà người đó không làm nổi, **Đắt** là hướng dẫn đi cho đúng hướng để đạt mục tiêu nhờ **lẽ Phải của Lý**. Có **Đều** mà còn **phải Đắt** nữa mới đạt mục tiêu.

Đều Đắt cũng hàm ý **Tình Lý tương tham**.

Bây Giờ (Thời gian) / **Nơi Đây** (Không gian) : **Vũ / Trụ**

Trong cuộc sống cũng nên nhớ kết hợp hai yếu tố : **Nơi đây** (Here : Không gian) và **Bây giờ** (Now : Thời gian) mà làm Người (Vi Nhân) bằng cách bám theo Hiện tại miên trường (ever present) mà « **hoàn thiện mọi việc Làm** » (perfect of things) từ Nhỏ đến Lớn và « **hoàn thiện mọi mối Liên hệ Hoà với nhau** » (perfect for being) trong Không gian đang sống, ngay đến cả việc sống Hòa vạn vật và Vũ trụ nữa . Chứ không bám vào **Quá khứ** mà than khóc hay tự hào suông cũng như hy vọng hảo huyền về **Tương lai** mà thân nhiên tự lìa đối mình. Có Vi nhân như thế ở đời Này mới mong có sự cứu rỗi đời Sau, chứ không thể ngồi bất động mà cầu xin được.

Những lời Nói nhip đôi ngược nhau: Núi / Sông, Non / Nước, Nước / Nhà, Tiên / Rồng, Ông Đùng / bà Đà, ông Cồ / bà Cộc. . . .Hồn thiêng Sông / Núi . . . đều là nhắc nhở về sự **sống làm sao cho các cặp đối cực đó luôn được hài hòa theo Dịch lý**.

Đa / Nhất cũng chỉ là Một, trong cái Vĩ đại có chứa cái Tinh vi mà trong Tinh vi cũng có cái Vĩ đại (Xem Holograph cũng như “ The wisdom of the cells “, và cấu trúc của Nguyên tử cũng như cấu trúc của Thái Dương hệ), mọi vật liên hệ chặt chẽ với nhau, không bị chia cách phân ly, sống trong Vũ trụ mọi sự đều biến hoá không ngừng, nên hàng ngày con người phải nhớ kết hợp được hai yếu tố trái ngược (Nghịch số chi lý) đó mới tồn tại và phát triển điều hòa..

Ngày nay đa số chúng ta bị choáng ngợp bởi sự **hào nhoáng của khoa học**, quên đi nguồn **u linh man mác của Tâm linh** (Nguồn Tình và Lý công chính) chỉ miệt mài theo văn minh « Duy lý cực đoan một chiều », đánh mất phần Tâm linh - phần quan trọng của Thiên lý - gây ra bất hòa trong nhân quần xã hội. Đó là nan đề của Thời đại.

Ngày nay Khoa học đã khám phá ra không những có năng lượng Sáng mà còn có năng lượng Tối, năng lượng Tối chiếm phần lớn, trong năng lượng Sáng, Khoa học chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ.

Nói rộng ra, Tĩnh (Silence and stillness) là phương thế giúp Quy tư về nguồn Tâm linh để được Mạc Khải. « Tĩnh lặng là sự Mạc Khải lớn lao » .(Lão Tử)

Động là cách **Suy tư (hướng Ngoại) về Khoa học**. **Tĩnh** giúp **Quy tư (hướng Nội) về nguồn Tâm linh**. **Tâm linh và Khoa học như hai mặt của đồng tiền phải nương tựa vào nhau mới có thể biến hoá trong trạng thái cân bằng**. Mê mãi theo ánh sáng Khoa học mà bỏ quên nguồn Tâm linh u linh man mác là mất Góc, mất Hướng của Lương tâm, nên “ Khoa học không có Lương tâm “ chỉ đem lại sự hủy hoại của Tâm hồn, khiến con người Vô cảm, làm cho Tinh thần Liên đới Trách nhiệm chi cắt đứt.

Đây là nguồn rối loạn của Xã hội.

Xin đừng tưởng **VÔ (Nguồn Tâm linh)** là không có gì, mà **VÔ** là nguồn cội của mọi **Động lực thuộc Hữu**, đừng làm **VÔ Tuyệt đối với Vô tương đối**.

VÔ = Thái Cực nhi VÔ CỰC

Chúng tôi thấy mấy câu về “ Sấp Thế kỷ “ trong bài Vịnh Ông Bàn Cổ cũng có phần tương tự như “ Sáng Thế kỷ “ trong Cựu Ước :

1.- VÔ CỰC: Vô, Hữu vị phân: Tuyệt đối .

a.- Hỗn mang chi sơ, vị phân Thiên / Địa. (Vịnh Ông Bàn Cổ).

b.- “ Khởi thủy Thiên Chúa đã dựng nên Trời và Đất. Đất thời trống không mông quạnh, và tối tăm trên mặt uông mang và khí Thần (Họa: Năng lượng: Nguồn Sáng) là là trên mặt Nước (Thủy: vạn vật chi nguyên: Nguồn Sống.”

(Cựu Ước. Sách Khởi nguyên)

Những chữ Xiên do chúng tôi ghi vào.

“ Hỗn mang chi sơ “ là cái thuở hỗn độn ban đầu khi khai Thiên lập Địa chẳng khác nào “ Thời trống không mông quạnh và tối tăm trên mặt uông mang “.

2.- Thái cực: Vô, Hữu phân cực: Tương đối.

a.- * Thủy phán Âm / Dương. (Vịnh Ông Bàn Cổ .)

b.- * “ Và Thiên Chúa đã phán: "Hãy có Ánh sáng!" và Ánh sáng đã có. Và Thiên Chúa đã thấy rằng Ánh sáng thực tốt lành, và Thiên Chúa đã tách Ánh sáng (Dương) với Tối tăm (Âm). Và Thiên Chúa đã gọi Ánh sáng là Ngày (Dương) , và Tối tăm thì Người gọi là Đêm (Âm). Và đã có một buổi Chiều (Âm) và đã có một buổi Mai.(Dương) “ (Cựu Ước. Sách Khởi nguyên).

“ Thủy phán Âm Dương “ là lệnh truyền phân chia ra Âm / Dương chẳng khác nào khi Chúa phán thì có ngay các cặp Đối cực: Khí Thần / Mặt Nước, Ánh sáng / Tối tăm, Ngày / Đêm, Chiều / Mai.

Đó là phương cách diễn tả khác nhau về sự Tạo Thiên lập Địa của Đông Tây, nhưng cùng một ý, những cặp đối cực đó cũng chẳng khác Đạo / Đức, Nhân / Nghĩa « .

Đạo / Đức, Nhân / Nghĩa cũng là Thái cực, luật Trời : nên « **Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong** : Sống thuận với luật Trời thì tồn tại, ngược lại là tiêu vong « vì đó là « **Thiên võng khô khô, sơ nhi bất lậu** : Lưới Trời lồng lộng, thưa mà không để cho một thứ nào chui lọt «

Cách sống tiệm tiến theo Dịch lý như trên của Cha ông là cuộc sống theo Thiên lý Thái cực hay **Nhất Nguyên lưỡng Cực**, cuộc sống được bắt đầu từ nơi Gần là Tâm mình tới cái Lý nơi Xa, từ

cái Nhỏ nhất tới cái To, từ cái Đơn giản tới Phức tạp, từ những cái Tâm thường để hướng tới cái Phi Thường, chứ không « Chưa biết Đi đã lo Chạy », con người chưa Tâm an Tâm lạc, gia đình đang lục đục mà đã đi xây dựng xã hội hoà bình, lòng còn rục rũa Hận thù mà hăm hồ đi xây Hoà bình thế giới, có bao giờ Lòng mình còn rục Rũa Hận thù mà hăm hồ đi xây dựng được Xã hội Hoà bình, có bao giờ dùng Lửa mà chữa được cháy!

Vì vậy cho nên cái khó của chúng ta là ở ngay cái Lòng của mỗi chúng Ta, đó là cái Lòng « Ngại Núi (xa Nhân) e Sông (rời Nghiã), đơn giản chỉ có thể mà xem ra còn khó hơn công trình vá Trời lấp Biển.

Trong ngôn ngữ Việt Nam, chúng ta thấy không biết có cơ man nào những Danh từ gập đôi như thế mang Tinh thần Biến hoá muôn màu muôn vẻ theo Dịch lý Việt.

C.- MINH TRIẾT TRONG CÁCH ĐỊNH VỊ CON NGƯỜI

Con Người Việt Nho được **Định vị** trong Tam Tài :**Thiên – Nhân - Địa** như trong Cơ cấu về Đồ hình của Ngũ hành. Con Người được định nghĩa:

“ Nhân giả kỳ Thiên / Địa chi Đức, Âm / Dương cho giao, Quỷ / Thần chi hội, Ngũ hành chi tú khí “.

(2) **Hỏa** (Lửa: **Năng lượng**) : **Thiên** (hoàng)

↓

(5) **Thổ** : Tâm linh: (Nguồn **Sống** và nguồn **Sáng**) : **Nhân** (hoàng)

↑

(1) **Thủy** (Nước: **Vật chất**) : **Địa** (hoàng)

Vị trí con Người qua trục Chí (Tung) của Đồ hình và Số độ trong Ngũ hành .
Con Người là Tinh hoa của Trời Đất.

1.- Nhân giả kỳ Thiên / Địa chi Đức: Con Người là Tinh hoa của Trời Đất, vị trí con Người ở Trung cung hành Thổ tức là nguồn **Tâm linh**: Nguồn Sống và nguồn Sáng, nhờ đó mà “ **Nhân linh u vạn vật** “. Nguồn Sống là Đạo Nhân (Tình Yêu), nguồn Sáng là Đức Nghiã (Lý Công chính). Vì Ở giữa Thiên Địa, con Người không không để bị kéo **Lên** Thiên thành **Duy Tâm mà mê tín dị đoan**, cũng như không bị lôi **Xuống** Địa trở thành **Duy vật, coi của trọng hơn Người** (con Người Bolchevick, con Người CS) mà xâu xé chém giết nhau, nhờ không để bị thiên lệch mà **Duy trì được vị thế ở giữa, nên phải tự Lực, tự Cường để Tự Chủ mà làm Người Nhân Chủ**.

Theo Nho, Trời là **Thiên hoàng**, Đất là **Địa hoàng**, thì con Người – tinh hoa của Trời Đất - cũng là **Nhân hoàng**. Không có con người to lớn và cao cả như Bàn Cổ, như thánh Gióng - Phù Đổng thiên vương - thì không làm nổi việc Tu thân cũng như việc to lớn “ kinh bang tế thế “.

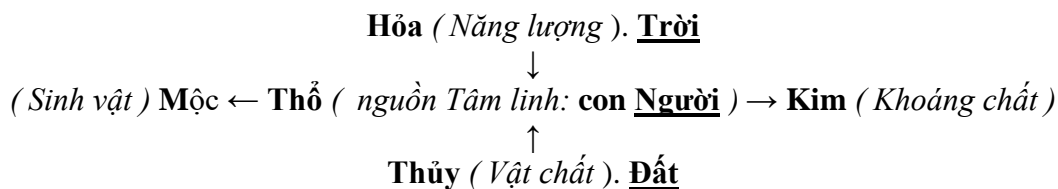
Người Nhân chủ nhờ biết sống thuận theo Dịch lý hay Thiên lý để đạt Đạo Nhân và Đức Nghiã nên có Dũng lực làm chủ Vận hệ mình, Gia đình mình và Đất nước mình.

2.-Nhân giả kỳ Âm / Dương chi giao: Con Người là nơi kết giao của Âm Dương hay Tinh Lý. Nhờ nguồn **Tinh** thôi thúc mà Gái Trai “**xe tơ kết tóc** “ mà **Thành hôn** với nhau làm nên Vợ Chồng”, và cũng nhờ **Lý Công chính** mà Vợ Chồng hành xử công bằng với nhau như lời giao ước trong Lễ **Giao bái** mà hoà với nhau cho đến lúc “ **đầu bạc răng long** “.

Nhờ “ **Phụ phụ hòa gia đạo thành** “, giúp gia đình thành **Tổ Ấm** mà vui sống bên nhau, nhất là sinh Con (Trai) đẻ Cái (Gái) mà tham gia vào cuộc Sinh sinh Hóa hóa của Vũ trụ. Gia đình là trường đầu đời để Cha Mẹ giúp con cái trưởng thành theo Nhân Nghĩa, hay lò luyện Trai hùng Gái đảm cho Dân tộc. Do đó mà Gia đình được chọn làm nền tảng Hoà cho Xã hội, Xã hội làm nền tảng cho Thế giới Hoà bình.

3.- Nhân giả kỳ Quỷ / Thần chi hội. Con Người là nơi **Quỷ / Thần** hay **Ác / Thiện** hay **Ngọc / Người** luôn kề lưng xô đẩy níu kéo nhau, lúc này còn là **Thiện**, phút sau đã là **Ác**, nên mọi người ai ai cũng phải Tu thân để lột xác Ngọc ma thành Người có Nhân phẩm.. Nhờ có Nhân phẩm “ Nhân Nghĩa “ mới giúp con Người **Thiện** không cho **Ác** lấn át hay vượt lên cả **Thiện** **Ác**, không những sống hòa với nhau mà còn hòa với cả vạn vật nữa. Giá trị của con Người là **Vi nhân** làm sao Tu thân cho đạt Nhân Nghĩa mà sống hoà cùng mọi người và vạn vật trong Vũ trụ. Theo **luật Giá sắc** thì: “ con Người gieo Thứ nào thì gặt Thứ nấy, Ai gieo thì kẻ ấy gặt, Gieo **Một** thì Gặt **Trăm** “, do đó mà muốn Hạnh phúc thì phải Tu Thân mà làm điều **Lành**, ngược lại làm điều **Ác** thì lãnh nhiều tai họa. Lưới Trời lồng lộng, tuy thưa mà không có thứ nào lọt qua được (**Thiên võng khô khô, sơ nhi bất lậu**), không ai lọt qua Luật Giá sắc hay Nhân quả được..

4.- Nhân giả kỳ Ngũ hành chi tú khí: Con Người là “ Hoa Trái “ của Ngũ hành. Ngũ hành gồm 2 cặp đối cực của **Tứ hành** (**Thủy / Hỏa, Mộc / Kim**) và **Hành Thổ**. **Tứ hành** là **Thế giới Hiện tượng, tượng trưng cho Hữu, Hành Thổ tượng trưng cho Vô thuộc nguồn Tâm linh**, khi Hữu Vô giao thoa với nhau thành nguồn sinh sinh hóa của Vũ trụ, nên Ngũ hành được xem là **Tạo Hóa** lưu hay **Lò Cừ**. (**Hành thổ** được xem như **Black hole**).



Thủy / Hỏa, Mộc / Kim thuộc thế giới hiện tượng (Hữu). Thổ thuộc lãnh vực Tâm linh (Vô).

Chúng ta thấy con Người được kết cấu toàn bằng những yếu tố trái ngược nhau, nhờ biết hành xử theo Dịch lý “ Âm Dương hoà “ mà trở nên con Người Nhân chủ .

Ngoài ra nhờ **định vị** được vị thế “ Nhân hoàng “ cao cả giữa Trời “ Thiên hoàng “ và Đất “ Địa hoàng “ nên con người có **Điểm tựa hay Bàn nhún nơi Địa**, cũng như có **Hướng siêu việt nơi Thiên** mà vươn lên làm Người. Con dân của nước không phải đôn đảo tung ra tứ phương rước độc được về mà tàn dân hại nước! Nguy tai! Hại tai!

Văn sĩ (*Albert Camu ?*) Pháp có viết cuốn sách : “ **L’homme, cet inconnu** « , **quả thật Lòng Người khó dò, vì do con người chứa trong mình những cặp mâu thuẫn nội tại được hài hòa hay bất hòa ở muôn vàn mức độ khác nhau!**

D.- MINH TRIẾT TRONG HUYỀN THOẠI LẬP QUỐC TIÊN / RỒNG

I.- Hai Biểu tượng ngược nhau

Tiên (Mẹ Âu Cơ). **Rồng** (Cha Lạc Long)

Mẹ Tiên Âu Cơ là Tổ Mẫu, Cha Rồng Lạc Long là Tổ Phụ, Tổ Mẫu Tổ Phụ kết hôn sinh ra con Hùng Vương. Hùng vương là Quốc Tổ của Dân tộc Việt Nam.

Huyền thoại Tiên / Rồng là **Biểu tượng về Tinh thần Dựng nước** của Dân tộc Việt Nam.

Châm ngôn về tinh thần Dựng nước hay tinh thần Đoàn kết của Dân tộc Việt Nam:

Mẹ Tiên: Non Nhân, Cha Rồng: Nước Trí, Con Hùng Vương: Hùng Dũng

Chúng ta nên nhớ, nền Văn hoá của Tổ tiên chúng ta là nền Văn hoá Biểu tượng xây trên Huyền thoại cũng như Đồ hình và Số độ.

Huyền thoại có hai loại: **Thần thoại** là những câu chuyện về Thần linh.

Nhân thoại là những câu chuyện về con Người. con Người to lớn như Ông Bàn Cổ, Ông Đùng Bà Đà, Ông Cô Bà Cộc, Phù đổng Thiên Vương hay ông Thánh Gióng, vì họ đều là con của Thượng Đế. Con Người to nhất lớn của Việt Nam là Vua Hùng.

Huyền thoại chỉ là câu chuyện dùng Biểu tượng để diễn tả Vấn đề, khi nói nơi đây thì ý lại ở chỗ kia, nói Vật Chất để chỉ Tinh thần hay từ Hình tượng, Biểu tượng để vươn lên Linh tượng. Lý do phải dùng Biểu tượng là vì thời xưa Lý trí chưa phát triển để diễn tả nhất là về phương diện Tâm linh u linh man mác, không thể lấy lời lẽ để “**Ngôn truyền**” theo Lý mà chỉ “**Hội ý**” “**được bằng Tinh** để cảm nhận”, lại nữa tuy là cùng một Biểu tượng nhưng mỗi người khi nhìn tới Biểu tượng thì cảm nhận được một cách sâu rộng khác nhau.

Nhìn Hình Đức Bà Maria thì liên tưởng tới lòng Bác ái, nhìn Hình Đức Quan Thế Âm Bồ tát thì liên tưởng tới lòng Từ bi. Khi nhắc tới Tiên Rồng là nhớ đến Tam cương: Nhân, Trí, Dũng. Đó là Nhân phẩm của con Rồng Cháu Tiên.

Cũng vậy, Nho là Đạo trường chung của Đông Nam Á châu cũng là nền Văn hoá bằng Biểu tượng Đồ hình và Số độ. Không giải mã được Ý nghĩa từ Đồ hình và Số độ thì khó mà hiểu căn cứ được nguồn gốc của Nho. Đó là các Biểu tượng về Thái cực viên đồ, vòng Trong, vòng Ngoài, Ngũ hành, Bát quái, Hà Đồ, Lạc Thư, Cửu trù, Hồng phạm .

Nên nhớ nét Lưỡng nhất theo Dịch lý là nét Nhất quán hay Mạch lạc Nội tại của Việt Nho.

II.- Phân cực để thăng hoa cuộc sống theo Dịch lý:

Âm Dương hòa hay “**Thuận Vợ thuận Chồng**”.

Chim Hải Âu, chim Hồng (Hồng Bàng) là Vật biểu thứ nhất tượng trưng cho **Mẹ Tiên Âu Cơ**. Chim Hải Âu, chim Hồng đều là loại chim **Lưỡng thể**, có khả năng sống trong hai môi trường và có khả năng **bay Cao**. Chim Âu bay lên Núi cao, chốn yên tĩnh (silence), ngòi bất động (stillness) quên hết sự đời để thăng hoa cuộc sống bằng cách “**Đôn hồ Nhân, cố năng ái**” :: Đôn hậu Tình Người mà yêu thương nhau, đó là Lòng **Nhân ái**, nên “**Nhân giả ái Nhân**” : Lòng Nhân là lòng yêu thương con Người. Chim Âu cũng có thể kiếm ăn dưới Biển để gặp Cha Rồng.

Giao long (Cá sấu) và Xà Long (Rắn) là Vật Tổ thứ hai, là Biểu tượng cho **Cha Rồng Lạc Long**. Rồng cũng là loài Lưỡng thể. Rồng có thể lặn lội sâu dưới biển Rộng để có kiến thức viên mãn để **trưởng Trí hay Chu tri**, nên đạt Đức **Nghĩa**.

Rồng cũng có khả năng làm mưa làm gió tung lên Không Trung để gặp Mẹ Tiên.

Huyền thoại báo **Tiên Rồng gặp nhau trên cánh Đồng Tương để Tiên Rồng tương kiến, tương giao, tương hợp, tương hòa, tương trợ, tương thông để sinh ra con Tinh thần Hùng Vương.**

Trong Cuộc Sống, Mẹ tu Nhân, Cha luyện Trí, khi sống gần nhau hai bên bù đắp Nhân Trí cho nhau cho nhau để ai ai cũng có Tinh Lý vẹn toàn hầu trở nên con Người Hùng Dũng.

Vậy câu chuyện Mẹ lên Non, Cha xuống Biển cũng chỉ là Biểu tượng diễn tả việc “ Phân công theo Giới Tính “ để trau dồi Bản Sắc của Mẹ Cha.

Tinh bao la giúp Mẹ Cha sống khăng khít với nhau, Lý Công chính giúp Mẹ Cha sống Hòa với nhau . Khi sống theo Tinh Lý hài hòa với nhau thì đạt Đức Hùng Dũng: Hùng là sức mạnh Cơ bắp. Dũng là sức mạnh Tinh thần.

Chẳng có Chim nào biến thành Tiên, nhưng Chim là Biểu tượng “ bay cao “ để giúp cuộc sống bớt Lượng của Vật chất mà vươn lên Phẩm của Tinh thần, cũng như chẳng có Giao Long Xà Long nào biến thành Rồng, nhưng đó là những Biểu tượng phải học rộng nghĩ sâu như lặn dưới biển sâu rộng để trưởng Trí mà đạt Chu tri (holistic knowledge), tránh cảnh triết lý sờ voi, mà bị phân hoá.

Tiên là Biểu tượng của Lòng Nhân ái, Rồng là biểu tượng của Trí hay Lý Công chính. Không tin Tiên Rồng cũng được nhưng bỏ quên Nhân Nghĩa thì hết còn là con Người Hùng Dũng.

Nhân, Trí, Dũng là Tinh thần lập Quốc cũng là Nội lực của Dân tộc Việt Nam.

Cha Lên Non, Mẹ Xuống Biển và gặp nhau để tương Hợp là quá trình rèn luyện Tinh Lý của Mẹ Cha theo Dịch lý.

Đây là Biểu tượng Phân cực hay Phân Công Giới tính theo của Mẹ Cha; Mẹ chủ Tình, Cha nặng về Lý. Nữ Nội được phong làm Nội tướng, quán xuyến việc Nhà, Nam Ngoại được chỉ định làm Ngoại Vương, lo việc Kinh bang tế thế .

Đây không là việc Mẹ Cha ly dị như một số người tưởng lầm, mà là sự phân công để Tu thân hầu phát triển bản sắc riêng theo Giới tính.

III.- Tinh thần Dân tộc hòa nhịp theo Dịch lý

Mê Âu Cơ sinh ra trăm con trong một cái Bọc, các con sống trong Bọc Mẹ gọi là Đồng bào, trăm là nhiều, 100 không là con số toán học. Trăm con trong trăm họ đều được Yêu thương đùm bọc nhau trong lẽ sống Công chính và bao dung nhau để sống hoà với nhau.

Tinh Đồng bào được Văn gia gọi là **Đạo Nhân**. Chắt gia giải thích Đạo Nhân bằng những câu Ca dao Tục ngữ ngắn gọn dễ hiểu, để truyền qua cửa miệng cho nhau. Dân Việt Nam có ba lối Tu: Thứ nhất thì **Tu tại Gia, thứ nhì Tu Chợ, thứ Ba Tu Chùa**. Tu tại Gia và Tu Chợ là lối tu của dân gian. Về Đạo Nhân thì có:

Lá Lành “ đùm “ Lá Rách

Máu Chảy Ruột Mềm

Tay Đứt Ruột Xót

Anh Em Như thể Tay Chân

...

Lành / Rách, Máu / Ruột, Tay / Ruột, Tay / Chân là nghịch số, các động từ Đùm, Chảy, Mềm, Đứt, Xót, Như thể nói lên mối Liên hệ Cơ thể thiết tha.

*Nghĩa Đồng bào được Văn gia gọi là **Trí** hay **Đức Nghĩa**. Nghĩa là trách nhiệm hai chiều có Đi có Lại với nhau. Nghĩa còn có Định nghĩa : **Nghĩa : Nghi giả** : Nghĩa là phải thích nghi với từng Người từng hoàn cảnh từng sự việc mà ứng xử Hòa với nhau,*

Chất gia điển tả Đức Nghĩa bằng câu Ca dao ngắn gọn dễ nhớ, dễ hiểu về mối Liên hệ hai chiều;

Có Đi / Có Lại “ cho Toại Lòng nhau

Cục Đát “ ném Đi “ Hòn Chì “ ném Lại

Ở cho Phải Phải *Phân Phân*.

Cây Đa “ *cây Thần* “, *Thần* “ *cây Cây Đa* “

...

*Có Đi / Có lại, Cục Đát / Hòn Chì, Cây Đa / Thần là những cặp Đối cực. Danh từ : Ném Đi / Ném Lại, *cây Thần* / *cây Cây Đa*, cho Toại Lòng nhau điển tả mối liên hệ Công bằng. Phải Phải / Phân Phân điển tả mối Liên hệ thích nghi.*

Những câu Ca dao trên mang đậm tinh thần Dịch lý trong Tâm hồn nhân dân Việt Nam.

*Non Nhân là **Biểu tượng cho Tình yêu Bao la của Người Mẹ tu Nhân trên Núi cao.** (**Nhân giả nhạo sơn:** Nhân thì Yêu thích Núi, do đó mà có danh từ **Non Nhân** để chỉ cho Tình Mẹ).*

*Nước Trí là **Biểu tượng cho Lý công chính hay Đức Nghĩa của Cha luyện Trí dưới Biển sâu.** (**Trí giả nhạo Thủy:** Trí thì yêu thích Sông Nước, do đó Nước được kết đôi với Trí thành **Nước Trí**, chỉ cho Lý Cha) .*

Hùng Dũng** là **Biểu tượng cho Tinh thần đoàn kết của Vua Hùng, Quốc Tổ của Dân tộc Việt Nam.

Huyền thoại Tiên Rồng là nền tảng Triết lý Nhân sinh của Việt Nam để giúp mọi người sống Hòa với nhau, chứ không là kiến thức suông, là chuyện hoang đường .

IV.- Cái Sây nảy cái Ung

Chẳng có Chim nào biến thành Tiên, chẳng có Giao Long Xà Long nào biến thành Rồng nhưng đó chỉ là những Biểu tượng thăng hoa cuộc sống.

Tiên là Biểu tượng của Lòng Nhân ái, Rồng là Biểu tượng của Trí hay Lý Công chính. Tiên Rồng gặp nhau trên cánh đồng Tương là Biểu tượng cho việc rèn luyện Tinh thần Nhân Nghĩa. Nhân Nghĩa là Tinh thần Đoàn kết Dân tộc.

*Không tin Tiên Rồng cũng được, nhưng bỏ quên Nhân Nghĩa thì hết còn là con Người Hùng Dũng. Mất con người Hùng Dũng của Vua Hùng là mất Gốc Nội lực Dân tộc, nên phải bốn ba đi tìm nhiều Gốc khác, gây ra cảnh phân hóa, nên trước sau gì Dân tộc cũng bị sa vào tròng Nô lệ đề “ **Nước Mất** “ !*

*Cứ nghĩ Tiên Rồng chia con lên Núi, xuống Biển là Ly dị cũng được, những xin đừng quên mất việc trau dồi Bản sắc của nhau, tức quên mất vai trò Nội Tướng và Ngoại Vương của Mẹ Cha, đề đối xử với nhau “ voi Tình cạn Lý “, đánh mất luôn Tinh Nghĩa son sắt Vợ Chồng, làm tan Nhà nát Nước, nguyên do ly dị là quên đi lời căn dặn Cha ông: Nào là : **Nội nào úp Vung nấy***

“ với “ **Non thể Bể hện** “, nào là “ *Vợ Chồng phải sống với nhau cho đến lúc « **Răng long đầu bạc, cốt rữ xương mòn** « , nào là « **Trai mà chi, Gái mà chi. Sao cho Ăn Ở Nhân Nghĩa (Nghĩa) mới nên**” !*

*Sự quên đi này làm cho “ **Nhà Tan** “!*

*Quá là: “ **Vi Nhân nan hĩ : Làm Người khó thay!** “*

Ngày nay chúng ta văn minh hơn, chúng ta có thể bỏ thứ Văn hóa chi li rắc rối này, cho là cũ kỹ lạc hậu, nhưng đừng quên là chúng ta phải tìm cho ra những giá trị tốt đẹp hơn cho hợp với thời đại thay vào, hay những phương cách theo Khoa học thay thế cho Nhân Nghĩa để giúp sống Hoà với nhau, nhưng xin đừng xài Luật rừng trời buộc con người lại thành đàn mà kéo cày cho một phe phái Bất Nhân làm chuyện Bất công, chúng ta không thể lờ đi Quốc nạn và Quốc nhục mà chạy quanh, mà phải tìm cho ra đáp đề của Dân tộc, chứ không chỉ hô hào đoàn kết suông !

V.- Sự nguy hại của cái Ung mất Góc

*Đất nước của chúng ta có Đền thờ Hùng Vương ở Núi Ngũ Lĩnh thuộc tỉnh Phú Thọ, ở hải ngoại nơi một vài nước cũng có Đền thờ Hùng Vương, nhưng hình như một số chúng ta chỉ nhớ ngày mùng 10 tháng 3, tới « **thờ cúng Tương Vua Hùng** « , nhưng đa số con dân Việt Nam đã lờ quên « **Tinh thần: Nhân / Trí, Dũng của Vua Hùng** « . Tình trạng này được gọi là “**Lạc Hồn Thiêng Sông Núi** “: Hồn Thiêng Sông là Trí hay Nghĩa, Hồn Thiêng Núi là Nhân. Khi lạc Hồn Nhân Trí kết đôi thì mất Tinh thần **Hùng Dũng**, do tình trạng mất Góc này mà Dân tộc Việt Nam ngày nay như đàn gà con lạc Mẹ, không được còn nấp dưới cánh gà Mẹ để chống chọi với sự bắt bớ để ăn thịt của loài Diều. Ngày nay Tình Nghĩa Đòn bào đã phai hồng nhạt thắm thành Đòn hương, có khi thành kẻ thù không đội trời chung !*

E.- MINH TRIẾT VỀ GÓC ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

*Sau thời gian sống trong Bô lạc thì con người quy tụ lại với nhau mà thành lập Quốc gia, nhu cầu đoàn kết là điểm mấu chốt để thắt chặt mọi con dân của nước lại với nhau. Tinh thần Huyền thoại **Tiên Rồng gặp nhau trên cánh đồng Tương** “ là nền tảng của Tinh thần “**Đoàn kết**“ của Dân tộc . **Tương là Tương ái, tương Kính, tương thân, tương dung, tương giao, tương hợp, tương hòa, tương thông** nhờ đó mà mọi người được bao bọc, che chở, nuôi dưỡng trong bọc Trăm Trùng của Mẹ Âu Cơ với tình Mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào mà sống khăng khít với nhau, nên hư, xấu tốt gì cũng là Đòn bào với nhau, không có được Tình bao la của người Mẹ thì không thể sống được như thế !.*

*Cuộc sống Duy Lý một chiều là « **chẻ sợi tóc làm tư, đếm từng hạt gạo để thổi cơm**, và là giai đoạn người ăn thịt Người «, ai không tin thì cứ sang Trung Hoa mà kiểm chứng!*

*Châm ngôn dựng nước : **Mẹ Tiên: Non Nhân, Cha Rồng: Nước Trí**, sinh ra con Hùng Vương Hùng Dũng. **Hùng là sức mạnh của Bắp thịt, Dũng là sức mạnh của Tinh thần.** **Hùng Dũng là cốt trụ của Tinh thần Dựng nước và Cứu nước của Vua Hùng.***

Khi mọi công dân làm người sao cho Nhân Trí kết đôi hài hoà thì tạo ra Đức Hùng, Dũng để có Nội lực. Đó là Minh triết dựng nước và cứu nước.

Không có con Người Nhân chủ, không có Minh triết sống trong mọi lãnh vực theo Thiên lý “**Âm Dương hoà** “ thì con Người và Dân tộc không có đủ Nội lực để Dựng và Cứu nước qua

hàng ngàn năm và cũng chẳng đạt Hạnh phúc vì không sống theo Quả dục của nền Văn hoá Thái hòa.

Rõ ràng Huyền thoại Tiên Rồng không phải là chuyện hoang đường cũng không là chuyện trâu ma thần rắn như Vua Tự Đức quan niệm.

Chỉ vì Lòng con Dân đã “ngại Núi (quên đi Lòng Nhân của Mẹ Âu Cơ) e Sông (bỏ Trí công chính của Cha Lạc Long) mà Dân tộc phải tan đàn xe nghé thương đau!

G.- MINH TRIẾT TRONG NỀN VĂN HÓA THÁI HÒA VIỆT NHO

I.- Nguồn mạch của Văn hoá Việt: Tiềm thức cộng đồng Nhân loại

Khi đi vào Khoa Tâm lý miên sâu, chúng ta bắt gặp Ba Sơ nguyên tượng (archetype).

Sơ nguyên tượng là những ấn tượng (impression innée) được khắc ghi vào tâm khảm con người từ nhỏ đến lớn.

1.- Sơ nguyên tượng thứ nhất là mối Tình bao la của người Mẹ, một Tình yêu không điều kiện như Tình Cha.

2.- Sơ nguyên tượng thứ hai là mối tình khăng khít giữa đôi Gái / Trai từ lúc Hẹn hò cho đến lúc Kết hôn.

3.- Sơ nguyên tượng thứ ba là nguồn Tình / Lý hay Tinh thần “ Dĩ Hòa vi quý ”, hay « Chín bỏ làm Mười » giúp con Người sống Hoà với nhau.

Đây là nguồn Tiềm thức cộng đồng của Nhân loại cũng là nguồn gốc của Việt Nho.

Chúng ta thử đi vào Văn hoá Việt Nam tức là Việt Nho để xem có ăn nhập gì với Tiềm thức Cộng đồng của Nhân loại không .

1.- 50 con theo Mẹ Âu Cơ lập nên Nước Văn Lang tức là theo Nguyên Lý Mẹ, nên nền Văn hoá trọng Tình hơn Lý có nguồn gốc từ nếp sống Nông nghiệp, trái với nền Văn hoá đặt trên Nguyên lý Cha trọng Lý hơn Tình có nguồn gốc từ nếp sống Du mục.

*Vì vậy mà mọi người trong Dân tộc được xem cùng chung một Mẹ, chúng ta gọi nhau là **Đồng bào**. Dầu chưa bao giờ gặp mặt nhau, nhưng khi đi ra nước ngoài hề gặp nhau là tỏ Tình thân thiết.*

*2.- Trong khi Xe Tư kết Tóc thành Vợ Chồng thì phải cử hành hai Lễ: Lễ Thành hôn hai bên được nối kết nhau bằng **Tình**, còn Lễ Giao bài thì hai bên hành xử với nhau theo Lễ Công bằng để sống Hoà với nhau bằng **Lý** cho đến lúc “ **Đầu bạc Răng long, cho tới lúc Cốt rú Xương mòn** “.*

Ngày nay có số người quên sống sao cho « Tình lý vẹn toàn với nhau » nên Gia đình mới thành Tô Lạnh hay Tô Nóng mà chia ly.

*3.- Trong công cuộc **Vi Nhân** tức “ Tu Nhân, Luyện Trí “ để có Nhân phẩm, theo Nho giáo thì có hai lãnh vực trau dồi Nhân phẩm: Một cho Cá nhân, một cho Cộng đồng.*

*a.- Về **Cá nhân** thì mỗi Người phải tu sao cho có **Ngũ thường**, tức là thường xuyên phải cho tu cho được 5 Điều gọi là Đạo Đức : **Đạo Nhân** (Tình) và **Đức Nghĩa** (Lý). Nghĩa có thể chia ra thành : **Lễ, Trí, Tín**.*

Nhân là lòng Thương Người và Vạn vật trong Vũ trụ .

Nghĩa là Bản phận phải hành xử Công bằng theo hai chiều có Đi có Lại. Nghĩa được chia ra làm Lễ, Trí, Tín.

Lễ là **Cung Kính Tha** tức là trọng Mình và trọng Người, có trọng Mình mới biết cách trọng Người,

Trí là **Tri Kỹ tri Bi** tức là **Biết** Mình và **biết** Người, có **biết** Mình thì mới hiểu Người khác.

Tín là **tin** Mình và **tin** Người, mình có **thủ** tín với người thì Người khác mới tin Mình, vì “ **Nhất ngôn bất trúng, Vạn ngôn vô dụng**: Nếu một lời đã nói không đúng thì nhiều lời khác cũng không đáng tin, hay nếu bất tín trong điều nhỏ thì làm sao **thủ** tín được trong những việc lớn lao.

Tóm lại, tuy có 5 Đức như trên nhưng gọn lại cũng chỉ có hai chữ : Tính / Lý

b.- Về **Công đồng** thì mỗi Liên hệ Hoà được lập trên Tinh thần Nhân Nghĩa mang Bản chất hòa, đó là 5 mối liên hệ gọi là Ngũ Luân. **Ngũ luân** là 5 mối Liên hệ Hòa giữa các thành phần trong Gia đình và Xã hội theo **tiêu chuẩn Tình Nghĩa**:

1.- **Vợ / Chồng** sống Hoà theo Tình / Nghĩa.

2.- **Cha Mẹ / Con cái**: **Phụ (mẫu) Tử, Tử Hiếu** cũng theo Tình / Nghĩa

Phụ Tử là Cha Mẹ Yêu thương con cái theo Lễ Công chính bằng cách **biết** gia đình thành Tổ ấm, làm trường học đầu đời ươm Tình đơm Lý cho thành Trai hùng Gái đảm về sau.

Tử Hiếu là con cái phải **theo Lý** mà vâng lời Cha Mẹ để trau dồi Tư cách và Khả năng gọi là Thành Nhân và Thành Thân, và nhất là **khi** **Mình còn Trẻ** phải **Biết** ơn Cha Mẹ bằng cách vâng lời, chăm lo xây dựng con Người mình và **khi** **Cha Mẹ về Già** thì **nhớ Yêu thương** mà phụng dưỡng Cha Mẹ cho tròn chữ Hiếu, đó là cách sống Công bằng: “ **Trẻ cậy Cha, Già cậy Con** “ .

3.- **Anh Chị / Em**: **Huynh kính Đệ cung** : Kính là trọng Người, Cung là trọng Mình, nghĩa là Anh Chị / Em phải Kính trọng nhau và hành xử Công bằng với nhau.

4.- **Nhân dân / Chính quyền**. Chính quyền phải tôn trọng **Nhân quyền** để giúp dân phát triển Tư cách và Khả năng. Nhân dân phải thực hành **Dân quyền** để giúp Chính quyền có phương tiện để Dựng nước và Cứu nước để cải tiến Dân Sinh và nâng cao Dân Trí.

5.- **Đồng bào với nhau**: Mọi người sống theo Nhân Nghĩa để hòa với nhau, theo quan niệm « **Thương Người như thể thương Thân** » và **biết** cách sống « **Đĩ Hòa vi quý** », đoàn kết với nhau mà Dựng nước và Cứu nước.

Tuy có 5 mối liên hệ như trên nhưng rút cuộc cũng chỉ có một chữ HÒA

Còn Hán Nho của Tàu được xây dựng trên Nguyên Lý Cha có bản chất Bạo động, gây Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng, Ngũ luân theo Hán Nho của Tàu được xếp theo thứ tự sau :

1.- **Quân Thần**: tôn quân làm Thiên tử, trọng Bạo lực với Ngu Trung.

2.- **Phụ Tử**; Cha Mẹ với con cái : **Phụ Tử Tử Hiếu** với Ngu Hiếu.

3.- **Phu Phụ** : *Chồng trước Vợ sau, trọng Nam khinh Nữ, Chồng Chúa Vợ Tôi.*

4.- **Huynh Đệ**: **Quyền Huynh thế Phụ.**

5. **Bằng Hữu**: *Thủ Tín: “ Nhất Ngôn bất trúng, Vạn Ngôn vô dụng.”*

Đây là mối hồ lôn giữa Bá đạo và Vương đạo.

Đó là sự phân biệt nền tảng giữa Hán Nho bá đạo và Việt Nho Vương đạo.

Qua sự giao lưu Văn hóa qua hàng bao ngàn năm Việt Nho cũng đã bị Hán Nho uy hiếp xem dậm trộn lẫn với nhau mà biến chất đi nhiều, hầu như bị mai một vì mất ý thức !.

II.- Nội dung Văn hóa Việt: Việt Nho

Nội dung Việt Nho nằm trong Kinh Điển và Ca dao Tục ngữ tuy rất phức tạp, nhưng theo Triết gia Kim Định thì gồm những điểm chính sau:

1.- Vũ trụ quan Động, Nguồn biến dịch theo Dịch lý (số 2) của các cặp đối cực thành nét **Lưỡng nhất** (Dual unit : 2 →1) được tổng quát bằng “ Âm Dương hoà “ hay “Thuận Vợ thuận Chồng “. Nét Lưỡng nhất là động lực giúp Tiến bộ trong trạng thái ổn định (trạng thái quân bình động).

2.- Một Nhân sinh quan Nhân chủ (số 3: Tam tài): Sống giữa Trời Đất, con Người duy trì được vị thế Tự Chủ, nên phải tự Lực, tự Cường. Đó là con người Nhân chủ.

3.- Nguồn Tâm linh (số 5) là : * **Nguồn Sống** (Vật chất)

* **Nguồn Sáng** (Tinh thần : Nhân ái hay Nhân, Lý

Công chính hay Nghĩa.

4.- Một **Lộ đồ Tu, Tề, Trị , Bình** để tất cả Cơ chế thì các cặp đối cực riêng phải được vận hành “ đồng bộ “ với nhau để tiến lên mà Dựng và Cứu nước.

5.- Một **Đạt quan An nhiên tự tại** nhờ sống theo **Quả dục** (Chiết trung giữa Diệt dục / Đa dục) và hành xử theo **An hành** (Chiết trung giữa Cưỡng hành / Lợi hành) .

Nét Lưỡng nhất là nét Nhất quán xuyên suốt nền Văn hoá Việt có bản chất Thái Hòa.

*Nét Lưỡng nhất là “ Âm Dương hoà “, là viên Ngọc Long Toại, là “ Tiên Rồng gặp nhau trên cánh đồng Tương “, là “ Thuận Vợ thuận Chồng “, giúp “ **Thiên sinh, Địa dưỡng, Nhân hòa** “*

*Sống thuận với **Thiên sinh** tức là sống thuận theo Luật Biến dịch trong vũ trụ. Có ba luật lớn: Luật Biến dịch, luật Giá sắc và luật Loại tự.*

*Sống thuận với **Địa dưỡng** là suy tư theo Khoa học để khai thác tài nguyên thiên nhiên mà sống, nhưng không lạm dụng thứ nào làm ô nhiễm môi sinh, làm lỗi « Tiết nhịp Hòa của Vũ trụ «.*

Còn **Nhân hòa** thì phải làm sao khai thác và sử dụng nguồn Địa dưỡng thuận với luật Thiên sinh cũng như hành xử sao cho Tâm linh và Khoa học được Lương nhất thì mới có đủ Nội lực để mà Xây dựng nước và cứu nước. Nói gọn muốn sống được công bằng với nhau thì đòi hỏi mọi người phải tu tỉnh cho có Lòng Nhân để thực hiện lẽ Công bằng tức là đức Nghĩa vào đời sống xã hội.

Đó là lối sống theo Minh triết. Minh triết là cách làm sáng tỏ Thiên lý để sống theo mà tồn tại và phát triển, chứ không ai có Minh triết.

H.- MINH TRIẾT TRONG NẾP SỐNG QUẢ DỤC

Chúng ta biết trên Thế giới đại loại có ba nếp sống: **Diệt dục**, **Đa dục** và **Quả Dục**.

Diệt dục là nếp sống **Xuất thế**, sống khắc khổ để chăm lo cho cuộc Sống đời sau, nên chưa lo sống đã lo chết, quên mất thực tại cần thiết của đời sống Nơi Đây và Bây Giờ. Đây là sự Lạm dụng thiếu, nên nhiều khi đưa tới nạn bị **Cưỡng hành**.

Đa dục là nếp sống **Nhập thế**, con Người lặn lưng vào cuộc đời, chăm lo làm cho được nhiều của cải vật chất, có thể đưa tới cuộc sống lạm dụng nhiều thứ, làm cho đảo lộn trật tự Gia đình và Xã hội, và làm ô nhiễm môi trường. Đó là nếp sống **Lợi hành**.

Quả dục là nếp sống **Xử thế**, tức **Chiết trung giữa Diệt dục và Đa dục**. Con Người Không hoàn toàn theo Diệt dục để giúp làm phát triển toàn diện con người mà lo cho cuộc Sống Nơi đây và Bây giờ được êm xuôi thoải mái. Con Người cũng Không theo lối sống Đa dục để lạm dụng mọi thứ làm tha hóa con người, rối loạn Xã hội và làm ô nhiễm môi trường. Do đó mà con người phải **Xử thế theo lối vừa Xuất vừa Nhập**, Xuất một phần theo Diệt dục và Nhập một phần theo Đa dục để cho đời sống được điều hòa Tiết độ. Muốn thế phải **An hành** nghĩa là trong cuộc sống hàng ngày, thấy sự việc hợp với Nhân Nghĩa thì cố làm cho được, còn những điều trái với Nhân Nghĩa thì nhất định không. Chỉ có con Người sống thực sự theo Nhân Nghĩa mới có Dũng lực để An hành được.

Đây Không là cuộc sống ba phải mà đòi hỏi phải có tinh thần Triết học rõ ràng thấu đáo và Nghệ thuật tế vi uyển chuyển như nét cong Duyên dáng của Việt tộc (xem sau) mới đạt được.

Đây là nếp sống theo Dịch lý, thuận theo Thiên lý để Sống hòa nhịp với Tiết nhịp hòa của Vũ trụ.

I.- MINH TRIẾT VỀ CHẾ ĐỘ

Về **Chế độ Chính trị** thì chọn **Chế độ Nhân trị**,

(vì ” Nhân giả An nhân, Trí giả Lợi nhân, Úy giả Cưỡng nhân “. Lão).

Nhân trị gồm **Lễ trị** và **Pháp trị**.

Lễ trị: Lễ là “ cung Kỹ kính Tha “ : trọng Minh trọng Người. Không biết trọng Minh thì không thể trọng người khác. Lễ là hàng rào cản tự nội, giúp con người tự ý không làm chuyện bất Nhân và bất Công. Lễ trị thuộc về lãnh vực Văn hoá và Tôn giáo cùng Giáo dục.

Pháp trị là dùng luật pháp công minh mà trị dân. Vì con người luôn bất toàn, nhiều khi không tự chế được mà làm chuyện phạm pháp, nên pháp luật giúp con người bất toàn sống theo lẽ công bằng của Hiến pháp. Thiết tưởng chỉ có Pháp trị thì không thể giúp cho xã hội được luôn an vui, vì pháp luật nào cũng có kẻ hở.
Phần này thuộc trách nhiệm Xã hội.

Nền tảng của **chế độ Nhân trị**: “ **Dân duy bang bản, bản cố bang ninh**: Dân là Gốc của nước, Gốc có được củng cố nghĩa là mỗi người dân phải được có Ăn có Học để có Tư cách và Khả năng thì Gốc nước mới được vững mạnh, Nước có được vững mạnh thì Dân mới an vui hạnh phúc.

Hạnh phúc cũng đòi hỏi phải Thân an Tâm lạc: **Một tinh thần minh mẫn trong một thể xác khỏe mạnh.**

Nếu một chế độ chính trị mà tham tàn bạo ngược thì người dân phải trừ khử như giết một những tên phạm phu tục tử (**Trụ bạo quốc chi quân, nhược tru độc phu**).

Chế độ Độc tài và CS rồ là chế độ « Ủy giả cường nhân »

K.- MINH TRIẾT TRONG SÁCH LƯỢC QUỐC KẾ DÂN SINH

Bất cứ một Tổ chức nào cũng đều có một **Tôn chỉ** và **Mục đích**. Để thực hiện Mục đích đã ấn định thì phải có một Tổ chức từ Gốc tới ngọn, nên phải có Tổ chức **Nhân sự** được phân Công phân Nhiệm để điều hành Tổ chức. Một Chế độ chính trị cũng vậy không thể thoát ra ngoài khuôn khổ đó.

1.- **Tôn chỉ** hay **Chính lược** thì nhằm thực hiện cặp đối cực: **Phú chi / Giáo chi** « để cải tiến Dân Sinh, nâng cao Dân Trí hầu chấn hưng Dân khí, đó là nguồn Nội lực của Dân tộc.

2.- **Mục đích để thực hiện Chính lược** thì có Chiến lược / Chiến thuật :

a.- **Chiến lược** thì : * Thiết lập **Chế độ Dân chủ** với nền tảng **Lễ trị / Pháp trị** với **Tam quyền phân lập** theo Dịch lý : Trong Tam quyền phân lập thì :

Các ngành Lập pháp, Tư pháp và Hành pháp là những cặp đối cực vừa được vận hành theo Tiêu chuẩn « **Thiểu số phục tùng đa số** » và vừa theo Tiêu chuẩn « **Đa số phục tùng thiểu số** » (xem *The Living constitution* của Hoa Kỳ ở dưới)

* b.- **Đường lối thực hiện** thì lấy **Chí Nhân / Đại Nghĩa** thay cho « **Tham tàn / Cường bạo để thực hiện Công bằng xã hội.**

3.- **Chiến thuật** thì: * a.- Thiết lập các **Cơ chế xã hội** theo các cặp đối cực theo Dịch lý để giúp cho Cơ chế được tiến bộ và quân bình và đồng thời giúp các cơ chế vận hành đồng bộ với nhau :

Chính trị với sự điều hòa giữa **Nhân quyền / Dân quyền**

Kinh tế với sự điều hòa giữa **Công hưu / Tư hữu**

Giáo dục với sự điều hòa giữa **Thành Nhân / Thành Thân**

Xã hội với sự điều hòa giữa **Dân sinh / Dân trí.**

Tất cả các cặp đối cực phải được điều hành đồng bộ với nhau.

* b.- **Nghệ thuật Cai trị** thì phải vừa quán triệt mọi vấn đề nhờ tinh thần **Triết lý** (Lý) và cũng vừa phải thực hiện uyển chuyển như **Nghệ thuật** (Tình) giúp mọi sự được đến nơi đến chốn.

L.- MINH TRIẾT TRONG THUẬT CAI TRỊ

Trong việc cai trị của chế độ Dân chủ thì dùng Nghệ thuật Cai trị, trong chế độ CS thì dùng xảo thuật và bạo lực để Tà trị.

Để hiểu nghệ thuật cai trị của Tỏ tiên ra sao, chúng ta nên truy nguyên từ cái Thuật dùng chữ Nghệ. Chữ Nghệ: (乂 =) < nét phẩy > + 丿 < nét Mác >) gồm nét Phẩy (cùng chiều Kim đồng hồ: Hữu nhậm) và nét Mác (Ngược chiều kim đồng hồ: Tả nhậm) giao nhau, tức là cặp đối cực Tả và Hữu nhậm giao nhau , đó là cặp đối cực của Dịch lý “ Âm Dương hoà ” tức là Thiên lý mang bản chất Hòa .

Vậy Nghệ thuật Chính trị là cách cai trị thuận với Thiên lý để mưu phúc lợi cho toàn dân trong trật tự Hòa mà sống an vui với nhau.

Nghệ thuật Chính trị cũng rất tế vi vì phải chu toàn mọi góc cạnh của đời sống mới đem cả Dân tộc tới cuộc sống Hoà vui hạnh phúc. Hoà là đỉnh cao của Văn hoá Thái hòa được thể hiện vào Đời sống Chính trị.

Để hiểu cái tế vi của Nghệ thuật chúng ta lấy ví dụ một Họa sĩ vẽ bức tranh, người Họa sĩ chỉ với mấy nét vẽ cùng với sự kết hợp màu sắc (vật chất) mà làm nổi bật lên Tinh thần của bức tranh, bức tranh vô giá là bức tranh có Hồn. Một bức tranh tuyệt tác là một bức tranh làm sao cho cái Xác hiện lên được cái Hồn của bức tranh.

Nghệ thuật Chính trị là sự kết hợp rất uyển chuyển giữa tinh thần Triết lý (Lý) và Nghệ thuật (Tình) sao cho công trình “ Phú chi và Giáo chi “ được hài hòa, giúp cho toàn dân sống sung mãn tương đối công bằng mà hòa với nhau cho được hạnh phúc.

Còn **Xảo thuật Tà trị** là cách hành xử đi ngược với Thiên lý, là dăng thay Trời cướp quyền Tự do và quyền Tự hữu của Dân thuộc Thiên tính về cho dăng gây ra cảnh Bất Hòa gây ra khổ đau tang tóc cho con Người và Dân tộc.

Xảo thuật Chính trị là cách Nói “ Nhân Nghĩa “ mà Làm ngược lại theo lối “ Tham tàn và Cường bạo”, nghĩa là “ nói Ngược làm Xuôi “:

Nói Độc lập vì đã làm Nô lệ kẻ thù,

Nói Tự do là chuẩn bị tước Nhân quyền,

Nói Hạnh phúc là hô cải cách để tước quyền Tự hữu hầu Ngu hóa và Bàn cùng hóa nhân dân để cho dễ cai trị và trường trị,

Nói Đổi mới là để rước Tư bản vào làm ăn mà cùng nhau Tham nhũng,

Nói làm ăn theo kinh tế Thị trường nhưng theo định hướng XHCN là nói bừa để bảo vệ dăng trong lúc bế tắc không biết tiến thoái ra sao!

Tất cả mọi sự đối trá nghịch với Thiên lý cứ lần lượt bị phơi bày vì không có gì dưới mặt trời có thể thoát khỏi cái Lưới Trời lồng lộng Nhân quả hay Giá sắc!

M.- MINH TRIẾT TRONG CÁC CƠ CHẾ XÃ HỘI

Theo quan niệm Nhất nguyên Lương cực thì mỗi Cơ chế xã hội phải làm sao cho cặp đối cực trong từng Cơ chế được điều hòa và điều hòa cùng các Cơ chế khác trong xã hội thì mới giúp cho các Cơ chế vừa Tiến bộ vừa Ổn định.

1.- Trong **Giáo dục** thì khi điều hợp được cặp đối cực Học (Học Lễ : vào) và Hành (học Văn: ra) thì sự Học mới trọn hảo, giúp ích cho cuộc sống. Mục tiêu của giáo dục là điều hòa được cặp đối cực **thành Nhân** (Tư cách do Lễ) và **thành Thân** (Khả năng do Văn). Giáo dục mà chỉ đào tạo khối óc để thành Thân thì sẽ sản sinh ra nan đề Duy Lý.

Tiên phải học **Lễ** (Lễ : biết Trọng Minh để biết trọng Người) bằng cách **Huấn linh**, (thuộc lãnh vực đào luyện Tư cách : Formation). Hậu chỉ học **Văn** bằng **Bác vấn** (thuộc kiến thức để tra dồi Khả năng : Information), thì sự học mới giúp cho con Người phát triển toàn diện.

2.-Trong **Chinh trị** thì phải điều hòa được cặp đối cực **Nhân quyền** và **Dân quyền** thì Dân mới giàu nước mới mạnh.

Có **tôn trọng Nhân quyền** để con Người có **Tự do** mà tra dồi Nhân phẩm cho có Tư cách và Khả năng. Do đó mà đòi hỏi phải có nhu cầu Tự do Tôn giáo, Tự do Văn hóa và các quyền Tự do căn bản.

Về **Dân quyền** thì xã hội phải **cung cấp** cho mọi công dân Cơ hội và Phương tiện **phát triển toàn diện con người**, tức là giải phóng cái Tâm cái Trí của mọi công dân thành con người Nhân chủ, khi đó mọi công dân mới có đủ Tư cách và khả năng để **đóng góp tương xứng** vào công cuộc Cứu nước và Dựng nước.

Nhiệm vụ của chính quyền là “ Phú chi, Giáo chi “. Phú chi để nâng cao Dân Sinh, Giáo chi để nâng cao Dân Trí và Dân Khí.

Đó là công trình giải phóng toàn dân để cứu nước và Dựng nước, chứ không chỉ giải phóng giai cấp nghèo đói và ngu dốt, khi giải phóng xong rồi không biết làm gì tiếp cho con Người và Dân tộc, mà chỉ theo “ phùng đạo tặc lưu manh truyền kiếp ” mà giết người cướp của để lấp đầy túi tham không đầy theo Lý tưởng Khách mệnh vô sản!

Nhân quyền là phổ biến cho Nhân loại, còn Dân quyền mới phụ thuộc vào hoàn cảnh địa phương, nhưng khi nào cặp đối cực tương xứng này tương tranh tương hổ để kết hợp với nhau thì mới đem lại ích lợi cho con Người và Dân tộc.

3.- Về **Xã hội** thì phải điều hòa **Dân sinh** và **Dân trí** cho đồng bộ thì mới phát triển điều hòa được. Khi Dân sinh được cải tiến thì mới giúp nâng cao Dân trí để cho mỗi Công dân đều có Tư cách và Khả năng nhờ có học, có thể mới mong Dân giàu nước mạnh. **Một nước giàu mạnh không chỉ ở đông binh lính và nhiều súng đạn, mà chính cốt ở Dân sinh, Dân trí và Dân khí được cao.**

4.- Về **Kinh tế** thì phải điều hòa giữa **Công hữu** và **Tư hữu** để giúp cho hết mọi người dân có cuộc sống tối thiểu có Nhân phẩm, tức là mỗi công dân đều có cơm no áo ấm và tiện nghi tối thiểu cũng như Tự do căn bản.

Thiếu quyền Tư hữu và quyền Tự do căn bản thì con người bị giáng cấp thành súc vật Nói cách khác là **Tự do và Bình sản** là hai nhu cầu thiết yếu cho cuộc sống con người. **Tự do để phát triển Nhân cách và Khả năng của con Người, Bình sản để ai ai cũng có nhu cầu tối thiểu như các yếu tố “ Ăn, Mặc, Nhà ở và Việc làm “ để sống xứng với Nhân phẩm.**

Chế độ điều hòa giữa Công điền Công Thổ với Tư điền gọi là Bình sản.

Nếu Xã hội cứ lơ đi cảnh “ **Kẻ ăn không hết, người lần không ra** “ thì đến khi Bò chết (người nghèo) thì Trâu cũng bị lột da (người Giàu). Chế độ CS là một hệ quả quá đau thương của Dân tộc do Lòng Vô cảm và thiếu tinh thần Liên đới trách nhiệm mà ra !

Do đó mà Tài sản Nhân dân không còn là Công hữu và Tư hữu của Nhân dân mà trở thành “ đảng hữu “ qua “ **Mé cướp Lý tưởng Quốc tế** trá hình.

Khi bị tước mất quyền Tư hữu và quyền Tự do căn bản thì con người bị thiên hoạn mất Nhân Tính và Nhân Tính, nên trở thành súc vật. Hai quyền này thuộc Thiên bẩm.

Mao đã dùng phương pháp Tây nã hồng để tẩy xoá Lương tâm, xóa mất quan niệm Tư hữu trong đầu, đặng nhét quyền Công hữu vào đầu vô sản mà làm Kách mệnh triệt để, nhưng kết quả là đưa Trung hoa vào khoảng trống Văn hóa như hiện nay, Trung Hoa đã bán đứt Lương tâm của Dân tộc qua việc sản xuất và xuất cảng hàng độc hàng giả để hồng tiêu diệt thế giới mà chiếm đoạt Không gian sinh tồn (space for life), cùng nhiều mưu mô bành trướng vừa trâng tráo vừa thâm độc chỉ vì bất Nhân và bất Nghĩa.! Áo tướng “ Biển Đông là ao nhà của đại Hán “ đang đưa dân Trung Hoa vào ngõ cụt!

N.- MINH TRIẾT TRONG VẤN ĐỀ GIÁO DỤC

I.- Mục tiêu

Tiên học Lê: THÀNH NHÂN.

Hậu học Văn: THÀNH THÂN

II.- Phương pháp.- Hai lối giáo dục: Đồng nhất và Khai phóng

1.- Giáo dục đồng nhất

“ Ở đây chỉ xin làm sáng tỏ vấn đề bằng so sánh đường lối giáo dục (tức sự sửa soạn xa) : Một theo Tâm Lý **đồng nhất của Hạ trí**, một theo lối **Thái hoà của Tâm Linh**. Lối Giáo dục **đồng nhất có 3 nét đặc trưng** sau:

a.- Trước hết là **nhồi sọ** : Nhồi sọ cho thực đầy, nhét cho thực chặt, không còn để một quãng thì giờ trống nào để tâm hồn rảnh rang, hầu có thể tự suy nghĩ lấy cách tư riêng . Hết giờ học thì đến giờ làm việc, hết lao tác thì đến học tập.

b.- Thứ đến là lối **độc hữu**: Do quan niệm chân lý có một, vì thế một là cảm đoán triệt để tất cả tư tưởng khác với chân lý được chấp nhận, như ta thấy rất rõ trong chế độ cộng sản. Hai là không dành cho chút thì giờ rảnh nào, đặng nhìn ra ngoài.

c.- Thứ ba là **hệ quả của sự không để giờ cho suy nghĩ** thì tất nhiên phải suy nghĩ hộ : không ai có quyền suy nghĩ nữa, đã có Đảng và Bác suy tư . Tất cả chỉ có việc theo lý trí của người trên. Như vậy là lý trí rỗng làm sao lý trí gặp được tâm linh. Biết bao người Việt Cộng đã nghĩ đến tình đồng bào, tình huynh đệ, cha con, muốn ngừng tay đấm chém phá hoại, nhưng Bác và Đảng đã bắt phải từ khước những ý nghĩ đó , cho đây chỉ là những tàn tích của phong kiến, của tư bản, cần đoạn tuyệt, để được hướng trọn vẹn tai mắt, trí, ý vào chân lý của Đảng mà thôi. Vì thế nhiều đảng viên phải giả điếc trước tiếng nói của tâm tình, của lương tâm để tuân theo chỉ thị cấp trên, bắt phải hoạt động như con sót rét để khỏi nghe tiếng lòng .

2.- Giáo dục khai phóng

Bây giờ chúng ta trở về với chân lý khai phóng của Việt Nho, nó có những đặc tính sau đây :

a.-Trước hết là **sự thanh thoát trong đường lối giáo dục** , được tượng trưng trong việc “Đi tắm sông Nghi, hóng mát trên đài Vu Vũ, ca hát mà trở về” . Thật là nhẹ nhàng cởi mở, giàu tính chất Tâm linh thanh thoát (xem Tâm Tư , chương IV) . Còn về sách vở tuyệt nhiên

không bao giờ lấy nó làm tiêu chuẩn tối hậu kiểu Mặc Dịch để chúng chặn đường con người trở lại với tâm mình. Nếu có dùng sách thì cũng không có những sách chặt chẽ kiểu ý hệ, mà là những sách có lối văn lỏng lẻo, cởi mở như Thi , Thư , Lễ , Nhạc , không có chút chi trói buộc tâm hồn. Đã vậy cũng không có nhịp điệu chung nào Anh này ra một ý chưa mức cạn, thì cứ mức đi; vài ba tuần dăm ba tháng mới trở lại gặp thầy cũng được.

b.-Điểm thứ hai, **đối với những tư trào khác, thì nên tránh công kích** : “ **Công hồ dị đoan, tư hại dã dĩ đoan** ” . Vậy có nghĩa là Dung thông . Tất nhiên chỉ Dung thông những tư trào nào vẫn để cho mình được phép mãi mãi dung thông. Vì nếu bừa bãi chấp nhận những thuyết đầy chất độc hữu, thì ngày nào thắng thế, nó phải bắt mình cũng phải độc hữu . Y như Việt cộng hiện nay, biết bao người chỉ đón rước cộng sản như để mở rộng đường suy tư, có ngờ đâu đến lúc nó thắng thế , thì dù muốn dù chẳng mình cũng phải trở thành một chiều như nó . Vì thế nhân danh tinh thần Tương Dung mà chấp nhận bất cứ tư trào nào là một thứ “ ba phải ” rất tai hại.

c.-Cái nét cuối cùng của Việt Nho là **đề cao việc trở lại với Tâm tư mình**. Có theo ông thầy thì chẳng qua mình thấy ông nói hợp tâm trí mình chứ không phải vì là của ông. Vì thế có đi cùng một đường với ông, cũng chính là đường của mình. Đại để đó là mấy nét biểu thị nền Giáo dục của Nho giáo Nguyên thủy, tức cũng là Việt Nho.

III.- Hai nền tảng của Giáo dục: Huấn linh và Bác vấn

Để được xứng danh là một nền Giáo dục phải có hai phần Huấn linh và Bác vấn :

1.- **Huấn linh** (Chỉ sự **Đào luyện**: formation) < THÀNH NHÂN > “ Muốn đào luyện phải có Cơ sở tinh thần để y cứ và đề tài bồi vun tưới trở lại rồi trở đi mãi mãi, có thể mới là Huấn, mới là Luyện. Chũ luyện nói lên sự đi lại nhiều lần mãi mãi cho tới độ đạt thuần thục và tinh ba, nên cũng gọi là Thần là Linh, gọi tắt là Huấn linh.

2.- **Bác vấn** (Chỉ sự **Quảng vấn**: information) < THÀNH THÂN > Song song với **Huấn linh như Hôn**, thì cần phải có **Bác vấn như Xác**, tức là Bác học Quảng vấn (information). **Bác học là chiều Rộng, còn Huấn linh là chiều Sâu**. Chiều rộng càng lớn thì giúp cho chiều sâu vào sâu hơn nữa. Hiện nay các nền giáo dục hầu hết đều rộng quá rộng, đến độ để cho Bác vấn lấn át Huấn linh, khiến cho giáo dục thiếu môi Quán nhất Nội tại. Thực ra sự **biết rộng (bác vấn) là một điều hay dành cho một số nhỏ có khả năng bách khoa mà không hợp cho phần đông chỉ cần một tầm học vấn thông thường**, cùng lắm là hai ngành chuyên môn mà thôi. Nhờ có óc thiết thực, mà Mỹ Anh Nga đã dám làm cuộc Cách mạng giáo dục. Chương trình trung học mà nặng về Bác vấn mà bỏ qua Huấn linh là nền giáo dục bì phu, bỏ gốc ôm ngọn, như thế thì làm sao gây nên những cán bộ Văn hoá, tạo được niềm tin tưởng để gắn bó người trong nước thành một mặt trận Tinh thần.”
(*Dịch Kinh Linh Thế. Kim Định*)

O.- MINH TRIẾT VỀ QUYỀN HÀNH

Trong bài trên Ts. Lê Công Sự có đề cập tới Vấn đề Minh triết và Quyền lực Chính trị. Phần trên chúng tôi đã bàn về Minh triết qua nhiều lãnh vực trong Văn hóa Việt, còn Quyền lực Chính trị thiết tưởng phải lần tới Nguồn Gốc của Văn hóa Việt để làm sáng tỏ.

Nền tảng Tinh thần lập quốc của Việt Nam là **Hùng / Dũng** hay sức mạnh Vật chất / Tinh thần của cả Dân tộc

Sức sống của mỗi cá nhân là **Tinh / Nghĩa**.

Sự phân công Giới tính hay **phân công Trách nhiệm** tuy là bình đẳng nhưng là **Nữ Nội Nam Ngoại**: Đàn Ông là Nhà, đàn Bà là Cửa.

Mối liên hệ Hoà giữa mỗi người trong nước là **Tinh Nghĩa Đồng bào**.

Theo **Tôn ti trật tự** mà mỗi người có **Nhiệm vụ** và **Quyền lợi tương xứng khác nhau** trước hết mỗi người phải lo sao cho thành Nhân có Tư cách và thành Thân có Khả năng.

Trong lãnh vực Gia đình.

Nhiệm vụ của Cha mẹ đối con cái là nuôi nấng và dạy dỗ con cái cho nên người có Tư cách và Khả năng để không những người con khi trưởng thành có thể sống tự lập mà còn sống được hạnh phúc. **Quyền hành của Cha Mẹ** phải nằm trong lãnh vực **Tinh Lý**, nghĩa là Yêu thương theo lẽ Công bằng để giúp con cái un đúc lòng Yêu thương và hành xử công bằng. Không ai có thể nhân danh lý do nào mà cướp quyền dạy dỗ con cái của Cha Mẹ. **Tổ chức Thiếu niên quàng khăn đỏ** và **đoàn Thanh niên CS** là Tổ chức cướp đoạt quyền Giáo dục Thành Nhân và thành Thân của Cha Mẹ, cách này ngược với Thiên lý, làm mất phẩm giá con Người và làm rối loạn Xã hội.

Còn Nhiệm vụ của con cái với Cha Mẹ là vâng lời Cha Mẹ để được Quyền lợi đào luyện thành Nhân (Tư cách) và thành Thân (Khả năng) để trở nên trai hùng gái đảm mà xây dựng Gia đình và đất nước, nên người con phải biết **On** (nhờ Tình) và báo Hiếu với Cha Mẹ (theo Lý công bằng) cho phải Đạo làm con. Do đó mà có câu: “ **Trẻ cậy Cha, Già cậy Con** “

Còn nhiệm vụ của Chính quyền đối với Nhân Dân thì phải **tôn trọng Nhân quyền** để giúp người Dân phát triển Tư cách và khả năng đồng thời đòi hỏi người Dân phải **thực thi Dân quyền** như đóng thuế cùng những nghĩa vụ hợp hiến khác cho nhà nước để cứu nước và xây dựng nước. Muốn thực thi nhiệm vụ đó thì Chính quyền phải có Quyền:

Quyền đó do toàn Dân giao cho, một là chính quyền phải là người có tư cách và khả năng do Dân bầu chọn tự do.

Quyền của chính quyền cũng do người dân trao cho qua Hiến pháp do người dân soạn thảo.

Hiến pháp chẳng qua lẽ Công bằng xã hội xuất phát từ Lòng Nhân ái để trị quốc an dân, chứ không là thứ luật rừng để hãm hại những người yêu nước chống kẻ thù Dân tộc.

Chính quyền chẳng qua là công bộc của dân, Quyền nào thì Lợi nấy, Lợi nào thì phải Hành nấy, Hành theo luật Công chính.

Như thế là Dân lãnh đạo đảng chứ sao đảng lại lãnh đạo Dân?

Sao có chuyện động trời “ chưa sinh Cha đã là sinh con “, ngược ngạo đến thế là cùng!? Các chức vị hàng đầu trong chính quyền Trung ương mới được đảng bày bản chỉ định trước khi hết nhiệm kỳ của chính phủ cũ cũng như cuộc bầu cử Quốc hội cho chính phủ mới, chỉ có Chủ nghĩa Mác –Mao- Hồ mới có lối “ Dân chủ đến thế là cùng ! “

Trong chế độ Dân chủ, quyền hành thuộc về Dân, chính quyền chỉ là kẻ được Dân giao cho nhiệm vụ điều hành mọi Cơ chế xã hội cho được Tiên bộ và Quân bình, quyền của chính quyền càng ít càng tốt, vì là nền Dân chủ, quyền hành có nền tảng nơi toàn Dân, mọi việc đều do Dân làm, Dân xây dựng, chứ không có Dân chủ tập trung, dân chủ này là Dân chủ cuội lộn đầu trở xuống, nên thành Đảng chủ !

Nên nhớ Giai cấp là tàn tích tệ hại của chế độ Nô lệ, **Đảng của Giai cấp lại càng tệ hại hơn, vì bản chất của Đảng theo Văn hoá Du mục là bạo hành, gian manh, cướp đoạt, và bành trướng.**

Ngày nay người ta bị áp bức quá nên cứ kêu gào đa đảng, cho được Tự do, nhưng Tự do không đủ hai chiều gồm: Tự do hàng Dọc (Vô biên về Tâm Linh: **Nhân quyền**) và Tự do hàng Ngang (Hữu hạn qua Thế sự, Khoa học: **Dân quyền**) thì trở nên hỗn loạn, vì “ lắm < thầy thiếu Lương tâm > thì rầy ma “. Trong một nước có thể nhiều đảng để các đảng phát triển bản sắc riêng, nhưng các đảng nên quy tụ thành hai nhóm, một chuyên về Nội trị, một chuyên về Ngoại giao, hai bên đóng vai trò cặp đối cực tương tranh tương hỗ để giúp cho Quốc kế Dân sinh luôn được cân bằng và tiến bộ.

Theo quan niệm **Nhất nguyên lưỡng cực** như: Trên / Dưới, Trong / Ngoài, Trước / Sau, Thân / Sơ hay Gần / Xa, Già / Trẻ . . . thì mỗi người ở **Vị trí** khác nhau có **Chức vụ** hay **Nhiệm vụ** khác nhau, nên có **Quyền Hạn**, **Quyền Hành** và **Quyền Lợi** tương xứng khác nhau.

Nhiệm vụ kết đôi với **Quyền Hạn**: Nhiệm vụ lớn thì hải có quyền hạn lớn, nhưng không thể lạm quyền làm điều trái với Luật Công bằng .

Quyền Hạn kết đôi với **Quyền Thế**. **Quyền hạn** lớn thì phải có cái **Thế** lớn tức là ảnh hưởng lớn.

Quyền Hạn đi với **Quyền Lực**. **Quyền hạn** nhỏ thì cần **quyền lực** nhỏ, **quyền hạn** to thì phải có **quyền lực** lớn . Những người làm việc cho Quốc gia thì phải có hai **Lực**; **Quân đội** để bảo vệ ngoại xâm cho Đất Nước. **Công an** để bảo vệ an ninh trật tự cho nhân dân. Còn những người làm công ích thì tùy theo nhiệm vụ mà có nhân viên phụ tá nhiều hay ít.

Quyền Lực đi với **Quyền Hành**. Phải có **Quyền lực** tương xứng thì mới thi hành **Nhiệm vụ** được.

Quyền Hành đi đôi với **Quyền Lợi**. Làm được việc lớn đưa tới lợi lớn chung thì sẽ được hưởng lợi lớn tương xứng. **Hành** nào đi với **Lợi** nấy

Tất cả đều là cặp đối cực tương xứng đi đôi với nhau, nếu không tương xứng là lạm dụng trái với luật Nhân quả hay Giá sắc tức là nghịch với Thiên lý.

Trong các chế độ độc tài hay CS thì sự lạm dụng tràn lan hầu hết trong mọi lãnh vực.

P.- MINH TRIẾT TRONG CÁCH VẬN HÀNH CƠ CHẾ XÃ HỘI

Đất nước Hoa kỳ có Tam quyền phân lập : **Lập pháp** (đa số) và **Hành pháp** (Thiếu số) là cặp đối cực, trong **Lập pháp** thì **Thương viện** (Chuyên về Ngoại giao) và **Hạ viện** (Chuyên về Nội trị) cũng là cặp đối cực. Các cặp đối cực luôn tương tranh tương hỗ để duy trì tình trạng check and balance. (kiểm soát nhau để cho các Cơ chế được quân bình).

Còn **Hành pháp** và **Tối cao Pháp viện** cũng như **Lập pháp** với **Tối cao Pháp viện** cũng là những cặp đối cực, một bên là đa số như **Lập pháp** và **Hành pháp**, còn bên thiếu số là **Tối cao Pháp viện**, trong trường hợp này thì phe (**Đa số**) **Hành pháp**, **Lập pháp** phải phục tùng **Tối cao Pháp viện** (**Thiếu số**) vì yếu tố thông thạo vấn đề nhờ hiểu biết sâu rộng (competency).

Trong Thượng và Hạ viện thì Đa số phục tùng Thiểu số . Trong Lập pháp và Hành pháp thì Đa số phục tùng Thiểu số Tối cao Pháp viện. Đó là chính sách check and balance.

(Xem ra Tinh thần Kitô giáo trong chế độ Dân Chủ Hoa kỳ đã gặp Tinh thần Dịch lý của Việt Nho. Xin xem thêm cuốn “ Hội nhập Văn hoá Á Âu “ của Việt Nhân trong Bộ sách Văn hóa Dân tộc trên vietnamvanhien.net).

Tóm lại, **Quyền hành Chính trị** bắt nguồn từ **Chế độ Chính trị**, mà Chính trị lại có gốc xa từ **nếp sống Văn hoá:**

Nền **Văn hoá Nông nghiệp có bản chất Hoà bình** thì chế độ Chính trị dẫu với Danh từ nào cũng mang bản chất Dân chủ,

Còn nền **Văn hoá Du mục có bản chất Chiến tranh** là nguồn gốc của chế độ độc tài mang tiềm danh Dân chủ .

Q.- MINH TRIẾT TRONG CÔNG BẰNG XÃ HỘI

I.- Vấn đề Công bằng

Công bằng xã hội là Vấn đề quan trọng hàng đầu của con Người trong xã hội và của cả Nhân loại. Một xã hội bất công thì Đất nước bị rối loạn, làm cho mọi người đều bị đau khổ. Chế độ Nô lệ và Đế quốc thực dân của phương Tây cũng như chế độ Phong kiến chuyên chế phương Đông đều chứa muôn vàn bất công, gây khổ đau cho con người..

Dựa vào những bất công trong các chế độ đó mà CS cũng đã giết hàng trăm triệu con người bằng cách thực thi công bằng xã hội để giải quyết bất công xã hội, nhưng xã hội càng ngày càng bất công hơn. Xã hội càng bất công thì các nước càng tìm cách thi đua vũ trang để lập Hòa bình thế giới với ý tưởng “ **muốn Hoà bình thì phải chuẩn bị Chiến tranh** “, nên đem bao nhiêu mồ hôi nước mắt của nhân dân mà sắm vũ khí giết Người hàng loạt, chứ không chuẩn bị chinh đốn con Người và tinh thần Dân tộc cho hợp với Thiên lý.

Thực ra vì chưa có sách lược nào giải quyết nạn bất công xã hội thật ổn thỏa .

II.- Nguồn gốc của Bất công xã hội

Muốn bàn tới và giải quyết vấn đề bất công xã hội thì tìm cho ra nguồn gốc Bất công là do đâu, chứ không thể nhìn các hiện tượng bề ngoài trong Xã hội mà sửa chữa . Bất công xã hội là con bệnh trầm kha, phải chữa tận gốc chứ không thể như việc chữa bệnh nội thương, chỉ lấy dầu Cù là mà thoa sát ngoài da, mặt khác sống trong thế giới hiện tượng mọi sự đều tương đối, không thể đem cái nhìn tuyệt đối vào đây. Do sự bất toàn của mỗi con Người mà gây ra tình trạng Bất công Xã hội.

Cái bất toàn một phần là do Thiên bẩm, phần khác là do Nhân vi trong cách hành xử Lạm dụng của con Người.

1.-Nguyên do Thiên bẩm

Có người được sinh ra rất thông minh mắn tiếp, có người lại dốt nát tối tăm, có người thì ở mức trung bình, có người thì siêng năng, có người lại chây lười. Về thể chất người thì khỏe mạnh người thì yếu đuối người thì bất lực. . .Nhân loại có hàng 8, 9 tỷ người, mỗi người một khác khác nhau về mọi phương diện, người kém phần này, kẻ trôi phần kia. Quả là nhân loại muôn màu muôn vẻ, dường như Thượng Đế sáng tạo ra loài người chứa nhiều bất công, nhất là về phương

diện sản xuất ra Tư hữu: Mỗi ngày, Kẻ thì làm được hàng trăm hàng ngàn, người thì làm được vài trăm, vài chục, thậm chí có kẻ không làm ra đồng nào .

2.- Nguyên nhân do Nhân vi

Trong giòng lịch sử Nhân loại thường xảy ra việc người có quyền thế áp bức bóc lột người nghèo đói, gây ra rối loạn xã hội. Những chế độ Nô lệ, Đế quốc Thực dân, chế độ Cộng sản ở phương Tây, chế độ Phong kiến chuyên chế ở phương Đông với thành phần giàu có đã gây không biết bao nhiêu khổ đau cho những người nghèo khó yếu thế.

CS Liên Xô, Đông Âu, CS Trung Hoa và và CSVN . . . đã đẩy sự bất công xã hội lên đỉnh cao chói vót. Khi con Người bị tước mất quyền Tự do làm Người và tước mất quyền Tự hủy để sống thì con Người sẽ trở thành Ngợm.

Vậy Vấn đề bất công xã hội có hai nguyên nhân:

- 1.- Sự bất công là do Thiên bẩm từ bản chất mỗi con Người.
- 2.- Do sự áp bức bóc lột là do con người Bất nhân gây ra Xã hội Bất công.

III.- Cách giải quyết Vấn đề Công bằng Xã hội

1.- Thuộc lãnh vực Tôn giáo

Trong Phúc âm đã có Dụ ngôn giúp chúng ta giải quyết vấn đề :

Phúc Âm Thánh Máthêu

“ Đoạn Máthêu 25:14-30 kể về một ông chủ sắp đi xa nhà. Trước khi đi, ông liền giao cho ba người đầy tớ trông coi một số lượng tài sản của mình.

Người thứ nhất thì nhận được năm yển (còn gọi là 5 talent), người thứ hai thì hai (2) yển, người thứ ba thì một (1) yển, tùy theo khả năng của họ.

Một thời gian sau, ông chủ quay về nhà và gọi những đầy tớ này đến để tính toán sổ sách. Hai người đầy tớ đầu tiên giải trình rằng với những yển bạc được giao, họ đã làm việc và sinh **lời gập đôi** cho ông chủ. Do đó, họ được ông chủ khen thưởng rằng: "Khá lắm! Hỡi đầy tớ tài giỏi và trung thành! Được giao ít mà anh đã trung thành, thì tôi sẽ giao nhiều cho anh. Hãy vào mà hưởng niềm vui của chủ anh!"

Tuy nhiên, trong khoảng thời gian đó, người đầy tớ thứ ba lại **đem yển mà mình nhận được chôn dưới đất** rồi giải trình rằng: "Thưa ông chủ, tôi biết ông là người hà khắc, gặt chỗ không gieo, thu nơi không vãi. Vì thế, tôi đâm sợ, mới **đem chôn giấu yển bạc của ông dưới đất. Của ông đây, ông cầm lấy!**"

Ông chủ nổi cơn thịnh nộ với hắn: "Hỡi đầy tớ tội tệ và biếng nhác! Anh đã biết tôi gặt chỗ không gieo, thu nơi không vãi, thì đáng lý anh phải gởi số bạc của tôi vào ngân hàng, để khi tôi đến, tôi thu được cả vốn lẫn lời chứ! Vậy các ngươi hãy lấy yển bạc khỏi tay nó mà đưa cho người đã có mười yển. Vì phàm ai đã có, thì được cho thêm và sẽ có dư thừa; còn ai không có, thì ngay cái đang có, cũng sẽ bị lấy đi. Còn tên đầy tớ vô dụng kia, hãy quăng nó ra chỗ tối tăm bên ngoài: ở đó, sẽ phải khóc lóc nghiến răng."

Theo Thiển Ý, đây là Dụ ngôn Chúa Giêsu dạy cách làm Người “ **Bác ái và Công bằng** “.

Thể xác và Tinh thần của con Người tuy do Cha Mẹ sinh ra, nhưng đều là tạo vật của Thiên Chúa, có được sinh ra mỗi người có Thể xác và Tinh thần không ai giống ai, thì Nhân loại mới có muôn hình muôn vẻ, trong Dụ ngôn trên Ông Chủ giao cho 3 người đây tờ: Người thứ nhất 5 yển (lạng bạc) , người thứ hai 2 yển, người thứ ba 1 yển, **Yển đây tượng trưng cho Thể xác và Tinh thần mỗi người, đây là vốn liếng Chúa tặng không** (free gift) cho mỗi người, Chúa bảo làm lời chẳng khác gì bảo làm người sao cho Vật chất và Tinh thần được ngày càng phát triển tốt đẹp cho xứng danh với con Chúa.

Người được cấp nhiều Yển thì phải làm Lời nhiều, người được cấp ít thì làm Lời ít, người nhận Vốn mà không làm Lời là người sống trái với luật Chúa, tất cuộc sống của mình đã tự mình làm cho sa vào nơi Tội Tăm.

Chúa không đánh giá vào số vốn yển nhiều ít, mà Chúa đánh giá vào **tỷ lệ làm Lời** (Vốn / Lời) của từng Người, tức là cách làm Người có hiệu quả với số vốn đã giao mà đánh giá Giá trị từng người. Thiên Chúa đã căn cứ vào Tỷ lệ làm Lời qua phương cách làm Người, chứ không phải số vốn đã giao cho nhiều ít. Người có Tư chất là người được giao nhiều Yển, người có Tư chất kém hơn thì được giao ít Yển, nhưng công lao của mỗi con Người là chỗ làm cho tỷ lệ Lời nhiều ít, chứ không bằng cứ vào nơi vốn mà phân biệt hơn thua ,cao thấp.

Mặt khác khi con Người được sinh ra, Chúa đã sắm sanh “ Quà biếu cho Không” dư dật mọi thứ: môi trường **Khí quyển** bao quanh quả Đất để thở, **môi trường Nước** 5 Đại dương là vật chất nền tảng của sự sống, **môi trường Đất** với muôn ngàn tài nguyên để nuôi sống thể chất, cùng **nguồn năng lượng vô biên của Mặt Trời để hoạt động**, nhất là **vô số Định luật bất biến trong vũ trụ** để giúp con người khai thác vật chất mà đi vào Không gian vô cùng lớn cũng như đi vào thế giới vô cùng nhỏ nơi vật chất mà sống cho sung mãn.

Tất cả Chúa đều” cho Không “ và “cho đến muôn đời “, sau cuộc sáng tạo đến ngày thứ Sáu, mọi sự đã hoàn tất, Chúa không sáng tạo gì thêm, Chúa không nói thêm điều gì nữa (Thiên hà ngôn tai !) .

Và lại con người có năng Cử động chân tay thì Cơ thể mới khỏe mạnh, có biết Suy tư để Trí óc làm việc thì tinh thần mới minh mẫn, có Quy tư vào Lòng mình thì Lòng mới Động để biết Yêu thương San sẻ với nhau nhờ Lòng Bác ái và Lễ Công bằng. Con Người có Vi Nhân như thế mới xứng danh với con Trời con Chúa. Nếu không định vị được như thế và không hiểu được vai trò làm Người quan trọng của mình như thế, thì tuy là đã có xác người nhưng Tinh thần con Người vẫn chưa xứng là con Người.

Quan trọng nhất là con Người nên hiểu, số Lời đó con Người chỉ có công một phần, còn phần khác là nhờ vào vốn cho không, Chúa đâu có thu lời,(nhưng Chúa âm thầm yêu cầu sống theo luật Chúa để Nhân loại được hạnh phúc) , do đó mà mỗi Người phải theo luật thiên nhiên trước mắt mà ứng xử công bằng với nhau mà sống cho được hạnh phúc.

Luật hàng ngày đó là nước chảy từ Cao xuống Thấp, gió cũng thổi từ chỗ Áp suất cao xuống Thấp, nên phải tự biết lấy Cao bù Thấp, lấy Nhiều bù Ít để cho lập được thế cân bằng chung mà sống hòa với nhau, có lẽ đến khi không có Hiện tượng biến hoá nữa do vật chất hết cách biệt thì khi đó là ngày chung thảm, do đó mà con Người phải có Lòng Bác ái, để biết san sẻ với nhau cho tương đối Công bằng mà sống cùng nhau , nếu cứ để cho xảy ra tình trạng “ **kẻ ăn không hết, người lần không ra** “ thì sinh ra đại loạn mà chịu khổ nạn cùng nhau. Nếu con người không chịu sống Hoà theo Thiên lý, mà cứ quen thói “ **mạnh được yếu thua**” mà “ **Cá Lớn cứ**

nuốt cá Bê “, mà cứ theo thói “ Khôn Độc Đại Đàn, Sống chết mặc bay, Tiền thầy bỏ túi “ thì Nhân loại chỉ điu nhau **chết đuối trong “ vũng nước chân trâu”** !.

CS là bài học đau thương thấm thía cho nhân loại, Việt Nam đang gánh chịu triền miên muôn vàn Quốc nạn và Quốc nhục do “ Thù trong giặc Ngoài CS gây ra“!. CS rõ là cây Roi của Thiên chúa để quất vào những con Người Bất nhân gây ra Xã hội Bất công !

Chúng ta nên hiểu, con Người được sinh ta dường như Bất công, đó là Thử thách của Thiên Chúa mặc nhiên buộc con người thăng hoa cuộc sống hàng ngày cho có Nhân phẩm để “ Nhân linh vạn vật “.

Đó là tiến trình con Người thăng hoa cuộc sống cho đạt Lễ sống Công bằng theo tinh thần Bác ái.

Tóm lại Công bằng xã hội chỉ đạt được mức Tương đối mà thôi, nhờ vào Lòng Bác ái Lưu tâm và Chia sẻ cho nhau để ai ai cũng đều có phương tiện tối thiểu để sống xứng với nhân phẩm. Không có Tình Yêu điều hướng lễ Sống với nhau cho tương đối công bằng thì không bao giờ giải quyết được Vấn đề Công bằng Xã hội. Lễ đơn giản là trong thế giới Hiện tương đối này không có cái gì là Tuyệt đối. CS đã không hiểu công bằng xã hội là gì, nên hùng hục đi cứu con Người bằng cách tước quyền Tự do và quyền Tư hữu làm cho con Người mất hết Nhân phẩm!

2.- Thuộc lãnh vực Văn hóa Việt

Để giải quyết Vấn đề, theo Văn hóa Việt thì cần phải đáp ứng ba nhu yếu thâm sâu của con người, nhu yếu đó là **Thực, Sắc, Diện**.

Thực để Sống và **Thực** để “ vực được Đạo Nhân sinh “ qua chế độ Bình sản.

Sắc để xây Tổ ấm Gia đình giúp nhau thăng hoa cuộc sống mà đào tạo Trai hùng Gái đảm .

Diện là trau dồi Thể Diện cho có Nhân phẩm: **Nhân, Trí, Dũng** để sống biết Lưu tâm và Chia sẻ mọi sự với nhau theo tình Đồng bào.

Đó là cách đáp ứng nhu yếu Thiên bẩm của con Người, giúp con Người phát triển toàn diện.

Đó là ba Thiên tính giúp con Người phát triển toàn diện để biết cách ăn ở tương đối công bằng mà Hòa với nhau, chứ không luôn dơ quả đấm ra mà dành miếng ăn, làm cho nhà tan nước nát..

Ngoài ra bộ số 5, 2, 1 ở Dụ ngôn trên cũng giống như bộ số Huyền niệm (Myth numbers) của Văn hoá Việt tộc:

5: Thuộc hành Thổ là Nguồn **Tâm linh** là nguồn Sống và nguồn Sáng tương tự như Bác ái, Công bằng.

2: cặp đối cực của **Dịch lý: nguồn sinh sinh hoá hóa của Vũ trụ**.

3: (= 5 - 2) : con Người **Nhân chủ**.

1: Nét Lương nhất : **Thái cực “Âm Dương hòa “: nguồn của mọi thứ Hoà gọi là Thái hòa .**

Với con Người Nhân chủ, luôn tiếp cận với nguồn sống Tâm linh, nên có khả năng sống Hoà với nhau.

3.- Thuộc lãnh vực Xã hội

a.- Trong Chế độ Nông nghiệp

Trong Chế độ Nông nghiệp trong Xã Thôn, các thành phần giàu có cũng lắm kẻ bắt nạt, họ áp bức bóc lột người nghèo thậm tệ.

Do Thiên bẩm và Nhân vi mà trong xã hội xảy ra tình trạng “ **Kẻ ăn không hết người lần không ra** “, nên trong chế độ Nông nghiệp Tổ tiên ta đã dùng Công hữu để điều hòa với Tư hữu bằng cách dùng Công điền Công thổ để cấp phát cho những người Cô nhi, quả phụ, những người tàn tật . . . mỗi người một số sào ruộng để họ tự canh tác hay cho rong canh (cho thuê cày cấy để lấy hoa lợi) lấy hoa lợi mà sống, tuy lợi tức không nhiều nhưng ai ai cũng có miếng ăn, không để cho cá nhân hay chính quyền dùng miếng ăn mà áp bức họ. Chế độ này gọi là chế độ Bình sản, chế độ “ **Được Ăn Được Nói** “: Ai ai cũng Được Ăn nhờ biết điều hòa giữa Công và Tư hữu. Được Nói vì đến 50 tuổi (Ngũ thập nhi bất hoặc) thì ai ai cũng được tham gia vào Hội đồng kỳ mục mà lo việc Làng Xã.

b.- Trong Chế độ Công nghiệp

Trong Chế độ công nghiệp những công nhân cũng bị các Hãng xưởng, các Công ty áp bức bóc lột và đối xử bất công dưới nhiều hình thức khác nhau, gây đau khổ cho nhiều người, làm xã hội rối loạn. Để giải quyết tình trạng này các nước có chế độ Dân chủ Tây phương nhất là Hoa kỳ cũng có cách điều hoà giữa Công và Tư hữu bằng cách đánh thuế Lũy tiến để có Ngân khoản điều hành các Cơ chế xã hội trong đó có chế độ An sinh xã hội (Social security) để giúp các Gia đình có lợi tức thấp trong việc cung cấp tiền ăn tiêu, nhà ở có trợ cấp, trợ cấp về y tế và huấn nghệ .

Luật pháp các nước Dân chủ cho phép giới Công nhân có quyền tổ chức **Công đoàn độc lập** để Bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình , không để ng8n ng8ra giới Chủ áp bức bóc lột Công nhân..

Ngoài ra Quốc hội còn ấn định **mức lương tối thiểu hàng giờ** cho những người lao động yếu kém tay nghề.

Đây là phương cách để thiết lập Lễ sống Công bằng xã hội, nhưng vẫn chỉ là tương đối.

Nên nhớ sống trong thế giới hiện tượng mọi sự đều tương đối, đừng đem Ý tưởng cực đoan đoán xét mà phạm sai lầm như CS.

c.- Cách nhận định và giải quyết của CSVN

CS cho rằng sự Bất công Xã hội là do sự Chiếm hữu tài sản cá nhân gọi là quyền Tư hữu. nên để giải quyết Vấn đề Công bằng Xã hội thì phải **tước quyền Tư hữu sung vào Công Hữu**, mọi người làm ăn tập thể, mọi tài sản do đảng quản lý với lời hứa “ **Làm theo Khả năng hưởng theo Nhu cầu** “. Đây là lời hứa về Thiên đàng CS.

Không cần bàn đầu xa, chỉ nhìn vào công cuộc Cải cách xã hội của CSVN thì rõ chân tướng CSVN.

Màn đầu của Cải cách là cuộc phát động Phong trào “ **đấu tranh Chính trị** “, ở miền Trung mỗi Làng Xã đều có vụ bắt một số người treo lên xà Đình hay Xà nhà đập đánh tra khảo vu cho hoạt động cho Quốc Dân đảng là **phản quốc** . Thực ra đó là cuộc thăm dò xem phản ứng của thành phần chống đối ra sao để phát động phong trào cải cách.

Trước khi phát động Phong trào, CSVN cao rao là vì **Lòng Nhân đạo** mà **đảng CSVN đã phát động phong trào Quân chúng để thiết lập công bằng Xã hội.**

Phong trào cải cách có 3 giai đoạn:

1.- **Giai đoạn I** là **Phong trào Giảm Tô giảm Túc với thuế Nông nghiệp**; Mục tiêu của cuộc phát động này là “ **Tích thu của nông** ” của thành phần (chứ không có gia cấp) nhà giàu, gọi là Địa chủ và Phú nông. Sau khi bầu lại Diện tích và Sản lượng điển thổ thì thuế Nông nghiệp của Địa chủ và Phú nông không những phải nộp hết thóc cả vụ mùa rồi, mà còn phải bán cả nông cụ như trâu bò ngay cả đồ phụng tự nữa cũng không đủ.

2.- **Giai đoạn II** là **phong trào Cải cách ruộng đất** với ấn định là làng nào cũng phải có 5 % Địa chủ, có như thế mới phát động được toàn diện với mục tiêu là **tích thu của Chìm của Địa chủ** như ruộng vườn nhà cửa.

3.- **Giai đoạn III** là “ **Làm ăn tập thể** ”, để **trước nốt quyền Tư hữu và Tư do của toàn dân**, mọi tài sản do **đảng Quản lý**, người Dân chỉ còn lại “ **số Hộ khẩu để** buộc người dân phải < Đi Thưa Về Trình đảng > ”, cùng “ **Tem phiếu thực phẩm** < làm bữa nào thì đảng đong cho ăn bữa nấy >, khiến con Người trở lại thành Ngộ như thời mông muội .

Tuy sau này có Chính sách gọi là **Đổi mới**, bỏ làm ăn tập thể, nhưng vẫn có “ **Tổ Dân phố** ” với “ **số Hộ khẩu** ” với “ **Công an tràn lan khắp ngõ** ” và “ **Công an đội lột côn đồ** ” cùng chính sách “ **Quy hoạch mặt bằng** ” để **cướp nốt Tư hữu của Nông dân**, - thành phần cột trụ của đảng - biến cả dân tộc thành bầy Nô lệ, không những Nô lệ CSVN, mà còn Nô lệ cả CS Tàu !!!

Quả đúng với tuyên ngôn của CS là “ **cướp Chính quyền** ”, từ **cướp chính quyền tới cướp quyền Tư do và Quyền Tư hữu toàn dân** là “ **Liên một Ngõ** ”, thế là **đảng CS đã làm tròn nhiệm vụ Quốc tế Vô sản đã biến “ Tư bản Trắng thành Tư bản Đỏ ” !**

Qua đó chúng ta mới hiểu **đảng CSVN là đảng gì !!!**

Nguyên nhân tai họa là do con Người CS là vô thần, họ từ chối nguồn Tâm linh là nguồn Tình và Lý công chính, con Người chỉ còn lại lột Ngộ với Hận thù, CS đã kiên định lập trường trút bỏ Tình / Lý của Người, nên trở thành Ngộ tình ranh, không từ tội ác tà trời nào mà không ra tay!

R.- MINH TRIẾT TRONG SINH HOẠT CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

I.- Trong Nét Cong duyên dáng của Việt tộc

(Văn Lang Vũ bộ. Kim Định .)

(Xem 2 ở dưới)

II.- Trong Phong tục tập quán

(Văn Hiến Việt Nam. Việt Nhân)

Tết (Tiết), Lễ, Hội.

**“ Thanh Minh trong Tiết tháng ba.
“Lễ là Tảo mộ, Hội là Đạp thanh.”
(Kiều : Nguyễn Du)**

I.- Danh Từ

*Qua hai câu thơ lục bát trên, ta thấy ba chữ: **Tiết, Lễ, Hội**
Tết (Tiết) , Lễ, Hội đáp ứng được 3 nhu yếu thâm sâu của con Người Việt tộc. Con người Việt tộc sống theo đạo Nho: Nho là nhu thuận, nho nhã ; mà Nho cũng có nghĩa là nhu yếu, thứ văn hoá đáp ứng được 3 nhu yếu thâm sâu của con người : Đó là Thực, Sắc, Diện. Ta hãy lần lượt đi vào từng chữ:*

1.- Tiết: là thời tiết : Tết

Tổ tiên ta xưa sống theo nông nghiệp, nên phải theo dõi thời tiết để gieo trồng cho kết quả, cha ông chúng ta không dừng lại đó mà còn tìm mọi cách sống theo nhịp điệu huyền vi của vũ trụ, vì thâm cảm rằng “ Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong “ . Tết là tiếng nói trại của Tiết, Tiết nhịp của Vũ trụ, dân ta tổ chức ăn Tết trải dài theo các mùa trong năm, nghĩa là theo Thời gian, nhất là hai mùa Xuân Thu, theo thuyết Tam tài hai mùa đó ngày và đêm dài bằng nhau thuộc về trưc (trưc Phân) thuộc về con Người (Nhân), còn mùa Hạ ngày dài hơn thuộc về Trời (Thiên), mùa Đông thì đêm dài hơn thuộc về Đất (Địa). Mùa Hạ và mùa Đông thuộc về trưc Chí.

Mùa Xuân là mùa của vũ trụ bắt đầu một chu kỳ mới, Dân ta tổ chức ăn Tết Nguyên Đán vào ngày mùng một tháng giêng, về mùa Hạ vào ngày mùng 5 tháng 5 là ngày Ánh sáng mặt trời chiếu sáng nhất, để nhớ ta là con cháu của Viêm Đế, nên ta ăn Tết Đoan Ngọ.

Tết Nguyên Đán và Tết Đoan Ngọ là hai cái Tết quan trọng nhất của dân ta, vì ngoài lý do Thuận thiên, còn là lý do Thực tiễn nữa, vì lúc này công việc gieo trồng đã thu hoạch xong. Đây là thời gian tốt nhất để nghỉ xả hơi, cũng là lúc cần được bồi dưỡng bù vào những ngày làm việc đầu tắt mặt tối, nên phải ăn ngon mặc đẹp, nhất là phải làm mới lại tất cả: làm mới lại mối giao hoà với Trời Đất, Tổ tiên, Thần Thánh; làm mới lại mối Luân thường Đạo lý với mọi người, nhất là trong gia đình. Đây cũng là cuộc sống Tâm linh.

2.- Lễ

Lễ là cung và kính: Cung là trọng Minh và Kính là trọng Người. Minh trọng mình, thì mình cũng trọng Trời Đất, Tổ tiên, Thần Thánh, nên phải cúng bái, để tỏ lòng tôn kính và biết ơn, đây là những dịp để tâm hồn vươn lên bắt gặp những tâm hồn cao thượng, những hành động quả cảm, những giá trị cao cả. Đồng thời mình cũng trọng Tha nhân, nên phải thăm viếng, quà cáp, chúc mừng, để hiện thực những điều tốt đẹp học được nơi các bậc hiền nhân.

*Con Người của ta là con người **Lưỡng thể**, nên khi tổ chức ăn uống đình đám cho Thê xác, thì phải cúng tế cho phần Tâm linh. Vì vậy mà ta có thể nói Lễ Tết để diễn tả hai mặt của việc ăn Tết. Ngoài ra chúng ta còn có nhiều Tết khác như Tết Hàn Thực (ngày 3 tháng 3 Á. l.) Tết Trung Nguyên (15 tháng 7 Á l.), Tết Trung Thu (15 tháng 8 Á. l.) Tết Trùng cửu (09 tháng 09 Á. l.) . . .*

3.- Hội

Là cuộc vui được tổ chức cho dân Làng, liên Làng, hàng Tổng hay cho cả Nước tham dự, với mục đích là tập trung đông người lại vui chơi với nhau, để làm phát triển tinh thần cộng đồng.

Nhưng với con người lưỡng thê của Việt tộc tuy vui, nhưng không bao giờ bỏ quên mặt khác của cuộc sống: **đã có ăn, thì phải có chơi và cũng phải có những hoạt động nâng cao đời sống tinh thần, đời sống tâm linh, để cho con người phát triển toàn diện.**

Lễ là bản chất sự sống của Việt tộc, gồm hai lối xuất nhập, xuất thì kính (trọng người khác), nhập thì cung (trọng chính mình). Chữ Lễ đã thấm nhập trong mọi lãnh vực của đời sống, đây là hiện thực những nét Lương hợp vào đời sống của toàn dân. Vì thế ta có thể nói Lễ Tết hay Lễ Hội thì mới rõ nghĩa hơn. “ Có rất nhiều Lễ hội ở nhưng nơi khác nhau, các Lễ hội đó mang nhiều ý nghĩa khác nhau, tựu trung ta có thể tạm xếp loại như sau:

II.- Các loại Lễ Hội

1.- Lễ hội liên quan đến sinh hoạt kinh tế

“ Hội cấy, Hội Tằm tang, trình nghề nông, thờ ông Điền. . .

2- Lễ cầu mùa

Cầu mưa, cầu tạnh, cầu mưa thuận gió hoà . . . Thường vào mùa Xuân thì trời nổi cơn giông, sấm chớp. Năm nào mà Trời có mưa giông thì năm đó hoà cốc phong đăng, vì khi có sấm chớp thì khí Nitrogen trong không khí, nhờ có tia sét mới hoá hợp với Oxygen mà thành NO₂, khí này hợp với nước thì thành NO₃H, acid này mới hợp với các chất trong đất mà thành Nitrate là thức ăn của cây. Theo kinh nghiệm thì năm nào có mưa giông, có sấm chớp, thì được mùa, nên **đến Tết dân chúng đốt pháo để nhắc ông Trời đổ mưa giông xuống cho dân nhờ.**

3.- Lễ dâng cúng sản phẩm nông nghiệp

Thường tường khi các hoa quả hoặc lúa vừa mới thu hoạch đều được dâng cúng để tỏ lòng **biết ơn Trời Đất.**

4.- Lễ rước lợn (heo), Xôi, Lễ ăn cơm mới . .

5.- Lễ hội trình diễn Tổ sư các ngành nghề

Để nhớ công ơn người phát minh cũng như khuyến khích các làng nghề phát triển, một số lễ hội điển hình như hội Vó (Gia Lương - Bắc Ninh) **thờ Tổ sư đúc đồng** Nguyễn Công Nghệ, Hội Chuông (Thanh Oai - Hà Tây) **tổ trâu nón** và thờ **Tổ nghề nón**; lễ hội làng Vân Sa (Ba Vì- Hà Tây) là **lễ hội trồng dâu nuôi tằm, dệt lụa**, rước bông, rước kén; hội Phương Thành (Ninh Bình) thờ ông **Tổ nghề dệt**; hội Phú Đô (Từ Liêm- Hà nội) **thờ Tổ làm nghề bún.** . .

6.- Lễ hội thi tài và các trò vui chơi

Đây là những Lễ để luyện thể xác và tinh thần, tập luyện sự khéo léo, sáng trí, tháo vát, nhanh nhẹn để thành Đinh để sống đời tự lập (Đây là những thử thách cho **Lễ thành Đinh** lúc vào tuổi 20, sau này Nho giáo gọi là **Lễ Gia quan** . Những cuộc thi đó như : Trò thi thổi cơm. Lễ hội Đình Thi Cắm (Từ Liêm- Hà nội) thi nấu cơm vừa kéo lửa, vừa chạy múc nước về nấu cơm; Hội Xuân Diển (Can Lộc- Hà Tĩnh) cử 12 trai làng vừa kéo lửa, vừa giã gạo vừa nấu cơm; hội Hào Xá (Thanh Hà - Hải Dương) thi nấu cơm trên thuyền bằng bã mía; hội Trầm ở Nghệ An, hội Cảnh Dương (Quảng Bình) thi từng đôi vừa khiêng nồi vừa chạy vừa nấu cơm. . . . , ngoài ra còn có hội thi lược gà, thi dọn cỗ, thi chèo thuyền bắt vịt trong ao, thi dệt vải, thi leo cây chuối tron, thi bịt mắt bắt dê, thi đi cà kheo, thi cờ người . . . **Tất cả có mục đích để khuyến khích**

thanh niên nam nữ tự rèn luyện thể xác và tinh thần để trở thành những người trai hùng gái đảm.

7.- Lễ hội phồn thực

a.- Rước Nỗ nường

*Nỗ là bộ phận sinh dục Nam, Nường là bộ phận sinh dục Nữ. Hội làng Sơn Đồng (Hoài Đức – Hà Tây) có tục múa Mo, biểu tượng của bộ phận sinh dục Nữ trước hương án thân làng trong Đình. Sau khi tế và múa xong, chủ tế tung mo ra để mọi người tranh cướp mong cho người an, vật thịnh ..**Trong các hội không chỉ có các trò rước liên quan đến sinh thực khí (sinh: sinh đẻ, thực: nảy nở; khí: cơ quan) mang ý nghĩa Phồn thực, mà các trò diễn đó mang ý nghĩa sinh động hơn về quan hệ Nam Nữ, mong cho sự sinh sôi phát triển . Đó là trò diễn ở hội Quảng Lâm.***

b.- Trò chơi bắt chạch trong chum (cái Lu đựng nước)

Nam nữ thanh tân, một tay quàng vai nhau, tay kia cùng thò vào trong chum bắt chạch hay lươn, như hội Hoa Sơn, (Ứng Hoà , Hà Tây , hội Rung (Vĩnh Lạc, Phú Thọ), hội Bạch Trừ (Mê Linh, Vĩnh Phúc)

c.- Hội chen

*Ở làng Ngà (Quế Võ- Bắc Ninh) vào dịp trung tuần tháng giêng cũng **cho phép Nam Nữ tự do chen chúc xô đẩy lẫn nhau sau khi rước và tế ở đình làng**. Từ nửa đêm rằm tháng giêng cho đến sáng, họ còn được phép tự do quan hệ trong không khí linh thiêng của lễ hội. Các trò diễn đó còn khá phổ biến ở các dân tộc miền núi trong các cuộc chơi của người Thái, Tày. . .*

d.- Hội ném còn vòng

*Hội này có ở nhiều dân tộc trong nước. Đây là **trò chơi vui giữa Nam và Nữ** nhưng lại mang ý nghĩa cầu mùa khi quả Còn với nhiều tua vải màu được ném lên làm thủng cái vòng giấy ở tít trên cao . Ngoài ra còn có hội cướp Kén, hội trai gái tìm nhau, hội tắt đèn, cướp câu thả lỗ, đánh đáo, nhún đu . . Theo Việt tộc thì chuyện Trai Gái yêu đương là chuyện quan trọng hàng đầu trong mối nhân luân, (**quân tử chi đạo tạo đoan hồ phu phụ**), **quan hệ nam nữ khá phóng khoáng**, không có khe khắt phiền toái như kiểu Hán tộc, **cả làng xóm tổ chức dưới thanh thiên bạch nhật trong không khí linh thiêng của lễ hội, cho Trai gái được tự do tìm hiểu nhau để kết duyên vợ chồng**; đây là việc tuy là my own business, nhưng được cả làng khuyến khích, tôn trọng, đây cũng là dịp làm phát triển tính cộng đồng. Sau này bị những người thanh giáo, vua quan chuyên chế cho những bộ phận sinh dục là xấu xa, chuyện trai gái yêu đương một cách công khai là dâm bôn, họ cho đàn bà là thấp kém, thế mà một ông vua dành cho riêng mình những 3000 cung nữ như Tần Thủy Hoàng, rồi đàn ông thì năm thê bảy thiếp, sống theo kiểu chồng chúa vợ tôi !*

8.- Lễ hội hát giao duyên

a.- Hát Trống Quân

*Hát Trống Quân gồm có hai phe Nam và nữ. Theo điều kiện lý tưởng thì phe **Nữ từ trên Núi xuống** (con của mẹ Tiên), **phe Nam từ dưới Sông lên** (con của cha Rồng). Khi gặp nhau thì*

khởi đầu bằng lời hát giao duyên, hai bên đối đáp nhau bằng những lời thơ câu hát. Sau khi hát xong, cặp nào ưng ý nhau thì lội qua Sông, tặng nhau bó Hoa hay Cành cây, rồi thì Hợp thân trên thềm cỏ xanh (đạp thanh). Lúc này là mùa Xuân, đến mùa Thu mà người con gái có mang thì hai bên cưới nhau, kết nghĩa vợ chồng. Nếu chưa có mang thì lại đi hát Trống Quân nữa. Những Lễ Hội có tính cách Phồn thực như hát trống Quân, có tính cách cầu mùa cho người an vật thịnh, mùa màng được tốt tươi, cuộc sống mới an vui hạnh phúc, với niềm tin rằng con người cũng phải góp phần vào việc sinh hoá của vạn vật, để cho vũ trụ được điều hòa, mà cốt tuỷ của sinh hoá là Âm Dương kết hợp, để cho Thiên thời, Địa lợi, Nhân hoà.

Những nhà thanh giáo, nhà cầm quyền chuyên chế cho những Lễ Hội dân gian này là xấu xa gọi là Bôn, sau còn thêm chữ Dâm vào gọi là Dâm Bôn để khinh miệt và cấm cản, nhưng phép vua cũng thua lệ làng, “quan có cần mà dân không vội, quan có cần thì quan lợi quan sang”.

b .- Hội hát Quan họ (Bắc Ninh)

Đây là vùng có gần 50 làng có nghề Quan họ. Trong đó nổi bật nhất là là hội hát quan họ ở vùng Lim (Tiên Sơn). Ngày 13 tháng Giêng hàng năm hội Lim lại được tổ chức, liền Anh, liền Chị ở các làng Quan họ khác cũng thường tập trung về đây thi tài.

Hát Quan họ là cuộc hát đối đáp giữa hai bên Nam Nữ (liền Anh, liền Chị) theo từng nhóm, từng tốp, giữa làng này với làng khác, giữa tốp này với tốp khác.

Hát Quan họ là nghệ thuật kết hợp, chọn lọc giữa làn điệu thơ (thường là lục bát) giữa lời hát và cách diễn xướng. Vì thế các làn điệu Quan họ thường dễ làm say lòng người, tuy tâm trạng của người hát lẫn người nghe, mà mức độ rung động có khác nhau. Điều đáng chú ý là lối chơi Quan họ tạo ra sự liên kết và quý trọng nhau, phải lòng nhau ăn ý nhau từ lời ăn tiếng hát và đeo đẳng nhau suốt đời, tuy không được là vợ chồng cũng trở thành những nhóm bạn tri kỷ bền lâu.

c .- Hát Xoan (hát Xuân)

Ở Phú Thọ có tục hát Xoan. Có 4 họ Xoan chuyên nghiệp là họ Phù Đức, họ Thét, họ Kim Đồi và họ An Thái thường đi biểu diễn khắp nơi. Tiêu biểu cho cho hội hát Xoan là lễ hội đền Thánh Ông Thánh Bà, làng Bác Đức vào ngày 1 tháng 2 âm lịch. Ngoài ra trong các lễ hội còn có hát Gheo, hát Ví, hát Tuồng hát Chèo, . . .

d .- Hát gheo

Hát Gheo gắn liền với Lễ Hội từng làng như Lễ Hội Nam Cường, Bảo Vệ (Tam Thanh – Phú - Thọ). Sau Lễ phùng Gheo không hát ở sân đình mà ra hát với nhau ở nhà dân rộng rãi. Nội dung hát gheo chỉ diễn ra xung quanh việc Nam Nữ giao duyên.

e .- Hát Ví

Ở Nghệ Tĩnh có tục hát Ví. Trong cảnh trăng thanh gió mát, giữa ngã tư đường cát mịn hoặc trên một đoạn đường đê, hai đoàn Nam Nữ đứng dưới gốc đa, hay hai bên đầu một chiếc cầu, trên bờ giếng, hay nơi cổng làng, họ trao đổi duyên tình với nhau bằng những câu hò điệu hát, nghe rất lý thú và đầy ý nhị. Bên Nữ xướng, (nữ ve trai trước) bên Nam hoạ, bên này dứt câu bên kia trả lời, nếu bên nào bí giữ im lặng thì xem như thua cuộc.

Lối hát ví này chỉ là một tập tục truyền lại tự ngàn xưa, lan rộng mãi ăn sâu vào đám trai gái quê mùa, chất phác. Nhưng không những hạng người ấy ham mê mà thôi, các đấng văn nhân, các bậc túc Nho (như Cụ Phan Bội Châu, Nguyễn Du lúc thiếu thời . . .) cũng mến chuộng đến say đắm nữa . . . Cũng giống như hát Gheo về nội dung và hình thức là hát Giao duyên Nam

Nữ, nhưng là nghệ thuật gồm hai việc : câu văn và giọng hát. Người hát ứng khẩu tại chỗ ứng đối theo từng câu của đối phương.

***Hát Chèo, hát Tuồng** là hình thức văn nghệ phổ biến tại sân đình trong các dịp Lễ Hội của làng. Đây là hoạt động sân khấu thực sự. Các diễn viên phải biết nghề mới mùa mới hát được. Vì Chèo và Tuồng đòi hỏi phải có nghệ thuật diễn xướng vừa hát đúng làn điệu vừa múa cho phù hợp với làn điệu và nội dung của bài Chèo, bài Tuồng . Có thể nói rằng không có Lễ Hội nào lại không có sinh hoạt văn nghệ.*

Đây là những cơ hội cho mọi người nhất là thanh niên Nam Nữ phát triển con người toàn diện, nhất là về tình cảm và nâng cao trình độ tâm linh hướng về nguồn gốc Chân, Thiện, Mỹ . Dân Việt Nam được tiếng là dân giàu cảm tình, có nhiều thi sĩ và triết nhân, chính là cũng nhờ vào cung cách và khung cảnh đào luyện này.

9.- Lễ hội liên quan đến việc ghi nhớ công lao của các vị:

Danh nhân văn hoá, anh hùng lịch sử, . . .

a .- Lễ trẩy hội đền Hùng

Để ghi nhớ công lao Tổ tiên, vào ngày 10 tháng 3 âm lịch hàng năm tại núi Ngũ Lĩnh, tỉnh Phú Thọ, con dân Việt Nam trẩy hội đền Hùng.

b .- Lễ hội Thánh Đóng

Hội Săn Làng La Cả (Hà Tây) diễn trò Thánh Gióng đánh 28 tướng giặc Ân (do các cô gái đóng).

c .- Lễ hội Hai Bà Trưng

Lễ Hội chính ở Hát Môn , làng vận động hàng ngàn Nam Nữ thanh niên tham gia hội. Số Nam Nữ thanh niên này được chia làm hai đạo binh tiền hậu để rước nước về tắm tượng khiến không khí đêm Đông vô cùng vui nhộn.

*Lễ Hội ở làng Hạ Lôì (Yên Lãng- Phúc Yên) mở vào rằm tháng Giêng. Trong hội có **nhều trò vui, như đánh cờ, đánh đu, đáo đĩa, . . .** nhưng vui nhất là đám rước tập trận của 150 thanh niên và 150 thanh nữ. Các thanh niên mặc áo dài đen quần trắng, thắt lưng đỏ bó que, thanh nữ mặc áo nâu dài váy đen, hai vạt áo vắt ra đằng sau. **Khi đám rước diễu hành, Nam Nữ tham gia đám rước hò reo, hát xướng vui vẻ .***

d .- Hội Đền Kiếp Bạc

*Hội được mở vào ngày 20 tháng 8 âm lịch là **ngày giỗ của Hưng Đạo Đại vương** . Ngài đã chỉ huy quân dân Việt Nam đánh thắng quân Mông Cổ 3 lần là đạo quân mạnh nhất thế giới thời đó. Ngoài ra còn có nhiều lễ hội như các lễ hội Tản Viên Sơn Thánh, chư Phật, chư Thánh, Hội Lễ thờ Trương Hống, Trương Hát , Bồ Cái đại vương , . . .*

*Đây là những **Lễ Hội tôn vinh con người Nhân chủ của Việt tộc**, phụng thờ rước xách các vị cũng là để tôn vinh và hiện thực con người Nhân chủ. Ngoài ra đây cũng là những Lễ hội biểu lộ tâm tình “ uống nước nhớ nguồn “ để tôn kính và biết ơn tiên nhân, đây cũng là những nẻo đường hướng nội đi vào Tâm linh, dẫn con Người về đại Đạo, để xây dựng con người đại Ngã, con người của Nhân, Trí, Dũng hay là những Trai hùng Gái đảm.*

Cái đỉnh cao nhất của những sinh hoạt của Lễ Hội cũng là tạo cơ hội cho mỗi người hướng về vươn lên những giá trị cao cả là Chân , Thiện, Mỹ .

Tóm lại:

Lễ Tết nặng về cái Ăn, Lễ Hội thiên về những lối Chơi. Phạm vi của Tết là cho cá nhân và gia đình, họ hàng. Phạm vi của Lễ hội là mở rộng ra cho mọi người trong cả làng, liên Làng, hàng Tổng hay cả Nước. Lễ Tết nhằm duy trì cái gốc, cái tôn ti trật tự. Trong việc thờ cúng Tổ tiên, một mặt người ta hướng về Tổ tiên, truy nguyên về Văn Tô, (perfect ancestor) hay Thượng Đế, mặt khác người ta lại làm đẹp lại mối nhân luân với cha mẹ anh em bạn bè, họ hàng làng xóm. Còn Lễ hội là nhằm thực hiện tính chất bình đẳng hay tinh thần Dân chủ giữa những con dân của Làng của Nước.

Tết được tổ chức theo các **Thời gian** trong năm. Còn Lễ hội lại được tổ chức theo những nơi khác nhau, nghĩa là theo **Không gian** . Qua một năm, con dân Việt ta đã sống theo **Tiết nhịp của vũ trụ qua sự giao hội của Không và Thời gian**, nhờ đó mà sự sống được viên mãn, hay cách khác là mẹ Tròn con Vuông (tròn là Thời gian, vuông là Không gian .) Đây là **lối sống hợp Nội Ngoại chi đạo, có Vật chất, Tinh thần**, mà cũng có Tâm linh.

Rõ ràng đâu đâu cũng có nét lưỡng hợp xuyên suốt bên trong, nên nói con Người Việt là con người Lưỡng thể là vậy. Tất cả có nền tảng từ Kinh Dịch. Đó là những cặp đôi cực, mà ta gọi là nét Song trùng hay lưỡng hợp, hay Âm Dương cũng thế.

Trong các Lễ Tết, Lễ hội, ta thấy, các yếu tố của Tết, Lễ, Hội đều khăng khít với nhau, không thể tách rời. Cái nhu cầu ăn cho được lành và ngon; cái nhu cầu cần được yêu thương và kính nể cũng như tính dục cần được thỏa mãn; cái khát vọng về Chân, Thiện, Mỹ để thể diện con người cho được cao trọng, bao giờ cũng được tổ chức rất chu đáo : Trong Lễ Tết, người ta chuẩn bị hàng tháng để ăn chơi, người ta phải sửa sang dọn dẹp nhà cửa, sắm sang của ăn, may áo quần mới, nhất là chuẩn bị một tâm hồn mới để giao hòa với Trời Đất Tổ tiên, cũng như làm mới lại mối liên hệ với mọi người cho được tốt đẹp.

Trong các Lễ hội xóm làng cũng sửa sang đường sá tu bổ nơi tổ chức buổi lễ cho được đẹp đẽ nhất là các linh địa, mọi người đều cố sắm sanh ăn mặc đẹp đẽ, và cư xử với nhau tốt đẹp hơn ngày thường, nhất là dâng tâm hồn trong trắng của mình lên với Tổ tiên, Thần Thánh với Phật, Thượng Đế, có thể mới bắt gặp được những giá trị cao cả, những hào quang Chân Thiện, Mỹ .

Đặc biệt nhất là mối liên hệ Nam Nữ, người ta liên hệ mật thiết với nhau với tâm hồn trong trắng, cả làng tổ chức cho cuộc trai gái ve nhau, thần thánh bảo trợ cho cuộc chuẩn bị sinh hoá này, họ ve nhau dưới dưới thanh thiên bạch nhật, được mọi người dân làng tôn trọng và mong chờ. Không có cách bí mật như một số thanh niên nam nữ Âu Mỹ ngày nay, người Nam rủ người Nữ đến hotel, rồi làm cử chỉ bất ngờ (surprise) bằng cách người Nam quỳ xuống trước mặt người Nữ, dơ cái engagement ring ra, hỏi câu “ Will you marry me ? : ” Sau đó mới có thể gọi phone báo tin cho Cha Mẹ!

Tất cả chỉ là tạo ra môi trường để ươm Tình người, để làm phát triển con người toàn diện, đó là cách xây dựng Nhân quyền, để chuẩn bị sống theo Dân quyền là luật nước .

Một nước có điều hòa được cả hai yếu tố Nhân quyền và Dân quyền thì con dân trong nước mới được an vui hạnh phúc. Sống trong nền văn hoá này con người được đáp ứng được 3 nhu yếu thâm sâu của con Người : Đó cái ăn để nuôi cơ thể, cái dục tính để thỏa mãn khát vọng yêu đương và bảo toàn, phát triển nòi giống, cái thể diện bằng cách vươn lên những giá trị Chân, Thiện, Mỹ để nâng cao phẩm giá con Người. Nho giáo có câu : “ Thực, Sắc, Diện , thiên tính đã

Tiết (Tét) cho Thực; Hội cho Sắc; Lễ cho Diện. *Thực, sắc cho vật chất và tinh thần, Diện cho Tâm linh .*

Đáp ứng được nhu yếu Thực, Sắc, Diện là đáp ứng nhu cầu của bản năng, nền tảng của triết Việt (Việt Nho) . Vì thế nên chữ Nho còn có nghĩa là nhu yếu thâm sâu của con Người . Những nền triết lý nào không đặt nền tảng trên bản năng, chệch bản năng là thấp hèn xấu xa, thì nền triết lý đó xa con người, chuyên nói chuyện trên Trời dưới Đất. “ Cận thủ chư Thân, viễn thủ chư Vật : Gần từ Thân Tâm mình, rồi ra xa với Vật chất “ là nguyên tắc sống của Cha ông.

III .- Ý nghĩa của Lễ Hội

(Nguồn đạo gốc nước: Kim Định)

“ Lễ Hội là một phương thức nhiệm màu để gia tăng bầu khí Tâm linh làm cho thống nhất tâm trí, nên từ xa xưa khắp nơi đã biết dùng để làm tăng trưởng óc Liên đới, tinh thần bốn bề một nhà . Khi hội lại như vậy thì không những có sự để chung lại những mối cảm xúc đã được khuếch đại, nhưng còn có thêm chiều kích linh thiêng màu nhiệm mà sự cộng lại suông không thể cho được. Người ta cho rằng nhờ Lễ Hội như cái nắp an toàn giúp người xả bớt đi những ấn ức trong tâm trí, nên được như vậy. Điều đó cũng có nhưng chỉ phần nào và nhất là mới tiêu cực không đủ công hiệu u linh như kia. Cả đến các Tôn giáo đầu đã rút tĩa từ thể chế này nhiều khả năng làm cho cộng đồng tôn giáo được đứng vững lâu bền, nhưng chưa bao trùm hết mọi chiều kích của Lễ Hội như có thể cảm thấy phần nào trong những cuộc hội ở đình làng nước ta. **Những cuộc Lễ này đã để lại nơi người dự Hội những cảm xúc thực thâm sâu thấm thía. Nên nhiều khi phải lặn lội thật xa xôi cũng cố đi cho kỳ được. Thiết nghĩ chiều sâu thẳm đó giải nghĩa được do những yếu tố vi tế vượt tai mắt giác quan như sau: Trước hết là sự tự tình tự động, không có chút chi thuộc cưỡng hành, lợi hành, mà hoàn toàn an hành tự nguyện.**

Thứ đến Lễ Hội có tính cách toàn thể, không những có Lễ mà còn có Hội, mà đã Hội Hè thì phải có Đình Đám, đèo theo những cuộc Chơi Vui nhiều khi mang tính cách tháo khoán, như đánh đu, bắt chạch. . . khiến cho khi ra khỏi Hội Lễ con người cảm thấy thỏa thuê trọn vẹn vì đã được sống những phút tròn đầy viên mãn, hết mọi giác quan đều được tham dự, trong bầu khí sống như chơi lâng lâng bay bổng . Đã không gặp điều kiện gò bó bắt phải trang trọng khắc khổ, tinh thần công thể lại được nâng cao rất mực, nhờ thể chế Bình Sản nên vắng bóng chênh lệch quá đáng hoặc Đấu tranh giai cấp gắt gao, khiến cho môi sinh thái hoà trùm phủ mọi người, toàn dân đều thích thú tham dự, tâm trí lại không bị khuấy động vì các chủ thuyết nọ kia, mà trái lại là bầu khí “ Du ư Nghệ “ đầy thi thơ ca nhạc làm cho tâm hồn như đã nhấc chân ra khỏi đời đến nửa, nay gặp không khí tung bừng của Lễ Hội thì nhiều người dễ cảm thấy nhẹ nhàng như bay bổng vào cõi Thiên thai man mác (được biểu thị trong Trống bằng những cánh chim dài rộng vượn cao hơn người) như được hớp vào làn nước cam tuyền của cuộc sống bỗng lai hạnh phúc, để lại trong tâm thần con dấu không thể xoá mờ, khiến có thể nói không sợ ngoa rằng mỗi cuộc Lễ Hội lưu lại ảnh hưởng sâu xa hơn trăm bài huấn đức, hơn cả trăm sách lý luận duy tâm .”

Q.- Kết luận

Tất cả những điều chúng tôi luận bàn ở trên đều theo Tinh thần Triết Lý An vi, tức là triết lý “ chấp kỳ lưỡng đoan “ của các cặp đối cực được tổng quát bằng Âm Dương “ đã trở thành nét Lưỡng nhất “ Âm Dương hòa “, có bản chất Tiến bộ và Ổn định nhờ đạt tình trạng quân bình động.

Nét Lưỡng nhất (nét Gấp đôi : twofold) là nét Nhất quán của Việt Nho, chứ Hán Nho không có như thế. Dịch của Tàu chỉ chú trọng vào 64 quẻ để bóc phệ, chứ không đề cập tới nét Lưỡng nhất trong triết lý Nhân sinh một cách có hệ thống, vì cái Gốc Long Toại (cặp Vợ / Chồng trong truyện Việt Tinh) của Dịch, do Tổ tiên Việt dấu kín trong Huyền thoại Việt tinh cũng như Tiên Rồng và trong Trống Đờng nên Tàu không nhận ra, họ chỉ hớt cái ngọn 64 quẻ..

Bỏ Việt Nho là bỏ mất tinh thần Bất khuất của Dân tộc Việt, Dân tộc của Trai hùng Gái đảm. Sở dĩ mất tinh thần Bất khuất là vì đã bị lạc Hồn Thiêng Sông (Trí) Núi (Nhân), vì mất Gốc nên đi hoang, chẳng học được bao khôn ngoan mà chỉ rước cái học vô bổ trên mây dưới gió, thậm chí rước “ của độc CS “, con đẻ của của chế độ Nô lệ đem về tàn dân hại nước, trước sau gì thì cũng sa vào kiếp ngựa trâu.

Xem thế có phải Nho là của Tàu không và Tàu đã truyền bá cho Cha ông ta những gì ngoài thứ Văn hóa “ Tôn Quân làm Thiên tử với Ngu Trung và Ngu Hiếu, cùng trọng Nam khinh Nữ của Văn hoá Du mục, đó là Hán Nho bá đạo” , suốt dòng Lịch sử 4712 năm Tàu chuyên bạo động, gây chiến tranh, cướp bóc và bành trướng?

Xin đừng lầm Hán Nho bá đạo với Nguyên Nho vương đạo của Khổng Tử, vì không phân biệt Vương đạo của Khổng Tử với Bá đạo của Hán Nho, nên nhiều người cứ đem cái bá đạo Hán Nho gán cho Khổng Tử mà bài xích, cũng như Trung cộng lập viện Khổng Tử để truyền bá Hán Nho bá đạo .

Cứ xem Lịch sử Tàu từ Hiên Viên Hoàng đế đến Tập Cận Bình thì rõ như ban ngày.

Cả Dân tộc chúng ta đã bị Tàu lừa mẽ lớn. Nho nguyên là Văn hoá của Việt tộc được kết tinh từ nền Văn hóa Hòa bình tại Thái Bình Dương gọi là Thái Nho, tới Hoàng Nho thời Tam Hoàng Ngũ Đế, tới Nguyên Nho do Khổng Tử thuật lại từ nền Văn hóa phương Nam của Việt tộc. Sau khi các nhà cầm quyền Tàu thôn tính các chủng Việt, họ cướp mọi thứ kể cả những phát minh như làm ra giấy, cách luyện Sắt và Đồng nhất là Văn hoá Nho của chủng Việt. Họ công thức hóa thành Kinh điển nhờ các Nho sĩ của chủng Việt, chứ họ là dân Du mục suốt đời ngồi trên lưng ngựa, lang thang chăn nuôi súc vật làm gì có thì giờ để biết có Văn mà Hóa. Số là họ là Thiên tử có sức mạnh để trị vì, còn mọi việc cai trị đều phải nhờ các Nho sĩ của chủng Việt. Khi đã có Kinh điển Nho, họ đem xem dặm các yếu tố Du mục vào như Tôn quân làm Thiên Tử, trọng Nam khinh nữ với Ngu Trung với Ngu Hiếu cùng cách cai trị chuyên chế theo Pháp gia, luôn gây Chiến tranh cướp bóc và bành trướng.

Cứ xem hành tung và phát ngôn của họ Tần, họ Mao, họ Tập thì rõ!

Thế rồi Tàu vu cho các chủng Việt - chủ nhân của Dịch, Dịch là nền tảng của Nho - là dân Man di mọi rợ là Tứ Di (Bắc Dịch, Nam Man, Đông Di, Tây Nhung) để Trung Hoa của Đại Hán (Tên nước Trung Hoa có nghĩa : Dân sang trong ở giữa Tứ Di!!) “ chiếm Công vì Tư “: Công vì Nho là của chủng Đại chủng Việt, Tư là Hán Nho chiếm đoạt Nho làm của riêng cho Thiên Tử. Cuối cùng Tứ Di bị đảo chánh thành Dân Nô lệ Vô văn hoá, Hán Nho chễm chệ làm Chủ nhân ông về Văn hóa cũng như Chính trị bá đạo !

Nên phân biệt Nho có hai thứ: Thứ Nho Vương Đạo có bản chất Hoà bình của Nông nghiệp thuộc chủng Việt, còn Hán Nho xuất phát từ Nho Vương đạo, nhưng được thêm các yếu tố Du mục bạo động vào thành bá đạo mang bản chất chiến tranh của Đại Hán, thứ này tuy vẫn được truyền bá ở Việt Nam, nhưng Tinh hoa Nho đã được thẩm nhập vào Huyết quản

Việt. Nhờ đó mà tinh thần Bất khuất của Nho đã giúp Dân tộc Việt Nam quật lại sau hơn 1000 năm Nô lệ và đánh bại Tàu qua hơn 13 lần xâm lăng.

Cái thâm ác của Tàu là làm cho Đa số dân tộc ta đã bị hiểu lầm, thay vì ghét cái quê mùa lạc hậu của Hán Nho, lại khinh khi xa lánh Việt Nho bất khuất của Tổ tiên, mặc dầu tinh thần đó đã ăn sâu vào cốt tuỷ của Dân tộc như đã bàn ở trên mà không còn nhận thấy vì đã mất ý thức.

Ngày xưa Cha ông Chúng ta đã mắc mưu “ Dịch Chủ vi Nô “ của Đại Hán, ngày nay Chúng ta cũng còn đang bị “ Bùa Lú 16 chữ Vàng, 4 Tốt “ và “Tương liên vớ vẩn” đẩy Dân tộc chúng ta vào tròng Nô lệ.

Không mau thức tỉnh thì toàn dân và con cháu chúng ta lại phải ngậm đắng nuốt cay chưa biết đến bao giờ!

Chúng ta đã từ bỏ hay lơ là nguồn Tâm linh, mê say theo Văn minh khoa học, nhưng Khoa học thiếu Lương tâm thì chỉ giúp chúng ta sống theo Duy lý một chiều mà đấu đá nhau, phân hoá ra từng mảnh để làm người khiếp nhược, đến nỗi có thành phần cầm quyền “ Hèn với giặc Ác với Dân “. Một Dân tộc mà có một số con dân chuyên khôn vặt, mánh mung, một số đi đâu thì đạo chích đến đó, thanh niên thì một số chỉ biết ăn nhậu và sống dăng điếm. Một nhà, một Nước mà thiếu rường cột thì cột xiêu kèo đổ, Nước tan là lẽ đương nhiên. Cái Nhà Việt Nam đang cần Cột Dọc, Xà Ngang và Kèo Xiên để kết nối Ngang Dọc, xem ra chẳng còn mấy khúc gỗ thẳng thớm, to lớn và dài đủ để làm cột, làm kèo ?

Nhiều thành phần cứ dài cổ ngồi đợi “Anh hùng tạo Thời thế “, mà quên chăm lo hoạt động để giúp “ Thời thế tạo anh hùng “. Những Trai hùng Gái đảm xưa như Phù Đổng Thiên vương, Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Vua Lê Lợi, Vua Quang Trung là những tấm gương Dững lực sáng ngời!

Mỗi chúng ta có tự hỏi sao Văn hoá Tổ tiên chúng ta đã là một nền Văn hoá Thái hòa, sức bất khuất của nền Văn hoá này đã giúp Dân tộc chúng ta chống chọi được với một kẻ thù khổng lồ và nham hiểm suốt gần 5000 năm, thế sao nay sao chúng ta gồm gần 90 triệu dân mà để 3, 4 triệu đảng viên CS lừa bịp để hành hạ và làm nhục lâu dài đến thế ???

Khi đọc những giòng trên đây có lẽ quý vị cho là lý thuyết suông, thời đại Văn minh cao tốc này mà bàn những chuyện cổ lỗ làm chi cho một trí để mất thì giờ. Thưa một cây mát Gốc, rễ không bám vào đất thì cây đó sẽ bị héo khô, lấy thức ăn đâu mà Tốc cho được Cao, một Dân tộc mà mát Gốc đoàn kết nơi Quốc Tổ thì rã ra cả đám mà làm Nô lệ, một con Người mà mát Nhân Tình (Nhân) và Nhân Tính (Nghĩa) thì đâu còn là Người Hùng Dững để Đính Nhân Lý Nghĩa mà làm con người Nhân chủ ? Không làm được việc Người thì chỉ làm được việc Ngợm, Người và Ngợm luôn sát kề nhau như hai mặt của đồng tiền, không có Dững lực làm Người thì làm Ngợm để cho Quý “ Tham, Sân, Si “ ám mà làm việc bất công ác độc.!

Thói thường thì người ta hạm chuộng cái Mới, mê say cái Xa lạ Cao . . .vời trong Tưởng tượng, coi thường cái Cũ, cái Gần . . .thiệt thân trong Thực tế hàng ngày, Tâm trí cứ mê mãi nơi Cao xa thoát tục, không nhận ra chính mình đang ở Nơi đây và Bây giờ phải làm gì để thành Người có Tư cách và Khả năng. Khi quên mình luôn đang ở Nơi đây và Bây giờ với bao tai họa, nên đa số chúng ta cứ điềm nhiên sống cao cả bằng tưởng tượng trên mây dưới gió, ở mãi đời sau ?.

*Không có Khởi điểm thì làm sao có Chung điểm?
Không xây đời Nay cho tốt thì làm sao có đời Sau để được cứu rỗi?
Đó là câu hỏi khó lọt tai người nghe!
Đó là nguồn gốc của sự Vong Nhân, vong Thân, vong Bản, vong Quốc, vong Nô.*

Ngày nay khi bàn về nếp sống Cha ông, chúng tôi lại phải Ngược Dòng đời bắt đầu từ nơi cái Tâm mình, từ cái Nhỏ, cái Đơn giản, cái Tâm thường của Đời này mà người ta không thèm để ý. Thiết nghĩ không có Tâm tình nhà quê với Tâm hồn “ mang năng nét “ Cong duyên đáng uyển chuyển” của Việt tộc, cùng Óc Tế vi của “ Triết lý đượm Nghệ thuật “ để nhận ra cái To trong cái Nhỏ, cái Phi thường trong cái Tâm thường, cái Vĩ đại trong Tinh vi, cái Tinh trong cái Lý, cái Hồn trong cái Xác, thì khó nhận ra nếp sống theo đường mòn theo Dịch lý của Tổ tiên.

Không kiên Tâm trì Chí để xây dựng mọi thứ từ Góc tới Ngọn , từ cái Nhỏ tới cái Lớn, từ cái Gần tới Xa . . , nhất là không xây dựng cái Tâm, cái Trí, cái Chí cho vững để có nền tảng thì mọi sự chỉ là xây lâu đài trên cát.

Quả là cái khó của mọi công trình đâu có khó bằng thay đổi “ Lòng Người ngại Núi e Sông
—

Dân tộc chúng ta đã chạy cùng sào của cuộc sống một chiều, nay phải quay lại với đời sống cân bằng hai chiều của nét Lương Nhất của: Tinh / Lý, Nhân / Nghĩa , Nhân quyền / Dân quyền, Phú chi với Dân sinh / Giáo chi với Dân Trí, tất cả nhằm Mục tiêu Thành Nhân / Thành Thân. Có con dân thành Nhân và thành Thân thì xây Nhà mới ấm êm, dựng Nước mới an bình thịnh trị.

Trong công cuộc đấu tranh cho nền Dân chủ Tự do, nhân dân chúng ta cũng phải vừa đấu tranh với chế độ “ độc tài bất công CS “ , vừa phải “ xây dựng tinh thần Tự Chủ, tự Lực, tự Cường và Tinh thần Đoàn kết toàn dân trong Chính nghĩa “ để chuyển hóa chế độ Độc tài qua chế độ Dân chủ.

Xin mọi người chúng ta bỏ thói khôn vặt theo phe phái, “ Khôn Độc Đại Đoàn “ hãy mở rộng Tâm Trí ra mà chiêu Hồn thiêng “ Nhân Nghĩa “ đã bị lạc về với Dân tộc, cùng Tinh thần Tôn giáo Đại kết, canh tân đời sống cho đủ hai chiều, mà làm người Trai hùng Giải đảm, để có đủ Nội lực mà vùng lên vực dậy.

Không nêu cao được Chính nghĩa Dân tộc thì chưa đẩy lùi được CS, và nếu có đẩy lùi được CS thì nhân dân vẫn chưa được yên vui .

Chính nghĩa đó là:

*“ Lấy Đại Nghĩa (Lễ Sóng Công chính của cả Dân tộc) để thắng Tham tàn.
Lấy lễ Công chính để xoá nạn Bất công Xã hội.*

*“ Đem Chí Nhân (Lòng Nhân ái của toàn dân) mà thay Cường bạo “:
Đem lòng Nhân ái mà chuyển hóa Lòng kẻ Bất Nhân.
(Bình Ngô đại cáo. Nguyễn Trãi)*

“ Thông Thiên, Địa, Nhân viết Nho “, nên Việt Nho tuy đã được thai nghén từ nền Văn hóa Hoà bình cách nay từ 12 đến 30 ngàn năm, nhưng tới nay xem ra Việt Nho vẫn không quê

mùa lạc hậu gì cả, mà lại còn rất tiến bộ theo Khoa học, rất phù hợp cho mọi Nơi mọi Thời. (xem 4 ở dưới).

Để đáp ứng với tình trạng phân hoá hiện nay, chúng tôi cố ý trình bày vấn đề theo Việt Nho, vì đây cũng là Thiên lý, gốc chung của Việt tộc, hai nửa Tinh thần Nho cũng thích hợp cho Tôn giáo và Văn hóa có tinh thần đại kết cũng như những người không Tôn giáo còn có Lương tâm, mục đích duy nhất là tìm về điểm Công thông của Dân tộc để mong xóa đi những oan trái trùng trùng duyên khởi xưa nay mà giải oan cứu nạn Dân tộc.

Tóm lại, Minh triết là Quan niệm (Tri) và cách Sống (Hành) theo Dịch lý của Tổ tiên Việt (tức là Tri Hành hợp nhất) để đạt Phong thái An Vi mà sống Hạnh phúc cùng nhau.

Khốn thay vì nạn “ Dĩ Cường lãng Nhược “ của Các chế độ Chính trị thuộc nền Văn hoá Du mục làm cho Dân tộc chúng ta bỏ mất cả nguồn Minh triết của Việt Nho trên, nên mất hết Nội lực không vùng lên vực dậy được

Chúng tôi đã lần lượt trình bày một số lãnh vực của Việt Nho theo tinh thần triết lý An vi của T. G. Kim Định.

*Nói tóm lại Việt Nho có thể tóm vào ba chữ “ **Chí Trung Hòa** “. Hòa ở chỗ từng cặp đối cực gặp gỡ nhau sao cho đạt tới kết quả Hoà, Hoà theo tỷ lệ Tham Thiên (3 Tình) Lương Địa (2 Lý), (**Tham Thiên lương Địa nhi ỷ số**) . Hòa bằng cách “ **Chấp kỳ lưỡng đoan** “, nên đem lại lưỡng lợi, không ai hoàn toàn thắng không ai hoàn toàn thua. Để đạt tới tình trạng “ **Chí Trung hòa** “ thì cả Vũ trụ và Vạn vật phải được định vị hay sắp đặt sao cho: “ **Thiên Địa vị yên, vạn vật dục yên** “: Trời Đất Vạn vật phải được xếp đặt đúng vị trí theo Thiên lý hay Dịch lý để cho muôn loài được nuôi dưỡng trong Tiết nhịp hòa của Vũ trụ.*

*(Chúng ta có thể lấy ví dụ ném Hòn đá xuống mặt Hồ yên lặng, điểm Hòn đá đụng tới mặt Nước trong hồ là điểm “ **Chí Trung** «. Hòn đá gây ra những chuyển động cứ liên tiếp truyền đi những chuyển động vòng tròn đồng tâm, những chuyển động trên mặt nước hồ giao thoa thành làn sóng lăn tăn lan rộng khắp mặt hồ, đó là hiện tượng «**Chí Hòa** “.*

Nội hàm “Chí Trung “ càng nhỏ thì Ngoại hàm “ Chí Hòa “ càng tỏa rộng.)

Hòa là bản chất của các Tôn giáo, của Việt Nho, Hoà cũng là đỉnh cao của cuộc sống con Người vì Hòa là nguồn của Hạnh phúc.

Đây là cái Nhìn Nhất quán về Văn hoá Việt Nam và cách sống theo Quả dục của Tổ tiên xưa theo Dịch lý đã bị đại Hán làm cho tiêu trầm, chúng ta cần canh tân để phục hoạt lại.

Hay nói cách khác Việt Nho là “ Nghệ thuật sống theo Dịch Lý (Thiên lý) “ giúp con Người không những sống Hoà với nhau mà còn Hoà cùng Tiết nhịp hòa của Vũ trụ nữa.

*Trong thời đại Cao tốc với thực phẩm Mì ăn liền mà chúng tôi cứ bàn luận về Nhân Nghĩa cho là ngược đời,ti mi, lồi thối chắc không được Giới trẻ tiếp nhận mà ngay đối với một số vị cao niên cũng gạt đi, vì quý ý vị đang mê mãi sống “ theo **Guồng máy xuôi chiều của Thời đại Duy Lý một chiều** “ mà chúng tôi lại cứ “ **Đi Ngược / Về Xuôi** “ xem ra thật rườm rà, tưởng là làm tắc nghẽn dòng chảy xuôi theo thời đại, nhưng thực ra là khai thông bế tắc Quốc nạn và Quốc nhục Việt Nam, nếu xét thấu đáo thì “ **Dịch Lý: Nhân / Nghĩa** “ mà chúng tôi bàn tới đây, đã*

mang theo hào khí sinh động rất hợp với khoa học tân tiến hiện đại, nó mang theo **Gốc Dịch lý** cho là **Cũ**, nhưng là **luật Biến dịch bất biến luôn đổi Mới**, - nguồn mạch của **Khoa học có Lương tâm** -, có thể giúp phục hoạt lại con **Người Nhân chủ** và **Tinh thần Đoàn kết Dân tộc**, đây là hai nan đề gây cản nhất đang bị bỏ quên, nếu giải quyết được hai vấn đề căn bản này thì mọi sự về **Quốc kế Dân sinh** sẽ lần lượt hanh thông, vì đó không phải là thứ **Nhân Nghĩa** đã mất ruột chỉ còn vỏ quê mùa lạc hậu của **Hán Nho**, mà là nguồn cội của mọi sự biến hóa mang trạng thái **Thái Hoà** của **Văn hoá Việt** mà **Tiến bộ**, **Hoà** là đỉnh cao của sự sống con **Người**, cũng là bản chất của các **Tôn giáo**.

Khốn thay! **Việt Nho** đã bị **Hán Nho** xuyên tạc và đánh tráo để “ **Dịch Chủ vi Nô** “, khiến **Chủ “ Việt Nho “** đã trở thành “ **Vô Chủ** “ ! **Bỏ Việt Nho** là bỏ **Tinh thần Bất khuất** của **Dân tộc!** **Lịch sử gần 5000 năm** của **Dân tộc** đã nói lên **Tinh thần** đó!

Tại sao mà đánh mất Tinh thần bất khuất ? Vì con **Người Việt Nho** biết **Minh** là ai giữa **Trời** và **Đất**, biết tựa vào **Đất** để vươn lên với **Trời** để giữ mối **Liên hệ** khăng khít với **Thiên Địa** cùng **Vạn vật**, nhất là mối **Liên hệ Hoà** với nhau mà sống với nhau, đồng thời không ngừng nghĩ làm những việc từ **Nhỏ** tới **Lớn**, từ **gần** tới **Xa**, từ **Dễ** tới **Khó**. . . để vươn lên hàng ngày mà sống hòa với nhau, đoàn kết với nhau, chung **Lòng**, chung **Trí** và góp **Sức** với nhau để có **Nội lực Dân tộc** mà **Cứu** và **Dựng nước**, chứ bỏ quên “ **viên Ngọc quý Long Toại** (tức là **cặp Vợ / Chồng**. **Truyện Việt tình**) - **Nguồn mạch Nội tại** của nền **Văn hoá thuận theo Thiên lý** - “ của **Tổ tiên** mình, mà đi tìm đôi **Đũa thần** không linh nơi khác (bỏ quên đời sống **Tâm linh**) mà cậy nhờ là **Vọng tưởng** .

Bỏ Con Người Nhân chủ với mối Liên hệ Hoà Thiên – Nhân - Địa là đánh mất Hạnh phúc, là Vong bản, Vong Nhân đưa tới Vong Quốc Vong Nô !.

Việt Nam được vua nhà Minh tặng là “ Việt Nam Văn / Hiến chi bang “, nhưng nay thứ “ Đạo Nhân sinh” để cho “ Văn tài “ đã rời xa Dân tộc, nên cũng đánh mất phần Hiến là những Trai hùng Gái đảm, nên Dân tộc trở nên Vô cảm và thiếu tinh thần Liên đới Trách nhiệm, đó là Nguồn gốc của Quốc nạn !

Mọi sự trong Gia đình và ngoài Xã hội đều bắt nguồn từ nơi con Người, từ cách Cư xử của con Người trong mọi hoàn cảnh, sao cho mọi người sống Hoà nhịp với nhau. Khởi điểm là mỗi cá nhân có sống Hoà với mọi người theo lối “ Nhân / Nghĩa ” hay “ Bác ái / Công bằng “ hay “ Từ bi / Trí tuệ “ kết đôi, thì mới mong đạt tới Chung điểm là mọi người sống nhịp theo: ” Tiết nhịp HÒA của Vạn vật trong Vũ trụ “.

Đây là công trình dài lâu và khó khăn, nhưng mà lại “Ăn chắc Mặc bền “. Thiết nghĩ Không có cây đũa Thần nào để thay thế cho được nhanh chóng, nếu cứ tránh Võ Dưa “ Lâu Đền “ thì lại gặp võ Dừa “ Mau Đi “ !.

Rõ ràng nét Lương nhất theo Dịch lý là Mạch lạc nội tại của Việt Nho, nét Lương nhất đan kết những chi tiết của Việt Nho thành Hệ thống có Mối Liên hệ Cơ thể, biến Việt Nho thành nền Văn hoá Bất khuất của Việt Nam, sở dĩ có Tinh thần Bất khuất là nhờ biết đem Đạo Lý Nhân / Nghĩa vào khắp mọi ngõ ngách của cuộc Sống.

Thế mà ngày nay vẫn còn có nhiều người Việt Nam, không kể những vị Tân học mà ngay cả một số những vị học Nho cũng tin rằng Việt Nam không có Văn hoá, có chăng là do Tàu, Tây dạy cho, nghe nói đến Nho mà không hiểu đó là Hán Nho bá đạo, lại ghét lắm Việt Nho

vuơng đạo, vì xa lánh Nho - xuất phát từ nguồn cội Dịch lý của Thiên lý - , nên lâm vào kiếp đi hoang, ăn nhờ ở độ. Dịch của Hán Nho nặng về 64 quẻ để bói toán, không có nét Lương nhất về triết lý Nhân sinh, Hán Nho là nền Văn hoá Bạo động của Tàu, vì suốt dòng Lịch sử, Tàu luôn gây Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng !

Đã hơn 70 năm nay, CSVN ăn phải Bùa Lú “ 4 tốt, 16 chữ vàng và mấy thứ tương liên “, đã rước kẻ Thù truyền kiếp về làm Bạn vàng, “ mặc nhiên “ biến Đồng bào thành kẻ Thù, rõ ràng ngày nay tứ phía Đất nước đều bị Bạn vàng vây khốn, hết nhường đất đến nhường biển, trong nước thì từ Nam quan đến mũi Cà mầu chỗ nào cũng có cơ sở bạn vàng đóng chốt mai phục, Biển Đông thì bị bạn vàng chiếm đoạt, mọi Cơ chế đều bị bạn vàng lũng đoạn, thực phẩm và độc dược của bạn vàng tràn lan khắp nước, Đồng bằng Cửu Long – Bao tử của Việt Nam - bạn vàng cũng ngăn giòng nước ngọt làm cho đất nứt nẻ, do đó nước biển mặn tràn vào ruộng đồng vườn tược làm cây cối lúa mạ không trông trọt được, dọc bờ Biển của 4 tỉnh xác Cá chết hàng loạt dạt vào bờ, chất độc sẽ theo giòng hải lưu mà làn ra Bắc và vào Nam suốt dọc Bờ biển, đây là âm mưu cắt Nguồn sống trên cạn và dưới nước của Dân tộc Việt Nam (Có lẽ đây là đòn ngầm, đe dọa CSVN không được kết thân với Hoa Kỳ trong dịp viếng thăm của Tổng Thống Obama) . . ., đó là chỉ kể một vài ví dụ điển hình về âm mưu tiêu diệt Dân tộc Việt Nam.

Tóm lại Cuộc Kách mệnh Vô sản của CSVN đã biến các môi trường sống của Việt Nam đều bị ô nhiễm nặng nề: từ môi trường Văn hóa Tư tưởng, tới Đất, Nước, không khí đều dẫn Dân tộc Việt Nam đến tình trạng bị tiêu diệt dần mòn !

Về mặt Nội ,đó là Sự nghiệp Kách mệnh mang tên “ Độc lập, Tự do, Hạnh phúc “ của CSVN, nhưng về mặt Chìm, thì CSVN quả là một Phân bộ của đảng CS Tàu.!

Trong mọi tai họa, thì cái Họa làm cho Văn hóa suy đồi, làm tê liệt Tinh thần Dân tộc là ác độc và nguy hiểm nhất.

Đây là giai đoạn quyết liệt, hoặc vùng lên để sống còn như những con Người , hoặc cứ vô cảm mà cam tâm làm kiếp ngựa trâu!

Cầu xin Hồn Thiêng Sông Núi sáng soi và độ trì cho Dân tộc Chúng ta để giúp mọi người tỉnh giấc “ Công miên “, rước “ Hồn thiêng Sông Núi “ về với con Dân Việt mà Cứu con Người và Dân tộc!.

Hy vọng thay !

Việt Nhân

(5) . Nét cong duyên dáng của Việt tộc

(Văn Lang Vũ bộ: Kim Định)

1.- Về việc lập viện khảo cổ Đông Nam Á

“ Năm 1976 UNESCO tổ chức tại Thái Lan một cuộc **hội thảo về khảo cổ miền Đông Nam Á**. Trong những vấn đề đưa ra có khoản bàn về những dáng hình và mô típ được tạo nên trong quan

hệ với ý nghĩa nghệ thuật của người chế tác di vật với câu hỏi đâu là nét đặc trưng của Đông Nam Á? Hội nghị chủ trương năm điểm, trong đó hai điểm liên hệ tới nước ta.

Một là khuyến nghị nên hợp sức với Hội Đồng Quốc Tế triết học và khoa học xã hội để thành lập một nhóm các nhà khảo cổ của Đông Á và Đông Nam Á. Hai là xin UNESCO lập viện khảo cổ chung cho Đông Á và Đông Nam Á.

2.- Sự cần thiết phải có Triết tham dự: Học, Hành, Lập, Quyền

Vào lối 1978-1979 tôi có đọc trong báo Times một bài của học giả nào đó đang làm việc trong văn hóa Liên Hiệp Quốc còn nói lại vụ này, tiếc rằng trong cảnh tị nạn tài liệu tản mát hết chẳng còn biết ngày tháng tên tuổi liên hệ tới các điều ghi trên đây.

Nhưng về ý chính và mục tiêu nêu lên thì đại khái là nhấn mạnh sự cần thiết phải có triết tham dự vì giả sử có lập được viện khảo cổ theo đề nghị cũng khó đạt được kết quả mong muốn, nếu thiếu sự tham dự của ngành triết nhất là triết Việt Nho, vì sự khám phá chỉ sẽ hạn cục vào đợt mỹ thuật, thí dụ về kiểu cách, dáng điệu, các loại hoa văn cùng là niên đại của hiện vật hoặc những liên hệ với các ngành văn hóa khác. □Bấy nhiêu điều tuy rất thú vị và cần thiết nhưng chưa vượt khỏi biên cương của những cái hữu hình để thấu vào hồn linh văn hóa, chưa nói lên được tại sao nét nọ kia là đặc trưng của miền ấy? Nếu thừa tại họ yêu thích như vậy thì xin hỏi tại sao lại yêu thích như thế? Thí dụ tại sao Tàu ưa thích hồi văn, tại sao các nét cong của Tàu nhỏ hơn nét cong của Việt. Tại sao trên các kiến trúc của Chăm có nhiều đường cong trên cửa sổ hơn bên Angkor Vat. Tại sao những đường nét của Việt lại bé nhỏ thanh thoát. Và nếu tinh tế thêm một độ thì sẽ đặt câu hỏi những nét thanh tú kia cũng như nét cong nọ có là những nét quan trọng hơn hết của Việt tộc chẳng? Nếu có thì tại sao? Đó là những câu hỏi thoát xem coi như lẩn thẩn do những người vô công rồi nghề nặn trán đặt ra chứ thường tình chẳng ai nghĩ tới. Cái đó đúng: văn hóa bao giờ cũng phải có giờ rảnh rang. Nhưng giả sử có giờ rảnh rang liệu có đặt những câu hỏi trên chẳng. Và nếu có đặt ra được, liệu có trả lời nổi chẳng, nhất là khi không thấy ơn ích đâu cả.

Nhưng nếu bạn tìm về nguồn gốc dân tộc, đang tìm đâu là nét đặc trưng của Việt Nam để thành lập quốc học thì sẽ thấy đó là những câu hỏi quan trọng ít ra ở chỗ chúng có thể cung ứng chứng từ cho các lời quyết đoán rằng Việt Nam có bốn ngàn năm văn hiến.

Chính trong chiều hướng đó mà hôm nay tôi bàn về nét Cong và quyết rằng nét cong và thanh tú chính là những nét đặc trưng hơn hết của Việt nho, và đó là nét quý hóa vô biên: chính vì thiếu nó mà triết học Tây Âu đã sa vào những lỗi lầm chí tử khiến 25 thế kỷ triết học đã qua đi hầu như vô ích, phải làm lại toàn triệt.

Ngược lại vì có được nét cong nọ mà triết Việt Nho còn đang được nhân loại đặc biệt chú ý cho mãi tới nay vì nó tiêu biểu cho một đức tính, một khả năng là đã móc nối vào được với nền Minh triết, tức đã gây được nhiều hạnh phúc cho con người trong những điều kiện kinh tế hết sức eo hẹp. Tinh hoa mMinh triết nằm trong hai chữ uyển chuyển mà Nho kêu là **Quyền Biến** hoặc vắn tắt là **Quyền** được đặt trên cùng, sau ba bước: **1/ học, 2/ hành, 3/ lập, 4/ quyền.**

Bước một là **Học** đã ít người bước vào nổi.

Thế mà đến bước hai là **Hành** còn ít nữa.

Thế rồi hành lung tung thì nhiều, chứ hành có **Lập** trường thì hiếm, thế mà trong số hiếm hoi đó lâu lâu mới nảy ra được một hai người đạt được bước **Quyền**.

Quyền là chi mà lại họa hiêm và được tôn quý như thế? Thừa đó là **biểu hiệu của sự hòa hợp cùng tốt, là hậu quả của sự đúc lại hai hình Vuông cộng với hình Tròn xoe được nghệ thuật biểu thị bằng nét Cong.**

3.- Đúc Người: Đúc Tròn vào Vuông: Thời - Không nhất phiến

Xin nhắc lại trong bài Đúc Người tôi đã bàn đến sự quan trọng của việc đúc: **đúc trống, đúc gương, đúc đỉnh với ý nghĩa sâu xa là đúc Người.**

Người là chi mà phải đúc? Thừa Người là sự giao hội của hai nét Đất Trời, nói theo cơ cấu là Tròn Vuông hay Ngang Dọc. Ai cũng thấy ngay đó là việc diệu vợi đúc sao được, vì là hai dạng thức khác nhau: đã Tròn thì thôi Vuông, đã 4 Góc thì thôi Tròn. Đúng lắm, vậy mà tất cả Đạo làm người lại nằm trong chỗ đúc đó, nếu đúc sai thì không ra người. **Nói khác Người là vật lưỡng thể: vừa có hình thể thù lù có góc cạnh, nhưng đồng thời lại có tinh thần bao la không mốc giới. Biết sống là biết pha hai thứ trái chiều kia cho đúng liều lượng. Liều lượng nói bao la trừu tượng là 2-3 nôm na nói là “vài ba “. Kinh Dịch nói là “tham lưỡng” hay nói rộng là “tham thiên lưỡng địa nhi ý số “. Xin nói ngay Đạo làm Người trở nên hiêm hoi, các triết đã thất bại trong việc đúc này. “**

Cái Khánh ở Huế tượng trưng cho nét cong. Hình nét cong



“ Thường thì các triết gia chỉ mãi bàn về những chuyện Trời Đất cho đó là cao cả, mà cao cả thật cao như Trời, rộng như Đất. Vậy mà lại là những vấn đề tương đối dễ: **vì chúng chỉ có một chiều**: đã cao là cao, đã thấp là thấp, đã vật là duy vật, đã tâm là duy tâm, tha hồ mà múa bút, chứ nói đến chuyện vuông mà lại tròn, có mà lại như không, không mà lại như có thì đành xếp bút. Thế là triết lý trật đường. Nếu đi đúng ngõ thì phải bàn về con Người, về cứu cánh, về hạnh phúc con người, hết mọi con người. Bởi vì con người là thành tích chói chang hơn hết của Trời Đất gặp nhau, giao hội. Việt Nam kêu là giao chỉ, là chỉ Trời chỉ Đất giao thoa, khoa vi thể nay kêu là **Thời Không liên tục** (Time- Space - Continuum). Thực ra muôn vật đều là công hiệu của Thời Không giao hội, của Đất Trời gặp gỡ, nhưng nơi con người là một tác nhân, một “Tạo hóa” tức cái gì cũng phải làm lấy. Sự pha độ này được hiện thực trong cụ thể bằng chữ Quyền, bằng sự uyển chuyển giữa hai bờ đối cực được biểu thị bằng Tròn Vuông.

Sự thống nhất Tròn Vuông với nhau được biểu thị bằng nét Cong lượn. Cho nên nét Cong lượn là hình vẽ của chữ Quyền, là sản phẩm của lò Tạo hóa, của Thời Không, của Trời Đất giao chỉ. Phải nhận thức sâu sắc về nền móng vạn vật và con người như hai chỉ Trời Đất giao thoa mới nhận ra được giá trị của vật biểu Tiên Rồng đi đôi, hoặc tiến thêm một bước nữa là bánh Tròn bánh Đất (bánh Dầy tròn chỉ số 3 (số pi), bánh Chung vuông chỉ 4 phương đất).

Đây là biểu tượng mà nội dung hay hệ quả là văn hóa Việt toàn nói về con người, về những gì liên quan tới con người: ăn làm, yêu thương, giao tế, buồn vui, hạnh phúc chứ không có bàn về sự Hữu, về sự hư Vô như trong triết lý Âu Á xưa kia.

Trong các điều liên quan đến con người thì có một khoản được đặc biệt chú ý đó là Tình Duyên

Mở bất cứ quyển ca dao nào cũng thấy liền đó là những câu tình duyên, yêu thương, gửi gắm ngày cũng như đêm:

**“ Đêm qua ba bốn lần mơ
Chiêm bao thì thấy dậy rờ thì không.**

Chi vậy? Thưa là sót sáng tích cực trong việc đúc đố. Đúc chi? **Thưa là đúc Người**, nó sẽ mở đầu cho hết các cuộc đúc khác, mà tổng quát hơn hết là Trời Đất, Kinh Dịch kê bằng hai danh từ nặng về tác động là “ **Kiên Khôn** “. Kiên Khôn là nói cụ thể hơn về hai cột cái của công chào mà quan khách nào cũng như muôn vật đều phải đi qua: “**Âm Dương tương thối nhi sinh biến hóa** “.

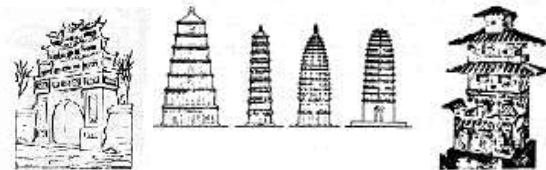
4.-Quá trình hình thành nét Cong

Thế rồi bỏ kinh sách để quay ra nhìn vào những điều quan trọng ta cũng thấy hai đàng đi đôi: như **đền tế Thiên thì Nền phải vuông, Mái phải tròn. Xe vua đi thì Thùng (xe) vuông, Mui tròn. Người quân tử phải đi Giày vuông đội Mũ tròn.** □Trên đây dầu sao mới là những hình ảnh tuy rõ ràng nhưng còn đang ở thế sửa soạn đúc mà chưa đúc thực sự, nên Tròn còn là tròn, Vuông còn là vuông. Khi đúc rồi thì hậu quả phải là một hình thái mới. Vậy hình thái đó là chi? Thưa là **nét Cong** đó. (*Hình chiếu của hình vuông ngoại tiếp trên một đồ thị*)

Như vậy Cong là một hình thức xuất hiện do sự đúc Tròn với Vuông vào một, vì thế trong cổ nghệ Việt người ta thường gặp những đường cong lớn bao trùm hiện vật nên suy đoán ra được đó là sự nhập thể lẫm liệt của nền triết lý Thái hòa tức hòa Trời cùng Đất: hòa Tròn với Vuông mà trở nên nhu nhuyễn (Trung Quốc dùng hai tiếng đó để dịch chữ mandala cũng có tròn vuông). Vậy mà nét Cong lớn lao nọ lại là của Việt tộc.

Câu này rất lơ mơ nên cần phải minh chứng, vì khi đi vào nghệ thuật thì đâu cũng có nét Cong hết chứ có riêng gì Việt tộc đâu. Nhưng nếu nhìn kỹ thì những nét Cong kia là hậu quả của óc thẩm mỹ mà không là hệ quả của triết. Cả hai đều do trực giác lành mạnh, nhưng ở nghệ thuật thì nó bàng bạc, còn ở triết thì nó trở nên ý thức nên đi vào nền tảng và xuất hiện cả vào những cái khó làm. Rõ rệt hơn hết là Mái Nhà Cong. “

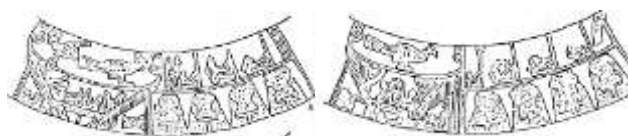
Hình Mái nhà cong



Mái nhà cong

Nhà Tàu mái thẳng, chỉ cong sau đời Đường

Nhà Ngọc Lũ : chi tiết thuyền cong (trống Ngọc Lũ)



Hai chim

Một chim



Nhà Hoàng Hạ

Nhà Quảng Xương

“ Đó là nét cong lớn và khó hiện thực, nhất là khi nhà làm bằng tre, vậy mà vẫn cố làm cho mái nhà uốn lên, cho đao đầu cong vát thì không còn là nét cong cầu âu, nhưng là một sự tính toán, một sự tìm cầu, để gửi gắm một ý nghĩ nào đó mà theo bầu môi sinh tinh thần thì đó phải là ý nghĩa của trời đất giao hội. “

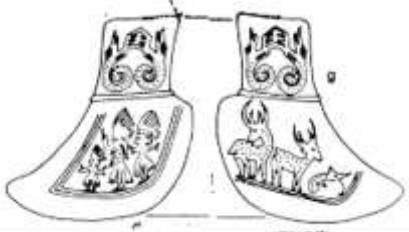
Hình Thuyền cong



Thuyền cong trong Hoàng Hạ.

Chi tiết đầu thuyền cong (trông Ngọc Lũ)

“ Ngoài mái nhà thì đèn thuyền cong, đó cũng là nét Cong lớn bao trùm toàn thể sự vật. Sau đến **các Phủ Việt thì lưỡng đều cong**, vì đó là đồ dùng trong những việc tế tự, tức là rất trọng đại linh thiêng. Khi róc xác ông Cỗ người ta dùng dao Côn Ngô, có chỗ nói Câu Ngô để chỉ sự cong. Chúng ta rất có lý để suy đoán rằng những lưỡng riu xoè (cong lượn) gặp được ở Đông Sơn làm nên nét đặc trưng của nó có liên hệ với những giao cong này, nếu không phải là chính nó gọi là Phủ Việt, vì nó hàm ngụ số 2-3, 2 giao long giao tay, 3 người (hoặc vật) ở dưới. “



Hình Lưỡng riu xoè ở Đông Sơn

Lưỡng riu xoè ở Đông Sơn, trên 2 giao long giao tay, dưới hình 3 người hoặc 3 con thú.

Khi **bắn con cú người ta cũng dùng tên cong**. Vì cú là chim bắt hiểu ăn thịt mẹ, nên ý sâu xa là giống chông con người cần phải diệt nó bằng vũ khí đã mang đậm tính người là tên cong.

“ Đọc những truyện như vậy ta thấy liền sự vô lý vì tên cong bắn sao được. Còn róc thịt thì dao nào đâu có quan trọng. Vậy mà đây lại quan trọng hóa bằng gọi **tên dao là Côn Ngô** vì hình dáng dao là Câu Ngô tức là cong, thì ta biết nó hàm ngụ một cái gì đó. Y như làm thẳng bớt tốn công hơn nhiều, vậy tại sao lại làm mái cong, cong đầu dao, thì phải hiểu tiên nhân muốn gửi gắm vào đó một ý nghĩa nào đây.

Nếu ta lấy toàn khối văn hóa làm chân trời để có tiêu điểm thì sẽ quy định được đó là hậu quả của việc đúc Tròn vào Vuông: Tròn Vuông nằm trong thể lưỡng hợp mà trong nghệ thuật là nét Cong lượn, tức là hậu quả cuộc linh phối giữa những gì Có cùng với cái Vô

biên tức giữa những phương tiện có chất thể chỉ bằng những hình có góc cạnh với hồn linh biểu thị bằng cái không có góc cạnh tức là tròn. Vì tròn nên dễ động cũng như không hiện hình, không thể xem thấy nên là linh thiêng. Những đặc tính đó (năng động và vô hình) chỉ trở cái gì linh thiêng và khi nó nhuần thấm xác thể (chỉ bằng vuông) thì làm cho xác thể trở nên nhẹ nhàng và linh thiêng hơn (tiêu biểu bằng sự làm cùn những góc cạnh) kết quả là hình cong lượn mà tiêu biểu lớn lao là đường cong giữa Âm và Dương trong Thái cực viên đồ. Đó là thứ vẽ lại “ quá trình “ hình thành của nét cong lượn. Vậy đó là nét đặc trưng của nghệ thuật Đông Nam Á. Ông Laurence Binyon nhận xét: khi tiến về phía Tây ta thấy khuynh hướng đặt nặng trên cái gì đặc, chắc, vững. Còn tiến sang Tàu và Đông Nam Á thì khuynh hướng đặt trên sự trôi chảy, lượn sóng, nhẹ như không khí (the spirit of man in asian art, Dover N.Y 1963, p.82). Chỗ khác ông nhận xét sự nổi vượt của Văn hóa Đông Á là hoà hợp với Thiên nhiên và đầy năng động tính như không muốn ở lại trần gian (Id p.27). Đó là nét đặc trưng của văn hóa Đông Nam Á mà Việt Nam là thủ chỉ.

Vậy là đã đủ bằng chứng cũng như nền tảng để kết luận rằng nét cong lớn là của Việt tộc, hay nói là của Việt nho cũng được; nhưng **phía Tàu vì chứa nhiều chất du mục, nên nét cong thường xuất hiện nhỏ**, bằng những đường tia tốt, không hẳn vươn lên địa vị chủ đạo như bên Việt. Nhìn vào khảo cổ ta nhận thấy điều này: chỉ đến **những Trống đồng muộn về sau mới dùng hình văn cùng nhiều đồ án hình học gãy khúc, còn trước thì chuyên dùng những đường cong lớn**: ngay từ thời Phùng Nguyên phong cách điển đạt đã tỏ ra ưa dùng những đường cong lớn lao lấy hiện vật, hoặc những hoa tiết tạo nên bằng những đường Cong hầu như không mấy khi kết thành hàng dọc. Các nồi niêu phần lớn phình bụng mà đáy tròn có thể nằm trong liên hệ này.

Đến giai đoạn Đông Sơn là giai đoạn có thể coi như đỉnh cao chót vót thì thấy các đường Cong lớn tập hợp lại và chạy quanh mặt Trống, thân Trống, và nhất là Thuyền Cong cả con chứ không phải từng phần nhỏ. Rồi tới Mái Nhà Cong, cong ngay từ lúc Tàu chưa có Mái Nhà Cong thì ở Việt tộc đã cong rồi.

Cái đình xưa (dân Bana kêu là Rong) bao giờ cũng có đao đầu cong vút. Những hình người Múa trong thể Nhún nhảy đó là một thứ Cong sinh động. Sau này ta thấy Hài các bà đi cũng cong mũ.

5.- Nét cong với nguyên lý Mẹ

Đây là chỗ tiện để nhận xét về sự liên hệ giữa nét Cong với nguyên lý Mẹ. **Nơi nào có đường Cong lớn là dấu còn nhiều nguyên lý Mẹ được coi như hồn thiêng để tắm nhuận những cái quá gãy khúc đến trở nên bết gay gắt.** Các bà ưa nét cong, cũng như Thân Hình có nhiều đường Cong hơn. Đó là dấu chỉ linh hồn các bà có sức thâm thấu xác thân hơn. Nói đàn ông thiên về vuông nhiều nên thua các bà về sự cân đối và hòa hợp (là nền của sự đẹp). Văn hóa Việt tộc giàu nguyên lý Mẹ nên ưa nét cong. Đây là chỗ cần bàn đến **luật Giao chỉ theo đó đàn ông Trong là Dương (Thể +) nhưng Ngoài lại là Âm (Diện -)**, nên có dáng dấp vuông gãy góc, còn **đàn bà Trong là Âm nhưng Ngoài lại là Dương** nên giàu nét Cong lượn, đẹp hơn đàn ông. Luật này được biểu lộ trong hình Phục Hy Nữ Oa trong thế giao thoa thì ông lại cầm cái Cũ (vuông) bà cầm cái Quy (tròn).

6.-Phục Hy: Thể: Dương, Diện: Âm ; Nữ Oa: Thể Âm Diện Dương

Thoạt coi tưởng là sai vì Phục Hy là Dương tượng Trời lẽ ra phải cầm cái Quy tròn, để cái Cũ vuông cho Bà (Âm) chứ. Đó là ta quên luật Giao chỉ. Đàn ông mê đàn bà (hoặc ngược lại) vì chỗ quên này: thấy đàn Bà đầy Dương nên mê như điều đổ. Chả là đàn ông cốt

Dương nhưng sơn bằng Âm, nên lòng mê Dương, thấy các Bà trắng men Dương nên mê nhưng đem về cọ xát quá mạnh làm bong hết men Dương, trật lại còn có Âm, mới chán thấy mê.

Muốn tránh tai họa nạn cần phải luyện đức để lúc “ hết nạc vạc đến xương “ thì xương không còn là Âm nữa mà là **Âm đức** cũng gọi là cái Nết: có sức đánh chết cái đẹp.

Nhà uyên tâm **Karl Jung** đã hé nhìn ra luật Giao chỉ này khi tuyên bố **linh hồn đàn bà có giống Đực** (gọi là animus) còn **linh hồn đàn ông có giống Cái (anima)**.

Ông dùng hai chữ anima animus là Hồn này vì tiếng Âu Tây thiếu từ nên phải dùng chữ Hồn, chính ra không phải là Hồn mà là Vía: **Vía đàn ông giống Cái (anima), Vía đàn bà là Dương giống đực (animus)**. **Nếu ta chỉ Dương bằng linh hồn, còn Âm bằng thể xác thì linh hồn đàn bà xuất lộ nhiều hơn nơi thể xác (tinh anh phát tiết ra ngoài).**

Theo triết gia **Ortega Y Gasset** thì **chính đàn bà đã thiết lập ra nền văn hóa hướng vào việc chăm sóc xác thân**: khởi đầu là sự trang sức thân hình, kế tới là sự sạch sẽ, tăng thêm bằng tinh chất của hoa hương, rồi kết hậu bằng phép lịch sự với những động ứng và điệu bộ vi tế. Chính cái xác thân được tâm nhuộm đậm chất linh hồn nạn là nền tảng làm nên sự duyên dáng cũng như giàu sức lôi cuốn đối với đàn ông.

7.- Văn minh Du mục và Văn hoá Đông Á

Người ta nhận ra rằng những **họa đồ hình học là dấu chỉ đã đi vào lý trí, thiên trọng về đàn ông rất nhiều**, tức là yếu tố dẫn vào văn minh thành thị, có óc du mục chuyên chế, vì thế những nghệ thuật **ura đồ án hình học kéo dài và gãy khúc** thường đi với chế độ chuyên chế và thành thị y như hình vuông vậy: nó nói lên cái chi gãy gọn, thiếu sự uyển chuyển duyên dáng. Văn minh đực rựa của du mục ưa lý luận tranh biện.

Văn hóa Đông Á ưa nghệ thuật (thay vì logic thì học Kinh Thi) **đề cao lễ nhượng, coi tục lệ hơn cả luật tắc**. Một trong những lý do Mạnh Tử bị coi kém hơn Khổng Tử vì tính ông “ khuê giác “ (bắt góc, ưa bề bác) tức ít nguyên lý Mệ hơn Khổng Tử. Nhóm vẽ mẫu nào đó gần đây chịu ảnh hưởng của mini jupe cứng cõi đã cắt ngắn cái áo dài của các bà các cô Việt Nam, coi nó cũn cỡn thế nào ấy, mất đi biết bao làn sóng kiều diễm linh động của cái áo dài xưa lúc chưa bị ảnh hưởng cái váy ngắn của Âu Mỹ. Ở chỗ này ta có thể nhận xét **mấy tiêu biểu của Việt có phần thâm thiết hơn của Nho: đó là áp dụng Vương Tròn vào việc ăn như bánh Dầy bánh Chung**. Điều này hàm ngụ hai ý nghĩa: thứ nhất việc đức tuy nói về sự Vật mà chính ra là nói về Người. Người phải làm thế nào để cho hai chữ Trời Đất giao thoa nơi mình đúng liều lượng Giao chỉ (3-2) mới thực là con Người chân nhân. “



Hình áo dài Thuốt tha

Aó dài cụt ngắn làm sao tạo được nét cong tha thướt diễm ảo này ?

“ Thứ đến sự đúc biểu thị bằng sự Ăn, sự Tiêu hóa, tức Vương Tròn phải được tiêu hóa biến thể mới làm ra nét thứ ba. Vì vậy ngoài bánh Dày bánh Chung thì còn có truyện **Trầu Không** nói lên sự đúc một cách sinh động: **cây Cau chỉ Trời, đá Vôi chỉ Đất, cây Trầu quăn lấy cả hai**, vậy đã là nối kết, nay lại được người nhai ra hòa lại, hóa nên một thực thể mới là màu đỏ tươi như máu, ý nghĩa của sự đúc thâm thiết biết bao. Cho nên tiên Tổ đã dùng miếng Trầu làm đầu câu truyện đúc ra con Người. Thật là chí lý. Đến đây ta có thể đưa ra hai nhận xét một riêng một chung.

8.- Phân biệt riêng chung giữa Việt và Nho

Riêng là giữa Việt với Nho thì ta thấy Việt đi sâu hơn như vừa nhận xét về việc ăn, uống, ở. Vì vậy mà ta thấy Việt ưa những hoa văn có đường cong lớn, cũng như hiện thực mái nhà cong, thuyền cong trước người Tàu. Tàu cũng ưa đường cong nhưng như đã nói thường là đường cong nhỏ bé. Về nhà trong Kinh Lễ có câu (608) “ phá ngưng nhi ngọa hợp: phá góc để hòa hợp như ngói “ (lợp nhà). Chưa hiểu tác giả câu nói muốn ám chỉ hình tượng nào, nhưng cứ xem chung thì đoán được đó là những sự hợp nhỏ bé y như một mái nhà gồm rất nhiều ngói vậy.

Việt làm cong cả một mái nhà còn Tàu chỉ hòa hợp nhiều ngói trong mái nhà. Đó là nhận xét riêng. Còn **nhận xét Chung** là đường cong không chỉ do lương tri hay khiêu thẩm mỹ, mà chính là biểu tượng của một **nền triết lý Thái hòa giữa Tròn Vuông, một nền triết hàm hồ thượng thặng**. Lúc trước khi Đông Tây mới tiếp cận nhau thì Tây Âu đã đánh giá rất lầm khi muốn kéo văn hóa Việt Nho vào một duy nào đó. Thí dụ **bảo Việt Nho là Vô thần, phe khác cho là Hữu thần. Sự thực thì Việt Nho không Hữu không Vô, mà thuộc loại Cong tức là tham dự vào cả hai, cả Có lẫn Không.**

Không mà lại có.

Hữu nhược vô, thực nhược hư.

9.- Việt Nho: Đại biểu cho nền triết lý Hoà giải

Bảo Việt Nho là duy nào cũng sai: không duy Tâm cũng không duy Vật nhưng trong Vật có Tâm, trong Tâm có Vật, “Âm trung hữu Dương căn, Dương trung hữu Âm căn “ . Đó là triết hòa Trời với Đất, hòa Vương với Tròn, gọi kiểu khác là Giao chỉ: hai chỉ Trời Đất giao nhau.

Áp dụng vào thực tế đó là triết lý ưa chuộng Hòa giải, lấy chín bỏ làm mười, tránh tuyệt đối hóa, tránh quan trọng hóa quá đáng một sự kiện, một biến cố, coi mọi sự trong thể biến động, nay còn mai mất, nên tránh lối sống khắc nghị, giữ tâm hồn thanh thản, tránh những lo âu phiền muộn: được thua cũng chỉ coi là gặp thời hay thất thời, tránh xa giai cấp, càng tránh xa hơn nữa giai cấp đấu tranh, thay vào là lễ nhượng kính tôn: lấy cách sống như chơi làm lý tưởng, uyển chuyển trong thái độ, uyển chuyển trong tâm hồn. Đây cũng là lý do tại sao tiền nhân ưa thơ, vì thơ là lối nói làm cho sự vật mất góc cạnh, trở nên chập chờn, biến thực ra mộng, mộng ra thực: âm u dạt dào như những bức tranh thủy mặc diễn tả cùng một tâm trạng: sự vật đã không có góc cạnh lại còn thường phủ lên bằng đám mây cong lượn. Tranh ấy cũng như óc sính thơ đều nằm trong ảnh hưởng của nét cong giao chỉ nọ.

10. Nét Cong thanh thoát: Kết hợp luật Tả nhậm hay “ Chí Trung hoà “

Xin thêm ít lời về **sự thanh thoát**: những đường chỉ nhỏ nét chạy dài có khi vòng bao cả sự vật là do luật Tả nhậm hay luật chí Trung hòa. Càng vào thì càng nhỏ, nhưng sức bao quát lại càng to. Cho nên nét Thanh thoát là hệ luận của nét Cong, nét Cong thành bởi sự cong tròn nuốt nét vuông mà thành cong lượn. Muốn nuốt được nét vuông thì nét cong Tròn phải đi vào, phải nhỏ lại tức hiện thực nguyên lý **có chí Trung thì mới chí Hòa**. Và đó cũng là con đường để hiện thực được nét cong lượn cũng như nét thanh tú cách đúng tinh thần.

11.- Việt Nho: Tiêu biểu cho nền triết lý Hòa hợp

Nhân loại đang đi tìm một triết lý Thái hòa nghĩa là không Tròn không Vuông để có thể hòa được Tinh thần với Vật chất, Đông với Tây, Đạo học với Khoa học mà hiện chưa tìm ra. Vậy xin giới thiệu cho tới nay mới có Việt Nho là loại triết lý thứ ba đó, nó **không Hữu vi mà cũng chẳng Vô vi, nhưng là An vi với đường Cong bao la như Vũ trụ: bao trùm lấy mọi cái góc cạnh**. Đó là nền triết cần thiết cho thời đại mới khi chân trời của mọi tri thức đều mở rộng. Nhớ lại thuyết tương đối đã minh chứng sự vô dụng của toán học hình học cũ trong cái vũ trụ quan mở rộng này, chỉ vì nó thiếu nét Cong bao la: theo hình học cũ thì hai đường chạy song song chẳng bao giờ gặp nhau. Đó là nói nhỏ chứ nói to ra vũ trụ hay Chỉ trên địa cầu, hai Chỉ cùng chạy lên bắc cực thì sức máy mà không gặp nhau. Cũng vậy triết học cổ điển Tây Âu xây trên những ý niệm sự vật bé nhỏ không thể hòa hợp nhưng nếu đặt nó vào cái vòng bao la vũ trụ thì chúng sẽ hòa hợp được hết, nghĩa là chúng được chứa đựng trong cái vòng Thái hòa, cũng gọi là vũ trụ chi Tâm. Chính vì thế, nên triết Việt Nho nhằm lấy Tâm vũ trụ làm lý tưởng tâm hồn, tâm hồn phải mở ra bao la như vũ trụ để có thể nói 'ngô Tâm thiện thị Vũ trụ' thì sẽ nói được "Vũ trụ nội mạc phi phản sự" "trong Vũ trụ không việc gì không phải là nghĩa vụ của tôi. **Cho nên nói được nét cong Việt tộc có thể dùng làm tiêu biểu cho việc kiến tạo nền Triết hòa hợp mà nhân loại đang mong tìm.**"

II.- Hiệt củ hay lối xử thế của người xưa

1.- Định nghĩa Hiệt củ

"**Hiệt Củ**: hai chữ lấy trong sách Đại học, có nghĩa là dùng Tâm mà đo người khác. Chữ "Hiệt" viết như chữ Khiết (cùng chữ mà âm khác) có nghĩa là Tâm trong sạch lọc khỏi những ý niệm Bối vật, lấy cái Tâm đó mà đo người thì cũng như nói yêu Người bằng Mình, nhưng hai chữ Hiệt củ có hơi hướng cơ cấu (do chữ đo đạc) nghĩa như sau: ý đó cũng được diễn tả trong câu sau: "**Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân**". Điều mình không muốn ai làm cho mình thì đừng làm cho ai. Trên đây là một câu nói lên đạo xử thế rất phổ thông, nhưng thường được coi như của riêng Việt Nho vì có tên là Hiệt củ với lối trình bày gọn ghẽ và nhất là tiêu cực của nó. Tuy nhiên đến nay thì nó cùng với Việt Nho đã trở nên lu mờ, nhiều người không còn dám động tới, hơn thế nữa nhà "cách mạng" vĩ đại của Tàu là **Mao Trạch Đông đã đưa ra nguyên lý ngược lại là "điều mình không muốn ai làm cho mình thì hãy làm cho người khác"**. Nhắc đến Mao chẳng qua vì Mao đã nhại câu cách ngôn trên, chứ có cộng sản nào mà không thi hành như vậy đâu. Tệ hơn nữa trên thế giới ngoài cộng sản, còn biết bao người cũng thi hành theo đó, nếu không vì vô tình thì ít ra vì không có tiêu chuẩn nào khác hướng dẫn, và rồi thấy làm như vậy cũng chẳng sao. Nói khác bất kể tới tiêu chuẩn hiệt củ mà rồi thấy đời cũng xuôi: cũng tiền tài danh vọng đầy đủ. Cần chi phải Hiệt củ, hay nói chung thì **chẳng còn mấy ai thấy tiêu chuẩn Hiệt củ là quan trọng. Vì thế bài này sẽ bàn đến điểm đó.**

2.- Sống cho no tròn để đạt hạnh phúc

Chúng ta đã bàn luận nơi khác về mục tiêu cuộc sống này là phải sống sao cho no tròn, sao cho phát triển hết mọi khả năng có thể được, cũng như đáp ứng được những nhu yếu, những khát vọng sâu thẳm nhất của con người, và khi đạt được thì dấu hiệu là sung sướng, an vui, nói gọn là hạnh phúc.

Hạnh phúc cao hay thấp là phát triển được nhiều hay ít khả năng, đáp ứng được nhiều hay ít nhu yếu cao thấp. Như vậy kết luận được rằng cứu cánh cuộc đời này là đạt hạnh phúc, y như khi ta trồng một cụm hoa hay một cây trái ta mong cho cây ra nhiều hoa trái hết cỡ có thể vậy. **Hóa công với con người cũng thế, nên đã là người thì phải là người hết cỡ, mà dấu hiệu là được hạnh phúc, cho nên ta chắc tâm rằng hạnh phúc là một tiêu chuẩn giá trị: nói rộng ra là cái gì làm cho ta vui thích, giúp ta có cuộc đời thoải mái thì đấy là điều hợp cho tiêu chuẩn trên, nói kiểu thông thường đó là điều phải lẽ, hợp đạo:**

3.- ĐỪNG QUÁY PHÁ LÂN NHÂN NGAY Ở VIỆC NHỎ NHẤT

Khi ta cư xử với lân nhân mà ít nhất là không làm cho lân nhân bị khó chịu thì đấy là bước đầu tiên. Ta không vẩn tì vì ồn ào làm phá vỡ bầu khí an tịnh của lân nhân, không hội họp ăn nói bô bô mãi tới muộn giờ làm ngăn trở việc ngủ nghỉ của lân nhân thế là “ đúng Đạo “ .

ĐỪNG NGẠI HẠ CHỮ ĐẠO XUỐNG ĐẾN NHỮNG PHÉP LỊCH SỰ NHƯ VẬY: vì Đạo cũng như Đời sống làm nên bởi những cái nhỏ nhỏ như vậy đó: cái sây làm này cai ung. Biết bao cuộc hạnh phúc tan vỡ, bao cuộc đời khổ lụy truy căn ra cũng chỉ vì những cái nhỏ mọn làm nên. Vậy **không làm cho ai khó chịu phải là bước đầu tiên, có giữ được mới không vô tình làm sút mẻ hạnh phúc của tha nhân.**

Bước thứ hai tích cực hơn liên hệ tới những người bó buộc ta phải có sự tiếp xúc cụ thể hơn, như thân nhân hay lân nhân vì vậy khó hơn nhiều vì **con người rất khác nhau ở sở thích**, cái tôi ưa đã vị tất là cái anh thích, do đó có muôn vàn lối cư xử. Nhưng nhiều tới đâu ta **cũng có thể quy ra hai loại lớn: một là Nhân Nghĩa hai là Chủ Nô.**

4.- Quan niệm về Nhân / Nghĩa và Chủ / Nô

Cả hai đều căn cứ trên quan niệm về con người, **một coi Người như sự Vật**, còn **một coi Người như một thực thể riêng biệt, linh thiêng hơn vạn vật**. Về quan niệm người như sự vật thì thực ra không có ai chủ trương rõ ràng như vậy, nhưng do cách đối đãi ta có thể rút ra hệ luận.

a.- Quan niệm Chủ Nô: coi con Người như sự vật

Thí dụ lối Chủ Nô phát nguyên từ quan niệm coi trọng sự vật, không dám nói là hơn con người, nhưng trong **thực tế thì như vậy**, quan niệm đó đã kết tinh vào câu nói của cộng sản là **hạ tầng kinh tế chỉ huy thượng tầng văn hóa**. Thực tế là xưa kia các xã hội La Hy căn cứ trên tài sản để đánh giá người:

có tiền đến trăm ngàn thì được quyền bỏ phiếu, không trăm ngàn nào thì không được bỏ phiếu nào. Đó là quan niệm căn cứ trên sức mạnh, do đó chính sức mạnh đã trở nên tôn chỉ của cuộc sống. Lại sống đi theo lối đấu tranh để sinh tồn, trong đó kẻ được thì chiếm đoạt nên có của và làm Chủ, kẻ thua bị tước đoạt phải làm Nô. Nô không là người mà chỉ là sự vật, Chủ muốn giết hay bán đi đều tùy ý như bán một đồ vật. Vì vậy tuy không nói rõ ra nhưng hậu quả là thế tục coi con Người như sự vật. Và xin nói ngay là chính quan niệm này đã chỉ huy các xã hội cổ xưa và đồ khôn mọi liên hệ của con người vào mối liên hệ duy nhất là Chủ Nô. Ngày nay liên hệ này không hiện hình rõ rệt nhưng nội chất vẫn còn, vì thế triết hiện đại gọi là “ **I-that** “: tôi với cái đó, “ Je et cela “.

Tất cả mọi người chỉ là cái “ that “ cái “ cela “ tùy quyền tôi quản lý. Khỏi nói thì ai cũng thấy cộng sản nắm giải quán quân trong việc thể hiện tương quan I-that này, biến các xã hội nó cướp đoạt được thành các nhà tù vĩ đại khôn khổ khôn lường. Tất cả bấy nhiêu khổ lụy đã xa hay gần khởi nguồn từ quan niệm Người như con vật, hay sự vật.

b.- Quan niệm Nhân Nghĩa: coi con Người như con Người

Ngoài quan niệm người như sự vật thì có quan niệm Người như Người, mới nghe như nói quẩn, nhưng khi đã biết quan niệm người như sự vật thì mới thấy sự đặc biệt của quan niệm người như người vì **lối giao liên của nó căn cứ trên Nhân Nghĩa** đặt nền trên hai yếu tố: trước hết là định nghĩa con người trên Nhân, Việt Nho nói “ **Nhân giả nhân dã** “ chính đức Nhân làm nên Người. Nhân là gì? Thừa là cái mà khi người nào có thì tỏ ra **Nhân tình, Nhân hậu, Nhân ái, Nhân nhượng...** Còn nghĩa là gì? Sách Trung Dung định nghĩa là “ nghi “ : “ **Nghĩa giả nghi dã** “. Chữ nghĩa do chữ nghi, mà nghi tối hậu là thuận theo Trời cùng Đất. Theo đó nói “ **Thiên Địa lưỡng nghi** “. Theo nghĩa thông thường là thích nghi: thích nghi với tình người: nó tùy hoàn cảnh mà khác nhau. Hoàn cảnh đó khi nói cách tổng quát và với con Người thì có 5 vị trí: **1/ vợ chồng, 2 / cha con, 3 / vua tôi, 4/ anh em , 5 / Bằng Hữu (Đồng bào)**.

5.- Bằng hữu.

Đây là nền tảng, còn khi pha trộn vào nhau cùng với thời gian không gian thì làm nên vô số trường hợp không thể nói hết, và lúc ấy cần đưa ra một nguyên lý thực tiễn để giúp đỡ đó là Hiệt Cù, dùng thước vuông mà đo: square measuring, nói đến vuông là nói đến cái gì có mốc giới, cụ thể, có một không hai trong lúc đó, nên chỉ có người trong cuộc có quyền quyết định, thầy dạy hay sách vở không thể thay thế được, vì thế phải **lấy bụng ta suy ra bụng người**. Đó là câu nói bình dân diễn tả đạo Hiệt Cù: điều mình không muốn ai làm cho mình thì đừng làm cho ai. Đó là khuôn vàng thước ngọc. Nhiều người cho đó chưa là cao vì còn tiêu cực. Tất nhiên rồi, nếu nói trong lý thuyết thì chưa đủ cao thật. Muốn cao phải nói kiểu tích cực là điều tôi muốn người khác làm cho tôi thì tôi phải làm cho người khác thế mới tích cực, mới cao trội hẳn lên. Tuy nhiên đây là nói lý thuyết còn trong thực tế thì khó vô cùng. Thí dụ tôi muốn người giàu san sẻ cho tôi ít tài sản, thì tôi cũng san sẻ cho người khác. Nhưng cho ai? Bao nhiêu? □ Nó kéo theo vô số vấn đề ghen tị (người có kẻ không) kẻ nhiều người ít, rắc rối vô kể. Vậy mà chưa hẳn trăm trọng cho bằng rất có thể phạm đến tự do tha nhân. Vì không phải bất cứ cái gì mình thích mà người khác thích, anh thích hot dog mà tôi đâu có thích, nay anh bắt tôi ăn, tôi không chịu, anh giằn tôi ra nhét vào thì đâu có làm cho tôi sướng. Đó chỉ là thí dụ để chỉ sự áp đặt mà lối yêu tích cực cơ thể dẫn tới, như ta thấy trong chế độ cộng sản.

c.- Cách yêu Người cuồng nhiệt của CS

Đừng ai nghĩ rằng cộng sản không yêu người mà phải nói rằng **cộng sản đã nảy sinh do lòng yêu người rất tích cực, họ bất bình vì thấy người bị tước đoạt, nên muốn chấm dứt nạn người bóc lột người, thế mà cuối cùng cộng sản đã trở nên những kẻ bóc lột người khác đến tận cùng, tước đoạt không những tài sản mà luôn cả ý nghĩ, cảm tình, những tình tự tư riêng thuộc bạn bè, anh em, cha mẹ. Ấy chỉ vì họ đã yêu theo lối tích cực: họ giằn người ta ra để lên vào những điều họ thích: vô thần, vô gia tộc, vô quốc gia. Vậy có nghĩa là lối yêu tích cực rất dễ đổ ra quan niệm về người như sự vật tức yêu kiểu chiếm đoạt, coi lân nhân như một đối vật mà mình cần chiếm lấy để làm ra của mình, tức bắt kết mọi người khác phải đồng nhất mình cả trong niềm tin lẫn tình cảm, ý nghĩ, đường đi nước bước.**

d.- Lối yêu Người dè dặt của Việt Nho

Đó chính là lý do tại sao Việt Nho rất dè dặt không dám trình bày “Hiệt củ” theo cung cách tích cực. Sách Trung Dung (13) nhắc lời Khổng Tử rằng:

“**Quân tử chi đạo tử, Khâu vị năng nhất yên:
Sở cầu hồ tử dĩ sự phụ, vị năng dã.
Sở cầu hồ thân dĩ sự quân, vị năng dã
Sở cầu hồ để dĩ sự huynh, vị năng dã
Sở cầu bằng hữu dĩ tiên thi chi, vị năng dã**

Đạo quân tử có 4 điều mà Khâu này chưa làm nổi một:

Phụng sự cha như tôi mong cho tôi phụng sự tôi, điều đó tôi chưa đạt.

Phụng sự vua như tôi mong đại thần phụng sự tôi, điều đó tôi chưa đạt.

Phụng sự anh tôi như tôi mong em tôi phụng sự tôi, điều đó tôi chưa đạt.

Cư xử với bạn hữu tôi như tôi muốn bạn tôi cư xử với tôi, điều đó tôi chưa đạt.”

Tôi chỉ cố gắng hiện thực những đức thường thường: cẩn trọng những lời nói thông thường. Trong mấy khoản đó nếu có điều nào không đủ thì không dám không cố gắng, nếu có điều nào thái quá thì không dám không tận lực, sao cho lời theo việc, việc theo lời. Đó không phải là dấu chí thành của quân tử sao. Điểm khác thứ hai của lối Nhân Nghĩa là nhấn mạnh trên Tình người mà bỏ nhẹ Lý sự. Theo câu phương châm triết lý An vi: Lý là lý sự mà Tình là tình Người. Đó là câu nói đặc biệt vì người duy lý thì đi theo quan niệm sự vật về người nên không trọng Tình. Cần phải đi lối tình mới trông hiểu được người vì con người làm bằng 1 lý 9 tình. Muốn đạt Tâm con người thì phải đi theo lối Tình, Việt Nam quen nói Tâm tình là vì vậy. Không có lối nào phát triển tình cảm tự nhiên, trong trắng bằng tình cảm gia đình vì đây là những tình cảm tự nhiên cao thượng, khi đã thấm nhuần những tình cảm đó thì dễ dàng xử với mọi người đúng hiệt củ, tức gây hạnh phúc cho người.

Chữ Hiệt củ Mỹ dịch là square measuring thì mới dịch có nghĩa đen. Chính chữ Hiệt cũng là chữ Khiết, là làm cho trong trắng cái thước đo, mà thước đo ở đây là bụng: suy bụng ta ra bụng người, nếu bụng ta tốt thì sẽ cư xử với người tốt, tốt bụng hơn hết thì không đâu bằng sự đối xử với nhau giữa những người ruột thịt. Vì vậy lấy Tình nhà làm mẫu cho Tình nước, gọi vua quan là phụ mẫu chi dân chính là thế: muốn cho vua quan yêu cái dân yêu, ghét cái dân ghét. Và khi vua quan đặt mình làm dân, và không muốn người cai trị làm cho mình những điều chi thì đừng làm cho dân những điều đó. Mọi mối liên hệ khác cũng rập khuôn như vậy. Đó gọi là Hiệt. “

III.- Ở đời

1.- Trống Đồng và hai chữ Hồng Bàng

“ Thiên Nga hay Hồng Bàng là họ Thủy tổ nước ta. Trước kia tôi chỉ được nghe qua huyền thoại không cảm thấy mấy rung động, nhưng từ ngày tôi nhận ra nó liên hệ mật thiết với khảo cổ thì hai chữ Hồng Bàng bỗng trở nên óng ánh chói chang gây cảm xúc rung rinh tràn ngập, đã vậy còn mang theo cả hào quang của khách quan tính rất khoa học. Xin trình bày ít điểm sau đây: Khảo cổ nói ở đây là trống đồng Ngọc Lũ mà trên mặt có hai hình chim lớn đậu rợp nóc nhà sàn. Nếu chỉ xem có Trống thì không mấy ý nghĩa, nhưng móc nối vào truyện Hồng Bàng thì giá trị tự nhiên bật nổi hẳn lên. Trước kia Hồng Bàng chỉ là một hình ảnh tượng trưng, nhưng nay

nhờ Trống đồng tôi thấy trực thị được hình ảnh về Hồng Bàng mà tiền nhân đã áp ủ và tạc ra hình để lưu lại cho con cháu. Tôi thấy có một cái gì vững chắc dùng được làm bàn nhún có tính chất khách quan khoa học khiến cho cuộc ngoi ngược về Nguồn (tổ nguyên) trở nên đầy hứng thú.

2.- Huyền sử trần ngập Chim

Thoạt đi vào huyền sử nước nhà ta liền nhận ra mình đang bước vào **bầu trời trần ngập những chim là chim**. Trong khi quan sát ta thấy cả hai loại đáng chú ý: một là **chim Trĩ hai là con Hồng Hộc**. Tôi nói loại mà không nói thứ vì thứ là phạm vi điều học, hay cả khảo cổ, ở triết chí cần biết loại chim là đủ.

a.- Việt Trĩ: thời thờ Mặt Trời (Viêm Việt)

Vậy Trĩ là loại nổi hơn hết, lông được dùng để múa, để trang sức áo quần. Xưa áo các bà đều thêu hình chim Trĩ, lông nó kêu là Địch là Vũ, nên áo đó kêu là địch y, vũ y□. Vậy loại này thuộc về Việt rõ ràng như câu sách Kinh Thư nói **Châu Từ công lông Trĩ ngũ sắc. Châu Từ là đất thuộc châu Dương của Di Việt cũng gọi là Hoài Di**. Theo sách Quảng Đông Tân Nghĩa nói “ **tuy dương Việt Trĩ** “ : con Trĩ của Việt đi theo hướng mặt trời mà hình ảnh còn trần ngập trong trống đồng đi theo vòng ngược kim đồng hồ. Còn trong nghệ thuật là con Phượng. Phượng bao giờ cũng vẽ theo hình Trĩ, nên có thể **coi Phượng là Trĩ**.

b.- Hồng hộc : Lối sống nhập Thất (điểu tục) của Văn Lang

Sau Phượng Trĩ thì đến **Hồng Hộc** đứng tên cho Hồng Bàng thị của nước Văn Lang tức là Tị Tổ của ta đã nhận **Hồng Hộc làm Quốc điểu**. Hồng Hộc là chim nước, con lớn gọi là Hồng, con nhỏ gọi là Hộc, cả hai thuộc loại chim chủ đề của Đông Nam Á. Hai chứng tích trên cho thấy huyền sử nước ta gắn bó với cả hai loại chim ngay **từ đầu, từ lúc thờ mặt trời ghi lại bằng con “ Việt Trĩ đi theo hướng mặt trời “**, cho tới lúc chuyển sang thờ Trời với chim nước mà **Hồng Hộc dẫn đầu**. Thiết nghĩ không những Tàu mà cả các chi Việt khác cũng không đâu có được sự gắn bó với chim như vậy. Có thể coi con **Việt Trĩ là giai đoạn Tổ tiên ta còn đang nằm trong khối Viêm Việt** lúc còn thờ mặt Nhật chưa tách ra thành một dân tộc riêng. Đó là điều chỉ xảy đến với nước Văn Lang được thiết lập vào giai đoạn thờ Trời (xem sự phân biệt thờ Trời và mặt Trời ở Sứ Điệp). Như vậy là ta có một điểm tựa nào đó rồi để **xác định lối Ở Đồi được gói ghém trong hai chữ Hồng Bàng**. Vậy Hồng Bàng là nhà chim tức cha ông ta lấy “ **điểu tục “ làm lối ở đời của dòng tộc**, của Hồng Bàng thị. Điều đó tối quan trọng vì việc “ làm người “ một cách siêu việt, Nho giáo quen gọi **việc học làm người là xây nhà và việc thành Nhân là vào được Nhà (nhập ư Thái thất)**. Vậy sự bước được vào thâm cung của nhà **chính là hiện thực được đầy đủ tính Bản nhiên con người đại Ngã Tâm linh**. Đây là ý tưởng rất sâu trong triết đã manh nha từ đời Hồng Bàng, thời nhận chim nước làm vật biểu và cố sống theo cung cách của chim là bay bổng.

c.- Lối sống bay cao (siêu việt) như Hồng Hộc

Sau này gọi nước là Việt thì vẫn còn giữ liên hệ với ý tưởng ban sơ này, vì Việt có nghĩa là **siêu việt**, là bay lên cao như chim Hồng chim Hộc. Đó gọi là sống theo lối Chim mà Nho kêu là “ **điểu tục “**, tổ tiên xưa đã bày tỏ “ **điểu tục “** bằng nhiều cách, nhưng cách cụ thể hơn **hết là lối ở nhà sàn**, vì nhà sàn giống với tổ chim hơn bất cứ kiểu nhà nào khác: chim làm tổ trên cây thì cái sàn cũng ở lưng chừng nhà. Chỗ này phải ghi lại truyền thuyết nói rằng ông **Hữu Sào làm nhà trên cây**, nên gọi bằng tên đó, vì sào là tổ, Hữu Sào là người “ có tổ. Hình ảnh này hợp cho

nhà sàn hơn hết, nên suy đoán được ông Hữu Sào chẳng qua là tên tiên thiên đặt ra để ghi việc sáng nghĩ ra nhà sàn, hay đúng hơn ghi việc gán nghĩa cho nhà sàn: một hình ảnh cụ thể hóa ý niệm **Người là trung gian giữa Trời cùng Đất. Trời chỉ bằng nóc nhà có chim đậu trên, Đất chỉ bằng nền nhà, Người ở giữa gọi được là nơi giao chỉ** (giao thoa của chỉ trời chỉ đất). Đó là hình ảnh tiền bộ cho thuyết Tam tài Thiên, Địa, Nhân.

d.- Sống trong Thái thất (Tổ) nên Chim biến thành Tiên: Tổ Tiên

Chính lối ở quy định bản tính con người, mà tính thì biểu lộ bằng tên, nên ta gọi cha ông là Tiên Nhân tức nói lên lối ở đời của cha ông như Tiên. **Tiên đi với chim, nên gắn hai tiếng vào nhau thành ra Tiên Tổ** có nghĩa là **muốn nên Tiên thì phải ở ăn cách thanh thoát**, mà cụ thể chỉ bằng nhà sàn làm cho người ở trên giống như chim ở tổ. Con cháu đã ghi bài học đó bằng gọi tiên nhân của mình là Tiên Tổ, là Tổ phụ. Lâu đời quá không còn để ý đến chữ Tổ có nghĩa là nhà chim trước khi chỉ các bậc Tiên nhân: cao, tăng, cố, tổ. Chứ ban đầu theo ý nghĩa sơ nguyên thì mấy tiếng đó (nhà sàn, Tiên Tổ) mang đầy ý nghĩa rung rinh thấm thiết: **lối ở nhà sàn quy định tính con người biểu thị bằng tên (là Tiên, là Tổ, là Hữu sào) là như vậy**.

e.- Tiên Tổ đã hoá trang Chim (thể Đạo)

Bây giờ xin hỏi thêm lối ở đó có ảnh hưởng đến vấn đề ăn mặc chẳng. Thưa có đó là **Tiên Tổ ta đã hoá trang chim**: áo, xiêm, mũ tất cả đều làm bằng lông chim, như ta thấy hình ảnh trong trống đồng những người trang sức bằng lông chim và đang cầm khiên, mộc, giáo, phách để múa (đã nói cặn kẽ trong quyển Sứ Điệp). Nên nhớ đời xưa tục múa bằng lông chim rất phổ biến, đến đời vua Thuần, vua Vũ cũng còn múa kiêu đó. Cả trường Bích Ung nhà Chu cũng còn múa như vậy, thì đủ biết cái nét đặc trưng nọ rộng và xưa biết bao: **hễ đâu có múa lông chim là đấy có “ Hồng Bàng chút giọt máu đào “ , có Xích Quỷ, có Văn Lang**. Không ngờ chỉ một cái tên, một câu tục ngữ lại trở nên chìa khóa vững chắc cho cuộc thám hiểm vào nền văn hóa nước nhà đến như vậy. Ấy là nhờ trống Đồng đã ghi lại chói chang hình ảnh cái nhà chim, với cuộc ca vũ của những người đã hoá trang chim. Nó mở chân trời cho ta bước đi vững vào khu rừng già của huyền thoại Trung Hoa cổ đại để biết đích xác hơn những chi tộc thuộc về ta, cũng như **chúng thực Nho giáo đã bắt nguồn tự Việt vậy**.

g.- Tàu có chim Cú và mượn Chu Tước

Trước hết về chim, với Tàu xét như vật biểu thị không thấy dấu nào rõ như Hồng Bàng. Tàu chỉ có mờ mờ về **chim Cú** xem ra là vật tổ của Hoàng Đế, còn không có một lâu đài rực rỡ đầy chim như trống đồng. Chỉ về sau có **chim chu tước hay hỏa tước đời Chu nhưng chắc chắn là mượn con “ tỳ dương Việt trí “ của ta**, như khoa khảo cổ nhận thấy loại chim đó (quen gọi là chim nhà Hán cũng gặp ở Bornéo) thì biết là mượn của Viêm Việt. Về chim nước thì rõ ràng là của ta. Các nhà nghiên cứu đều ghi nhận chủ đề chim nước là của Đông Nam Á. **Tàu chỉ có cá vậy là duy Thủy. Phải gọi là chim nước mới là Âm Dương giao chỉ (bay được trên trời mà vẫn sống được dưới nước)**.

3.- Lịch sử về Cái nhà của Tàu và Việt

Còn nhà của Tàu thì có vừa mượn về sau, vừa không vươn lên đến độ triết lý Tam tài. Nói mượn vì mãi đến **thế kỷ 13 tr.c.n, thủy tổ nhà Chu là ông Đản Phụ còn phải ở hang**. Kinh Thi phần Đại Nhã bài Miên (237) nói: “ **Cổ công Đản phụ, đào phúc đào huyệt, vị hữu gia thất** “ : ông Cổ Công Đản Phụ còn ở lò nung gốm và hang, chứ chưa có nhà. Đào phúc là lò nung gốm, còn

đào huyết là hang khoét vào đất để ở. Do tính chất đất (loes) hoang thổ miền Thiểm tây có thể làm như vậy. Các nhà nghiên cứu đoán rằng chính loại hang này đã gọi ra **lối chữ viết chỉ nhà gọi là gia, kép bởi bộ miên là nhà và thi là heo**: vì lúc ấy người Tàu cũng như Âu Châu trung cổ còn nuôi súc vật chung trong một nơi với người. Xem thế đủ biết khi Nho nói về lối ở (cư) về nhà (thái thất) về tính con người thì đều khởi nguồn từ văn hóa Việt được phân tích như sau:

Trong Nho có hai tiếng để chỉ nhà liên hệ đến vấn đề này một là Gia hai là Thất. Gia (家) là cái gì vòng ngoài chỉ con trai, chỉ thói tục (nhập gia tùy tục), còn thất chỉ con gái, chỉ cái gì thâm sâu như bản tính con người, nên câu “ vào được nhà: nhập ư thất “ phải hiểu là người khi đã đạt thân, tức hiện thực được nhân tính. Chữ thất (室) giống với nhà sàn ở chỗ có ba bộ miên, công, thổ (thực ra bộ phận giữa không rõ, nhiều học giả cho là chữ công biến thể). Như vậy dạng tự chữ thất thuận lợi để chở theo ý nghĩa Tam tài cũng như nhà sàn. Trong Kinh Thi (bài Si Hiều) chim cũng gọi nhà của nó là thất, như vậy lại thêm một liên hệ nữa chỉ Hồng Bàng là nhà chim.

4.- Lối sống Ở Đồi của Nho: Cư chi

Sau nhà thì đến việc ở. Nho giáo cũng đặt vào đó sự quan trọng rất mực. Trong lễ gia quan là lễ khai mạc cuộc đời tự lập của con người, cha nói với con khi được nhận mũ phải biết ở chỗ rộng lớn trong thiên hạ tức biết hiện thực đại đạo:

**“ Cư thiên hạ chi quảng cư
Hành thiên hạ chi đại đạo. . “**

“ Cư chi “ được các học giả đồng hóa với chữ Tâm chí, tức để chí vào đâu gọi là ở đó, còn chữ hành đi với thân theo như Mạnh Tử phân biệt:

“ Cư chi ư Tâm giả

Hành chi như Nhân giả.”

Nghĩa là khi nói ở đời thì phải hiểu về cái Tâm tức về cái chỗ của mình để lòng vào. Vậy đâu là chỗ con người phải để lòng vào. Nói khác cái gì làm nên con người? Cái ăn hay cái ở? Đây là chỗ rất lộn xộn, chúng ta thường nghe người nay nói: anh ăn cái gì, anh là cái ấy: “ you are what you eat “. Còn Việt Nho xưa lại nói: “ **Vô Nghĩa vô Lễ hà dĩ vi nhân**“ : không Lễ không Nghĩa lấy gì để làm người tức **cái làm cho người ra người không phải là cái ăn mà là cái ở, ở sao cho có Nghĩa có Lễ**. Thiếu Lễ Nghĩa thì không có gì để làm người. Giữa những câu nói trái ngược đó chúng ta cần phân tích để tìm câu đáp ôn hòa.

5.- Loại nhu yếu làm nên con Người

Ai cũng thấy rằng trong con người có hai loại nhu yếu một là ích dụng: Như **ăn, ở, đi, lại....** . .

Hai là loại phi ích dụng như các loại tình tự, cư xử, **Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, Liêm Sĩ...**

Vậy trong hai loại đó, loại nào làm nên con người.

Duy vật chủ trương là loại một, ngày nay gọi là kinh tế. Đôi khi có dùng tên khác như xã hội, nhưng xã hội lại do kinh tế chỉ huy nên người vẫn là người kinh tế “ homo economicus “ .

Trái lại **Tâm linh sử quan đặt căn tính con người trên những đức tính phi ích dụng**: có thể tóm vào chữ Nhân. Vậy nói “ **Nhân giả Nhân dã** “ là khước từ vai chủ động trong con người không phải là Kinh tế mà là Tình người. Chính chữ Nhân mới làm nên con người chứ không phải cái anh ăn vào miệng. Nói vậy không có nghĩa là không chú ý đến ăn. Bài sau sẽ cho thấy ăn còn được Tổ tiên chú ý hơn các nơi: nhưng nói cho cùng Tâm trí con người chưa cần lưu ý đến cái ăn thì đã có dạ dày nhắc nhở, điều đó giống với các con vật khác cũng thế, nên đây

không phải là **cái làm nên con Người, phải tìm ở chỗ khác: ở chỗ Tình người**. Đây là điểm một.

6.- Ba quan niệm về Bản tính con Người : Mạnh, Tuân và Cáo Tử

Điểm hai là trong các môi Tình người có hai loại là tích cực như Yêu thương quảng đại và tiêu cực như Hận thù, Oán ghét, ta hỏi loại nào thuộc bản tính con người. **Việt Nho cho là loại tích cực tức cái làm nên bản chất con người** là những đức tính cao cả những mối tình quảng đại, yêu thương, nhân nhượng chứ không phải những khuynh hướng ngược lại như căm thù, nham hiểm, độc địa.

Chính theo định nghĩa tiên thiên trên mà **Mạnh Tử đã cho Tính con người là tốt. Tuân Tử đã chống đối cho tính con Người là ác**. Nhiều người như **Cáo Tử không biết bên nào phải nên chủ trương tính con người trung hòa không tốt không xấu**, tùy uốn nắn mà ra tốt hay xấu mà thôi. Chủ trương như Cáo Tử là lỗi ba phải thường nghiệm không đi tới triệt để, nên cũng không tìm ra được tiêu chuẩn để phán quyết thế nào là tốt thế nào là xấu.

7.- Quan niệm dàn hoà giữa Mạnh và Tuân

Vì vậy cần đi xa hơn đến chỗ triệt cùng và lúc ấy ta nhận được điểm giàn hoà giữa Mạnh và Tuân. Tuân Tử cho là xấu vì căn cứ trên Hậu thiên, trên hiện tình con người thì quả là xấu có đầy. Kant cũng nói theo hướng Tuân Tử rằng con người làm bằng một thứ gỗ quá cong vẹo không trông làm nên được cái gì tốt. Mạnh Tử theo thuyết này, nhưng không triệt để nên ông còn trừ ra mấy thánh nhân như Nghiêu, Thuấn, nhưng học giả Legge đã chối luôn cả trường hợp ngoại lệ nọ, cho là không thể có dù chỉ một người trọn vẹn tốt. Legge có thể coi như đại diện quan niệm Hậu thiên của Tây Âu cho rằng con người vì mắc nguyên tội, nên đầu tiên thiên có tốt nhưng không còn phương thế tự nhiên nào lấy lại được trạng thái “ nhân chi sơ “ đó nữa. **Quan niệm của Mạnh Tử vì đặt trên căn bản triết lý Nhân chủ nên cho là có thể lấy lại được**. Theo đó ta cần xét tới lập trường của Mạnh và Tuân.

Vì chúng ta đang đi tìm một định nghĩa con Người tuy có lấy Thực tiễn làm trọng nhưng lại không bỏ qua tính chất Lý tưởng nên cần đặt vấn đề như sau: xét trong con người hiện tại xấu có tốt có = có cả lòng muốn yêu người, yêu hết mọi người, thích quảng đại, bao dung, nhân nhượng, nhưng đồng thời cũng có khuynh hướng ác độc, căm thù, báo oán, gian tham. Cả hai khuynh hướng ngược chiều đó đều hiện diện trong con người, nên Việt Nho cho người là nơi quý thần hội tụ. **Con người vừa là Thần vừa là Quý**. Và trong thực tế, chủ nhân của con người có lúc là Thần có lúc là Quý, tùy ý chí con người quyết định. Vậy xin hỏi cứ Tiên thiên mà xét thì chủ nên là Thần hay Quý. Nếu là Thần thì tức là bản tính con người chính là những đức tính nhân ái, bao dung, quảng đại, và đó là chủ trương Việt nho khi nói “ Nhân giả nhân dã “ .

8.- Xét Quan niệm: “ Nhân giả Nhân dã “ của Nho

Vậy ta hãy xét xem câu trên có đúng chăng. Để thấy điều đó nên **xem trong con Người ý hướng mạnh nhất là gì: ghét hay yêu? Có thể nói đó là Yêu**, ai cũng muốn mọi người được hạnh phúc sung sướng, mà cụ thể là muốn mọi người được tự do, no ấm. □ Đó là điều rất rõ, khi xét các triết thuyết, các đạo lý, các đảng chính trị cũng như các phong trào bao giờ cũng thấy xây trên ý hướng yêu thương, đến nỗi như cộng sản hễ thờ ra là phải nói đến căm thù, phá hoại, nhưng cũng chỉ coi đó là bước tuy cần thiết để dẫn tới giải phóng con người khỏi nạn bóc lột, khỏi nạn vong thân, nếu vậy thì **dự phóng căn bản cũng là yêu thương, cũng là tốt!** Như thế cần phải tìm Bản tính con Người trong phía yêu thương quảng đại, công bằng, kính trọng

tha nhân. Mạnh Tử đã minh họa bằng những ý hướng vô vị lợi trong con người mà ông gọi là tứ đoan: 4 cái khởi đầu:

**Một là lòng Chăng Nỡ đối với người khác.
Hai là lòng Hổ thẹn khi làm lỗi.
Ba là lòng Từ nhượng.
Bốn là biết Phải biết Trái (II.6)**

Đó là những mối tình chớm nở một cách đột nhiên ai cũng có. Nó có tính cách vô vị lợi, thí dụ khi thấy đứa trẻ gần rơi xuống giếng tự nhiên ai cũng muốn cứu không cầu cái chi như sự ghi ơn của mẹ cha đứa nhỏ. Những tình cảm đó rất tự nhiên ở đâu và bao giờ cũng có như vậy, nên kết luận được đó là bản tính con người, tức là nó đã có trước khi con người được dạy dỗ như vậy, cũng như trải qua cuộc đời đầy nham hiểm độc ác mà những mối tình kia đâu bị chà đạp có khi tất hẳn ở một số người nhưng nói chung thì nó không bị tiêu diệt, vẫn còn tìm cách vươn lên, vươn lên được nhiều hay ít là tùy hoàn cảnh mà Nho gọi là **Mệnh.**

9.- Quan niệm về Mệnh của Việt Nho

Mệnh là những gì hạn chế khả thể hiện thực của ta: Nó đi cả với những đức tính vươn lên như Nhân Nghĩa, Quảng đại, nó không cho ta hiện thực những đức tính đó một cách đầy đủ như ý muốn: Mệnh cũng đi với những điều xác thân ta ham muốn như những thèm khát nhục thể cũng đều thuộc thiên Tính (Thực, Sắc, Diện: Thiên tính dã) và đây là trường hoạt động đã dành cho mọi người. Con người phải làm thế nào để vượt qua những Mệnh, những trở ngại kia. Phải phân biệt thứ nào cần bền, thứ nào tùy phụ để biết đặt quan trọng đúng chỗ. Nếu đặt đúng để phát triển cái phần chính cốt làm nên con người thì sẽ là đại nhân, ngược lại là tiểu nhân. Việt Nho gọi đó là tu Tâm, Tâm cần được nuôi dưỡng bằng những mối tình yêu thương, quảng đại, bao dung, nhân ái.

10.- Tu dưỡng Khí Hạo nhiên: Tâm, Chí, Khí

Những mối tình cao cả quảng đại đó là những món ăn tinh thần nuôi dưỡng cái **Tâm** cái **Chí**, nếu nuôi được đều đặn thì nó sẽ lớn lên dần cho tới độ to bằng với vũ trụ, lúc ấy gọi là “ **Vũ trụ chí Tâm** “, vì tâm mình to lớn đủ để bao dung khắp vũ trụ. Nguyễn Công Trứ nói “ **Vũ trụ nội mạc phi phận sự** “ = không gì trong vũ trụ mà không là việc của tôi. Đây là phần Tâm cũng gọi là Chí, còn phần hiện thực bằng tác động thì được đại diện bằng cái gọi là Khí. Khí phải được nuôi dưỡng bằng những việc công minh chính trực, những nghĩa cử bất vụ lợi. Được nuôi như thế lại không bị hại nó sẽ lớn lên dần để trở thành Khí Hạo nhiên đầy khắp trong khoảng trời đất “ **kỳ vi khí dã, chí đại chí cương, dĩ trực dưỡng chi vô hại, tắc tắc hồ thiên địa chi gian** “ **Mạnh II 2.** Với Chí Khí lớn lao như vậy thì gọi là **Đại Ngã Tâm Linh** hay cái **Bản tính Tiên thiên của con Người.** Đó là lập trường của Việt Nho, nó trung dung ở chỗ không gây bỏ tính ác khỏi con người, cho rằng con người có cả ác, nói bóng là có cả **Quỷ** cả **Thần**, nhưng thần phải làm chủ; nói theo cơ cấu “ **vài ba** “ thì **Quý 2 Thần 3**, 2 là **Thực** và **Sắc**, còn 3 là **Tâm** (chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài) với những mối tình cao thượng. Chính cái này mới làm nên con Người.

Sở dĩ người ta ít thấy được vì bị hai nhu yếu dưới (thực và sắc) choán hầu hết năng lực. Nhưng nếu đáp ứng được hai nhu yếu kia rồi, thì người ta liền nghĩ đến điểm ba và dễ dàng nhận ra thiếu nó thì người không ra người.

Như vậy Thần chỉ vượt hơn Quỷ một điểm, nên chỉ là Chủ tương đối, có thể bị lấn át, và đây là chỗ dành cho sự đóng góp của con Người, nếu con người đóng góp hữu hiệu thì Thần là Chủ, con Người sẽ có tính Thiện, tất cả mọi Người đều có thể trở nên Thiện. Đó là quan niệm của Việt Nho, trung dung tránh hai thái cực là cùng cực tốt hay cùng cực xấu.

11.- Việt Nho đặt Đạo ở gần con Người

Vì vậy Việt Nho không đặt Đạo ở rất cao xa vượt hẳn con người, nhưng đặt vào những mối nhân luân thường ngày, nói là Đạo của Nghiêu Thuấn tức hai vị được coi là thánh thì cũng chỉ tóm vào hai chữ Hiếu Đễ mà thôi. “ Nghiêu Thuấn chi đạo Hiếu Đễ nhi dĩ hĩ “ . Đó là đại lược quan niệm về con Người đặt vừa tầm sức con người để có thể hiện thực.

Sau khi đã nghiên cứu hết mọi nền triết lý, tôi đoán quyết rằng không phải bất kỳ Nhà nào cũng có thể đưa ra một hướng đi, một hướng ở đời. Phải, không phải Nhà nào, không phải House nào kể cả White House mà phải là Việt House mới có thể cung ứng cho con người một nơi ở xứng hợp với bản tính con người: nhiều nơi con người hoặc còn nằm trong bậc Bái vật thì làm chi có “ Nhà “ hiểu là Thái thất ba tầng. Nhiều nơi khác như Âu Mỹ lại đang luân quản ở vùng Y hệ nên cũng thiếu nhà luôn; cùng lắm có Gia, chưa có Thất nên kể là thiếu Nhà. Chúng có là tiếng homeless được nói vang lừng trong sách triết. Người Việt chịu bỏ công ra học hỏi trở lại về nguồn gốc văn hóa nước nhà để nhận thức trở lại giá trị cái nhà Việt thì sẽ khỏi phải than phiền vì nạn “ thiếu Nhà “ mà chỉ cần dồn hết tâm lực vào việc trùng tu ngôi nhà Hồng Bàng Thái thất và cố gắng vào ở (cư chi) cho tới ngày đạt hạnh phúc là vào đặng trong nhà Hồng Bàng mà Nho gọi là “ Nhập cư thất “ còn Việt gọi là “ Vũ hóa “ trở nên có cánh, trở nên con Bạch Hạc vỗ đôi cánh thiên nga bay tuốt lên cõi Thiên Tiên Đại Vũ Trụ.

IV.- Ăn : phương thức sản xuất trong nước Văn Lang

1.- Khám phá lừng danh của Marx

“ Một trong những điều đã làm K.Marx vang lừng danh tiếng kéo được vô số trí thức tận tình ủng hộ đó là việc “ khám phá “ ra rằng “ con người cần phải có cơm ăn áo mặc nhà ở trước khi nghĩ đến chính trị, tôn giáo, nghệ thuật “ . Chính vấn đề ăn mặc gọi bằng tên tổng quát là Kinh tế nó chỉ huy Thượng tầng kiến trúc văn hóa.... Lịch sử loài người toàn là truyện tranh ăn nên Thượng tầng Văn hóa của nô lệ thường dân, nói khác là Văn hóa của người bị trị, bị đàn áp do Văn hóa của kẻ thống trị. □ Đại để đó là những nhận xét đã được Engels gọi là khám phá vĩ đại, chính nó đã gây ảnh hưởng quyết liệt trên hoàn cầu, thúc đẩy mọi người hướng trọn vào việc sản xuất đầy đủ những nhu yếu về ăn mặc. □ Chính vì thế ta thấy Việt cộng lúc nào cũng nói đến sản xuất. Đang đêm đột nhập Lâm Đồng cũng hỏi Linh mục ở đây bác có sản xuất chẳng. Đủ biết hai chữ sản xuất đã ám ảnh chúng đến mức độ nào. Đó là hậu quả của một cuộc “ khám phá “ do Karl Marx.

2.- Câu nói đầu mỗi chót lưỡi của Dân Việt Nam: Có Thực mới vực được Đạo

Người Việt Nam đọc đến đây không khỏi ngỡ ngàng đặt câu hỏi tại sao một việc quá thông thường lại gây nên được hiệu lực lớn lao như kia. Có gì lạ đâu: bên ta dù em bé chần trâu không đi học cũng thường nghe ngao câu tục ngữ “ có Thực mới vực được Đạo “ tại sao câu nói của K.Marx xét về nội dung không khác lại được đề cao như một khám phá vĩ đại và đã gây ảnh hưởng lớn lao đến thế.

3.- Môi sinh văn hoá Âu Tây: Duy Tâm

Để thấy điều đó cần phải nhớ lại **môi sinh văn hóa Tây Âu là duy Tâm** nơi mà triết lý là một ý hệ tức xây trên những ý niệm trừu tượng xa thực tế như vấn đề ăn mặc, vì vậy sự nhận xét của K.Marx quả là một “ khám phá mới lạ “, mới lạ với bầu khí duy Tâm của Tây Âu trước kia. Đây là điểm một.

4.- Cơ cấu văn hoá Âu Tây xây trên Lợi hành

Điểm hai là Hạ tầng kinh tế chỉ huy Thượng tầng Văn hóa cũng có thực nữa: vì xét tới cơ cấu mới thấy Văn hóa Tây Âu xây trọn vẹn trên Lợi hành, trên sự đấu tranh giai cấp và Văn hóa của Chủ đã thắng Văn hóa của Nô, tức những nền triết lý chính thức được nhận vào chương trình học tập hàn lâm: Plato, Aristotle, Kant toàn vô tình vào phe chuyên chế để **đề bẹp Tự do nhân phẩm con người** (điều này mới nghe tưởng như trái ngược nhưng sự thực là thế, xin xem phân tích trong quyển Sứ Điệp Trống Đồng) vì vậy phải công nhận K. Marx đã nói rất đúng, nhưng chỉ đúng cho Tây Âu và cũng chỉ có đến đây, **còn về phương pháp đề ra là Duy vật Sứ quan, Duy vật Biện chứng với nền thống trị của vô sản chuyên chính cũng lại sai lầm trầm trọng như giải pháp duy Tâm, để khỏi nói là gây tai họa bi thảm hơn nhiều:** nghĩa là dân chúng vẫn khôn khổ vì miếng ăn, mặc dầu đảng và nhà nước đã giết hại hàng trăm triệu người để thiết lập đường lối mới nhằm tạo cơm áo cho mọi người. Hãy lấy thí dụ cụ thể về nước ta khi **Việt cộng đã tiêu diệt cả triệu người để thiết lập Triết lý lao động vinh quang** mà toàn dân nước hiện đang đói như chưa từng khi nào có trong lịch sử, thì đúng là sự sai lầm của cộng sản rất trầm trọng. Xưa kia nếu đói có thể đổ cho sự thiếu chăm nom của chính quyền. **Ngược lại ngày nay chính quyền lo đêm lo ngày bắt dân làm việc không còn giờ nghỉ, vậy mà lại đói khổ hơn thì đủ biết sai lầm không nằm trong sự thiếu đường hướng mà nằm chính ngay trong đường hướng.**

5.- Nguyên nhân sai lầm: Triết lý một chiều

Đây là hậu quả của Triết lý một chiều Duy vật. Việt cộng đổ cho đủ thứ: Mỹ, nguy, thiên tai nhưng các nước cộng sản khác kể cả nước đầu sỏ là Nga cũng chỉ cao hơn Việt cộng, chứ so với các nước Tự do thì mức sống còn thấp kém hơn rất nhiều. **Xin hỏi đâu là căn do của sự vụ trái ngược nọ: tức từ khi khám phá ra sự quan trọng của việc ăn uống và chú tâm tới thì dân lại đói dài? Thưa là tại triết lý.**

Xưa kia đói là do triết lý duy Tâm không lo cho dân còn nay là duy Vật lại chỉ lo có miếng ăn: **bê ngoài chống nhau như nước với lửa, nhưng cả hai cùng nằm trong một bình diện, nên hậu quả nay với duy Vật cũng vẫn đấu tranh giai cấp, còn mở rộng thêm ra khắp vũ hoàn, thì hậu quả tất nhiên vẫn là Chủ Nô, chỉ đổi có cái tên: Chủ thành kẻ Thống trị còn Nô là người Bị trị. Người Bị trị tuy không còn bị gọi là Nô nhưng tình cảnh bi đát hơn nhiều vì không những đói cơm đói gạo, mà còn đói tai mắt, đói chân tay, đói tình cảm, đói ý chí, đói sáng tạo v.v...**

K.Marx không sống đủ dài để thấy hết sự sai lầm của mình nhưng đã có lúc mở tầm mắt xa hơn, để thấy rằng Á Châu không hẳn đúng với cái khuôn của mình đã đề ra là Hạ tầng chỉ huy Thượng tầng, nên đã đặt ra vấn đề Phương thức sản xuất Á Châu, với ngầm ý là lịch sử loài người có thể đi lối khác với lối Giai cấp đấu tranh mà có lẽ Á Châu là một thí dụ.

6.- Lý do bất lực về phương thức sản xuất Á Châu của Marx

Tuy nhiên K.Marx đặt ra vấn đề nhưng không tìm ra giải đáp nên sau bỏ qua. Có hai lý do bất lực.

a.- Về Tâm lý

Một thuộc **chủ quan là vấn đề Tâm lý**: nếu nhìn rõ ra được phương thức sản xuất Á Châu thì khám phá của K. Marx hết là “ khám phá “ mà chỉ còn là sự thực quá quen thuộc của Á Châu đã có từ nhiều ngàn năm lịch sử trước rồi, không để lại chi cho K.Marx khám phá nữa. Thứ đến sự thực nọ sẽ đánh đổ hệ thống tư tưởng Duy vật sử quan, nghĩa là trong nhân loại có **những nơi không theo Duy Vật cũng như Duy Tâm, thế mà tài sản lại được phân chia đồng đều hơn.** Nếu vậy thì còn gì là chủ thuyết Duy vật sử quan. Huống chi đối với cộng sản thì **đảng tính phải vượt trên Sử tính**: nói cho dễ hiểu là khi nghiên cứu lịch sử, Văn công phải chú ý uốn nắn sự kiện theo chỉ thị của đảng hơn là theo ánh sáng khách quan của sự kiện.

b.- Về khách quan

Về **phần khách quan** cũng không có gì trợ giúp cho cộng sản thấy được phương thức sản xuất Á Châu như thế nào. Trước hết vì cho tới nay chưa ai thấy nó ra sao: không nói chi đến các vấn đề cộng sản bị trói buộc do đảng tính, thì **chỉ có thể thấy một hai lối Trung ương tập quyền ở một vài nơi rồi mở rộng đại ra cho cả Á Châu.** Đây là phía cộng sản, còn **phía các học giả tự do** cũng lờ mờ nốt, hầu như chẳng ai ít ra trong phạm vi Triết thấy được cách sáng tỏ, thế mà có thể thấy được sự khác biệt giữa Á Âu, mới đáp được câu hỏi đầu là nét đặc trưng của phương thức Á Châu. Sau này thấy nền kinh tế Xô Viết vẫn không đủ khả năng nuôi dân, **Staline trở lại vấn đề và cho rằng phương thức sản xuất Á Châu ở tại tập trung sản xuất theo kế hoạch và sự kiểm soát của chính quyền.** Thế rồi đem áp dụng vào nông nghiệp của Nga: kết quả vẫn không đủ ăn và nhất là phẩm quá kém, thóc gạo thì mốc, khoai sắn thì thối mục. Có phải tại phương thức Á Châu đâu, đó chẳng qua là lối nhìn của cộng sản và một số học giả Tây Âu. Hoặc là chữ Á Châu quá rộng nghĩa bao cả Ấn Độ và Cận Đông. Nếu nói gọn vào Trung Quốc và nhất là Việt Nam thì phương thức đó trái ngược hẳn lại cái nhìn của Staline.

7.- Phương thức sản xuất của nước Văn Lang: Tự do Bình sản

Vậy sau đây là tóm lược phương thức đó: như được hiện thực trong nước Việt cổ đại gọi là Văn Lang. Sở dĩ chúng tôi nói tới Văn Lang hơn là Trung Quốc là vì về vấn đề này Văn Lang chính truyền hơn, đang khi Trung Quốc phần nào đã bị bẻ quặt theo Du mục bắc phương, nên giống Tây Âu nhiều hơn. Vậy phương thức sản xuất Á Châu trong nước Văn Lang ở tại bốn chữ “ **Tự do Bình sản.**” Vì **Tự do** nên không có chế độ Nô lệ. Còn **Bình sản** là ai cũng được tham dự tài sản quốc gia theo định chế định kỳ quân cấp lại ruộng đất. Vì vậy không có Tư bản với Vô sản.

8.-Gốc rễ sai lầm: thiếu Tâm linh sử quan

Nhưng đó mới là hai hậu quả bên ngoài, còn gốc rễ của nó là chi? Chắc chắn không phải Duy Tâm sử quan, cũng không phải Duy Vật sử quan mà là một vũ trụ quan khác. Ta hãy đặt cho nó tên là **Tâm linh sử quan.** Theo nghĩa thông thường “ **chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài** “ hoặc nói vắn tắt “ **có Thực mới vực được Đạo** “ : Thực là ăn trở nên điều kiện tiên quyết để hiện thực Đạo. Tuy vậy theo Việt Nho thì **Đạo mới là phần chính, phần cốt cán của con Người, phần làm nên con Người.** Còn tài sản, hay nói đơn sơ là vấn đề Ổ An tuy rất cần nhưng đó chỉ là điều kiện mặc dầu là điều kiện bất khả vô, nhưng mới là phần ngoài: **phần chính bản tính**

con người phải là Tâm linh. Tâm là chính cốt đến nỗi thiếu nó con người không thể giải quyết vấn đề Ăn Mặc.

Như được chứng tỏ trong thế giới duy vật cộng sản nay, cũng như thế giới duy tâm của Tây Âu xưa, cả hai nơi chỉ chừng 20% dân là Chủ, là có ăn, còn 80% là Nô không có ăn, mà chỉ được nuôi sống như người ta duy trì những con vật để nó kéo cày, chứ có được vuron lên đến những tầng cao đâu. Ta có thể cảm nghiệm ngay trong mình điều đó: **chỉ khi hết bị dằn vặt về vấn đề sinh sống ta mới nghĩ đến được những vấn đề cao thượng thuộc Văn hóa. Nhưng nếu nghĩ đến Văn hóa đúng cách thì nó lại giúp rất nhiều vào việc mưu sinh. Nói vậy có nghĩa con Người là một toàn thể không thể cắt lấy một phần mà lo cho được, không thể cắt rời việc Ăn Mặc ra khỏi vấn đề Văn hóa Tinh thần để lo cho chu đáo hơn, trái lại nó sẽ tệ hại hơn rất nhiều. Muốn cho con Người có ăn thì phải lo đồng đều cả Ăn Mặc cả Tinh thần, nói theo Triết lý là lo cho cả Ý, Tinh, Chí. Chỉ lo một Ý sẽ dẫn đến tai họa.**

Xin mở đầu ngoặc để nói về trường hợp Mao Trạch Đông đã được tiếng là có óc sáng tạo mà không mù quáng theo K.Marx. Vậy tất cả sự “ sáng tạo “ của Mao là biết tựa vào nông dân Á Châu mà theo K.Marx chỉ còn có một vai trò lịch sử là chết đi để làm phân bón cho cây cộng sản. Mao đã làm trái hẳn lại điều đó. **Tuy nhiên Mao thành công không do cái nhìn của Triết mà là hậu quả của Lương tri:** sau khi Mao đã theo lối hướng dẫn của Staline dựa trên Thuyết thuyên rồi thất bại tam tứ thứ mới quay về với Nông dân. Vì vậy với sự quay về đó Mao đã không dội được tia sáng nào vào vấn đề sản xuất Á Châu cả.

9.- Đáp đề: Trút bỏ Đảng tính và 4 loại Giai cấp

Biết đại để như thế rồi bây giờ ta hãy liếc nhìn cách Việt cộng tìm lối đáp cho vấn đề phương thức sản xuất Á Châu. Ta thấy chúng rất hăm hở về đề tài này, vì là đề tài đã được bàn tới rất nhiều trong thế giới cộng sản, và vẫn chưa tìm ra đáp số nên nếu Việt cộng tìm ra được lời đáp đúng thì lúc ấy chúng sẽ có một đóng góp ngoạn mục cho vấn đề nóng bỏng kia và lẽ ra chúng phải tìm ra được. **Là vì Phương thức đó đã hình hiện lên trong nước Văn Lang một cách chói chang, cũng như được bảo lưu qua bao thế hệ của Việt tộc cho tới tận đầu thế kỷ 20 này.**

Chỉ cần trút bỏ “ đảng tính “ tức trút bỏ thành kiến do Marx, Staline đã lèn vào đầu óc để xét lịch sử một cách khách quan sẽ thấy phương thức Á Châu, hay ít ra phương thức đó đã hiện thực ở Việt Nam ra sao. Muốn biết đặc tính của một phương thức sản xuất thì cần xem dấu biểu lộ ra ngoài rõ hơn cả, đó là vấn đề có Giai cấp hay không có giai cấp.

Nếu có Giai cấp thì tức là có kẻ bóc lột và người bị bóc lột. Đó là liên hệ Chủ Nô. Hỏi rằng ở Việt Nam cổ đại là nước Văn Lang có Nô lệ chăng, có giai cấp chăng? Đây là chỗ lúng túng của Việt cộng nên chưa đưa ra được câu đáp khoa học.

Để trả lời câu hỏi này, cần trước hết phải phân loại Giai cấp, để tránh tình trạng tiền đề nói về một sự kiện, đến tiêu đề hay kết luận nhảy sang sự kiện khác dưới cùng một danh hiệu. Theo đó ta thấy có đến bốn loại giai cấp:

**Giai cấp Giàu Nghèo Quý Tiện
Giai cấp Cai trị và Dân gian
Giai cấp kẻ Thống trị và người Bị trị
Giai cấp Chủ Nô.**

10. Định nghĩa về Giai cấp

Thứ đến phải **định nghĩa thế nào là Giai cấp** mình muốn nói tới. Phải tránh hăn lối nói khơi khơi thiếu định nghĩa, rồi sau thấy không ổn thì thêm đầy những chữ **nhưng** vô duyên vào để sửa lại. Thí dụ Văn Lang có giai cấp nhưng chưa sâu sắc! Thế nào là sâu sắc, cần quy định mới là nghiên cứu theo phương pháp khoa học. Vì thế để chữa lại, chúng ta cần định nghĩa sơ qua thế nào là giai cấp.

a.- Giai cấp Chủ / Nô

Theo mạch văn của cộng sản thì trên hết phải hiểu là giai cấp Chủ Nô, vì cộng sản là thuyết thoát thai từ thực thể Âu Châu quê hương của giai cấp Chủ Nô. Vậy để có giai cấp Chủ Nô thì trước hết phải là một định chế nghĩa là có pháp luật theo đó Nô lệ không có quyền tạo mãi tài sản, không có quyền là người nữa, vì bị coi như đồ vật, chủ có quyền đem bán hay huỷ hoại đi. Giả sử một Nô lệ bỗng nhiên trở nên giàu có, hoặc tài giỏi như triết gia Epictète cũng vẫn không được là người Tự do vì hàng rào pháp luật ngăn cản.

Thứ đến Tỉ lệ nô lệ phải lớn, ít ra quá bán số dân vì đó là định chế nhà nước. La Hy xưa số nô lệ thường là 80% lên xuống tùy thời và nơi, nhưng rõ ràng là vượt quá bán.

Đem hai điều đó áp dụng cho Văn Lang đều không có, nơi đây chỉ có sự kiện Nô lệ mà không có chế độ Nô lệ. Vì không có chế độ nên số phận khá hơn rất nhiều, như được Chủ tin dùng, cùng đi đánh giặc với Chủ, nhiều khi còn được gả con và cất nhắc như An Tiêm là một mẫu đề. Vì vậy nên gọi là Nô tỳ hay tên gì khác và tổng số tất quá vài ba phần trăm dân số.

b.- Giai cấp Giàu / Nghèo

Còn giai cấp Giàu Nghèo chỉ là Giai cấp thông thường, không là định chế và không bao giờ hay ở đâu tránh được, nó gắn liền với con Người vốn khác nhau về may rủi và tài cán, nên dù ở xã hội nguyên thủy cũng có giàu nghèo nếu không giữa Cá nhân thì giữa các Thị tộc bộ lạc, rồi nữa nếu có bao giờ cộng sản thực hiện nổi xã hội không giai cấp đi nữa thì vẫn cứ có người nghèo kẻ giàu, chưa nói trong dân chúng mà nói ngay giữa cán bộ với nhau. Vậy giai cấp Giàu Nghèo không là một phạm trù khoa học, không nên đem ra dùng khơi khơi được. Tư bản thì khác vì nó nằm trong xã hội Âu Tây căn cứ trên giai cấp Chủ Nô mất rồi, nên có thể dùng như phạm trù định tính. Còn Giàu Nghèo bên ta không thuộc loại đó.

c.- Giai cấp Thống trị / Giai cấp Cai trị

Về giai cấp Thống trị cũng không có bên ta. Để đáng tên là Giai cấp Thống trị không những phải có toàn quyền mà còn có Tôn giáo và Văn hóa riêng cho giai cấp đó được dùng để đè bẹp Văn hóa đại chúng. Bên ta trái lại chỉ có một nền Văn hóa duy nhất của toàn dân, do dân sáng tác và duy trì, đó là những Tục ngữ, Ca dao, những Truyện kể: vua tôi cũng ca múa như nhau, cũng thờ Gia tiên, Quốc tổ như nhau. Văn chương bác học cũng mức chất liệu từ nguồn suối chung đó, nên vẫn bám sát đời sống đại chúng, không làm gì có Văn hóa riêng cho Giai cấp thống trị, vì không có Giai cấp Thống trị, mà chỉ có Giai cấp Cai trị, là điều cũng tự nhiên: hễ đã có tổ hợp là phải có nhà cai trị tức phải có người ứng tác, điều hợp, ra mệnh lệnh. □ Vậy với xã hội Văn Lang thì đó là Lạc Hùng, Lạc Tướng. Không thể gọi Lạc Hùng Lạc Tướng là Thống trị, vì họ rất gần dân, họ giống với Quan lang trên Mương khi uống rượu thì Lang phải đối đãi dân tử tế, khi dân cần vay mượn thì phải cho dân vay, y như khi Lang túng thiếu phải vay dân vậy. Lang Liêu là con Hùng Vương cũng túng nghèo như ai, nếu thật thống trị đâu có thế. Tất nhiên không thiếu lạm dụng nhưng đó vừa là trường hợp ngoại lệ, vừa đến một chừng mực nào thôi.

Chỉ có **một điểm kém ngày nay là Cha truyền Con nói**, nhưng đời bây giờ chưa tiến bộ đủ, hoặc vì người xưa muốn tránh việc cướp chính quyền gây xáo trộn đời sống. Tóm lại không có Giai cấp nên không có việc dân oán hờn nhà cai trị, chứng cứ là trải qua nhiều ngàn năm Hùng Vương vẫn được tôn thờ; mới lên sổ sơ sơ đã có tới hơn bốn trăm đền điện ghi nhớ Hùng Vương, vợ con tướng tá. Những nhà nghiên cứu cộng sản coi bộ như quên mất chữ Cai trị, chỗ nào cũng thấy viết thống trị, cả đến chữ phục trong câu “Hùng Vương dĩ huyền thuật phục chư bộ lạc” cũng phải thêm tiếng thống phục vào mới yên mà lẽ ra phải dịch chữ thân phục mới đúng với mạch văn. Sở dĩ nhiều người (1) muốn Văn Lang có giai cấp là vì họ đã dính chặt mắt vào bộ tiền đề của K.Marx, Engels cho rằng mâu thuẫn Giai cấp là điều kiện thiết yếu để cho nhà nước xuất hiện. Nhưng ai cũng thấy đó chỉ là sự kiện của Tây Âu, cùng lắm thì là luật tắc của những nước miền Lưỡng Hà chứ không phải là luật phổ quát tức nhiều nơi không cần giai cấp mà bộ tộc cũng có thể bước lên nhà nước được vì còn nhiều công tác khác thí dụ những việc công như đê điều, chống xâm lăng, xử kiện, đòi hỏi chính quyền trung ương mạnh.

(1) Nói nhiều người vì cũng có những học giả chủ trương Văn Lang không có nô lệ. Tuy nhiên vì khả năng luận lý và tinh thần chính xác khoa học không đủ sắc bén nên không đưa ra được lý chứng mạnh mẽ để thuyết phục đối phương. Tuy về các phương diện nghiên cứu khác thì lẽ lối khoa học được thi hành một cách nghiêm chỉnh, nhưng về mặt suy luận thì tất cả còn ở đợt Ý kiến, vài người mập mí đợt Tư tưởng còn vưon tới đợt Triết gia thì tuyệt nhiên chưa thấy bóng dáng.

11.- Kết luận về phương thức sản xuất Á châu

a.- Bình sản và Tự do

Theo những điều trên đây thì phải kết luận thế này là phương thức sản xuất Á Châu ở tại **Bình sản và Tự do**. **Bình sản** là ruộng đất làm của chung làng xã rồi cứ định kỳ quân cấp cho dân, như vậy là **xã hội không lấy tư sản làm căn bản, càng không tuyệt đối hóa quyền Tư hữu**. Nếu có ít chút tư điền thì đó chỉ là sự lạm dụng, sự áp đặt do phong kiến về sau, không phải là nền tảng lúc đầu và cũng không lán át nổi chế độ bình sản: tức ruộng đất chung bên ta vẫn chiếm phần đa số ít ra tới thế kỷ 19. Do đấy **không có Chủ Nô vì ai cũng Tự do**, ai cũng có tài sản cũng như có **quyền Ăn Nói**: hễ đến tuổi thì được vào Hội đồng kỳ mục.

b.- Tâm linh sử quan: “ Thiên Địa vị yên, vạn Vật dục yên “

Vậy nếu cần một ngữ thuật chỉ thị tình trạng đặc trưng nọ thì đó là **Tâm linh sử quan** bao gồm cả Trời và Đất mà Nho đã công thức hóa thành câu: “ **Thiên Địa vị yên vạn vật dục yên** “. Trời Đất đặt cho đúng vị trí thì vạn vật sẽ được nuôi dưỡng. Điều đó Việt Nho đã đặt đúng theo thuyết Tam tài Thiên, Địa, Nhân, cả ba đều là vua, người cũng là vua. **Vua thực sự có địa vị. Địa vị đó rất cao cả tức đứng giữa Trời cùng Đất, nên có quyền thực sự**: quyền trên Vạn hệ mình, trên Thân xác mình cũng như Tâm Tình Ý Chí của mình, không ai được xâm phạm tới. Khác với **Duy Tâm** nghĩ về con người như một thứ hồn ma bay lảng lảng trên không khí không cần phải nghĩ đến Ăn Uống, như vậy Người đâu có vị yên, Đất cũng không có vị yên. Lại cũng khác với **Duy Vật** chỉ nghĩ đến có miếng Ăn, còn bao nhiêu Tình cảm tâm linh bỏ hết như vậy đâu người có vị yên, Trời cũng đâu có vị yên, làm sao Vạn vật dục yên cho được. **Chỉ có “ vị yên “ là khi nói đến con Người như một vua trong ba vua.**

Đã là Vua phải có chủ quyền nào đó về Tài sản. Nó là bước đầu bảo đảm cho bước sau như Tự do, Nhân phẩm, cũng như các động ứng phát huy các đức tính làm nên con Người toàn vẹn. Con người toàn vẹn phải có cả quyền phát triển mọi khả năng của mình, thí dụ đức tính tiên

liệu sao cho miếng đất mình cấy cây kết quả tốt đẹp. Nội một việc tiên liệu đó đòi óc sáng kiến, điều động, dự trữ dài hạn ngắn hạn, chứ không như người trong công xã chỉ là một nô lệ bảo làm gì biết làm việc ấy lúc ấy, mà không còn biết gì đến ngày mai, hay toàn thể vấn đề ra sao. Làm thế nào cho ruộng tốt, cây giống lúa nào, thời gian nào, tích trữ ra sao cho khỏi mỗi một □ Cả ngàn điều phải tự liệu....

Chính những lo liệu ấy làm nên những bước chân đi trên con đường kiện toàn Nhân tính. Đó là những điểm then chốt mà sự chối bỏ chỉ gây tai họa. **Các nước cộng sản đàn anh đã mở mắt dần. Khrushchev đã phải bãi bỏ luật cưỡng ép bán nông sản cho nhà nước; các nước Đông Âu đã phế bỏ hầu trọn lối canh tác cộng đồng. Trung cộng cũng phải bỏ dần các công xã. Đó là những bước đi lần về với phương thức sản xuất Á Châu.** Tuy nhiên đó chỉ là từng mảng phụ bên ngoài do kinh nghiệm đau thương bó buộc phải sửa đổi, nên chưa đạt hậu quả tốt đẹp.

Muốn đạt sự tốt đẹp thì phải đổi triết lý: từ Duy vật sử quan đổi ra Tâm linh sử quan, phải coi trọng con Người, mỗi con người với những nhu yếu thâm sâu của nó mà nhu yếu đầu tiên là Âm Thực nhưng nhu yếu cuối cùng lại là ăn lời Tâm linh. Có vậy mới mong lâu dài.

V.- Mặc

1.- Triết lý về mặc: Đỉnh Nhân lý Nghĩa

“ Đó có thể là câu nói tóm triết lý về cách Ăn Mặc, trang sức của tiên nhân. “ Đỉnh Nhân là đội lầy Nhân “ , nói kiểu khác đầu đội Trời. Còn câu chân đạp đất được thay bằng “ Lý nghĩa “ , “ dẫm lầy Nghĩa “ tức đi theo Nghĩa, mà “ Nghĩa “ chỉ đạo lý (nhân) được áp dụng vào từng trường hợp. **Nhân là đạo lý, còn Nghĩa là đứng trước trường hợp cụ thể thì phải áp dụng ra sao.**

2.- Mặc ở giai đoạn thờ mặt Trời: bỏ ăn Vật Tỏ, mặc Vật Tỏ

Muốn xét về ý nghĩa cái Mặc của Tiên nhân phải trở ngược lại thời Văn minh. Xâm mình là bước tiến đầu tiên để trẻ ra khỏi **giai đoạn “ vật Tỏ “ , “ ăn Thánh “** hay lối “ **thông dự nhiệm tích** “ (communion sacramentelle) tức thời kỳ thờ vật Tỏ thì người ta ăn thịt con vật được thờ để được tham dự linh lực của Thần vật ấy. Đó là bước tiến thứ nhất ở tại **bỏ ăn Vật Tỏ để mặc Vật Tỏ**: thờ con nào thì mang sắc phục con vật ấy, thí dụ dân miền Altai (Thiên Sơn) thờ nai Chà thì xâm mình nai Chà. Có thể một số tiên Tỏ rất xa xưa của ta cũng ở vào giai đoạn này, đó là giai đoạn thờ Mặt trời. Về phía **các bà là mặc Áo lông Trĩ**. Nhớ Trĩ là chim mặt trời, nên cũng gọi là Chu tước = con tước đỏ: đỏ mặt trời, quẻ Li.

3.- Mặc ở giai đoạn thờ Trời: Áo lông Ngỗng, xâm mình, xâm trán

Nhưng đến giai đoạn thờ Trời thì các bà lại **mang áo lông Ngỗng** (ngỗng trời cũng gọi là Thiên Nga) đó là bộ áo Tiên. Còn các ông không có da rồng để may áo, thì **vẽ hình Rồng trên mình**. Cũng trong đợt này nên kể đến **tục xâm trán** (điều đê). Đây cũng còn là giai đoạn mặc Vật tỏ (trong đó có tục xâm mình) nhưng cao hơn một độ vì dùng đến hình vẽ, tức là tiến thêm một bước trong việc trừu tượng hóa, nhất là có một số bộ lạc xâm trán với màu xanh đỏ gọi là “ **xích văn lục tự** “: xích là đỏ, lục là xanh, nghĩa là văn đỏ chữ xanh. Đây lại là bước tiến nữa lên **đến đợt cơ cấu Ngũ hành**, trong đó **xanh chỉ Đông, đỏ chỉ Nam**, tức hàm ngụ Triết lý của ta là Đông (số 3) và Nam số 2) cộng thành số 5, tức là Ngũ hành với cái Triết lý thâm sâu của nó. Chính ở chỗ này mà người ta thấy sự hiểu lầm được ghi lại trong sách Lĩnh Nam Trích Quái: là

xâm mình long giao để khỏi bị giao long làm hại khi xuống sông bắt cá. Đó là tán phông chùng không có gốc rễ. Sự làm này khởi đầu có lẽ do một tác giả người Tàu là **Cố Dã Vương**.

4.- Nhận diện chim Trĩ là di sản của Việt tộc

Xin nói thêm về chim trĩ. Chử Nho kêu là Địch. Địch là thứ trĩ có đuôi dài, lông ngũ sắc. Ngũ sắc Nho xưa kêu là hạ. Đôi khi đặt chữ Lạc trước thành Lạc Địch thì nghĩa là chim trĩ của Lạc Việt (Leg. III tr.105). Hoặc câu nói thông thường của Việt Nho là “**Lạc Địch tập kỳ tả dục**”, con chim trĩ của Lạc Việt thu cánh bên trái lại. Hoặc câu “**tuỳ dương Việt trĩ**”, con trĩ của Việt đi theo hướng của mặt trời. Trưng tới ba câu Nho để ghi nhận bốn điểm sau:

Trĩ là chim của Lạc Việt.

Trĩ đi theo hướng của mặt trời.

Nó xếp cánh bên Trái lại.

Lông nó có Ngũ sắc.

5.- Ý hướng “Thánh Nhân thể Đạo

Cả bốn điều cần thiết để nhận ra di sản của Việt tộc gồm chim Trĩ có lông Ngũ sắc (tức Ngũ hành đi theo hướng Tả nhậm). Đoán được chính ở vào suýt soát giai đoạn này mà ta có thể đặt đề **ý nghĩa cho nón chóp hình tam giác**, mà hình tam giác là một trong những tiêu biểu lớn của nhân loại để **chỉ thần minh hoặc chỉ mặt Trời** (thay mặt thần minh) đối với “**dây vuông**” chỉ Đất hay bánh dày bánh chưng. Khi nói đầu đội trời chân đạp đất thì có thể hiểu vào việc này.

Hài cong của các bà xưa là muốn cộng hai hình tròn (tam giác) với hình vuông vào thành một nét cong. Cũng trong chiều hướng này, ta có thể nghĩ đến các thứ nón hoặc khăn của dân ta: **khăn chữ nhất hoặc khăn chữ nhân** v.v□ đều nằm trong ý hướng hiện thực lý tưởng là “**Thánh nhân thể đạo**” = thánh nhân phải biết mặc lấy Đạo vào mình. Quần, áo, khăn, nón hiện thực sự mặc tiêu biểu để giúp tâm hồn mặc được đức tính thiện.

6.- Mặc lấy cơ cấu Vài Ba (2 – 3) của nền Văn hoá

Đến giai đoạn biết dệt vải để may quần áo thì giữ đạo lý vào kiểu áo 5 thân hoặc 5 cái cúc: xấp đặt theo số vài ba là số cúc trên ngực 2 dưới hông 3: làm nên Ngũ hành. Ta thấy nhờ bộ số vài ba mà Đạo có thể “**khâm vào**” rất nhiều vật dụng thường nhật như vậy.

7.- Sự lẩn át của Văn minh Tàu (Hữu nhậm)

Bây giờ còn việc cái cúc áo thì cài bên nào? Việc tộc cài bên Tả gọi là Tả nhậm (tứ Di tả nhậm). Còn Hoa tộc cài bên hữu xin hãy gọi là “**Hữu nhậm**”. Nhân tiện nên ghi vào đây là những chim nào quen xếp cánh bên tả như chim Lạc Địch, Tắt Phương, Uyên Ương thì nên hiểu đó là

những chim của Việt tộc. Về sau văn minh Tàu lấn át nên bắt người mình phải “ hữu nhậm “ như Tàu. Mình yếu đành chịu vậy chớ biết sao, nhưng cố tìm cách gỡ gạc chút ít là dùng vạt áo bên tả đặt lên vạt áo bên hữu. Đó là một gỡ gạc gọi được là quan trọng vì nó có tính cách triết lý, tức bên tả là Âm đi trước bên Hữu là Dương theo thứ tự Việt là “Âm Dương: Tả đề lên Hữu “. Nhiều nơi cũng đắp vạt tả lên vạt hữu, nhưng xét đồng văn thì đó chỉ là một sự tình cờ do thuận tiện hay óc thẩm mỹ chứ không do triết, thí dụ thì người Tây phương đến Tàu, người Tàu thấy họ cài như vậy thì chê là trái cựa.

8.- Vững tin về Nguồn

Bài Mặc này tuy ngắn nhưng cũng có thể coi như **thí dụ rất chính xác của bộ số vài ba** (làm nên ngũ hành) nó giúp ta rất nhiều trong việc tìm về nguồn. **Việc Ăn Mặc của dân ta tuy chẳng có hình thể nhiều nhưng nhờ có bộ số đó mà ta theo dõi được quá trình hình thành và biến thể trong việc Ăn Mặc của tiền nhân xưa các khá xác định.**

Đáng lẽ đây phải nói đến bài “ **Nghê Thường Vũ Y Khúc** “ , vì đó là đỉnh chót vót của triết lý ăn mặc, nhưng vì đã nói đến hai nơi một trong Trống Đồng, chương V và hai ở bài Từ Việt Mễ tới Việt Thường. Vậy xin gửi tới hai nơi đó để chấm hết bài. “

VI.- Nói: Tính thể siêu linh của tiếng Việt Xét qua cơ cấu Vài Ba

“ Tiếng nói là một phát minh rất sớm của con người. Có thể vì đó mà Hy Lạp “ **nói đầu trước hết có lời** “. Vì sớm sủa nên rất quan trọng nó mang theo những đức tính của nền văn hóa mà nó chuyên chở.

1.- Tiếng Nói bày tỏ Tính thể con Người

Bởi vậy nghiên cứu tiếng nói của một dân chính là xử dụng một chìa khóa đa năng mở vào nhiều kho tàng ẩn náu của nền Văn hóa ấy, thí dụ Nhạc tính trong **tiếng Việt tạo nên do Âm, Thanh, Vần, Nhịp** và đủ đề tài không những cho ngữ học là điều tất nhiên, mà luôn cho văn chương và cả tư tưởng nữa.

Hôm nay, chúng tôi thử bàn về điểm cuối cùng, tức về **liên hệ giữa Cơ cấu tiếng Việt và Việt lý xem hai đàng ăn chịu với nhau đến đâu.**

Trong các cơ năng hiển hiện của con người, **tiếng Nói bày tỏ Tính thể con Người nhiều hơn hết.** Con người được định nghĩa là nơi giao hội của đức Trời đức Đất, **tiếng Nói cũng vậy nó đứng giữa Vật chất và Tinh thần, vì thế nó chỉ còn có Thanh âm mà Thanh âm là cái đã thoát khỏi hình hài khí chất, nó là nhịp cầu nối Thể chất ở đọt Tinh vi cùng cực (thanh âm) với cái vô hình là Ý niệm và Tư tưởng.** Chính do chỗ đó mà ta có thể xét xem Ngôn ngữ của một dân có tinh thần nhiều hay ít. Hãy nhớ lại câu định nghĩa Thần trong Kinh Dịch là **Thần vô phương. Thần không ở nơi nào nhất định, thế có nghĩa là Thần có tính cách uyển chuyển, biến động và thấu triết....** Vật nào càng giàu thể tính năng động và thẩm thấu thì càng giàu siêu linh tinh thần.

2.- Hai loại tiếng Nói: Cơ cấu và Ngữ luật

Theo tiêu chuẩn đó ta có thể chia tiếng nói của loài người ra hai loại: một loại đi theo Cơ cấu, một loại vâng theo Ngữ luật.

Theo Cơ cấu thì uyển chuyển và giàu khả năng thẩm thấu. Theo Ngữ luật thì bị ràng buộc bằng cả một hệ thống mẹo luật gọi là Ngữ luật gồm Động tự, Danh từ, Quán từ (article), Giống, Số, Cách v.v... thì hợp tác nhau đóng khung câu nói xuống theo một cấu trúc Ngữ pháp nghiêm nhặt cột chặt các tiếng vào một ý nghĩa không thể hoán vị, hễ hoán vị là trật Ngữ luật và trở nên vô nghĩa. Có thể nói chung đó là các tiếng Âu Tây. Loại hai đi theo Cơ cấu thì không có những thứ như trên, không Thì, không Cách, không Số, không Quán tự, Trạng tự hoặc nếu có thì cũng đứng rời không ảnh hưởng nhau để dễ bề hoán vị mà cơ cấu chỉ định đặng mang theo ý nghĩa khác nhau tùy theo vị trí. Thí dụ “ vào được ” khác với “ được vào “. Đó là tiếng Tàu và tiếng Việt. Ông Burton Watson (1) nhận xét rằng **Ngữ luật tiếng Tàu rất đơn giản chỉ gồm có Thực tự và Hư tự** (full words and empty words) (chi, hồ, giả, dã). Hư tự thường dùng như Quán tự để nối kết hoặc giải nghĩa, nhưng cũng thường bỏ luôn. Phương chi **tiếng Việt với cơ cấu rõ hơn và Hư tự giàu hơn.** (1) *Early Chinese Literature, Columbia Univ, Press N.Y.1962 p.146-170.*

Về Cơ cấu chỉ việc xem thí dụ với 5 tiếng dưới đây: hễ hoán vị một chữ là có ý mới.

Sao không bảo nó đến

Nó đến sao không bảo

Không bảo nó đến sao

Sao bảo nó không đến

Sao nó bảo không đến

Không bảo sao nó đến

Sao nó đến không bảo

Không sao bảo nó (cứ) đến

Nó không đến bảo sao

(Tôi nhớ láng máng xưa kia đã đọc thí dụ này đâu đó, có lẽ của L.M Lê Văn Lý thì phải và với nhiều xếp đặt hơn)

3.- Cơ cấu tiếng Việt

Quả là một sự uyển chuyển và năng động vô địch chứng tỏ trình độ cao cấp mà Việt ngữ đạt được trong việc đi đến cơ cấu. Lấy về đàng số mà nó thì Cơ cấu thượng thặng phải gồm ba bộ số: 2, 3 và 5.

a.- Năng động tính

Số 2 nói lên tính chất năng động căn bản. Muốn động phải có hai Hạn từ: Động bao hàm sự di chuyển từ A đến B, bước chuyển động cùng cực là từ Vô tới Hữu, từ Có tới Không, nên số 2 nền tảng phải là từ Có tới Không.

b.- Nhân chủ tính

Số 3 nói lên Nhân chủ tính. Vì Nhân chủ nên đứng ở giữa, không hề lệ thuộc vào hai thái cực nhưng độc lập như một chủ nhân ông. Số 2 là số căn bản có đầy trong Trời Đất giữa Sáng Tối, Đất Trời, Đục Cái, Cứng Mềm. Thế nhưng duy trì được số 2 trong văn hóa phải có một nền Nhân chủ mới đủ mạnh để duy trì, và sự duy trì được biểu lộ bằng số 3, nên **số 3 là số Nhân chủ, là số chỉ được đề cao trong văn hóa có Nhân chủ tính.** Chứ như trong duy Vật hay duy Tâm thì không có số 3 vì con người thuộc vào một trong hai bên, vào Trời hay Đất, duy Vật hay duy Tâm, và chỉ có Một tức nguyên lý Đồng nhất được đề cao rất mực. Còn số 3 bị gậy bỏ. Pháp gọi là tiers exclu = triệt tam. Tertium non datur.

c.- Tâm linh

Số 5 là số ngũ hành thành bởi 2+3 cũng gọi là “**Vài Ba** “ hay “ Tham Lương “ tức nói lên tác động cùng cực của con người. Muốn làm được tác động cùng cực thì phải là con người Nhân chủ (số 3) còn tác động cùng cực là nhảy từ Có tới Không, phải hiểu là cõi không u linh đầy tràn diệu hữu gọi là Tâm linh. Chính vì thế mà để tóm tắt thì quen nói **số 5 là số Tâm linh, hay là số Thâm thấu cùng cực.** Tóm lại sự uyển chuyển (do cơ cấu) nói lên sự thâm thấu cùng cực, thâm thấu biểu lộ tình chất Tâm linh (số 5). **Tâm linh biểu lộ bằng số 2 (từ Có đến Không) và tính chất nhân chủ số 3.** Chi tiết hóa như vậy rồi bây giờ chúng ta thử đi vào phân tích tiếng Việt.

4.- Tóm lược tinh túy

Đó là tóm lược tinh túy của bộ cơ cấu “ vài ba tham lương “ .

a.- Số 2

Số 2 quan trọng như nền tảng được bàn trong bài Nét Song trùng (Kinh Hùng). Đây là nền tảng tối quan trọng nên văn hóa nào thiếu nó thì sẽ gieo tai họa. Hiện nước ta đang phải rên xiết dưới ách độc tài chuyên chế phi nhân của cộng sản thì cũng vì cộng sản thiếu nét song trùng. Bởi cộng sản là duy Vật.

*** Tại họa đánh mất số 2 trở nên Duy Lý một chiều**

Chữ ấy nói lên sự thiếu nét Song trùng một cách công khai lộ liễu, nên sự hiểm độc, đi đến thái thậm. Chính cái độ thái thậm nọ làm cho nhân loại giật mình mới nhìn nhận ra căn nguyên tai hại, chứ trong thực tế thì văn hóa Tây Âu đã đánh mất nét Song trùng từ khuya. Heidegger kêu là đánh mất nét gấp đôi (the twofoldness). Chính sự đánh mất này là nguyên uỷ sâu xa tại sao văn hóa Tây Âu trải qua 25 thế kỷ không sao kiến tạo nổi một nền triết lý Hòa giải, như chúng tôi đã minh chứng điều đó trong quyển sách mang tựa đề như trên và đề nghị ra một nền triết lý Hòa giải đặt nền trên Việt lý (rất tiếc bản thảo quyển này đã bị mất vào dịp tị nạn năm 75) là vì cuối cùng chúng tôi khám phá ra trong triết Việt có nét Song trùng nọ, nó hiện hình vào cùng khắp những gì quan trọng như vật biểu là Tiên Rồng, cai trị nước được biểu thị bằng bánh Trời bánh Đất, quê nước được kêu là Sông Núi v.v□ cái gì cũng đi cặp đôi như thế.

Vậy sự đi cặp đôi nọ cũng thấy nhan nhản trong tiếng Việt một tiếng nói gọi là độc âm, nhưng lại ưa đi đôi theo lối nhị âm một cách tràn ngập: chỢ búa, chẶn màn, giỜng phản, làm lũng, ngổn ngang, hồ hởi, lè phè□ (Theo môn Việt Ngữ Lý (1) thì ban đầu tiếng ta đi đôi. Về sau chịu ảnh hưởng Tàu nên mới đi vào hướng một).

(1) Mỗi khi nói tới Việt Ngữ Lý là tôi quy chiếu tới cụ Mai Ngọc Liệu người đã mở ra một trường phái riêng về ngữ lý học đặc biệt Việt Nam. Tôi đã được đọc một vài bài thấy các khám phá của cụ có nền tảng nghiêm túc. Xin chờ đọc cụ Mai Liệu để biết thêm về ngữ lý của ta.

*** Thực tự và Hư tự**

Thường thì không mấy người để ý đến lối đi cặp đôi đó vì tiếng nào trên thế giới chẳng có, thí dụ blanket, table thiếu chỉ. Nhưng khi nhìn lại liền nhận ra đó là tiếng đa âm nên cần cả hai âm mới đủ nghĩa, nói mar không đủ, phải thêm ket vào mới có nghĩa là chợ. **Còn tiếng Việt nói chỢ là đủ, âm búa không cần cho ý nghĩa, thêm vào có thể coi là thừa, là Hư tự, có người cho là vô ích. Kỳ thực thì nó không còn nằm trên cấp vô ích với hữu ích, nhưng đã vướn vào vòng Trong.**

Trong bộ triết lý An vi tôi hay dùng chữ vòng Trong thay cho siêu hình, là vì vòng Trong tàng ẩn ngay trong sự vật, khác siêu hình đi luôn vào cõi ý niệm, kêu là lý giới như của Plato. Còn “vòng Trong” là cái gì vẫn nằm trong sự vật làm nên cái hồn, cái ý nhị của sự thể và như thế là diễn tả nét song trùng cách thâm thấu, nên ta còn nhận thấy tính chất thâm thấu đó ngay trong chữ cặp đôi được bày tỏ bằng nhiều lối.

*** Liên hệ ý nghĩa**

Liên hệ ý nghĩa như nâng lên, hạ xuống, mở ra, đóng vào, chỢ búa, tập tễnh mon men.

***Liên hệ lân cận...**

Liên hệ về lân cận, về liên tưởng như chẶn màn, bát đĩa, giỜng chiếu, mâm bàn, nôi niêu, xoong chảo, viết lách, nói năng, ăn ở, điệu bộ....

***Lặp lại Nguyên âm**

Có khi bằng nguyên âm như ngâm nga, ngân nga, nét na (nguyên âm N), lập loè (L), đùng đỉnh (Đ), kêu ka (K)....

***Lặp lại Chủ âm**

Có khi bằng chủ âm như linh kinh (inh), khoác lác (ác), lão đảo (ảo). □ Có trường hợp đặc biệt về chủ âm iếc như học hiếc, thi thiếc, làm quan làm kiếc, láo liếc, ho hiếc, ốm iếc, phải đi xin eo

phe eo phiếc, phút tem phút tiếc. □ Trên đây chỉ kể sơ qua một cách ngẫu hữu (cách hệ thống dành lại cho ngữ lý học) vừa đủ để chứng tỏ đó là một sáng tạo không phải là vô ích như có người tưởng, mà là tối quan trọng để diễn đạt nét song trùng của Việt Lý, hai mà một, một mà hai.

b.- Số 3

*Nền Nhân sinh quan Nhân chủ hùng tráng

Bây giờ xin hỏi hậu quả nét song trùng là chi? Xin thưa đó là số 3 chỉ nền Nhân chủ tức một nền Nhân sinh quan hùng tráng cùng cực đến độ Trời cao Đất thấp mà cũng có thể nắm giữ cùng một trật để làm nên “ cõi người ta “ ở giữa Trời cùng Đất. Nếu là thứ nhân sinh quan yếu hèn thụ động thì chỉ nắm nổi một bên: đánh mất nét song trùng và trở nên một chiều kích, một duy nào đó: vì chọn một bỏ một, chọn lý bỏ tình là duy lý, chọn trời bỏ đất là duy tâm, chọn Tư sản bỏ Vô sản là Tư bản, chọn Vô sản bỏ Tư bản là Cộng sản. □ Cứ thế mà giảng co chống đối, đấu tranh, đọc bên nọ mất bên kia, nên gieo tai họa cho con người vốn là một vật lưỡng thể (sống ở hai cấp bậc).

* Khác biệt giữa Tây ngữ và Việt ngữ (Le La và con cái. . .)

Văn hóa con người chia ra được hai loại lớn một bên có nhân sinh quan hùng mạnh thì sẽ Nhân bản hóa vũ trụ còn bên có nhân sinh quan yếu ớt thụ động thì tất sẽ bị Vật hóa, như triết học bàn về con người theo cung cách bàn về sự vật tức đứng cùng một bộ định đề và nguyên lý của sự vật nên người bị vật hóa, Mỹ kêu là “ man reified ”, như đã được nhắc tới trong tiếng người homme do tiếng humus là đất bùn: cả hai tiếng cùng một gốc đất. Sau đây là mấy thí dụ nền tảng. Tây Âu gọi Trời là the Sky, Đất là the Earth, còn Việt Nam thì kêu là Ông Trời, Ông Địa. Thế là ta đã thấy khuynh hướng nhân bản hóa vạn vật lộ dạng trong chữ ông đặt cho Trời cho Đất. Hãy đi đến vài thiên thể lớn nhất là mặt trời mặt trăng, hai chữ mặt nói lên bóng dáng con người chiếu dọi tới trong chữ mặt: mặt trời, còn mặt trăng không những là mặt trăng mà còn có cả cưới xin nữa tức nhân bản hóa trọn vẹn. Trẻ con hát: “Ông Trăng mà lấy bà Trời “ . Câu này chớ theo bầu khí sơ nguyên của thời mẫu hệ lúc mặt trăng còn nắm chính quyền kêu là ông trăng, về sau đến thời phụ hệ thì ông trăng trở nên bà nguyệt. Như vậy kể có phần mất mát nên dân gian an ủi bằng cách rút tuổi đi và kêu là cô Hằng, đã vậy còn yêu cô ra rĩ.

**Tôi yêu cô Hằng
Đêm xưa xuống trần
Mình ơi tình ơi.**

Nhưng thôi yêu em anh để trong lòng để anh xét tới các vật khác. Vậy khi xét tới cách kêu tên các vật ta thấy sự khác biệt lon giữa Tây ngữ và Việt ngữ. Ta thì kêu là cái là con, cái bàn, cái bút, cái nhà con gà, con cá, con trâu. Tây thì lại chú ý đến đực cái trừu tượng: le monde, la table v.v, sự khác biệt này nói lên nhiều nét đặc biệt, mà điểm đầu tiên là tiếng Âu Tây quá ước định, thí dụ nói la table giống cái thì căn cứ vào chi mà bảo cái với đực. Thứ đến là vụ giống cái thì tiếng Pháp phải thêm “ e câm “ (e muet). Nếu theo cụ thể thì e câm phải cho vào giống đực. Các bà nói nhiều thì e nói chứ sao e câm? Hay là có ý bảo các bà phải “ câm đi “ theo cung cách duy dương độc chiếm, đàn áp đàn bà?

* Thứ tiếng sống Hiện và sống Ẩn tạo nên môi liên hệ Vạn vật nhất thể

Ngược lại **tiếng Việt** thì có **nền tảng** **đàng hoàng** vì **căn cứ trên sự sống hiện và sống ẩn**. **Sống hiện** kêu là **con**: con gà, con vịt, con chim; **sống ẩn** kêu là **cái**: cái nhà, cái bút, cái bàn. Đây mới là nét xét vòng ngoài chứ vòng trong còn lắm điều hay kinh khủng. Trước hết nên nhớ **chữ Cái xưa kia có nghĩa là Mẹ** như câu Con dại thì Cái mang (tội). Như vậy hai tiếng **Con Cái** nói lên **mối tình thắm thiết nhất trong loài người được đem dùng cho sự vật**. Đó là **tang chứng không những Nhân bản hóa vạn vật mà còn đem đặt vào đó mối liên hệ bao là và sâu thẳm nhất, nên vạn vật được ràng buộc với nhau như một thân thể, mà nho kêu là “**thiên địa vạn vật nhất thể**”**. Chính quan niệm nhất thể này gây nên môi sinh tinh thần công thể (esprit communautaire) mệnh mông không những bao trùm nhân loại không phân biệt Chủ Nô, mà còn tỏa ra khắp vũ trụ đến nỗi Nguyễn Công Trứ đã nói được “**vũ trụ nội mạc phi nhân sự**” = trong vũ trụ không có chi không phải là phận sự của ta. Nó khác biệt bao với cá nhân chủ nghĩa, mọi cái rời rạc xa lạ như Albert Camus đã nói đâu đó rằng: **tôi cảm thấy tôi xa lạ với vũ trụ, với Thượng Đế, với tha nhân và hồi ôi với chính tôi nữa**. Điềm hai nó dính dáng đến lịch sử, lúc Mẫu hệ nhường quyền cho Phụ hệ. Ở thời mẫu hệ thì Cái chỉ vật sống hiện như câu:

**Cái cò cái hạc (vạc) cai nông.
Sao mày nhỏ lúa ruộng ông hỡi cò?**

Nhưng đôi sang phụ hệ thì cái lui vào hậu trường để chỉ những gì có cái sống ẩn tàng. Huyền sử nước ta chỉ thời quá độ bằng truyện 50 con theo Mẹ lên núi lập ra nước Văn Lang và chia nhau cai trị thay Mẹ. Còn Mẹ rút vào trong nắm lấy cái “**cồng bà**” với chức nội tướng và từ đây thì vật sống ngầm kêu là cái: cái bút, cái chén, cái nhà, còn vật sống hiện thì kêu là con “**con cò bay là bay**”

*** Liên hệ giữa Tư tưởng và Ngôn ngữ**

Trên đây chỉ là cái nhìn thoáng của triết, vừa đủ để đặt ra nhiều vấn đề bàn luận để gây sinh động trong lãnh vực văn hóa, cũng như để nhận ra **mối liên hệ giữa tư tưởng và ngôn ngữ: cả hai cùng một nét song trùng y hệt**. Nếu tư tưởng là **Tiên Rồng, Sông Núi, Đất Trời, Mẹ Cha**, thì ngôn ngữ cũng thích đi cặp đôi: **chấn chiêu, ngân nga, lê phê, ve vãn**. Nếu tư tưởng là **Nhân chủ** thì tiếng nói cũng thế, từ ông Trời, qua cô Hằng cho đến cái cò, con tôm, cái nôi, cái chảo đều mang ẩn tích con người. Đó là hai bước song trùng và nhân chủ hay là **nhịp vài ba 2-3 hoặc tham lưỡng : 3-2**.

c.- Số 5

*** Con số “ Thiệp đại xuyên**

Bây giờ xin bàn đến số 5 hay hành ngũ, nó bao trùm tiếng ta bằng **5 dấu: huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã**. Tại sao tiếng ta lại được tràn hợp bởi số 5?

Ý nghĩa sâu xa nằm ẩn trong hai chữ hành ngũ. Hành là hành động vì đây là đợt cơ cấu nên phải nói tới hành căn đề, vậy hành đó là bước vào cung ngũ mà theo cơ cấu là “**hành vô hành**” , “**địa vô địa**” tức là An vi = theo nghĩa không còn đối tượng, đi đến chỗ “**vô thanh vô xứ**” . Cái bước quan trọng đó Kinh Dịch kêu là “**thiệp đại xuyên**” sang qua sông lớn, nhà Phật kêu là “**đáo bỉ ngạn**” vì thế cần thuyền bát nhã, mà trong Trống đồng là thuyền Rồng là thứ “**thuyền tình bể ái**” cùng cực để nối Trời với Đất.

* Ngũ hành (5) với Linh cô (3 – 4)

Vì thế xa xưa trông Linh Cô có 6 mặt và có cái cả 8 mặt. 8 mặt chỉ Trời (8 gió của Kinh Dịch) 6 mặt chỉ Đất (lục phương). (1) Thứ trông này gọi là **Linh Cô** được nói đến trong sách Mục Thiên Tử truyện, chương 5. Linh Cô có 6 mặt nhưng cũng được trình bày như trông kép 3 (6 mặt) và được dùng để tế thần Đất (nhờ Thổ Bá có ba con mặt). Còn trông 8 mặt cũng gọi là **trông Sâm** để tế Trời. Lẽ ra 6 Trời 8 Đất hay 3 Trời 4 Đất chứ sao lại 8 Trời 6 Đất. Thừa ở đây theo luật Giao chỉ là theo Dụng mà không theo Thể (Thể viên Dụng phương, thể Âm dụng Dương) **3 trời Dương nhưng Dụng 4 Vuông. 4 Đất Âm nhưng Dụng Dương.** Vì luật giao chỉ đó mà Phục Hy Dương lại cầm cái Cù Vuông, bà Nữ Oa Âm lại bồng cái Quy Tròn (diễn nôm là ông giò miếng chả, bà giả miếng nem, nem Thủ Đức gói khá tròn!). Còn nhiều rắc rối khác nên không lạ con cháu mất trọn ý thức về bộ cơ cấu uy linh của mình. Chúng tôi đã cố tìm lại dấu vết trong hai quyển Kinh Hùng Khải Triết và Sứ Điệp Trống Đồng. Nhưng xin hỏi **6-8 liên hệ với Ngũ hành chỗ nào?** Thừa đó là liên hệ ngầm có đây trong các số cơ cấu là loại số cũng đầy uyển chuyển linh động. **Vậy 6-8 cũng là 3-4 (cặp đôi) mà 3-4 cũng chính là 3-2 mà 3-2 là số 5, số 5 kép bởi 3 trời 2 đất. Hai Đất cũng có thể là 4 Đất, hai số có thể dùng thay nhau: 2 hay 4 cũng được. Nói 3 + 2 (vài ba) hay 3-4 cũng là một. Nhà Phật nói “ tam tế tứ đại “ = 3 cái tế vi chỉ Trời, chỉ cái gì vô hình siêu linh, tứ đại là 4 cái thô đại chỉ Đất. Đó là liên hệ ngầm giữa 6-8 (ra 3-4) với Ngũ hành. Ngũ hành thành bởi 3-2. 3 chỉ Nhân chủ, 2 chỉ bước lưỡng hành: hành trong cõi hiện tượng lẫn hành trong cõi vô hình: có vậy mới ra lưỡng thể = amphibious gồm cả cái sống của Phạm ngã lẫn Siêu ngã.**

Ta thấy tính chất ghê sợ của hành Ngũ cũng biểu thị bằng số vài ba, 3-4 hay 6-8 sâu xa đường nào, thâm thấu tới tận Trời cùng Đất. Có ngày chúng ta sẽ tham luận về tính chất thiên biến vạn hóa của hình thái song trùng kép này.

*Bộ số Vài Ba (nhịp kép Hai) nhập vào Ngũ lý

Hôm nay chỉ xin áp dụng bộ số vài ba vào ngũ lý. Ta biết Song trùng là nhịp Đầu, Nhân chủ là nhịp kép Một, vài ba là nhịp kép Hai. Ta đã thấy tiếng Việt phản chiếu hai nhịp đầu (Song trùng và Nhân chủ). Bây giờ đến nhịp Vài Ba nó cũng phản chiếu cách kỳ diệu trong thể thơ lục bát (6 là 3 cặp, 8 là 4 cặp). Hãy mở truyện Kiều ra đọc những câu lục bát tuyệt vời:

Trăm năm / trong cõi / người ta.

Chữ tài / chữ mệnh / khéo là / ghét nhau.

(Đánh dấu phân để thấy câu đầu có 3 cặp, câu sau có 4 cặp)

Cơ cấu Nói bằng số “ Vài Ba ” hay nói bằng “ hình Tròn Vuông giao hợp “, hoặc cụ thể cùng cực là làm hai chiếc “ bánh Dầy bánh Chung “, hoặc muốn “ Xô Nho “ thì “ Thiên viên Địa phương “ đều cũng một cơ cấu. Vậy cơ cấu đã hiện thân cách kỳ diệu vào ngôn ngữ qua thể thơ lục bát trong cách gieo “ yêu vận “ tức câu trên không gieo vận vào cuối câu mà lại gieo vào lưng vào lòng câu sau:

Trăm năm trong cõi người ta/

Chữ tài chữ mệnh khéo là / ghét nhau.

Vậy mới là tình thâm chứ! Đọc lên như thâm bảo yêu em anh để trong lòng (trong mà) mà không để ngoài da đâu! Em đừng có ngại! Thật là bất ngờ, thảo nào thể lục bát được nhìn nhận là thể thơ độc nhất nói lên đức tính An vì ở chỗ gieo toàn vận bằng: dấu hiệu của an lạc siêu linh.

* Bè 6 – 8 được thể hiện trong trống Đồng Ngọc Lũ

Xem ra thể thơ này cũng có trong nhiều chi của đại chủng Việt vì thấy hiện diện trong nhiều chi khác và có thể ngờ là đã được phản chiếu vào trống đồng Ngọc Lũ nơi vòng hoa văn giữa gồm **14 con chim chia hai bè: một bè 6, bè kia 8**. Phải chăng chúng đang ngâm thơ lục bát. Ít ra lục bát đang mạnh nha? Vì thế mà chúng có thái độ siêu thoát trần tục để đi về miền thái cực linh thiêng. Dầu sao mặc lòng, tức dầu 6-8 con chim có phản chiếu lối thơ lục bát hay không, nhưng không ai chối cãi rằng đó là thể thơ đặc trưng của Việt tộc, gói ghém cả hai bộ số 2 và 3 cũng như cơ cấu kép vài ba. Có thể lối đó đã mạnh nha từ buổi bình minh với **nhịp Trống quân khai quốc**. Câu sáu có thể chỉ bè Nam (3 cặp từ) câu 8 bè Nữ (4 cặp từ) tức là đã từ lâu đời lắm.

*Tiếng Nói theo Cơ cấu tràn đầy Nhân chủ tính và Tâm linh

Chính vì vậy mà lòng ta nao nao ngây ngất khi đọc những câu lục bát trong Kiều nhất là khi gặp những chữ đi đôi như nao nao, nho nhỏ, sè sè. □ Mỗi cặp đôi xuất hiện như **nhịp câu 2 mỗi: một mỗi bắc bên Có mỗi kia cắm vào hư Không** làm cho ta như chạm vào cõi u linh bát ngát.

Nao nao dòng nước uốn quanh.
Nhịp cầu **nho nhỏ** dưới ghềnh bắc ngang.
Sè sè nắm đất bên đường.
Dầu **dầu** ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.

Xem thế đủ biết **tiếng ta thuộc loại ngôn ngữ đầy tràn Nhân chủ tính cũng như Tâm linh** tức nghiêng về nghệ thuật và triết lý: đề cao cái tổng quát trên cái tư riêng, tránh rõ rệt, ưa âm u nên dùng rất nhiều hư tự.

* Cái Thừa và thiếu của tiếng Nói theo Ngũ luật

Ngược với tiếng của Âu Mỹ có tính cách khoa học ưa khúc chiết khi đến độ không cần, thí dụ bắt cả mọi cái phải là đực hay cái, số nhiều, ít phân biệt chi li. Ta nói “ ba cái hoa này đó “, chỉ một chữ ba đủ chơi vai trò số nhiều, các từ khác không bị phiền hà chi cả. Mỹ thì “ these three flowers are red “ . Đã có three rồi còn bắt these flowers cũng phải thêm chữ s, this phải đổi ra these, verb phải đổi ngôi và số is ra are. Tiếng Pháp còn phải đổi đỏ ra dỏs (rouges). Đó là một thí dụ về sự tôn thờ ý niệm mà tiếng nói là dấu hiệu. So với tiếng Việt thì vừa thừa mà lại thiếu, thừa vì đã có 2 chữ s, verb còn phải đổi ra số nhiều; thiếu vì chữ ba không đủ bao quát toàn bộ, đấy là điểm một, còn điểm nữa là cú pháp mạch lạc mà cơ cấu yếu: ta nói ăn được, được ăn, chỉ cần đổi vị trí của từ. Còn Mỹ phải dùng hai verb can và may. Đây là lý do ngữ luật trở nên bẽ bộn và được quan trọng hóa rất mực. Ở La Hy xưa trẻ mới khai tâm phải học ngữ luật chứ không học về luân lý, sử ký.

* Tính chất đơn sơ và hàm súc của tiếng Nói theo Cơ cấu

Tiếng ta trái lại rất đơn sơ nên có sức hàm súc nhiều. Trong quyển Man and People ông Ortega Y Grasset nhận xét rằng tiếng Tàu giàu nhất thế giới về khả năng hàm súc (comprehension) do cơ cấu mạnh với sự dùng nhiều hư tự, vì hư tự chơi vai trò âm u với toàn bích. Ta có thể nói về tiếng Việt như vậy mà còn hơn nữa vì về hư tự thì tiếng Việt giàu hơn tiếng Tàu.

Hư tự của ta là những chữ kép vào không cần thiết thí dụ nói chợ, nét, ngân đủ rồi không thêm chợ búa, nét na, ngân nga như ta quen dùng: đó chỉ là **hư tự không cần mà lại cần: không cần cho nghĩa từng chữ nhưng lại rất cần để móc nối với âm u toàn thể**. Đó là nét biểu lộ nhiều tính chất triết lý của dân tộc Chủ nhân Trống đồng, trống là hư, là không, hư không làm

nền tảng cho triết Việt do thể mà ngôn ngữ của ta tràn ngập hư tự tức là tiếng đầy triết lý nhân sinh vậy.

Có lẽ đây là lý do của một kinh nghiệm bản thân tôi. Số là nhiều người đọc sách tôi mà không hiểu, có người đề nghị cần sửa đổi dăm ba từ ngữ thí dụ không nên viết “ cần suy nghĩ lại “, “ đã bàn rồi “, “ xin nhắc lại “ mà nên viết cần chúng ta suy nghĩ lại, chúng tôi đã bàn rồi, chúng tôi xin nhắc lại. □ Tôi bằng lòng sửa lại vì với tôi từ ngữ chẳng qua chỉ là để hiểu đạo, nói chúng ta cần suy nghĩ lại là đặt nổi chủ từ như Tây Âu cũng chẳng sao, y như hiện nay trong việc viết tên ta phải đặt cá nhân trước dòng họ, thay vì Lý Ông Trọng thì phải viết Trọng Lý Ông, thôi thì vào xứ cá nhân ta cũng phải đành đi một đường cá nhân vậy. Nhưng nhượng bộ rồi tôi cứ cảm thấy một cái gì ray rứt tạm gọi là khổ tâm như phải đi xa khỏi việc coi trọng gia tộc hơn bản thân, coi trọng lối giương mặt cá nhân (tôi, chúng tôi) hơn là ẩn náu để nhường chỗ cho đạo lý, nhưng gặp thời thế thế thì phải thế. Phải thế nhưng vẫn suy đi nghĩ lại về khía cạnh triết lý của tiếng Việt và ghi lại một ít trong bài này để mở chân trời cho những suy nghĩ về sau. “

VII. – Làm (theo Triết lý tác hành)

“ Không còn chi vinh dự hơn khi nghĩ đến rằng **tiên Tổ chúng ta đã thiết lập được một nền triết lý tác hành.** Tuy nhiên đó là mối vinh dự ít ai ngờ, cần phải được phân tích thấu đáo mới thấy được.

1.- Phương pháp Tỉ giáo của triết lý bằng Động từ To be

Trước hết xin hỏi rằng thế nào là triết lý tác hành. Đây là câu hỏi đầy khả năng soi sáng, được gọi ra do phương pháp tỉ giáo, tức là triết lý hiện đại đang cố thiết lập một nền triết làm bằng động từ như Heidegger cố chứng minh rằng là một hình thức sa đọa của To Be. **To Be là một động từ, To Be (verb) sau đã đóc ra danh từ Being. Nếu triết xây trên verb To Be thì là triết ngon, ngược lại xây trên danh từ Being là triết hỏng. Vì being là một vật thể (entity) mà không là động từ To Be như thườ sơ nguyên nữa.** Đây là những vấn đề người ngoài thấy như vô tích, kỳ thực thì thế giới chỉ huy do những vấn đề tế vi nọ, nơi mà “ sai một li đi một dặm “.

Con người phải chịu trận với một dặm là những ác quả của cái sai lầm một li, nhưng vì bé quá (một li) nên không thấy.

Thế nhưng nếu dùng sự so sánh một dặm hậu quả thì có thể nhìn ra sự quan trọng của một li, và lúc ấy sẽ hiểu tại sao dựng nên được một triết lý bằng động từ, bằng tác hành là một vinh dự tối cao. Tại sao triết gia thượng thặng của Tây Âu hiện nay được nổi tiếng chỉ vì khám phá ra sự vụ động từ “ To Be “ đọa ra “ Being “, tức triết lý tác hành ban sơ đọa ra triết lý ý niệm nằm lì bất động.

2.- Nguyên nhân sa đọa từ To be ra Being

Vấn đề nằm trong tâm lý con người mà Việt Nho nói là “ **nhân tâm duy nguy** “ = tâm con người rất tế vi dễ nghiêng lật nên đây nguy hiểm, vì nó là khởi điểm cho những sự nghiêng lệch ở những chỗ chẳng ai ngờ đến. Để soi sáng sự nghiêng lệch này xin lấy một thí dụ trong câu “ **tôi đọc sách** “ gồm ba hạn từ: tôi, đọc, sách, có ai ngờ rằng **chỗ quan trọng hơn hết là chữ đọc**, là động từ, là verb, **nếu không xây trên động từ mà xây trên Năng là tôi, hay trên Sở là sách thì đều là bước tiến lên đầu mỗi nghiêng lật.** Xưa nay các nền triết đều nằm trong chỗ nghiêng về tôi, hoặc về sách.

a.- Đợt một ly

Về tôi là duy Tâm, về sách là duy Vật: đây là đọt một li. Hãy đi xuống một độ nữa là thước (còn lâu mới đến một dặm) thì ta sẽ thấy loài người như Descartes xây triết trên câu “ **tôi suy tư, vậy có tôi** “. Câu ấy nói lên cái bệnh duy Tâm nghiêng hẳn sang phía bên Chủ tri (subject) là “ **tôi suy tư** “, nghiêng đến nỗi không còn tin là có đối tượng nữa, những người đi đường mà ông xem thấy ông không dám chắc là có, cuối cùng ông phải nại đến uy quyền Chúa phán rằng phải yêu người ta, thế là đích rồi, nhất định có người ta, vì có người ta mới yêu được chứ. Nhưng đó là tin người ta, nên **không lập lại được quân bình giữa chủ tri nên gọi là nhị nguyên: hai bên li lìa không tìm ra được mối liên hệ giữa Chủ tri (tôi) và Đối tượng (sách), vấn đề đành bỏ dỡ.** Về sau Malebranche đưa ra **thuyết hòa hợp tiền chế harmonie préétablie** để cứu vãn tình thế: đại đế là Chúa dựng nên một linh hồn (tôi suy tư) và một thân xác song song với nhau. Tôi muốn đọc sách và xác thân tôi, mắt tôi đọc sách. Hai việc đó: **tôi muốn đọc sách và chính việc đọc sách không liên hệ chi với nhau, nhưng nhờ sự hòa hợp tiền chế nên lúc tôi muốn đọc thì cũng chính là lúc cái máy xác thân chạy đến chỗ đọc.**

Đó là một thí dụ cùng cực của sự chi li, vớ vẩn của triết có thể đem nhốt nhà thương điên. Thế nhưng xưa nay chỉ có chữ triết chứ ai dám nghĩ đến đưa các triết gia vào nhà thương điên. Thực ra có cho tiền cũng không ai dám làm, vì rằng các chính quyền tự xưa tới nay cứ bắt người học triết phải học như thế, nếu có nhốt thì phải nhốt mấy ông nắm chính quyền trước đã, rồi mới đến các người khác, nghĩa là tất cả mọi người.

b.- . . . Đi một dặm

Bởi vì mọi người đều chịu ảnh hưởng của những thứ triết đó của Plato đặt căn cứ trên lý giới (duy tâm), của Aristotle đặt trên ý niệm bản thể sự vật (duy vật). Các triết gia sau tuy có phá phách, có thử thách đủ mặt nhưng không sao rút chân ra khỏi hai hạn từ đó mà triết Đông gọi là Năng (subject) Sở (objet). Vì thế mà **xã hội Tây Âu đầy những sự chia rẽ tự nền tảng: Vô thần chống Hữu thần, Chủ chống Nô và ngược lại, rồi Tư bản Vô sản, Chủ nhân Thọ thuyên, Bà chống Ông....** Không một mối liên hệ nào là vắng bóng sự chống đối. Lâu ngày một số trí giả hé nhìn ra đôi chút lỗi tại đâu nhưng **phải đợi đến đủ một dặm “ tam vô “ với đủ thứ đũa giả bạo tàn ngu xuẩn bản tiện của cộng sản thì bà con mới thấm mùi sự sai một li.** Và từ đây mới mọc lên nào triết lý tác hành, nào là triết lý lao động, ngày lễ lao động, lao động vinh quang....

Thành công chăng? Thừa không vì đó mới là nói về làm chứ đã làm đâu, hay có làm nhưng đặt căn bản trên “ duy vật “ thì vẫn là bánh xe cũ: tức cũng xây trên một duy nào đó mà không trên tác động tinh tuyền. Vì chỉ có tác động tinh tuyền (an vi) mới đặt mối liên hệ cơ bản.

c.- Đáp đề của thuyết Tam tài

Có nói được Năng Sở mới thống nhất, có thống nhất mới có sinh động, có sinh động mới có tinh thần. Thế có nghĩa là con người phải tìm sao cho ra một triết lý tác hành cao quý nọ. Điều đó chỉ có thể tìm trong những loại triết kiểu thuyết Tam tài của Việt Nho. Vì tài là tác, nó chỉ trở lối Tác Hành viết hoa, tức không phải là tác thường mà là Tác cùng cực. Việt Nho nói bằng **huyền số 3, Dao Ba, Tam tài.** Đây là lý do của thuyết tam tài, chữ tài viết theo điệu tác (hành), nôm na gọi là “ tài gậy “ (才), biến thể của chữ thủ (手) là tay (cơ quan để làm).

Chính nhờ thuyết tam tài mà triết lý Việt Nho đã không bị bệnh duy nào: không duy tâm, không duy vật, không duy lý, không duy tình v.v. □ Trái lại có một mối thống nhất lẫm liệt bao trùm cùng khắp, không còn chỉ là nối kết những cái nhỏ bé mà là nối kết toàn cả vũ trụ.

Do đó có một **sự sinh động đáng tên là triết lý Nhân sinh** và đạt tới bậc tinh thần cao độ nhất với câu “ **thần vô phương** “ , nghĩa là thần không ở hẳn đâu, nhưng đâu cũng ở, nghĩa là thâm thấu cùng cực. Những điểm trên đã bàn dài nơi khác, ở đây chỉ cần nhắc sơ qua như thế để soi đường cho cuộc tìm về cảnh giới Tổ tiên xưa, để xem các ngài đã đạt đến đâu. Muốn thấy ý hướng của các ngài thì một trong các phương tiện hiệu nghiệm hơn hết là **suy tư về những danh hiệu Nước, danh hiệu Người**, vì đây là những kết tinh của lý tưởng được ấp ủ, được lưu truyền từ đời nọ đến đời kia, nên là những căn cứ bền bỉ. Vậy thủy Tổ tối sơ của đại tộc ta là **Tam Hoàng gồm Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông**, cả ba danh hiệu đều nói lên cái gì bao la và cùng cực. Điều đó được bày tỏ bởi chữ tam trong Tam Hoàng. **Tam là Tam Tài: Trời, Đất, Người, cả ba làm nên một thân thể**: “ Thiên, Địa, vạn Vật nhất thể “, không may chia lìa chống đối : nhất thứ khi con người lại là cái tâm của vũ trụ (vũ trụ chi tâm). Như vậy khi đã đạt Tam Hoàng là đã bao trùm hết mọi đối tượng bé nhỏ, chỉ còn lại **những động từ nằm ẩn trong chữ Tài. Tài là power, là sức mạnh, một sức mạnh tinh tuyền tự phát ra tác động không cần bất cứ cái chi mảy đông nên đó là việc cao nhất, bao trùm hơn cả nên cũng đi vào cùng cực hơn hết, đến chỗ “ hư tâm “ tức là tinh thần cùng cực.**

Trong tập này đã mở đầu bằng 5 chương về các việc căn bản Ở, Ăn, Mặc, Nói, Làm. Đọc bài nào rồi ta cũng sẽ thấy nó dẫn đến cái cùng cực, cái gì bao la vô hình.

3.- Thái thất của (Việt) Nho

Ở dẫn tới Thái thất: cho con người Đại Ngã ở trong vũ trụ, “ cư chi quảng cư “

a.-ĂN dẫn tới Việt tính : mức lên nước Cam tuyền bất tận.

b.-MẶC dẫn tới thể Đạo : mặc Đạo vào thân.

c.-NÓI dẫn đến Hư tự : để hòa tan với Vô biên.

d.- LÀM dẫn đến An vi : làm là làm không lệ thuộc Đối tượng.

4.-Thiên sinh, Địa dưỡng, Nhân hòa

Tất cả đều chứng minh nền triết lý tác hành có tầm bao la cũng như thâm thấu đến cùng triệt. Như vậy là tạm xong chữ Tam Hoàng, bây giờ bàn đến ba nhân vật hay đúng hơn ba mẫu mực tối sơ làm nên bộ Tam Hoàng đó là Phục Hy, Nữ Oa, Thần Nông. Ở đây ta cũng thấy liền đó là những động tác căn bản. **Phục Hy là thuần phục súc vật, còn Hy là nuôi dưỡng cúng tế.** Đó là hai chữ nói lên giai đoạn từ bỏ săn bắn tức ăn sẵn để tự tay mình làm ra bằng thuần phục súc vật và gầy nuôi ngay trong nhà. **Thần Nông cũng thế nói lên giai đoạn từ bỏ hái lượm lang thang để bước vào nông nghiệp với lối sống định cư tự tay làm ra thức ăn.** **Nữ Oa là sự tàng trữ chứa đựng nói lên sự làm nhà để trú ngụ.** Đó mới là nghĩa đen vòng ngoài, còn **nghĩa bóng thì Tam tài tức tác động cao nhất.**

**Phục Hy chỉ Thiên sinh
Thần Nông chỉ Địa dưỡng
Nữ Oa chỉ Nhân hòa.**

Đó là những tác động bao trùm hơn cả, cũng có nghĩa là đáo để, triệt cùng đều đã xuất hiện với bộ ba của Việt tộc. Sau này Nho giáo đã công thức bộ ba trên thành thuyết Tam tài: Thiên, Địa,

Nhân đặt con người ngang hàng cùng trời, đất mà nhà cách mạng Trần Cao Vân đã diễn tả một cách oai nghiêm rằng:

**Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh,
Trời Đất ta đây đủ Hóa công.**

Nhưng học giả như James Legge cho đây là những ý tưởng nông cuồng cần dỡ đại dột. Nhưng ta trả lời đó là tại J.Legge đứng ở quan niệm triết học bản thể mà xét con Người cùng một vị trí như Trời. Đó là sai, hay đúng hơn đó là hiểu theo nghĩa đen câu nói bóng bẩy. Muốn hiểu cho đúng tinh thần Việt Nho thì phải hiểu về phương diện tác động có tính cách chiến thuật chiến lược tức phải quan niệm về Trời Đất thế nào cho hợp triết lý Tác hành, sao cho con người duy trì và phát triển được khả năng tác động của mình, mình vẫn hăng hái say sưa làm việc. Đó là điều quan trọng.

Đã là triết lý Nhân sinh thì chỉ nên xét tới những Tác động liên can đến Mình.

Tuân Tử ví với quan niệm về hòn đá cạnh đường, người đi ban đêm tưởng là hổ thì rụng rời chân tay tê liệt cả thân mình, mất khả năng chịu đựng, nhưng nếu xem đó chỉ là tảng đá thì khả năng đi đứng vui hưởng còn giữ y nguyên. Về Trời cũng vậy, Trời vô hình nên mỗi nơi mỗi đời có những quan niệm về Trời khác nhau, mỗi nền triết lý đạo lý đưa ra một quan niệm thuận với chủ trương của mình.

5.- Quan niệm (Việt) Nho về Trời

Theo đó triết lý Nhân chủ tác động không thể chọn quan niệm về Trời quá toàn quyền đến độ coi con người là sự vật hoàn toàn bất lực chỉ còn phải vâng theo cách tối mật.

Với Việt Nho quan niệm Người như thế là xúc phạm đến Trời. Trời là đáng thông minh vô cùng, quyền phép vô biên mà đến lúc dựng nên con người yếu xèo hoàn toàn thụ động không dám có một sáng kiến nào thì không hổ mặt Thượng Đế sao. Ca dao ta nói: **con hơn cha là nhà có phúc**. Con người cũng là con Trời, không dám nói đến hơn nhưng cũng phải giống Thượng Đế phần nào, con nhà tông không giống lông cũng giống cánh chứ lị. **Nếu Thượng Đế là đáng toàn năng thì con người cũng phải là giống đầy năng lực đầy khả năng tác hành tự chủ.**

6.- Quan niệm quá hạ thấp và quá đề cao con Người

Vậy cho nên quan niệm quá hạ thấp con người chính là quan niệm xỉ nhục Trời, nó sẽ dẫn đến thuyết định mệnh, bóc lột con người hết thầy, không còn chút tự do nào.

Vậy hỏi tại sao quan niệm thấy kém đó lại được duy trì xuyên qua Âu Tây cổ đại?

Người ta nhận ra rằng quan niệm này được các nhà chuyên chế ưa thích vì nó rèn luyện tâm trí con người để suy phục quyền bính và nếu nhà cầm quyền lại thành công trong việc tự đồng hóa mình với Trời như thuyết vua thần, thì sự đàn áp chuyên chế đi đến cùng cực, khiến con người bị vong thân mất hết chủ quyền và khả năng tác động.

Đó là lý do thâm kín đã gây nên thuyết Vô thần chối bỏ Thần mình để cho con người ngóc đầu lên để được tự do, tự làm lấy lịch sử. Do đó con Người coi Trời bằng vung. Nhưng đó là quan niệm không tương trái với thực tại. Trời che cùng khắp sao dám coi là vung. Trời là gì cao cả bao la vây bọc quanh mình từng giây từng phút chối đi đâu có được. Vì vậy mà Âu Tây cứ lúng túng trong hai Thái cực nọ: **Trời là tất cả, con Người không làm chi được; hoặc con Người là tất cả: không có Trời.**

Nhưng cả hai đều có hại cho khả năng làm việc của con Người. Cụ thể là không thiết lập nổi một nền triết lý Tác hành. Muốn giàn hòa hai thái cực đó nên dùng thuyết Tam tài là đặt con người lên cùng hàng Tài, tức Tác, tức là bất cứ tác động nào liên quan đến con người thì con người cùng đóng góp vào đó “ một phần ba “ (xin hiểu co dẫn kiểu tam tài). Ngay việc lên Thiên đàng xuống hỏa ngục thì chính con người phải có phần đóng góp quyết liệt chứ nếu cho là tại Trời cả như Calvin chủ trương thì ra ông Trời là đầu mối sự bất công sao? Việc lớn lao như vậy mà con Người không có phần, hưởng chi việc khác. Đây là lý do của thuyết Tam tài, và đây là lý do tại sao Việt Nho có ý nghĩa đặt tên người là Thánh ngang với Trời (Tề Thiên Đại Thánh) khác hẳn ông Trời Tây Âu, thấy con người bất tuân thì làm sét đánh cái rẹt. Ông Trời Đông phương thì không, nhiều khi con người làm bậy ông chỉ nhìn rồi khóc, chứ tuyệt không can thiệp sớ phạm vào tác quyền của nó, cái quyền tự tạo tự thành chứ không được ỷ lại. Phong dao ta có câu:

**Hoàng Thiên ngự tại thiên đàng
Thấy con uống rượu hai hàng lệ rơi
Tưởng rằng con uống con chơi
Ai dè con uống con rơi xuống xình.**

Tôi nghĩ Trời cũng phải thích thú câu trên, bởi vì quyền phép vô biên của Trời thì quá chói chang, sức mây mà hạ giá nổi, cần chi cảnh cáo. Trời quá đủ thông minh để hiểu rằng: tụi nó quá kính nể mình là cái chắc có nói ngông chút cốt chẳng qua là chiến lược tâm lý thôi, tức là mạnh miệng một chút cốt để bảo toàn nội lực, nuôi dưỡng được tác phong của con người hùng, sẵn sàng nắm lấy phần tích cực dành cho con người trong mọi việc liên hệ đến nó, để:

“ Có trời mà cũng có ta “

và

“ Tận nhân lực nhi quy thiên số “ .

7.-Hiện tượng Dân chủ rất sớm ở nước ta

Có quy thuận theo thiên số theo vận mạng chứ, nhưng trước hết phải làm cho đầy đủ đã những gì con Người có thể làm, làm Tận Nhân lực. Chính nhờ chiến thuật đó mà triết lý Việt Nho đã đạt thành tích hầu không một triết lý nào làm được: là đã cứu gỡ con người ra khỏi mọi tròng nô lệ của tai dị rồi đặt con người lên địa vị Chủ nhân, gọi vắn tắt là Nhân chủ.

Đây là lý do sâu xa giải nghĩa hiện tượng Dân chủ rất sớm của nước ta xưa là đề cao kinh nghiệm thực lực bên trên quyền bính, coi trọng uy tín hơn uy quyền, đề cao những sáng tạo những thành tích như xưa là ông Hữu Sào người sáng nghĩ ra nhà sàn, Toại Nhân, Viêm Đế là người biết dùng lửa, Hữu Miêu người biết gieo mạ, rồi đến một lượt các bà: Bà Đà trồng cây xây núi, Bà Dâu phát minh ra việc nuôi tằm bằng lá dâu, Bà Nành nghĩ ra việc trồng đỗ nành, Bà Giàn biết làm giàn dưa. Trong Nam có đầy tên các bà: Bà Điểm, Bà Hom, Bà Quẹo....

Tóm lại không phải thuộc dòng tộc vua quan mới được lưu danh mà tất cả ai ai dầu là thường dân miễn có tác động sáng tạo là được lưu danh hậu thế.

Về điểm này có thể nói Việt còn giữ được tinh tuyền hơn Tàu, bên Tàu còn có những kiểu nói chỉ dân nước là người nhà Chu, người nhà Hán, người nhà Đường (Chu nhân, Hán nhân, Đường nhân) chứ bên Việt Nam thì không. Có lẽ vì vậy mà danh hiệu nước ta có những tên hay một cách tuyệt vời như Văn Lang, Giao Chỉ, và nhất là Việt, cả Việt Mễ lẫn Việt Tầu. Tóm lại triết bằng động tự với nghĩa là nhấn trên Tác hành hơn là trên Bản thể

của sự vật, hoặc trên quyền bính vì quyền bính cũng là một vật thể ngoài con Người. Quả là một nền triết thấu triết vậy.

C.- Phong tục, tập quán

I.- Trống Quân : Triết lý nhảy đầm

(Triết lý cái Đình : Kim Định)

Nhảy đầm là chữ nhà quê còn người trí thức gọi là khiêu vũ, nghe sang hơn nhưng không cụ thể và bình dân bằng hai chữ nhảy đầm. Nhảy đầm là do Tây đưa vào nó có tính cách cá nhân còn nếu nhảy đầm công cộng thì đã có bên ta từ lâu đó là hát Trống quân.

1.- Cuộc nhảy mang tính chất công thể và Tâm linh

Trống quân không những khác nhảy đầm vì tính chất công thể tức không nhảy với một bà nhưng nhảy với một đàn bà. Nét thứ hai trong việc nhảy còn có cái gì linh thiêng bao bọc nên trống quân lẽ ra phải được tổ chức dưới núi, bên bờ sông ở cửa Đông Nam của thành hay làng. Thường thì những điều kiện đó khó hội đủ nên người xưa đã sáng chế ra tiếng trời tiếng đất để thay thế cho những điều kiện trên kia. Đó là cái Trống Đất (đào lỗ xuống đất) lại có dây chằng ở trên chỉ Trời. Khi hát mà gõ lên dây phát ra tiếng gầm gừ như là tiếng Đất tiếng Trời đệm theo quân quýt lấy những lời hát đối của Đôi Bên. Còn những lời đối đáp qua lại nhiều khi chờ theo rất nhiều yếu tố triết bình dân. Hãy đưa ra vài thí dụ: miếng trầu là đầu câu chuyện.

Bè nữ

Gặp nhau ăn một miếng trầu
Gọi là nghĩa cũ về sau mà chào

Bè nam

Miếng trầu đã nặng là bao
Muốn cho đông liểu tây đào là hơn

Bè nữ

Miếng trầu kể hết nguồn cơn
Muốn xem đây đây thiệt hơn thế nào

Bè nam

Miếng trầu là nghĩa xướng giao
Muốn cho đây đây duyên nào hợp duyên.

Thí dụ khác:

Bè nam

Ở đâu năm cửa nàng ơi?
Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng .
Sông nào bên đục bên trong?
Núi nào thất quả bông mà có thánh sinh ?
Ai mà xin được túi đồng?
Ở đâu mà lại con sông Ngân Hà?
Nước nào dệt gấm thêu hoa?

Ai sinh ra cửa ra nhà nàng ơi?
Kìa ai đội đá vá trời?
Kìa ai trị thủy cho đời được yên?

Bè nữ

Thành Hà Nội năm cửa chàng ơi.
Sông Lục Đầu sáu khúc nước chảy xuôi một dòng.
Nước sông Thương bên đục bên trong.
Núi đứ Thánh Tản thất quả bông mà lại có thánh sinh.

Ông Khổng Minh không xin được túi đồng.
Trên trời lại có con sông Ngân Hà.
Nước Tàu dệt gấm thêu hoa.
Ông Hữu Sào sinh ra cửa ra nhà chàng ơi.
Bà Nữ Oa đội đá vá trời.
Vua Đại Vũ trị thủy cho đời được yên.

Bè nam

Bây giờ mạn mới hỏi đào,
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?

Bè nữ

Mạn hỏi thì đào xin thưa:
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.

Nam kết

Ai về đường ấy hôm nay
Gởi dăm điều nhớ gởi vài điều thương.
Gởi cho đến chiều đến giường.
Gởi cho đến chốn buồng hương em nằm.

Đại khái đó là vài mẫu khi đọc lên nhận thấy hai điểm đặc sắc sau đây.

2.- Cuộc nhảy: Hoạt động cả Thân Tâm

Thứ nhất là tính chất động đích của Trống quân khác với nhảy đầm. Nhảy đầm chỉ cần biết đưa tay đưa chân sao cho hợp với điệu nhạc khỏi phải suy nghĩ, cũng khỏi phải hát nữa, đã có máy. **Trống quân thì phải hoạt động hơn nhiều; miệng phải hát, tâm trí phải tác động để đối đáp, vì không được hát bài có sẵn mà phải tùy cảnh mà sáng tác lấy rồi hát lên tức khắc cho hợp câu hỏi.**

3.- Cuộc nhảy: kết môi Hoa Tình (Đại Đạo Âm Dương hòa)

Thứ hai là ý phải từ xa tới gần, mà gần cuối cùng là việc lấy nhau, nói lên một cách không úp mở nhưng phải nói “**Hoa Tình**” tức là nói lên cách văn hoa và như thế nó không phải là một sự vui giải trí như nhảy đầm, mà là việc làm có chủ đích đưa đến hôn nhân nhưng đưa đến bằng nghệ thuật, bằng múa hát, tức là một lối triết lý toàn diện. Tất cả tinh thần vật chất hòa trộn với nhau, chứ không có kiểu phân chia. Vào điện hay đền thờ lạy, rồi ra xóm bình khang chui lủi: tinh thần ra tinh thần, vật chất ra vật chất. Ở đây tinh thần vật chất hòa hợp ngay trong một nơi, một lúc theo đúng triết lý tìm phi thường trong cái thường thường. Trở lên là thử đưa ra một hai thí dụ về sự thâm nhập của triết lý vào trong mọi hành vi cử chỉ của Người Việt.

4.- Phương thuốc chữa bệnh Duy: Phục hoạt triết lý hướng dẫn Thân Tâm

Đây là ơn ích rất lớn và nếu biết làm phục hoạt thì sẽ là bài thuốc chữa bệnh thời đại mà Herbert Marcuse kêu là **bệnh Duy một chiều kích**. Hay cũng quen gọi là nhị nguyên, tức là duy vật hoặc duy linh. Linh thiêng được biểu lộ rất lớn lao trong bao nhiêu điện đài, bao nhiêu sách, bao nhiêu người hy hiến thân tâm cho tinh thần. **Nhưng vì là nhị nguyên nên anh đi đường anh tới đi đường tôi.**

Đạo là đạo.

Đời là đời.

Hóa cho nên Đời trở nên vô Đạo, mặc dầu các thứ Đạo lý truyền bá khắp nơi nhưng vì đứng ngoài Đời nên đời vẫn vô Đạo. Nhưng hỏi vậy tại sao người đời không để ý đến Đạo nằm ngay trong Đời. Thưa vì đó là điều rất khó và rất dễ quên đi. Rất khó vì người ta để chú ý những cái gì ngoài mình, vì lúc ấy nó là đối tượng, giác quan có thể tác động. Còn như Đạo đã lẫn vào Đời vào Thân Tâm thì không còn đứng ngoài nên không còn là đối tượng. Vì thế Kinh Dịch mới nói là “ **bách tính nhật dụng nhi bất tri chi** : 百性日用而不知之 “ : bách tính dùng hằng ngày nhưng không biết đến. Không biết đến nên là nguy cơ, và mỗi nguy cơ đó càng ngày càng trở nên lớn lao vì không những bách tính là thường dân không biết, mà cả giới trí thức cũng không biết đến nữa, thế mới nguy. Vì từ lúc ấy họ sẽ đi tìm triết ở xa xăm theo cả hai nghĩa, một là phát xuất từ ngoài Đời sống, đứng ngoài con Người nên dễ được tìm thấy, dễ được học hỏi, và do vậy gây nên cho nền triết lý Việt Nam một cơn thử thách lớn lao như chưa từng thấy.

Vì hầu hết tri thức trong nước đã bỏ triết Nhà để chạy theo triết Ngoài.

Có còn cách nào cứu vớt nỗi tình trạng này chăng? Chưa biết, nhưng chắc một điều là nếu không cứu vớt với nội tinh thần triết Việt thì chúng ta chỉ còn có triết học để học, nghĩa là để mà chơi. Chứ còn triết lý tâm nhuận việc ăn làm, **triết lý hướng dẫn Thân Tâm** thì không còn nữa. Bởi vậy dù thành hay bại việc đáng làm là chúng ta hãy cố gắng làm. Và đó là mục tiêu của quyển sách nhỏ này, và đường lối của quyển này là bình dân. Cụ thể là những Lễ Lạc Đình Đám mà vì tinh thần thống nhất nên chúng ta có quyền coi chúng như tài liệu chân thực về triết lý bình dân trong đó cái đình là trung tâm hiện thực nên lấy đó làm đầu đề cho sách: triết lý cái đình.”

II.- Trống Quân xét như khôi nguyên Nghệ thuật sống của Việt tộc

(Văn Lang vũ bộ: Kim Định)

1.- Trống Quân biểu hiện nét Lương hợp sinh động

“ Trong lãnh vực văn hóa nước ta, nếu ai muốn đưa ra một sự kiện vừa căn bản vừa bao trùm hơn hết còn sót lại từ buổi sơ nguyên thì đó là Trống quân. Phải, chính tục lệ này nếu không cung ứng thì cũng biểu thị cách chơi chang, phong phú hơn hết cái **cơ cấu uyên nguyên về vũ trụ quan của tiên nhân Việt tộc cũng như về mối nguyên lý hướng dẫn trọn nền triết lý nhân sinh của cả miền Đông Á, nơi nhân sinh quan xây trên đạo vợ chồng** : “ **Quân tử chi đạo tạo đoan hồ phu phụ** “. **Vậy mà trước khi nên được vợ chồng thì phải biết ve nhau, nên Kinh Dịch mở đầu hạ kinh bằng hai quẻ Hàm và Hằng. Hàm là ve: ve gái hay ve trai tùy. Còn Hằng là ở với nhau mãi mãi.**

Đây là một Nhân sinh quan được xây trên Vũ trụ quan ở thượng Kinh của Dịch mở đầu với hai quẻ Kiền Khôn có nghĩa là Trời Đất, giao thoa. Nét căn bản nổi bật của văn hóa Việt tộc đầy sinh động nằm trong đó.

Trống quân chính là biểu diễn lại cái nét Lương hợp sinh động. Cho nên nắm vững tinh thần Trống quân chính là hiểu được đầu mối cái cơ cấu triết lý sinh động của Tổ tiên xưa kia vậy. Đó quả là điều quan trọng hơn hết trong lúc này, lúc mà con người khắp nơi đang cảm thấy thiếu thốn cái chi nên nảy ra ý muốn trở về nguồn.

2.- Về Nguồn bằng cuộc đấu: Tinh, Lý, Nói, Ca

Khắp nơi trên thế giới đều đang vang lên chữ về nguồn mà vẫn không sao về cho được, là bởi thiếu lối về. Với người Đông Á thì một trong những lối về đó là Trống quân, nên hiểu đúng được sẽ giúp ta trên nẻo đường về. Bởi chung căn bệnh trầm kha của nhân loại hiện nay là bệnh một chiều kích, cần tìm cho nó con đường nào giàu Lương hợp tính hơn cả và đó là trống quân. Lý do: trong trống quân có nhiều cặp đôi hơn hết. Hãy kể sơ qua:

a.- Thời gian và Không gian cuộc đấu

Trước hết nó được tổ chức vào hai mùa **Xuân Thu**. Đó là đôi đầu thuộc **Thời gian**. Sau là dưới **chân Núi nơi có suối Nước**: cặp đôi thứ hai thuộc **Không gian**. Còn nếu không có Núi có Sông thì thay bằng cửa Đông Nam, hay cùng lắm thì cửa Nam.

b.- Các đấu thủ: Hai bè Nữ và Nam

Thứ ba, nơi hát phải **đào một lỗ làm cái Trống Đất trên có chằng dây làm trống Trời** cũng như làm biên giới giữa hai bè Nam Nữ đóng vai hai đạo quân.

c.-Khí giới giao đấu: Ca vũ

Còn **khí giới là ca, là vũ**, toàn là thứ có nhịp đôi như sẽ phân tích ở dưới.

d.- Chiến lợi phẩm cuộc đấu: Kết đôi Hoa Tình

Cuối cùng **những đôi nào “ bị bắt “ sẽ sang qua sông, trao hoa cho nhau và hợp thân ngay trên nệm cỏ xanh** (đạp thanh). Đó là đôi duyên ương trong thế sáng tạo hơn cả.

Kèm theo là **những trò** như bắn nhau bằng những Quả cầu làm bằng chỉ Ngũ sắc như nói người Mèo, người Thổ chẳng hạn. □ Hoặc nhiều trò chơi khác tương tự làm cho Trống quân càng thêm giàu tính chất sinh động. Tây phương nói “ La vie est un combat: đời là chiến đấu “ và ngày xưa hay dùng việc đấu gươm mà xử kiện: ai thua là đuối lý. Như vậy là lý lẽ dựa trên sức mạnh. Đó là lối du mục. Đông phương theo lối nông nghiệp tuy công nhận đời là chiến đấu, nhưng thay vì đấu gươm thì lại đấu lý, đấu tình, đấu ca, đấu nói như được bày tỏ mạn mà nhất trong Trống quân, một bên hát xướng, bè bên kia phải hát đáp liền, nếu không là “ thua “....

e.- Những mối liên hệ trong cuộc đấu Hoa Tình

Điều đó nói lên tính chất Lương hợp, mà Lương hợp tính chính là linh hồn của triết lý Việt Nho. Nên Trống quân là một lễ trong có liên hệ:

**Tới Vũ trụ quan như Trời với Đất,
Tới Quốc gia như Non với Nước,
Tới Làng mạc như của Đông với Nam,
Tới Gia đình như hai bè Nam Nữ đưa đến việc nối đôi Tông đường.**

Hai bè dàn quân ra, rồi biểu diễn các tác động của chiến đấu: **nào ve, nào gheo, nào thách, nào đố**, nào tiến vào đất địch chớp nhoáng lại rút ra vì địch cũng đang tiến vào đất mình, đong đưa như hai con rồng lượn khúc **theo nhịp thùng thùng “ Vài Ba “ của trống ngũ liên: 3 trời 2 đất**. Quả là một cuộc chiến đấu quan trọng nhưng đừng sợ chết chóc tang thương vì đây là “ một cuộc cờ người “: gọi là “ đấu trí mà chơi “ nên thay vì chết chóc thì chỉ có sống, sống mạnh: sinh sinh, vì cuộc chiến kết hậu bằng sự hợp thân trên nền cỏ xanh. Trước đó có tặng hoa nên hoa trở thành quan trọng, đến độ tiếng hoa gắn liền với tình thành hoa tình. Hoa đây thường là hoa lan (hay thực dược) được trao tặng nhau trước khi giao hợp và sau cuộc đấu mà nàng “ phình phình từ giữa phình ra “ thì đến mùa Thu sẽ làm lễ cưới. Chỉ phác họa sơ qua thế đã thấy ngay tầm quan trọng của **Trống quân, nó bao hàm một triết lý Nhân sinh xây trên Vũ trụ quan động, nên cũng là một thứ Tế tự của toàn dân**. Vậy mà cho tới nay chưa được nghiên cứu thấu đáo nhất là về phương diện triết lý. Vì thế đó sẽ là điều chúng ta bàn ở đây. (1)

Tài liệu trong việc này phần lớn chúng tôi mượn của ông Granet trong cuốn Fêtes et chansons anciennes de la Chine, Paris 1929, sẽ viết tắt là Fêtes. Quyển ấy nhằm tìm hiểu Kinh Thi đúng với ý nghĩa trung thực của nó. Quyển thứ hai là “ Les Chants Alternés “ của tiến sĩ Nguyễn Văn Huyền, Paris 1934, sẽ viết tắt là Huyền. Bá Nho hay Hán nho đều là Nho đã bị bẻ quặt.

3.- Kinh Thi: Chiến lợi phẩm của trống Quân

Phương pháp sẽ là triết lý với sự trợ giúp của xã hội học, cơ cấu luận, tất cả đi ngược với lối Nho Thanh giáo dùng vương triều để giải nghĩa phong tục dân gian. Còn đây dùng phong tục dân gian để tìm hiểu Kinh Điển, lấy tiếng dân để hiểu Trống quân. Đó cũng là lấy chất gia làm nội dung tìm hiểu văn gia, nên xoay quanh quyền Kinh Thi, nói có cả Văn cả Chất. Đây là sách mở đầu toàn bộ kinh điển Nho giáo, nên hiểu sai Kinh Thi là dễ dàng hiểu sai cả các kinh sau. **Vì Kinh Thi không là chi khác hơn là chiến lợi phẩm của Trống quân.**

Nói khác nó ghi tiếng Dân nhưng không phải là bất cứ lúc nào mà chính là lúc Dân hát Trống quân hay ít nữa cũng theo phong thái của Trống quân, trong bầu không khí đó, hoặc hướng vào đó. Sau này Bá Nho uốn nắn để theo chiều hướng Thanh giáo nên không nhận ra điều trên (Fêtes 7). Nhưng cũng nhờ bị cạo tẩy mà nó được sống qua các đời để nay chúng ta còn có dấu vết đi tìm lại được nhiều tục lệ cũng như đời sống thời xa xưa. “ (Về việc cạo tẩy, tức gán tác quyền cho vua quan xin xem Histoire de la littérature chinoise, Prose Georges Margouliès p.13).

4.- Trống quân là một cuộc Tế Lễ: Tôn giáo Phong Nhiêu

“ Là chính những yếu tố gặp thấy trong các cuộc tế lễ:

Bàn thờ là trống Đất trống Trời thay cho Non và Nước khi hoàn cảnh không cho phép có.

Tư tế là hai bè Nam Nữ mặc áo đẹp ngày lễ.

Còn Tế là sự đấu của hai Bè: đấu ca, đấu lý, đấu tình...

Rồi tới **Giao hợp được coi là cái đỉnh của cuộc lễ** biểu thị sự phối hợp cao độ nhất mà con người có thể hiện thực: nên Non phải trèo, Nước phải lội, Người phải giao. Ông Granet gọi là “ chịu lễ giao tình “ (communion sexuelle).

Cuối cùng có **cuộc Đại Âm** làm như nghi lễ giao thoa với Đất. Tất cả được gọi là **Bôn** tức lối cưới hỏi trực tiếp: hỏi thẳng không môi giới, lẫn làm thẳng, tức hợp thân liền, với **niềm tin rằng năm nào không có “ Bôn “ thì sẽ mất mùa. Niềm tin này thuộc giai đoạn Bái vật sau sẽ thăng hoa và truyền sang cho vua: đức hạnh ông vua ảnh hưởng đến thời tiết. Cả hai niềm tin là một, cùng thuộc tôn giáo Phong nghiêu và ở đợt Bái vật, Lợi hành.**

Nói dân gian là công thể (toàn dân chịu trách nhiệm) đến khi quy tụ vào vua thì một mình vua chịu trách nhiệm về việc mưa gió, nóng lạnh nhưng rồi niềm tin đó sẽ được thăng hoa tới đợt triết lý là giúp Trời Đất trong việc hóa đục. Đó là một tiến trình đi lên, muốn hiểu được ý nghĩa cần tới bầu khí bao quanh Trống quân.

5.- Bầu khí của cuộc Lễ: Tự do

a.- Con gái: Nói thẳng, làm thẳng

Trước hết đó là bầu khí tự do lúc con gái chưa bị bó chân còn có thể một mình đi dạo trên bờ sông Hán sông Giang, có thể mời trai ăn trà, cho địa chỉ hội họp. □ Mỗi tình thôn dã lúc ấy chưa bị thanh giáo cấm đoán hay bẻ quặt nên mọi cử chỉ đều làm trong tâm trạng vô tội, đường hoàng chứ không phải dấu diếm chi hết. Tất cả được nói thẳng ra. Người ta đang gánh nước nặng trĩu vai mà dám đường đột hỏi:

Cô kia gánh nước quang mây

Tôi hỏi câu này có lấy tôi chăng?

Nói thẳng, làm thẳng “ trên Bộc trong Dâu “ như thấy ở nước Trịnh nơi giữ được nhiều tục lệ xưa hơn cả, cũng là nơi có con sông Bộc chảy qua. Nên nhớ Bách Việt cũng có tên Bạch Bộc vì nhóm ở trên sông này có nhiều nét biểu hiệu hơn cả (Xuân Thu nói đến Bộc rất nhiều xem bản của Legge tr.273).

b.- Chưa có tinh thần Thanh giáo kiềm chế

Thứ hai, lúc ấy chưa có câu “ nam nữ thụ thụ bất thân “ phát xuất từ óc Thanh giáo bắc phương nên có thể tự do ca hát ngoài đồng nội, trên bờ sông, chung quanh bờ giếng, có thể cùng lên xe, nhìn mặt, cầm tay (*xem bài Hưng U Thi trong Cửa Không*).

c.-Con gái làm chủ tình thế

Điểm thứ ba, **gái còn nắm chủ tình thế nên chính các cô khiêu chiến trước**. Phu lúc ấy còn là cô, cậu mới là phụ, theo phong thái Tả nhậm như có thể đọc thấy rất nhiều trong ca dao Việt, cả đến Kinh Thi cũng còn có chỗ giữ thứ tự Thất (vợ) trước Gia (chồng) “ nghi kỳ Thất Gia “ (đào chi yêu yêu) tức Âm đi trước Dương, Gái trước Trai. Nhiều Nho gia có thấy điểm này nhưng lại giải nghĩa bằng lý lẽ siêu hình giả tạo như mùa Xuân dương khí lên mạnh nên con gái (âm) bị ảnh hưởng!! Sự thật thì **lễ tổ chức vào hai mùa Xuân Thu, là hai mùa của người hơn hết, đã vậy lại theo Tả nhậm: Gái nắm phần sáng kiến y như người trước Trời Đất**. Cần nhấn mạnh điểm này để đặt nỗi sự cấm đoán của vương triều không cho gái bắt đầu trước mà phải phụ xướng phụ tùy về sau.

6.- Hợp với Thời tiết: Triết lý Chử Thời

Điểm thứ tư cũng rất nền tảng là sự thống nhất và căn cơ của sự thống nhất đó là **điển tiết cũng gọi là thời tiết**, nên **Kinh Thi cũng có thể coi là quyển triết lý của Chử Thời** trong đó hai mùa quan trọng hơn hết là **Xuân Thu** mà con én đóng vai đại sứ du hành để thông tin cho các cặp Nam Nữ biết đã đến ngày hội họp để mà “ đưa thoi “. Như vậy con én là biểu hiệu của cưới xin tự do đã đưa thoi từ những ngày Xuân của muôn thế hệ trước, nên Trống quân đã trở thành một cơ cấu, một lễ, tức là cái gì u linh trang trọng dù sức vật lộn với văn hóa du mục đến sau.

Tóm lại yếu tố nền tảng là cuộc Tế trong bầu khí tự do cởi mở của công thể: mọi cái là của chung theo một lối nào đó, có thể tóm vào hai cặp danh từ là Tâm linh và Công thể. Đó là những đức tính đi kèm Trống quân và sẽ bị văn hóa du mục phá vỡ.

Vì nét đặc trưng của du mục là độc hữu ngược hẳn với tinh thần công thể của nông nghiệp: Độc hữu là óc cá nhân riêng rẽ với sự độc quyền là hậu quả tất nhiên. Khi óc cá nhân thắng thế thì mạnh được yếu thua, càng mạnh càng có nhiều, chiếm nhiều, chiếm tài sản, rồi chiếm luôn cả đàn bà làm tài sản, vì thế nảy ra sự căm đốan đàn bà tự do đi lại, cũng từ đó mà nảy ra tục “nam nữ thụ thụ bất thân”. Chính vì vậy mà Trống quân trải qua nhiều cuộc lột xác. Ta hãy theo dõi một số trường hợp: trước hết với vương triều.”

7.- Lột xác phía vương triều để thành Tế Giao

a.- Tế Giao: biến thể của Trống Quân

“ Nói rằng lễ Tế Giao phát xuất tự Trống quân là một câu nói khó có thể xác quyết vì nó thuộc phạm vi tiền sử bao la. Rất có thể lễ Tế Giao là hậu thân của hai lễ Phong và Thiện cũng như Phong Thiện là một dị bản chính thức của nhà cai trị có tính cách tương đương với Trống quân của dân gian. **Tuy nhiên trong tiến trình đàn áp Trống quân thì Tế Giao có thể đóng vai trò thay thế và nhân đây là biến thể của Trống quân** như học giả Granet đã nhận xét. Học giả Maspéro cũng cho rằng lễ Tế Giao thêm vào sau đạo Phong Nhiêu, CA p.53. Như vậy là đã hé thấy mối liên hệ giữa hai bên, và trong ý hướng đi tìm chi tiết của liên hệ có thể kể ra những chặng biến thể từ Trống quân hướng về Tế Giao.

b.- Lễ Phong Nhiêu

Ông Granet đã làm điều đó xuyên qua những tục lệ mùa Xuân của nước Trịnh, Trần, Lỗ. Ở Trần và nhất là Trịnh có tiếng là duy trì được nhiều tục lệ dân gian nhất thì người ta thấy hầu còn nguyên vẹn hình thức Trống quân như trong Quốc phong bài Trần Vĩ. Ở đây xin chú mục vào nước Lỗ vừa là quê hương của Khổng Tử vừa có sự biến thể rõ hơn. Trong Luận ngữ, thiên XI, câu 25 có lời rằng:

“ **Mộ xuân giả, xuân phục kí thành: Quán giả ngũ lục nhân. Đồng tử lục thất nhân. Dục hồ nghi. Phong hồ vũ vu. Vịnh nhi quy.** “

Chúng tôi nhớ khi xưa mới học Nho đến bài này đã cảm thấy có cái chi chèo kéo bí ẩn lạ thường (như đã bày tỏ trong quyển Tâm Tư, chương IV).

Sau này đọc rộng thêm mới nhận ra nhiều học giả khác cũng khoái đoạn văn trên như vậy, cuối cùng chúng tôi nhận ra sức thu hút của câu văn là **do tinh thần Trống quân còn lớn vồn trong đó:**

Bàn thờ là nơi cầu mưa: đó là **đài Vũ Vu**,

Tư tế là **hai đoàn trai trẻ** mỗi đoàn từ 6 đến 7 người,

Ca hát là **vịnh, là phong** (hóng gió),

Tế là sang sông như trong câu “ **dục hồ nghi**: tắm ở sông Nghi “ .

Chịu lễ là **quy**. Chữ quy theo Vương Thông có liên hệ tới ăn.

Đây là bước thứ hai trên đường hoá thân vì ở bước nhất **sách Chu Lễ còn dùng cả Trai lẫn Gái: cả Vu lẫn Hích** chỉ khác không còn ở tuổi xuân nữa mà đã lớn tuổi, lại đi tu. Đây thì không tu, cũng chưa già nhưng **toàn trai** thì cũng chẳng làm nên được trò trống gì ngoài sự nhai lại kiểu diễn tuồng trong các nội trú Nam sinh: vai Nữ phải hóa trang. Dầu sao đó **không chỉ là một cuộc chơi thường nhưng là một cuộc Lễ**, vì có sửa soạn xiêm áo cho dịp này trong câu ‘ xuân phục ký thành “. Rồi lại có ca vũ dưới đài cầu mưa, nên Vương Thông trong sách Luận Hành cho đó là Lễ cầu mưa. Sự thực thì không những cầu mưa mà là **cầu mùa, hay đúng hơn là lễ Phong Nhiêu nhưng đang được “ thặng hoa “** : tức đang trút bỏ những gì không hợp cho

thời Chu nữa, thí dụ bỏ bê Nữ để khỏi phạm tục “ Nam Nữ thụ thụ bất thân “. Còn hai việc Bôn và đại Âm thì bỏ hẳn. Vương Thông cho rằng việc đại Âm nằm trong chữ Quy mà lẽ ra Quy có nghĩa là một thứ tiệc Thánh, nên viết với bộ thực (Fêtes 156). Nếu không là lễ Phong Nhiêu thì tại sao phải hát, phải Ân (Quý). Tại sao phải Mặc áo Xuân. Tại sao phải hai Bè. Tại sao phải qua Sông (**đục hồ Nghi có nghĩa như “ thiệp đại xuyên: qua sông “**). Tại sao lại Ca Hát trên Sông và dưới chân Đồi (Vũ vu)? Người ta chỉ tìm ra lối đáp thỏa đáng khi cho đó là Trống quân đang lột xác, nói cụ thể là bỏ hai yếu tố: toàn dân và bè nữ. Đây là cuộc lột xác thứ hai hay ba.

Còn đợt bốn sẽ đưa sang lễ tế Thiên (hoặc đây là lễ trung gian giữa Trống quân và lễ Nam giao). Lễ Nam giao xét về nội dung được truyền tụng là có từ đời Vô Hoài thuộc thời đại Thần Nông. Vô Hoài có nghĩa là từ đời nào không ai nhớ được nữa vì lâu quá. Rồi sau đời Tam Đại gọi là Phong Thiện. Phong là tế Trời: đắp đất cao lên làm bàn thờ để tế, còn Thiện là tế đất nên quét sạch đất mà tế (1)

(1) Có mối liên hệ nào chăng với câu “ phụ đồng phụ chôi, thổi lồi ma lên “ và câu hát múa Lào: tôi cầm cái chôi, tôi quét cái nhà...

c.-Lễ Phong Thiện, Lễ Nam Giao

Có thể **Phong Thiện đã là một hình thái biến thể của Trống quân và cũng là tiền thân của Lễ Nam giao**, với mục đích không được rõ ràng như là **Phong Nhiêu của Trống quân**. Vì có lúc thiên về việc cầu tự cho nhà vua. Khi vua ra tế thì đưa cung phi đi cùng, người nào được vua ngự rồi thì được uống rượu và trao bao cung tên để chỉ sự cầu cho có con trai (Fêtes 168). Người ta có thể thấy ấn tích của Trống quân trong những sự kiện đặt vào lễ Giao thấy không ổn. Thí dụ tại sao không tế Địa trên phía Bắc, tế Thiên phía Nam? Tại sao lại gọi là Giao khi không có giao nào cả. □ Và ở đây cũng chỉ tìm ra lối đáp thỏa đáng trong Trống quân mà tế Giao là một biến thể: vì có sự giao hợp trên ruộng nên Trống quân là lễ bao giờ cũng diễn trên ruộng. Đã có đạo người ta tế Địa ở Bắc thành, tế Thiên ở Nam, nhưng sau không rõ vì lý do nào lại đơn một: có lẽ vì cách một cái thành thì làm sao mà giao. Vì vậy cuối cùng **đưa cả về Nam và tế Thiên cũng là tế Địa**: có xông hương cho Thiên, đổ rượu xuống đất cho Địa. Còn chịu lễ thì vua ăn và chia cho các quan phần thịt tế gọi là Quý. Nếu chỉ có thể là đủ để bù vào chỗ huỷ bỏ cuộc đại Âm trong Trống quân thì đã có những **lễ Bát chá và Na gọi là Trừ tà cuối năm** để đón năm mới nên có ăn uống linh đình. Ban đầu Bát chá và Na là những lễ đi theo mùa gặt. Bát chá là để ăn mừng gặt xong, và thường đặt ở mùa thu. Sau này được kể như lễ cuối năm đặt ở trực Chí, như vậy là từ trực Phân thuộc Nhân chủ chuyển sang trực Chí chỉ Trời Đất, thuộc Chủ Nô (về hai trực Chí và Phân xin xem bài Xuân Thu trong Ngũ Diên). Cách giải nghĩa như trên mới hợp tinh thần xã hội học là dùng tục lệ dân gian để tìm hiểu việc tế tự chính thức. Vì tục lệ có trước và đã đâm rễ sâu vào dân gian không thể phá nên vương triều phải thích nghi.

d.- Ý nghĩa chữ Nam Giao

Nếu hỏi tại sao lại gọi là Nam Giao, có người giải nghĩa bằng Cao môi, **Cao môi là thần coi việc môi giới ở phía Nam**: entremetteur de banlieue du Sud (Fêtes 160), nơi mà các bà phải đến cầu khẩn để thoát nạn không con (trừ kỉ vô tử chi tật) nên chữ Giao do Cao đọc trại. Trả lời thế là gượng, ấy là

chưa kể chữ Nam chưa có giải nghĩa. Vì thế xin đưa ra một lời thưa khác: là chữ Giao (Dao) nhắc lại nơi phát xuất là chi tộc Dao: có lối đọc giống chữ Keo mà người Nùng người Thái dùng để chỉ người Lạc Việt. Lối này giải nghĩa được cả chữ Nam là địa bàn của dân Việt. Dầu sao thì

ta cũng đã nhận tên Nam tên Giao tên Dao, cũng như xưa đã là chủ tịch nhóm Trống quân, và hai chữ Giao Chi là tên thuận lợi nhất để nói lên sự giao thoa giữa hai chi: Đất Trời, Đông Nam, Sông Núi, Nữ Nam. Vì thế tác động Giao có nhiều: giao tình, giao lý, giao ca, giao thân, và đại âm là giao với Đất (giao thực hồ địa). Như vậy ta thấy nói **lễ tế Giao là biến thể của Trống quân** là câu nói có bằng chứng, tuy xét về nội dung đã mất đi nhiều, nhất là thiếu dân gian và bè nữ nên nét công thể tính, nhưng có lẽ cần thái bất như vậy để dành cho nhà vua đặt để trọng thể hóa. Điều đó tốt, giả sử Vương triều đã không cấm Trống quân mà cứ để nó sống song hành với tế Nam Giao thì mới đúng tinh thần hợp tác giữa Chắt gia và Văn gia. Nhưng không may Trống quân đã bị cấm đoán theo óc du mục chủ nô. Nhưng “ phép vua thua lệ làng “ nên Trống quân vẫn sống và cùng với không gian và thời gian mà biên đổi, ta cần đặt vào đó cái nhìn tổng quan. “

8.-Lột xác phía dân gian

a.- Không gian và Thời gian của hát Trống quân

‘ **Biên cương của dân gian hát Trống quân rất rộng từ Hoa Nam xuống tận các đảo Thái Bình Dương, còn thời gian thì có tự rất lâu đời trước vương triều.** Vì thế việc nghiên cứu đòi rất nhiều công sức. Đã có một số học giả lưu tâm và được ông Granet thu lượm lại ở cuối quyển Fêtes. Xin trích dịch ra vài triết tiêu biểu để độc giả thấy sơ qua những hình thái khác nhau của Trống quân.

Nhật: Bên Nhật Trống quân biểu lộ trong **lối hát đối gọi là Kagai**. Đặc biệt là lúc hai bè đang hát bỗng ngưng lại rồi một người trong nhóm nay đứng ra ứng khẩu hát lên một câu, bè kia cũng sẽ có một người đứng ra hát đáp lại: nội dung vẫn là bày tỏ yêu đương. Tác giả có kể ra một số câu mẫu rất nhiều đoạn giống thơ “ Quốc phong “. Lối hát Kagai này vẫn còn được duy trì trong dân gian, tuy giới thượng lưu đã bỏ.

Tibet và Tân Cương (Fêtes 281): Người ta ưa thích cuộc hát hai bè bên nam bên nữ đối diện với nhau, vừa hát vừa tới rồi lui lại theo nhịp nhàng được tổ chức vào mùa Xuân và hát công cộng, không được riêng lẻ, nhưng trong lúc làm đồng áng gieo gặt cũng có thể hát.

Vân Nam (Fêtes 281): Người Lô Lô làm cả ngày tối lại hát đối. Xong ngồi từng đôi tặng rượu nhau. Nữ tặng trai trước, trai tặng lại sau. Cuối cùng ai về nhà nấy ngủ nghỉ mai làm để rồi tối lại hát nữa. Có nói sau khi hát quay quần cùng uống rượu.

Lô Lô (Fêtes 282): Cuối năm có hát mà còn thêm một thứ lửa trại, khởi hát từ lúc đi lấy củi về chụm lửa, sau còn thêm đốt pháp cho thêm rộn ràng. Trong Socio. 125, ông Granet nhận xét thơ Lô Lô rất giống Kinh Thi quốc phong.

Miêu ở Vân Nam (Fêtes 283): cũng có Trống quân như người **Miêu ở Quảng Tây** hay người **Thổ ở Cao Bằng**, hai bè Trai Gái cầm tay nhau hát theo nhịp trống Cơm và một thứ dân cũng có những câu hỏi ứng khẩu phải thừa liền, thừa không được bị phạt rượu uống cho đến say mềm. Có nơi người thua bị vò tai rất mạnh.

Hải Nam (Fêtes 288): Khi một cậu trai ưa cô nào thì mang đàn đèn gậy trước cửa nhà cô ấy. Nếu cô ưng thì ra. Khi đã thỏa thuận về các khoản rồi thì trình lên cha mẹ. Cha mẹ làm lễ cưới tại nhà và cậu trai về ở nhà gái.

Nam Chiếu (Fêtes 288): Nơi đây người ta tin tưởng có những vụ mang thai một cách lạ với rỗng nhân lúc tắm hoặc khi ra đến giữa sông thì chạm phải cái gậy rồi có thai.

Người Miêu Tử có thêm vào Trống quân trò ném cầu làm bằng chỉ ngũ sắc và đánh Trống đồng. Tất cả các sắc dân ở đây cũng như Vân Nam đều có ít nhiều thói tục này.

Các sắc dân **Bô Di**, nam nữ bao giờ cũng hợp thân trước rồi mới cưới sau. Họ không ưa những người nữ ở vậy, y như ở miền Dương Tử Giang và Hán Thuỷ (Fêtes 291).

Long Châu (Fêtes 293): Các người đi dự mang com theo, mỗi lần hội có cả trên ngàn người. Tuy tục lệ này bị nhà cầm quyền ngăn cản nhưng vẫn lưu hành trong khắp miền Việt Tây (**Quảng Tây**). Hễ mỗi lần vua quan Tàu cầm thì sinh xôn xao.

Lô Lô ở Quý Châu (Fêtes 295) cũng hát trên núi. Có sự đấu tài hùng biện và thi ca. Những cuộc hội này vẫn còn truyền tụng tuy đang trên đà biến mất.

Bên Java vợ chồng vẫn giao hợp trên ruộng (Civ I 191). **Mã Lai** cũng có (Fêtes 228).

Dân Dao, Chi Lao, Lê, Bạch Mán, Thái được nói tới nhiều nhất. Tất nhiên **Mán, Mèo, Thái, Thổ, Nùng ở Bắc Việt** cũng được nói tới, đủ biết biên cương của Trống quân rất rộng, rộng bằng với cái biên cương của nền văn hóa Viêm Việt.

b.- Sự hợp tác giữa Văn gia và Chết gia

Thứ đến có thể nói rằng khắp thế giới cổ xưa đâu đâu cũng có thể tìm ra vết tích một thứ **Trống quân** (Civ I 19) nhưng sau đều biến mất hay biến thể trọn vẹn chỉ còn ở **Viễn Đông là tồn tại**. Điều đó giải nghĩa được bằng sức mạnh của nền văn hóa Việt Nho trước sức xâm lăng của vương triều, nên đã xuất hiện sự kiện duy nhất trên đời là có **sự hợp tác giữa Văn gia với Chết gia**, nhờ đó mà chúng ta sẽ tìm ra được chiều kích thâm sâu của Trống quân như sẽ bàn ở triệt sau. **Tuy hai bên sống chung nhưng cũng phải lột xác, trong đó Việt tộc phải bỏ phần bị công kích hơn là hợp thân ngay trên cỏ, rồi thay vào bằng nhiều trò chơi khác: đánh đu, bắt chạch, bắt dế, ném cầu.** □ Phần nổi nhất còn lại là hát **Đối**, là nơi nhận được nhiều sự **hợp tác giữa Thôn dân và Kẻ sĩ**. Vì phần hát đối này được biểu lộ sâu xa nhất trong Lạc Việt nên chúng ta sẽ theo dõi cách riêng. “

9.- Trống quân với Lạc Việt

a.- Việt ngữ hợp với Trống Quân

“ **Sở dĩ hát liên hệ mật thiết với Trống quân vì Trống quân chính là đạo Trời Đất, hay nói cách khác là lễ hòa hợp Trời Đất nên cần tiết nhịp như Đất cùng Trời, nhất là Trời. Tiết trời thì như Sáng với Tối, Xuân với Hạ, tiết Đất thì như Đông với Nam, Sông với Núi. Vậy mà hát cũng đầy nhịp, có thể nói đó chính là nhịp nghĩa là chưa cần đến lời thì nhạc đã khởi sự có từ lúc có nhịp. Vậy ngôn ngữ nào giàu nhịp nhàng nhất cũng là giàu nhạc tính nhất, do đó hợp với Trống quân hơn cả.**

b. Giàu song ngữ có tính cách co dãn

Thế mà trong các nhóm Nam Man, Việt ngữ là một trong những tiếng giàu song ngữ nhất: thanh thanh, nhẹ nhõm, vàng vọt, lung tung, lè phè, tà tà. □ Tiếng thêm sau có khi để tăng gia phẩm tính như vàng hoe, đỏ đỏ hoặc đê bốt đi như tím tím, vàng vàng, đo đo. □ Nhưng nhiều khi thêm vào coi như là để cho có vậy thôi. Rõ nhất là trong vần iéc: ăn iéc, yêu iéc, học hiéc, chơi chiéc, hôn hiéc. □ Nhờ những tiếng song trùng đó mà Việt ngữ có một số nét đặc trưng như sau: Thứ nhất phải kể đến nét **co dãn làm cho nó biến hóa vô cùng** mà hình thức đầu tiên là **nói lái**. Riêng tiếng nhị âm mới nói lái được, **đa âm như Tây hay độc âm như Tàu đều không có nói lái**. Tây thì đã rõ: dù có tiếng hai âm nhưng không là bản chất của tiếng, nên không nói lái được, thí dụ maison mà lái ra son/mai thì hết nghĩa; còn Việt mà nói “ cầ nhái “ cũng hiểu liền là cái nhà. Tiếng Tàu không thể nói lái. Lối ký âm trong tự điển kiều Ngô Hoàn chiết đọc là Ngoan không phải là nói lái. Tiếng Tàu đôi khi kể một hai tích nói lái thì quá cầu kỳ (xem Vân Đài Loại

Ngũ quyền VI, câu 42 có cho một thí dụ dài lê thê). Có lẽ vì thế Tàu ưa dùng lối đồng âm. Con doi Tàu đọc là Phúc nên vẽ hình doi để chỉ chúc Phúc, vẽ con Hàu để chỉ hầu tước....

c.- Giàu nhạc tính

Tính chất thứ hai là giàu nhạc tính đến độ nói thông thường đã có nhạc tính rồi, như nhận xét của nhiều người ngoại quốc rằng: nói tiếng Việt đã là ca hát. Có thể vì đó mà ta có những danh hiệu đồng hóa được với ca hát chẳng như Lạc và Dao, Lạc cùng với nhạc viết như nhau (nhạc giả lạc dã), còn Dao thì là ca dao, có thể hiểu là tiếng hát của người Dao hay Giao Chỉ. (Tàu viết Dao, Diêu, Giao khác nhau mà thấy chưa là yao cả).

d.- Nói như Thơ, Thơ như Nói, Nói Thơ đều dễ ve

Tính chất thứ ba là nói với thơ hầu như một gieo vần ngay trong câu nói “ **có mới nói cũ, vì cây giây quăn** “ Vạy mà đó là thể lệ trong lúc hát Trống quân. Trong đó nói bằng thơ, hỏi bằng thơ, thưa cũng phải bằng thơ. Thế mà hầu như không ai cho đó là chuyện khó. Hỏi là thưa liền, ứng khẩu thành thơ. Đây là chỗ phải nói về ve. Ve là một lối ở giữa thơ và nói. Nói như thơ, thơ như nói, rất hợp cho Trống quân. Nên ghi ra đây như giả thuyết làm việc là **Ve do chữ Ve mà ra, mà Ve là Ve gái**: “ ve ve ve bắt ve con nhện “ . Và khi đã có sự ưng thuận thì bắt ve. Ai bắt ve? Bắt ve đâu? **Thời xa xưa là gái bắt trai**. Người đàn bà Radhé hiện còn nói “ không đủ tiền đi bắt cái chồng” . Sau này khi phụ hệ lên chân thì trai bắt gái. Xa xưa nữa là bắt cóc. Sau này bỏ tục bắt cóc thì vẫn còn một vài nơi giữ một số nghi thức để giả đồ bắt cóc. Theo đó câu truyện Sơn Tinh Thủy Tinh là bắt gái về núi.

e. Triết lý “ Chí Trung Hoà “ trong cách gieo vần Thơ

Một điều cần phải nhấn mạnh cho tâm thức hiện nay hay khinh thường những cái giản dị, tương về dễ quá nên không có gì cao sâu, sự thực là không thiếu cao sâu cả trong thơ lẫn trong tiết nhịp. Thứ nhất về thơ thì ve là thơ không những trong tiếng đôi mà luôn trong câu đôi, đó là lục bát so le làm nên nhịp câu. Cả nhịp tổ trong từng từ (6-8) lẫn nhịp ngầm trong cặp đôi từ (3-4). Còn triết lý thì nó ẩn trong một nét lạ lùng là gieo vần trên lưng câu sau:

**Trăm năm / trong cõi / người ta
Chữ tài / chữ mệnh / khéo là / ghét nhau.**

Triết lý ẩn bên trong sự vụ là tinh thần “ chí Trung hòa “ của nền văn hóa Đông Nam: theo cung Ngũ hành thì Đông số 3 chỉ Trời, Nam số 2 chỉ Đất. Đất cũng chỉ bằng các số chẵn khác như 4, 6, 8. Số 3 trời đi với 2 đất thì ra số 5 trong Ngũ hành. Số 3 đi với 4 thì ra bánh Trời bánh Đất.

Áp dụng nét Song trùng vào hai số 3, 4 thì ra 6-8. Đó là số của thể thơ lục bát. Nên thể thơ này gọi được là thể thơ riêng của nước, y như bánh Dầy, bánh Chung, hay con số Vài Ba, bào thai của Ngũ hành vậy. (1)

(1) *Lần viết đầu tiên tôi móc nối câu thơ với quả Chấn Li (xuất Chấn hướng Li). Chấn số 4 Li số 3 nhân đôi thành 8-6. Nhưng sau xem lại sự móc nối đó không uyển chuyển bằng móc nối với Ngũ hành.*

g.- Trống quân với nhịp Song trùng của Ta

Nói theo tiên thiên thì là “ 3 Trời 2 Đất “, tức là bao hàm được tiết điệu vũ trụ vừa trong hai câu thơ, vừa trong từng cặp đôi tiếng, vừa trong bước chân vũ tức là tiết nhịp đầy ắp,

nên câu thơ lục bát nói lên cái nhịp của Trống quân hơn hết, cũng là nhịp Song trùng đã xuất hiện với dân tộc từ mãi xa xưa. Bởi đó khi đọc lên những tiếng đi đôi nó gây cho ta cảm giác man mác nhiệm mầu là do cái tiết nhịp cũng như thể thơ và triết lý tàng ẩn bên trong. Vì xuất hiện quá sớm nên khi Hoa tộc vào nước Tàu thì không đổi nữa mà chỉ còn cách thích nghi. Trước hết bằng đưa vào tiếng Tàu nhiều cặp song ngữ. Mở đầu Kinh Thi đã thấy hai chữ Quan Quan (thư cưu) rồi kể tiếp biết bao tiếng khác:

**Đào chi yêu yêu
Săn săn hề
Hoàng hoàng hề
Ân ân, diên diên...**

Những tiếng đi đôi đó có đầy trong Kinh Thi □ Ông Granet đã thu thập vào trong ba trang lớn rồi nhấn mạnh rằng những cặp chữ đi đôi đó gọi là cái gì cụ thể như những bức họa bằng lời: Comme de véritables peintures vocales (Socio 114).

h.- Những tiếng ngân nga của Ta và Hư tự của Tàu

Việc thứ hai là đưa các **Hư tự như các chữ Tur, Hĩ, nhất là Hề** lên bậc từ chính cho chiếm một chỗ trong câu thơ. Điều đó với tiếng Việt không cần, nên những tiếng ngân nga (í, a, tình, tang, tính) đứng ngoài thơ là vì tự nhạc đến thơ không gặp khó khăn nào như đã nói trên về vè. Còn Tàu thì gặp khó khăn khi thơ muốn tách khỏi nhạc, nên phải dùng nhiều Hư tự. Sau này Ly Tao dùng Hề thả dàn là do thơ đã gần tách hẳn khỏi nhạc để sống độc lập, nên phải thêm tiếng Hề để người đọc có cảm tưởng hát, mà đồng thời cũng là chắm câu dùng lời thay cho dấu chấm.

Chữ Nho không dùng dấu chấm câu là do chịu ảnh hưởng quá nặng văn Trống quân đó. Còn lại mấy cái khác như nhịp câu thì Tàu không có mấy thành công. **Kinh Thi hầu hết câu 4 chữ. Sau này chỉ có thơ ngũ ngôn, thất ngôn, vẫn gieo vần ở cuối cả. Không có nhịp từng cặp từ.** Sại Ung đã cố đưa thể tứ lục vào thơ Trung Hoa nhưng không được phổ biến, vì không phải cơ cấu của tập thể mà là của một cá nhân. Thứ đến câu 4 quá ngắn không đủ diễn tả tư tưởng cách đầy đủ, nên không chơi nổi vai trò tiếng nói thông thường như thể lục bát. Ấy là chưa nói tới cái vụ câu 4, không theo lối gieo vần trên lưng câu 6 nên thiếu chiều sâu của triết lý.

10.- Lạc Việt là chủ của Trống quân

Trên đây là thử phác họa sơ sài ảnh hưởng Trống quân trên ngôn ngữ và do đó trên tư tưởng của Tàu, một nền tư tưởng xây trọn vẹn trên cặp đôi Âm Dương mà Âm Dương chỉ là kiểu thức hóa các cặp đôi trong Trống quân. **Vậy tiếng Lạc Việt vốn đã là cặp đôi nên có lý do chân chính để nói Lạc Việt là chủ chính của Trống quân.**

Câu chuyện Âu Cơ đưa 50 con lên núi, Lạc Long Quân đưa 50 xuống biển với hai cái tết mừng 5 tháng 5 xuống Nước nên có cuộc đua thuyền, và tết Trùng cửu (9 / 9) là lên Núi gọi là đăng cao để hái hoa vạn thọ để chỉ thu thường, có thể giải nghĩa là phát xuất từ nguồn gốc xa xưa của Trống quân. Vì tổ chức đúng chỗ thì khi khởi hát một bên từ Núi xuống một bên từ Sông qua. Khi ca dao nói:

**Công cha như Núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như Nước trong nguồn chảy ra,**

Thì **nền tảng siêu hình phải là cặp Song trùng Sơn Xuyên nọ.** Chính cặp đôi đó đã làm nền cho 8 quẻ **Kinh Dịch** vì cả 8 có thể quy vào hai thực thể là Núi và Nước.

Núi: Lửa, Gió, Mẹ = Cấn, Li, Tốn, Khôn

Nước: Sâm, Ao, Cha = Khảm, Chấn, Đoài, Kiên

Khi mẹ ông Bành Tổ giờ nách Tả sinh ra ba con, giờ nách Hữu sinh ra ba con nữa, cũng như 6 anh em Hi Hòa: 3 bên Tả, 3 bên Hữu đều phải quy chiếu vào cặp Nước Non sơ nguyên nọ mới hiểu được mối liên hệ nằm ngầm. Còn khi bỏ huyền thoại mà nói bóng thì ra:

**Quốc tác ý sơn xuyên
Sơn băng xuyên kiệt
Vong quốc chi trung dã (Sử Ký II 278).**

Nước dựa vào núi sông: khi núi lở sông cạn thì đó là điềm triệu báo hiệu nước sắp mất, nên có niềm tin truyền đời như sau:

**Sông Nghi sông Lạc cạn nhà Hạ mất,
Sông Hà cạn nhà Thương tiêu.
Núi Thái Sơn sụt là điềm nguy khốn.**

Vì Sông Núi chính là biểu tượng Trời Đất, cũng như 2 quả Kiên Khôn là hai trụ cột cho nền Đạo lý giữ nước. Đó là điều chúng ta phải hiểu khi “ đứng lên đáp lời Sông Núi” . Đó cũng là đứng lên đáp tiếng gọi của Tiên Rồng, của con người tiêu ngã đứng lên đáp tiếng gọi u linh của Nguyên Tính. Có thấy mối liên hệ sâu xa đó mới nhận ra giá trị nghệ thuật ẩn trong thể thơ lục bát Trống quân. “

11.-Trống quân trình bày một Vũ trụ sinh sinh hoá hoá

“ Sau khi đã biết tiến trình giao thoa của hai nền văn hóa Nông Du, sau khi đã hiểu lý do vì sao Du mục cắm đốn hay bôi xấu Trống quân, sau khi đã hiểu sự sống dẻo dai của Trống quân xuyên qua nhiều thời đại trong một biên cương bát ngát hẳn không còn ai phải ngạc nhiên nữa về câu nói Trống quân vốn là một cuộc Lễ, trái lại có thể yên lòng tìm hiểu đến chỗ thâm sâu của nó.

Ai cũng biết Tế tự là rồn của Tôn giáo, mà Tôn giáo là để kết hợp với Thượng Đế. Hiểu theo nghĩa cao siêu hơn hết Thượng Đế là cái toàn thể u linh nên việc gì bất cứ nếu giúp con người kết hợp với toàn thể u linh thì là Tế tự. Vậy mà đó là ý chính của Trống quân trong buổi sơ nguyên. Hát Trống quân là để hòa hợp với Trời bằng ca hát nhịp nhàng.

Thứ đến là hòa hợp với Tha nhân trong mối tình sâu thắm hơn hết là hai người Trai Gái hợp thân.

Ba là ăn với Đất bằng Đình Đám vì thế phải nói không những là một lễ nhưng là lễ trọng nhất, đầy đủ nhất. Nó trình bày một Vũ trụ quan của “ **Hóa nhi đa hí lộng** “ hay một Vũ trụ sinh sinh hóa hóa. Rồi một **Nhân sinh quan cũng theo nhịp vũ trụ**: Cá nhân có ăn uống. Dòng tộc có Hợp thân giúp Trời Đất sinh hóa là sinh con và nuôi dưỡng giáo hóa. Vì thế đó là lễ Phong nghiêu.

12.- Trống quân: Một vũ trụ quan Thống nhất

Có hai lối hiểu, một lối Bái vật là năm nào không có Trống quân, không có Hợp thân trên ruộng, năm đó mất mùa. Còn một nữa thăng hoa theo lối Tâm linh gọi là giúp Trời Đất hóa dục: “ **tán thiên địa chi hóa dục** “ . Tức nói lên sự đóng góp của con Người vào cái Tiết nhịp cao cả của vũ trụ để làm nổi bật lên mối “ **Thiên Nhơn tương dữ** “ đã được đổ khuôn vào thuyết Tam tài.

Đó là một Vũ trụ quan thống nhất bao gồm trọn vẹn cả kinh tế, chính trị, tôn giáo, ăn, chơi, hát, xướng.

13.- Trống quân: Thỏa đáp 3 nhu yếu nền móng của con Người

Con người thời nay quá quen với ý niệm nhị nguyên tách rời không thể chấp nhận được sự đi đôi của Du hí với Tế tự, nhưng với **quan niệm nhất nguyên lưỡng cực thì chỉ có một toàn thể không có gì Tục với Linh, nhưng Linh bao hàm Tục y như nội ngoại gắn bó vậy.** Cho nên **Chơi cũng là thành phần của Lễ**, vì Chơi biểu lộ bản chất con người hơn hết ở chỗ nó siêu thoát, không còn cầu lợi nữa nhưng đã nhô đầu vào cõi An hành là đợt đầu tiên để kết hợp với toàn thể u linh. Cho nên hiểu theo vũ trụ quan “ **thiên địa vạn vật nhất thể** “ **bất phân ly** thì Trống quân dù có đi kèm với những cuộc Du hí, ăn uống linh đình vẫn không mất chút nào tính chất cuộc Tế lễ của nó cả. Trái lại càng biểu lộ đến cao độ nền minh triết thâm sâu vì đã thỏa đáp được cả ba nhu yếu nền móng của con người: “ **Thực, sắc, diện thiên tính dã** “ .

14.- Trống quân: cuộc Lễ gồm đủ Tam Tài

Xưa nay Lễ hay bị quan niệm quá cao khi chỉ hiểu là cuộc kết hợp với Thượng Đế trừu tượng ngự trên cao xanh. Vậy là lệch lạc vì mới có hàng dọc Lý trí khô cứng. Hoặc lại hiểu theo kiểu tả truyện “ Tế là để điều chỉnh việc dân “ . Vậy là mới có hàng ngang.

Lễ mà đầy đủ phải có cả Ngang cả Dọc: cả Trời, cả Đất, Người đều tham dự. Nói khác là cả Ý, Tình, Chí phải được thỏa thuê mới đúng câu: **sử thần như bách vật vô bất đắc kì cực** (làm cho cả Thần, cả Người, cả vạn Vật đều được thỏa thích cùng cực). Fêtes 189. Câu này nói về lễ **Bát chá**, là lễ bẻ mạt mùa gặt mà sau này đổi ra **lễ Tất niên**, trong đó có cuộc đại ẩm là nét còn ghi lại dấu trong Trống quân, khiến mọi người được no say nhảy múa như điên (**quốc chi như giai như nhạc**) điều đó bị người theo thuyết Thanh giáo khắt nghị khinh chê, nhưng thực ra đó mới là bản chất của lễ, cũng gọi là Tiết, ta đọc là Tết. Lễ hay Tết phải có một cái gì qua mức thường để biểu lộ sự thoát khỏi quy ước thường nhật; đó là một yếu tố quan trọng của lễ. **Toute fête est un excès** là câu nói mà con người thời nay không hiểu nổi nữa vì bị đè nặng dưới ảnh hưởng của thanh giáo. Còn ở thời sơ nguyên khi chưa bị những quy ước trái khoáy của Du mục bẻ quặt thì Trống quân là một cuộc Tế lễ toàn vẹn có Ăn Uống, Hát xướng, Giao hoan và do đó nó gây âm vang sâu thẳm vào lòng con người đến độ chỉ huy cuộc sống trong cả năm, từ ý nghĩ, việc làm, lời nói, nó gây sức mạnh đến nỗi mọi lời khác đã qua đi nhưng những lời hát trong Trống quân được giữ lại, như ca dao tục ngữ hay nếu đã có văn học thì như Kinh Điển.

Kinh Thi chính là kết nạp những bài đã hát trong Trống quân (Fêtes 224). Còn trong Việt thì **Trống Quân kết tinh vào Trống Đờng**. Trống Đờng không chỉ khác hơn là tinh túy Trống Quân, nơi Âu Cơ tiên đang lao xuống miệng rồng là bố Lạc.

15.- Hát Trống Quân : Lối thông giao với nguồn Tâm linh

Đây là chỗ cần đặt câu hỏi tại sao lại nói Trống Quân. Có nên viết là chống quân với ý nghĩa hai đạo quân chống nhau chẳng: opposer toupes? (như ông Nguyễn Văn Huyền đề nghị trong Chants alternés p.29). Thừa viết chống không hẳn sai nhưng muốn toàn vẹn phải nói **Trống Quân với ý nghĩa để Trống**. Y như cái trống Trời trống Đất phân hai bè Nam Nữ cũng để trống mặt. Và sau này khi đã làm thành Trống Đờng cũng để trống một mặt gọi là **Trống Bộc** (Huyền 28) tức là Trống của **dân Bách Bộc** (trên Bộc trong dâu) cũng như Trống Đờng cũng phải để một mặt trống mới đúng tên là Trống, là “ thần cổ đánh ở kinh đô Việt mà tiếng ngân mãi tới Lạc Dương “ .

Đó là để nói lên lối thông giao với toàn thể u linh vốn là vô biên là cái không thể diễn tả mà chỉ biểu lộ bằng nhạc, bằng sự im lặng, bằng trống rỗng tâm hồn. Vì lẽ đó cái Trống phải để trống một đầu, sau này người ta mất ý thức nên **bịt luôn hai đầu**, mà vẫn cứ kêu là trống, là đánh trống, mà thực ra là đánh bịt, đánh búng, đánh lũng búng vòng ngoài đối kháng làm ra hai bè chống nhau mà không biết đến vòng trong sinh sinh nội tại. Như thế là **sa đọa tự nhất nguyên lưỡng cực đốc ra nhị nguyên bịt kín**: chọn một bỏ một theo kiểu biện chứng, ý hệ, không còn hợp với dịch lý kết hậu bằng quả vi tế, tức để trống đầu cuối cho nó mở sang cõi vô biên. Y như hội họa mà đi đến cùng kỳ cực phải như **Mã Viễn “vẽ bằng không vẽ”** tức biết phối hợp cảnh vật với quãng trống lúc ấy đóng vai vô biên. Chính sự hiện diện của quãng trống kể như một thực tại vô biên đó đem lại cho bức họa nét trầm hùng bi tráng không tìm thấy ở nền hội họa nào khác như René Grousset nói về bức họa “**chiếc thuyền câu trên ao thu**” của Mã Viễn “une des oeuvres les plus poignantes de la peinture de tous les temps” (La Chine et son art p.177, 186) vì nó cũng nằm trong một nền triết lý của quả “Vi tế” tức của cái trống, cột trụ của Trống quân. “

III.- Địa vực lễ lạ: Nguồn gốc văn minh

(Triết lý cái Đình: Kim Định)

Ba cái Tết: Ba cái Lễ sống

“Điều đặc chú trong chương này là địa vực một số lễ được coi như ấn tích của tác giả văn minh. Nếu văn minh là nông nghiệp mà nội dung các Lễ cũng là nông nghiệp thì ở đâu mừng lễ đó tức đây là chủ khởi sáng ra nền văn minh. Tính chất các Lễ nông nghiệp là đi sát thiên nhiên như mùa gặt mùa cấy, hoặc những hiện tượng thiên nhiên như ngày Trung thu mừng mặt trời vào cung Ngọ. Nói chung là các Lễ này hướng nhiều đến sự sống, và gọi là Tết:

Tết Nguyên đán

Tết Đoan ngo

Tết Trung thu.

Có lẽ ý nghĩa chữ Tết là một lối đọc chữ Tiết, hiểu là Tiết nhíp uyên nguyên mà mọi tác động đều nhíp theo thì mới đạt cảnh thái hòa “**phát nhi giai trúng Tiết vị chi hòa**” (D.T). Theo Tiết là những nhíp sống cao độ mà mọi cơ năng đều cố vươn lên cực điểm để cùng nhíp theo với tiết điệu thiên nhiên. Vì thế mà có những cuộc vui, tung búng ăn uống đình đám kèm theo nói lên sự sống tràn ngập. Văn minh nông nghiệp đặt nền trên sinh sinh nên chú ý nhiều về sống hơn về chết như Lễ Thanh minh, Lễ các Vong hồn là những Lễ không được chú ý lắm và phần nhiều mang nặng ảnh hưởng Phật giáo. Chúng ta chú ý đến ba cái Tết (Lễ sống). Tìm hiểu nơi phát xuất của cái Tết với những biến dạng của nó xuyên qua các đời và hiện nay còn những dấu giữ nhiều nhất v.v□ thì đây là việc dài hơi của một nhóm nghiên cứu và thuộc về văn học xã hội hay cổ tục học. Ở đây chúng tôi không bàn kỹ về các lễ mà chỉ nhằm ghi lại ít nét thuộc địa vực phát xuất hoặc duy trì. (1)

(1) Trong việc này chúng tôi có nhờ đến tài liệu của một số học giả trong đó phải kể tới quyển Chinese Festivals của giáo sư Wolfram Eberhard (Henry Schuman 1952 N.Y). Tác giả đã tốt nghiệp về triết học, xã hội và Nho học năm 1931. Năm 1933 được hội Baessler cấp học bổng cho sang Tàu nghiên cứu về cổ tục học nước này. Luôn thể ông có dạy Đại học Bắc Kinh cũng như Bắc Bình. Nhờ nghiên cứu tại chỗ nên sách của ông là những tài liệu đáng tin cậy có thể dùng làm tiêu điểm đầu tiên cho những ai muốn đi sâu vào đề tài.”

1.- Tết Nguyên đán

“ Trước hết là Tết. **Cái Tết của ta rất lớn lao như chưa có đâu ăn Tết trọng thể bằng:** kéo dài đến cả hai tháng. Tháng Chạp sửa soạn còn tháng Giêng thì ăn Tết ở nhà và tới nay tuy đời sống bắt phải giản lược nó vào những chiều kích bé nhỏ, nhưng so với các nơi khác Tết vẫn còn to hơn, lâu hơn nhiều lắm. Có một điếm mới xuất hiện là bên Tàu, Đài Loan, Nhật đã bãi bỏ Tết để ăn Tết Tây, trái lại bên Việt Nam mặc dù ở vào tình trạng thuộc địa thì lẽ ra phải bỏ Tết trước hết, vậy mà vẫn giữ Tết thì có nên xem đó như một dấu chỉ ngầm rằng xưa kia Tổ tiên Việt đã đặt ra cái Tết? Đây chỉ là một sự gợi ý mời các nhà nghiên cứu về sau, ở đây chúng tôi chỉ tìm hiểu ít nhiều nét riêng biệt của ba ngày Tết.

a.- Gia đình tính

Điều nhận xét đầu tiên nằm trong chữ “ **tháng Giêng ăn Tết ở nhà** “.

Đây là nét đặc trưng, bởi vì Tết là Lễ trọng thể nhất cũng như lâu dài nhất trong năm mà lại không mừng ở Đền Chùa cũng như không ở những công sở mà lại mừng ngay ở nhà thì điều đó biểu lộ gia đình là nền móng của xã hội, mà **không có gì khác thay thế được kể cả Tôn giáo lẫn Chính quyền.** Về phía chính quyền thì đã có mấy Lễ chung rồi như hai Lễ “ tế Đế, tế Thường “ hay một hai kỷ niệm gì đó gọi là Quốc khánh thì nói chung dân vẫn tỏ ra hồ hững, họ để chú ý vào đó may ra được một phần mười, còn tất cả dốc trọn vào cái Tết phần lớn nằm trong khuôn khổ gia đình.

Vì thế những chế độ ghét gia đình như cộng sản đều cố gắng quốc gia hóa cái Tết như thí dụ cho nghỉ ngày mồng một còn mồng hai thì dân phải thi đua trồng cây cho nhà nước. Đó là dùng võ lực để tước đoạt gia đình. Phía các tôn giáo cũng có tính cách kéo Tết ra khỏi gia đình ít là một phần. Không thành công vì chỉ có thể kéo ra khỏi gia đình để đem đến chỗ tinh thần hơn. Nhưng theo quan niệm Việt Nho thì tinh thần đã lại nằm sẵn ngay trong nhà rồi nên không có gì hơn mà phải ra ngoài nếu có ra chẳng thì cũng là rất chóng vánh: đi lạy Phật, hay hái xăm một lát rồi về “ ăn Tết ở nhà “.

b.-Táo quân

Điều biểu lộ tinh thần gia đình thứ hai là tục Táo quân. Ngày 23 tháng Chạp ông Táo về trời lập bộ về các việc đã xảy ra trong năm qua có liên hệ đến nước đến gia đình. Đây là một Tục Lệ coi có vẻ dị đoan nhưng biểu lộ niềm tin vào Hoàng Thiên Thượng Đế của các dân Viễn Đông. Đêm 23 tháng chạp các gia đình thường tiễn ông Táo một bữa cơm thịnh soạn những món ăn toàn là đồ ngọt, cốt để cho khi lập bộ ông dùng những lời lẽ ngọt ngào. Vì thế mâm chất bánh ngọt, mật, lại thêm một xị mật ong để bôi mép ông Táo! Lễ này do các ông phụ trách, còn các bà lo bếp núc không tham dự. Nhân dịp này ông Eberhard nhận xét về **mối liên hệ giữa Người và Thần trong xã hội Viễn Đông.** Tuy Thần có quyền phép hơn nhưng đó chỉ là sự khác về cấp bậc, chứ không về giống loại. Thần cũng chỉ là những công chức, một thứ quan lại, coi một việc nào đó mà nếu không chu toàn nhiệm vụ thì phải đổi đi. Thí dụ khi trời đại hạn dân đã cúng tế dâng hoàng mà thần vẫn không chịu làm mưa thì rất có thể tượng thần sẽ bị đem ra phơi nắng để ném mùi đại hạn là gì. Cũng có thể bị quăng vào đồng rác, rồi dân làng viết đơn lên Thượng Đế xin sai xuống một ông thần khác đắc lực hơn. Học giả Eberhard thêm rằng: tuy người Âu Tây chúng ta coi là buồn cười nhưng **theo các nhà tâm lý thì lối quan niệm bình đẳng với thần thánh kiểu này không gây ra cảm tình tội lỗi hay ý niệm bị lệ thuộc quá đáng vào quyền năng thần thánh, đó là điều có sức cứu gỡ tâm hồn khỏi nhiều sự căng thẳng thần kinh do sự dồn nén, sợ sệt thần thánh, nên giúp cho con người cảm thức được quyền hạn riêng của mình.**

Tuy biết mình là một vật nhỏ không có nhiều quyền năng nhưng có một số quyền lợi bất khả sang nhượng, và hai bên đều có ăn sang ăn giả chứ không một chiều như bên Âu (Festivals 22).

Đối với Tục Lệ Táo quân ta có thể coi như việc thanh toán sổ sách trong năm sắp qua đang có thể bước vào năm mới với tâm hồn thanh thản.

c.- Tổ tiên

Ngày mồng một đầu năm là ngày trọng đại hơn cả, cũng là ngày nói lên tính chất gia đình đầy đủ hơn hết vì đây không còn phải là gia đình nhỏ hẹp nữa nhưng là đại gia đình về ăn Tết, trước hết các **Tổ tiên** đã qua cũng được thỉnh về để cùng ăn Tết với con cháu. Còn về hàng ngang nghĩa là những người đang sống thì dù ở xa mấy mặc lòng trong mấy ngày Tết **gia đình cũng có tụ họp** để cùng chung vui. Bởi vậy có thể nói ngày mồng một Tết là tuyệt độ cao của đời sống gia đình trong đó mọi người đều được nhắc đến nhờ có **Tục Lệ đọc và ghi gia phả**. Ông Eberhard có nhận xét về việc ghi gia phả trong dịp này như sau: “ **Bất kỳ đứa con nào sinh ra dù là chết yểu cũng được ghi chú tên tuổi phần số** để lại các thế hệ về sau, nhờ đây ai nấy đều có một địa vị trong cái chuỗi dài bất tận của các thế hệ.”

Thật là một điều đáng suy nghĩ trước sự đổ vỡ của gia đình hiện nay, các nhà tâm lý nói đi nói lại rằng rất nhiều những khó khăn nội tâm của chúng ta như bệnh thần kinh là hậu quả những **cảm thức bất an ninh** cách sâu xa, bởi ngay từ trong những ngày bé bỏng đứa trẻ đã cảm thấy mình trợ trợ trên đời: **vì sống trong một nhóm tuy là gia đình nhưng thực chất chỉ là một đơn vị kinh tế. Trái lại ở đây ai nấy đều có một địa vị ngay từ lúc bé thơ và truyền lại mãi về sau. Nó vẫn là một phần trong công thể, mặc dù ngày mai có xảy ra sao đi nữa nó vẫn là một phần tử nên vẫn còn được tham dự trong buổi tiệc đầu năm này.** “;

“ Our psychologist tell us over and over that many of our inner difficulties, our neuroses, are the result of a deep-seated feeling of insecurity which begins in the early days of childhood when the child feel itself alone in this world, living in a group of people called “ family “ but representing no more than an economic unit. Here in this Chinese framework every member has his definite position. Has the security from the early day of his birth: each individual knows that he will have place in this record over his lifetime and in all future time. He is a member of a community, come what may, and will remain a member even after his death. He will take part, even then, in this sacrifice on New Year's.” (Festivals 43).

Tôi biên lại cả bản văn đề đọc giả có thể đọc trong chính văn cảm nghĩ của một tác giả ngoại quốc về tính chất gia đình của ngày tết, đang nhìn ra những điểm rất sâu xa nhưng vì chúng ta ở trong cuộc quá quen nên không nhận thấy được, nên cần nhớ đến những suy nghĩ của người ngoại quốc xem bằng con mắt lạ lẫm tra hỏi thì cũng là điều hay. “

d.- Múa Lân

“ **Trong các trò vui công cộng dịp Tết thì có tục múa Lân.** Trong lúc múa người ta vừa múa vừa ca những bài hát Phương Nam “ leader of the group sang the Southern song “ (Festivals 15). Tôi ghi điểm này vì coi là kiện chứng cho **tính chất phương Nam của ngày Tết, tức là chủ tịch thuộc Bách Việt rất ưa ca vũ.** Nhưng từ năm 200-100 t.c.n xảy ra một sự đứt khúc rõ rệt gây nên do sự thắng thế của Hán Nho tức một thứ Nho đã bị trộn quá nhiều chất Thanh giáo Bắc phương nên từ đây ca vũ bị trụt xuống dần cho tới độ “ **xương ca vô loài** “, và dân ca chỉ còn sống bám víu vào một số lễ lạy mà thôi. Bởi vậy cần phải có con mắt tinh tế nhìn những cái bé nhỏ để tìm ra dấu vết của nguồn gốc chúng ta.”

2.- Đoan Ngọ

“ Tết Đoan Ngọ đã được bàn tới trong **Việt Lý bài Âu Cơ tuý**, ở đây chỉ ghi nhận thêm ít điểm minh chứng đó là Tết của Việt tộc. Điểm trước hết thuộc **màu dùng trong Tết này là sắc Đỏ** để chỉ sự sáng nóng, mặt trời, mùa hạ, sự sống, vì thế đây là Lễ Sóng thứ hai gọi là Lễ “ cầu may “ hay Lễ của sự sống thuộc phương Nam “ double fifth is a Southern festival, lucky festival or festival of the Living” . (Festivals 70-71).

Vì thế Tết này ít có ở phía Bắc, ngược lại được mừng trọng thể ở phía Nam nước Tàu, tức trong miền của Bắc Việt. Một trong những trò vui của Tết là cuộc **đua thuyền** trong đó có hai dấu nói lên tính chất phương Nam: một là **mỗi thuyền gồm 50 người**. Con số 5 vừa nói lên ngày mùng 5 tháng 5 mà đồng thời cũng nói đến “ **50 con theo mẹ lên núi, 50 con theo cha xuống biển**” .

Thứ hai là **dùng công để đánh hiệu đua thuyền. Công đi với bà nên là dấu chỉ thuộc Viêm Việt**. Tuy nhiên những yếu tố này dễ mất ý thức nên sau lẫn lộn. Nhất là vì Tết này bị vương triều cầm đoán ít ra hạn chế thí dụ việc đua thuyền, vì khi đua thuyền người ta **hát những bài của Khuất Nguyên rất dễ gọi lòng ái quốc**, nhưng còn vì một tục lệ nguy hiểm cho tính mạng Hán tộc. Không hiểu tục thi bơi thuyền có từ lúc nào, nhưng về sau nó kéo theo sự kỷ niệm **Khuất Nguyên là người Nam Man thuộc nhóm Thái hoặc Dao tức Bách Việt (Festivals 75)** vì không được vương triều **thâu nhận những bản điều trần mà tự vẫn**, thì đây là một mối thù của dân gian đối với vương triều của Hán tộc, và vì thế có tục bắt một người Hán để đến ngày đua thuyền thì tế dâng báo thù cho Khuất Nguyên. Đây là tục lệ nguy hiểm cho Hán tộc nhất là những người có bộ râu dài đẹp.

Dân Nam Man bắt người có họ đưa về nuôi nấng đàn hoàng để đến ngày trùng ngũ đưa ra dim sông tế Khuất Nguyên. Về sau vì có nhiều biến đổi, nhiều hiện tượng dị đoan len lỏi vào như việc thả cơm cháo xuống nuôi hồn Khuất Nguyên v.v□ (Festivals 76). Nhưng ý tưởng cầu mưa để dâng mùa màng phong đăng luôn đi kèm Lễ, nên ta vẫn có thể nhìn ra được gốc gác của nó thuộc nông nghiệp và từ phương Nam phát xuất.”

3.- Trung Thu

“ Trung Thu là **Tết Sóng thứ ba hoàn toàn có tính cách đàn bà**. Trước hết đây là Lễ đặc biệt thuộc mặt Trăng. Vì thế **không mừng đúng vào ngày Thu phân là 21 tháng 9 dương lịch, mà lại mừng vào ngày 15 tháng 8, thường là cuối tháng 9**. Cứ kể ra thì Lễ nào cũng gọi được là thuộc mặt Trăng vì theo lịch Viễn Đông thì tháng tính theo mặt Trăng biểu thị nguyên lý Mẹ. Nhưng Lễ này còn có thêm hai nét nữa nói lên nguyên lý Mẹ là mừng về Đêm, nên **có tính chất “ lãng mạn “ nhất** (it is undoubtedly the most romantic. Festivals 79). Hai nữa là việc **Tế Tụ thì do các Bà chủ sự**. Tại sao lại thuộc các Bà? Lý do sâu xa là vì **mùa gặt là công các Bà**. Thời sơ nguyên đàn ông đi săn, đàn bà ở nhà nghĩ ra việc gieo, mà đã gieo thì rồi có gặt, cho nên mọi Tết đều có tính chất Mẹ hơn Cha. Nhưng vì hậu quả của gặt kéo dài hơn nên có lẽ vì vậy mà Tết Trung Thu là một Tết mừng mùa gặt, mùa tích trữ (thu tàng) thóc lúa nơi ruộng các Bà, nên là lễ thuộc các Bà hơn và vì thế cũng **phát xuất bởi vùng Viêm Việt nhất là Phúc Kiến**, theo như các sách cổ nói: old texts tell us that the midautum festival originated in Fukien Province. (Festivals 100). Không hiểu vì từ lúc nào đó thì có một Lễ khác gọi là **Lễ Trùng cửu**, tuy sau này sáp nhập với Tết Trung Thu nhưng ban đầu là hai Tết khác nhau. Tết Trung Thu hoàn toàn vui vẻ còn Trùng cửu thì có mang sắc thái lo âu, xem ra là riêng của dân Việt một dân có nhiều điểm giống với các dân Thái. The festival of “ Double Nine “ belonged to an East Chinese ethnic group, the Yueh. These Yueh were in many respects similar to the Tai. (Festivals 111) Có lẽ vì sự bành trướng của du mục Bắc Phương nên nhiều lần Viêm Việt phải bỏ tất cả để tháo

chạy nên Lễ Trùng cử tỏ ý lo âu chẳng. Ngoài những lý lẽ trên thì ta còn thêm được một **chiều kích siêu hình của Tết Trung Thu**, tức là sự trùng hợp với các số Lạc Thư mà Lạc Thư biểu thị một nền triết đạt quan như đã trình bày trong quyển Dịch Kinh Linh Thể (bài cuối). Thế mà Lạc Thư có những con số hợp với Tết Trung Thu.

Vì Lạc Thư gồm 8 lô với một Trung cung, và cộng chiều nào cũng được 15, như vậy là có sự trùng hợp với ý cùng của Tết là ăn mừng mùa màng thu gặt thì Lạc Thư cũng là triết đạt quan thâm thái, vì là biểu hiện nguyên lý Mẹ đối với nhà Hà Đồ biểu hiện nguyên lý Cha. “

IV.- Quốc túy Quốc hồn xuyên qua tục ăn Tết

(Pho tượng đẹp nhất của Việt tộc: Kim Định)

1.- Định nghĩa về Quốc Hồn và Quốc Túy

“ **Quốc hồn là cái Hồn thiêng của đất nước, cái Tinh hoa văn hóa dân tộc, ta có thể gọi bằng tiếng mới là cái triết lý của Tiên Tổ chúng ta. Quốc túy trái lại là cái gì Vật chất thường gắn liền với ăn với uống, có tính cách tinh vi, có khả năng làm cho say, say túy lúy như quen nói về thuốc lào, rượu đế, một số món ăn đặc biệt tinh xảo.**

Hai điểm trên nêu đề rồi thì nói được là đâu cũng có cách nọ hoặc cách kia, nhưng khi đem hai cặp thành ngữ đó ghép vào nhau thì đây là một nét đặc trưng nghĩa là không đâu có.

Nét đặc trưng nói lên hai điều:

2.- Đạo được đặt vào truyện thường nhật

Thứ nhất là đặt Đạo vào ngay những truyện thường nhật như ăn uống là điều khác với nhiều nơi, thí dụ Tây Âu và Hy Lạp thì họ đặt trên lý giới rất xa cõi người ta: ăn ra ăn, triết ra triết. Họ nói ăn đã rồi mới triết lý sau: prius manducare deinde philosophari. Với ta thì ăn đã là triết. **Triết ngay trong việc ăn.**

3.- Con Người chủ động trong việc Đạo

Điểm hai là nói lên tác động con người, chính con người giữ một vai chủ động ngay từ trong việc Đạo, việc linh thiêng. Đó là điều đặc biệt của triết lý Nhân chủ vốn **đề cao tác động con Người, đưa lên tới bậc ngang hàng cùng Trời Đất như bánh Dầy chỉ Trời chỉ Đạo đó là Quốc Hồn, bánh Chung chi đất là Quốc Túy: còn phần việc của con người là Ăn.**

Nếu ta để tâm suy nghĩ sẽ thấy việc của con người cao cả xiết bao: đó là ăn Trời ăn Đất, hoặc nói theo Kinh Dịch là vui với Trời, ăn với Đất (**lạc hồ Thiên, thực hồ Địa**).

4.- Cái Ăn: khung của Đạo lý

a.- Bề ngoài của cái Ăn với cái Nhai No, Say

Chính vì nét đặc trưng đó mà tiếng Việt có những cặp danh từ kỳ lạ như **ăn học, ăn chơi, ăn nói, ăn làm, ăn hỏi, ăn cưới, ăn lời, nếu không thì ăn đòn** v.v, **tức là ăn đi với những việc không phải ăn.** Vậy thì tiếng ăn ở đây nó như cái khung của Đạo lý: thay vì nói phương pháp tôn chỉ của học của chơi thì ta nói ăn học, ăn chơi. Là vì Đạo lý nào muốn có thực chất thì phải tiêu hóa, nên **sau mỗi cái ăn đều có một Đạo lý**, thường được biểu lộ bằng một câu truyện và những âm vang như Tục ngữ Thói tục. Thí dụ cụ thể là **ăn Trầu**. Ăn Trầu là một lối ăn riêng biệt rất công phu, kéo dài gọi là nhai. Nhai thì Mỹ cũng có, Mỹ Việt đều nhai: Mỹ nhai chewing gum, Việt nhai Trầu. Nhưng đằng sau cái nhai của Mỹ không còn gì ngoại giả cao su. Ngược lại với miếng

Trầu thì đằng sau còn lăm điều hay. **Điều thứ nhất là có Say: có tuý lúy, có đồ mặt và nóng ran người. Điều hay thứ hai là có truyện Trầu Cau.**

Đây là truyện hay ở chỗ biểu thị cao sâu của nó, cây cau mọc thẳng lên tượng Trời, hòn đá vôi nằm ngang dưới gốc tượng Đất, còn Người là cô gái trở thành cây leo quấn quýt lấy cả hai cây và đá. Vì

đó có bản gọi tên cô là **Liên tức đóng vai liên lạc giữa Trời cùng Đất.** Quốc tuý được biểu thị bằng nhai đi nhai lại cho **Trầu Cau hòa hợp vào nhau để sinh ra một chất mới là nước Trầu đỏ thắm**

để chỉ Quốc Hồn Quốc Tuý hòa hợp và như vậy rất tiện để chỉ việc hôn phối giữa Nam Nữ, hầu sinh ra con cái nối dòng, do vậy mà miếng Trầu trở nên đầu câu truyện với vô số phong dao tục ngữ đi kèm:

Trầu bọc khăn trắng cau tươi
Trầu bọc khăn trắng đũa người xinh xinh
Ăn cho nó thỏa tâm tình (tuý đầy)
Ăn cho nó thỏa sự mình với ta (hồn đầy).
Trầu này trầu quế trầu hồi
Trầu loan trầu phượng trầu tôi trầu mình.
Trầu này trầu tính trầu tình,
Trầu nhân trầu nghĩa trầu mình lấy ta.
Trầu này tằm tối hôm qua,
Trầu cha trầu mẹ đem ra cho chàng.
Trầu này không phải trầu hàng,
Không bùa không thuốc sao chàng không ăn?
Hay là chê khó chê khăn,
Xin chàng đứng lại mà ăn miếng trầu.

Còn biết bao nhiêu nữa nhưng vậy tạm đủ để thấy **sự dị biệt giữa cái nhai của Mỹ và cái nhai của tiền nhân** ta. Nhai chewing gum thì chỉ có nhai đằng sau không còn gì; còn **nhai Trầu thì đằng sau có câu truyện Trầu Cau đầy ứ ý nghĩa với vô số cái ăn đằng sau: ăn hỏi, ăn cưới, rồi ăn ở, ăn nằm....**

Sau ăn Trầu thì nói đến ăn Tết ta còn thấy sự dị biệt lớn lao hơn nhiều. Trước hết **Tây đâu có nói ăn Tết, họ nói celebrate gì đó, nghĩa là mừng.** Thí dụ Tết Tây chỉ có một ngày là hết, hôm sau là chằm tròn đi job. Tết ta thì có đến ba ngày, ta quen nói “ba (3) ngày Tết“, đã vậy đó chỉ là chính cốt chứ phải kể cả sửa soạn và cái đuôi thì cả hàng tháng. Đến nỗi phong dao có câu:

Tháng giêng ăn tết ở nhà
Tháng hai cờ bạc, tháng Ba hội hè

b.- Bề trong: Tiết nhịp Hòa giữa 3 cõi: Thiên, Địa, Nhân

Đây là cái khác nhau bên ngoài, bây giờ tìm vào đến nội dung ta mới thấy một sự khác biệt sâu xa lạ lùng. **Ta thấy Tết chính là Tiết, tức là Tiết nhịp hòa âm thống nhất. Thống nhất chi? Thừa là Trời Đất Người, cả ba phải hòa nhịp. Vì thế mà Tết phải có ba (3) ngày và cả ba đều là căn bản, vì thiếu ba thì làm sao có hòa hợp, có thống nhất. Trời quá cao Đất quá thấp, phải có Người làm trung gian mới có Thái hòa.**

***Nền tảng triết lý trung thực mưu hạnh phúc cho con Người**

Rồi để cho sự thống nhất có nội dung trung thực thì Tết phải mừng vào lúc Trời hết lạnh, lúc Đất nở hoa lá, con Người có thể ra đồng trồng gieo.

* Mừng Tết trong khung cảnh Thái hòa

Vậy nên đó phải là mùa Xuân lúc khí trời ấm áp, thảo mộc nảy mầm lá hoa, người có thể đi ra để **khởi đầu quá trình gieo gặt. Đó là một cảnh Thái hòa** được diễn cách cụ thể trong mùa Xuân. Ta quen nói: “ Ngày xuân con én đưa thoi “ là vậy. Phải là mùa Xuân én mới đưa thoi được chứ ngày Đông mà rở thoi ra thì teo gập, còn đầu nũa mà đưa, mà thoi không đưa thì làm gì có hòa hợp.

Tết Tây không bao hàm triết nên họ đặt Tết vào lúc thịnh đông: lúc trời rét căm căm, đất đầy tuyết, người phải rúc trong nhà. **Như vậy là chỉ nghĩ đến Trời mà không kể đến Đất đến Người, nên Tết chỉ có một ngày, nếu nói gặt thì Tây chỉ có một ngày đầu năm mà không có Tết.**

Vì Tết là Tiết là Nhịp mà có nhịp với ai đâu: độc tấu à, chỉ có Trời độc tấu. Đất với Người không tham dự, làm sao mà có truyện Tết như ta.

* * Lang Liêu sắm món ăn Thái hòa cho cả 3 cõi

Truyện Tết kể rằng **vua Hùng Vương thứ ba** muốn truyền ngôi cho con, nhưng không truyền cho bất cứ con nào mà phải là con có Tài có Đức, vậy để tìm ra người đó thì vua đặt ra cuộc thi gia chánh kỳ lạ: hễ con nào làm được món ăn vừa ý vua hơn cả thì sẽ truyền ngôi cho. Các con vua liền bỏ đi khắp ngả để tìm của ngon vật lạ người lên rừng, kẻ xuống bể, kẻ đi đông người sang tây đưa về thoi thì đủ thứ: sơn nhung, hải vị, giò lụa, nem công, chả phượng, chả quế, hot dog, hamburger không thiếu thứ gì. Trong khi đó công tử **thứ 9 tên là Lang Liêu** nhà nghèo không có phương tiện chuyên chở nên chẳng tìm ra được cái gì xa lạ, nên buồn rầu cả đêm trằn trọc mất ngủ. May thay đang lúc bối rối thì có thần hiện đến mách nước rằng khỏi đi đâu xa xôi hãy xuống ngay bếp lấy gạo nếp ra làm một bánh Vuông, và một bánh Tròn, rồi chồng lên nhau mà dâng vua cha. Lang Liêu liền làm theo đó. Đến ngày thi thì được vua cha chấm nhất với ưu hạng khen rằng ăn không những đã ngon mà ý nghĩa thì hàm súc vô cùng, vì **bánh chung vuông chỉ Đất, bánh dầy tròn chỉ Trời. Vậy đó là Đạo người rồi còn chi, vì người được định nghĩa là “ nhân giả kỳ thiên địa chi đức “** mà.

Thực là không thể sâu xa hơn được nữa. Thế là vua truyền ngôi cho Lang Liêu và cải hiệu là Tiết Liêu nghĩa là biết lo liệu cho cuộc sống hợp với tiết trời cùng đất. Và từ đây thì gọi ngày đầu Xuân là Tết và cũng từ đây hễ đến Tết thì tiên Tổ ta gói bánh Dầy bánh Chung với đạo Trời đạo Đất.

** Tết: Nghi Lễ làm Hoà giữa Người với Người

Đây là câu truyện Tết còn âm vang của câu truyện là sự Thái hòa trước là giữa Trời, Người với Đất sau là giữa Người với Người. Về Trời với Đất thì có những nghi lễ nhớ Trời Đất như múa Lân, Trời thì có Rồng với ông Địa đi kèm. □ Còn với Người thì kỹ hơn. Với thế hệ đã qua thì có lễ Gia tiên, với những nghi thức tưởng nhớ đến Ông Bà. Với Người đang sống thì thăm hỏi quà cáp, những người họ hàng ở xa cũng cố trở về quê hương ăn Tết để gặp lại và thăm hỏi bà con.

** Chế độ Bình sản: nền tảng Tự do cho mọi Người

Ấy là chưa kể đến thể chế Bình sản, xóa bỏ sự phân chia giai cấp giữa kẻ Có với người Không, giữa Chủ với Nô, để ai ai cũng là người Tự do, và nếu vì kẻ sinh nhai cả năm vất vả

thì nhờ vào “ ba ngày Tết “ mà nghỉ ngơi ít bữa để có dịp ngửa mặt nhìn Trời, cúi xuống nhìn Đất tức sống an vui trong mấy ngày: tạm xếp sang bên mọi bận rộn, lo âu thường nhật để lòng phơi phới vui Xuân: vì thế ngày Tết không ai dám đòi nợ, hay trách mắng, trái lại ai nấy cố vui tươi mời gọi, chào đón, đi đâu cũng có ăn với những nét mặt hân hoan cười nói làm ta dễ cảm tưởng đó là quang cảnh lân bang với bông lai tiên cảnh, vì là lúc người nghèo tới đâu cũng được hưởng cảnh dư dật phong nhiều tràn ngập của ngon vật lạ. Đó lẽ ra phải là cuộc sống thường xuyên của con người nghĩa là con người lẽ ra phải được sống thành thoi như những con chim, làm ít chơi nhiều, tung tăng với ca xướng và vũ điệu như được ghi tạc trên mặt tròng đồng Ngọc Lũ.

Chính đó là lý tưởng của triết lý an vi, một nền triết nhằm hạnh phúc của mọi người như lý tưởng, như là cứu cánh.

*** * Tết: một ấn tượng tươi vui phần khởi và trẻ trung**

Và quả thực trong dĩ vãng lý tưởng đã hiện thực được phần nào tuy còn xa mới hoàn bị, nhưng so với những nơi khác thì quả không hổ mặt xung là nước có văn hiến sống theo lý tưởng **Tết là hoà hợp giữa Trời, Đất, Người**. Tuy vì trình độ lúc xưa chưa có cơ khí, cũng như vì nhiều lý do phức tạp con người chưa đạt được cảnh an vui thịnh vượng như ý, thì ít ra mỗi năm để ra ít ngày và tạo điều kiện để mọi người có thể sống lối sống lý tưởng nọ ít nhất trong ba ngày, rồi sau đó cố kéo dài ra được đến đâu thì đến, bằng các cuộc hội hè, đình đám, chơi xuân...

Đây là lý do giải nghĩa tại sao Tết đã in sâu vào tâm thức người Việt một ấn tượng tươi vui phần khởi đầy tung bừng trẻ trung đến nỗi thiếu Tết nó làm cho ta cảm thấy mất mát một cái

gì quá ư trầm trọng, mà trầm trọng thật, vì nó là dấu mất một nền triết lý ơn ích hơn hết cho con người mà Việt tộc có cái may đã sáng tạo và duy trì được trên bốn ngàn năm.

**** Ba ngày Tết: triết lý xây trên chữ Thời**

Đang khi các nơi chỉ có triết lý một chiều bất động gây nên các thứ độc quyền, độc chiếm, độc chuyên, đã không giúp cho đời được an vui thì chớ, mà nếu chẳng may nó cướp được chính quyền thì gieo rắc đau thương trầm thống khôn cùng, như dân nước ta hiện đang là nạn nhân cực kỳ khốn đốn. Đó là trái đấng của triết lý xây trên không gian bất động với cái Tết chỉ có một ngày, trái ngược hẳn với triết Việt xây trên chữ Thời rất uyển chuyển vì làm bằng tiết, nhịp, hợp hòa, thống nhất để giúp gây được nhiều hạnh phúc như nước ta trong hơn bốn ngàn năm qua đã nhiều lần được hưởng.

Đành rằng so với đời sống hiện nay được nâng đỡ do khoa học kỹ thuật: đâu đâu cũng đầy xe hơi nhà lầu với tiện nghi tràn ngập thì đời sống thôn quê ta xưa thấp hơn nhiều lắm. Thế nhưng biết bao người đi tản vẫn nuôi tiếc cuộc sống bên nhà là vì **hạnh phúc con người chỉ lệ thuộc vào tiện nghi có 2 phần 5, còn 3 phần nữa ở tại lối sắp đặt, ở tại môi sinh tinh thần, ở tại tâm hồn thành thoi**: không có tủ lạnh nhưng gà vẫn chạy quanh vườn, cá vẫn lội dưới ao, lúc hứng lên muốn nhậu là chạy ủa ra rãnh bắt ít con tôm, hái thêm mớ rau mớ lá, lôi ra vài xị đế nữa, thế là một cuộc nhậu khởi đầu bất tận, nhiều khi có sáu câu vọng cổ mùi giúp vui hay dăm ba ván cờ tướng! Khỏi lo mất job với đụng xe. Đây không phải bản rập của cuộc sống trên “ bông lai tiên cảnh “ hay sao? Thế mà không phải chỉ có trong huyền thoại nhưng đã thấp thoáng xuất hiện nhiều lần trong trình sử của nước ta.

***.- Có ăn Tết thực sự mới nuôi dưỡng được ý chí phục Việt kiến quốc**

Đó là công hiệu của một nền triết lý trung thực hơn hết cho con Người mà “ ba ngày Tết “ là một bản tóm sinh động. Như vậy quả là đáng cho chúng ta nâng niu gìn giữ như một gia sản thiêng liêng để mà truyền dòng nối dõi. Chúng ta cần phải nghiên cứu học hỏi để duy trì lấy nền văn hóa ơn ích nọ trong các đoàn thể người Việt hải ngoại, cũng như để nuôi dưỡng cho ngày thêm vững mạnh ý chí phục Việt kiến quốc, mong một ngày nào đó không còn phải kỷ niệm Tết, nói về Tết nhưng là “ ăn Tết ” với sự tham gia của mọi giác quan trên chính quê nước khi đã tìm lại được tự do hạnh phúc như xưa.”

(6). THE LIVING CONSTITUTION

Creating America A history of the United States Mc Dougal littell California Edition. The Framers of the Constitution created a flexible plan for Governing the United States far into the future. They also described ways to allow changes in the Constitution. For over 200 years, the Constitution has guided the American people. It remains a “ living document “ . The Constitution still thrives, in part, because it echoes the principles the delegates valued. Each generation of Americans renews the meaning of the Constitution’s timeless ideas. These pages show you some ways in which the Constitution has shaped events in American history.

SEVEN PRINCIPLES OF THE CONSTITUTION

The Framers of the Constitution contracted a new system of Government. Seven principles supported their efforts. To picture how these principle work, imagine seven building blocks. Together they form the foundation of the United States Constitution. In the pages that follow you will find the definitions and main ideas of the priciples shown below:

UNITED STATES CONSTITUTION

- I.-Republicanism
- II.- Separation of power
- III.- Limited Government
- IV.-Popular sovereignty
- V.-Federalism
- VI.-Check & Balances
- VII.-Individual Rights.

I.- Popular Sovereignty

Who gives the Government its power? “ We the people of the United States. . . establish this Constitution for the United States of America. These words from the Preamble, or introduction, to the Constitution clearly spell out the source of the Government’s power. The American form of government comes from a school of political thought called classical liberalism, which emphasized freedom, democracy, and the importance of the individuals. The Constutions rest on the idea of popular sovereignty.

II.- Republicanism

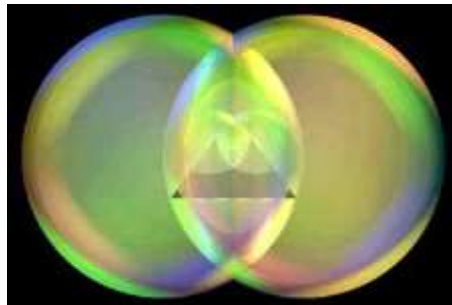
How are people’s views Represented in Government? The Framers of the Constitution wanted the people to have a voice in Government. The Framers also feared that public opinion might stand in a way of sound decision making. To solve this problems, they looked to republicanism as a model of Government. Republicanism is based on the belief: The people exercise theis

power by voting for their political representatives. According to the Framers, these lawmakers played the key role in making a republican government work. Article 4, Section 4, of the Constitution also calls for every State to have a “ republican form of Government “ . Civic Republicanism is the idea that citizens stay informed about politics and participate in the process, (In the republican government, voting citizens make their voice heard at the polls. The power of the ballot prompts candidates to listen to people’s concerns) .

III.- Federalism

How is Power Shared ?

The Framers wanted the states and the nation to become partners in governing. To build cooperation, the Framers turned to Federalism. Federalism is a system of government in which power is divided between a central government and a smaller political units, such as states. In the early years of the United States, Federalism was closely related to dual sovereignty, the idea that the powers of the federal government and the states were clearly defined, and each had exclusive power over their own spheres with little overlap. This view of federalism led to states’ rights conflicts, which were contributing factors in the Civil War. The Framers used Federalism to structure the Constitution. The Constitution assigns certain power to the national government. These are delegated powers .Powers kept by the states are reserved powers. Powers shared or exercised by national and state governments are known as concurrent powers Federalism .



I. Powers delegated

to the national Government.

III. Shared Powers

(Concurrent)

II. Powers reserved to the national

for the State Governments Powers

The overlapping spheres of power bind the American people together.

IV.- Separation of Powers

How is Power divided?

The Framers were concerned that too much power might fall into the hand off a single group. To avoid this problem, they built the idea of Separation of Powers into the Constitution. This principle means the division of basic roles into branches. No one branch is given all the power. Articles 1, 2 and 3 of the Constitution detail how powers are split among the three branches.

Separation of Powers

United States Constitution

Article 1

Article 2

Article 3

Legislative branch

Executive branch

Judicial branch

Congress make the laws

President enforce the laws

Supreme court interpret the laws

California standards 8.27

Describe the principle of federalism, dual sovereignty separation of powers, check and balances, the nature and purpose of majority rule, and the way in which the American idea of constitutionalism preserves individual rights .

V.- Checks and Balances

How is Power evenly distributed?

Executive Branch (E.B.)

(President)

E.B. Checks on Court ✓ **L.B.** Checks on President

J.B. Checks on President. ↗ CHECKS & **E.B** ↘ Check on Congress

BALANCES

Judicial Branch (J.B.) (L.B.) **Legislative branch**

(Supreme court) (Congress)

J.B. Check on Congress ⇄ **L.B.** Checks on Court.

“ Baron de Montesquieu, an 18th – century French thinker wrote, “ Power should be a check to power ”. Comment refers to the principle of checks and Balances. Each branch of government can exercise checks, or controls, over the other branches. Though the branches of government are separate, they rely on one another to perform the work of government. The Framers included a system of checks and balances in the Constitution to help make sure the branches work together fairly. For example, only Congress can pass laws. Yet the President can check this power by refusing to sign a law into action. In turn, The Supreme Court can declare that a law, passed by Congress, and signed by the President. violates the Constitution. “.

VI.-Limited Government

How is Abuse of Power Prevented? “ The Framers restricted the power of government. Article 1, Section 9, of the Constitution list the power denied to the Congress. Article 1, Section 10 forbids the States to State certain actions. The principle of limited government is also closely related to the “ rule of law “ In the American government everyone, citizens and powerful leaders alike, must obey the law. Individuals or groups cannot twist or bypass the law to serve their own interests “ of Rights. The Bills of Rights guarantees certain individual Rights, or personal liberties and privileges. For example, government can not control what people write or say.

VII.- Individual Right

How are personal Freedom Protected? “ The first ten amendments to the Constitution shield people from an overly powerful government. These amendments are called the Bill ople also have the Right to meet peacefully and ask the government to correct a problem Later amendments to the Constitution also advanced the cause of individual rights.

“ **Chú thích:** *Popular sovereignty, Limited government: Dem tinh thần Dân chủ vào nền tảng của các Cơ chế Xã hội.*

Republicanism, Federalism: Thể hiện tinh thần Cộng hoà vào các Cơ chế xã hội. Separation of power, Checks and Balances, Individual Right: Phân công trách nhiệm để thực hiện mối liên hệ cơ thể một cách quân bình trong các Cơ chế Quốc gia bằng cách kiểm soát nhau hầu bảo vệ Nhân và Dân quyền mà mưu phúc lợi cho toàn dân.

THE CONSTITUTION OF THE UNITED STATES

Preamble. Purpose of the Constitution

“ We the people of the United States, in order to form a more perfect Union, establish justice, insure domestic tranquility, provide for the common defence, promote general Welfare, and secure the blessings of liberty to ourselves and our posterity, do ordain and establish this Constitution for the United States of America.

A closer look Goals of the Preamble

Form a more Perfect Union

Create a nation in which States work together

- * US postal system
- * US coin, paper money

Establish justice

Make law and set up court that are fair

- * Court system
- * Jury system

Insure domestic Tranquility

Keep peace within

- * National guard Tranquility the country
- * Federal Marshals

Provide for the Safeguard the country

- * Army Common defense against attack
- * Navy

Provide for the Contribute to the Social security

General welfare happiness and the Well-

- * Food and drug laws being of all the people Secure the blessing Make sure future
- * Commission on civil right of liberty to ourselves citizens remain free

*National council on Disability

Form a more Create a nation in which

* US postal system Perfect Union States work together

* US coin, paper money

Establish justice Make law and set Court system up court that are fair

Jury system Insure domestic Keep peace within

* National guard Tranquility the country

* Federal Marshals

Provide for the Safeguard the country

*Army Common defense again attack

* Navy

Provide for the Contribute to the

*Social security General welfare happiness and the Well-

*Food and drug laws being of all the people (Mru cầu Phúc lợi cho toàn dân)

Secure the blessing Make sure future

*Commission on civil right of liberty to ourselves citizens remain free

*National council on Disability .

Hiến pháp Hoa Kỳ là sự thể hiện Công bằng Xã hội với nền tảng Bác ái của Kitô giáo.

(7). Năng Lượng

“ Einstein đã có lý khi nói rằng: Chúa không chơi trò xúc xắc”.

Vũ trụ không phải được điều khiển bởi sự may rủi, nó được điều khiển theo qui luật tối ưu của tạo hóa.

Vũ trụ bao la huyền bí của chúng ta giống như một tư duy vĩ đại hơn là một cỗ máy vĩ đại.

Triết lý của vấn đề là: **Thế giới là một thể thống nhất, không thể phân chia**. Cấu trúc của vật chất trong vũ trụ là một khối thống nhất, không thể phân chia, tức không có phần tử nhỏ nhất, không có viên gạch cuối cùng mà hàng trăm năm, ngành cơ học lượng tử cố công tìm kiếm .

Giữa các vật thể luôn luôn tồn tại các trường, biểu hiện bằng lực hút, lực đẩy hay gọi chung là lực tương tác.

Nguyên tử luận- những thành công và bế tắc: Trong suốt thế kỷ XX, các nhà bác học đã sôi nổi đi tìm cấu trúc của hạt cơ bản và người ta nhận thấy hạt cơ bản bị phân chia từ **Electron, Proton; Neutron**; tới dạng hạt Quark- cũng chưa phải là nhỏ nhất vì **hạt Quark** có bước sóng nhỏ hơn bước sóng ánh sáng. Điều huyền bí là chúng lại có khối lượng lớn hơn rất nhiều so với các hạt mà từ đó chúng sinh ra và đặc biệt là những hạt này phân rã rất nhanh để lại thành **Proton và Neutron**. Niềm tin của những nhà nguyên tử luận bị lung lay... và họ tiếp tục tìm ra **lý thuyết” Dây”** và **“siêu Dây”**- dạng vật chất của vũ trụ trước đây được xem như hạt, thì giờ đây được biểu diễn như

những sóng chạy dọc theo “dây”. Nhưng lý thuyết “Dây” chỉ đúng khi không gian, thời gian phải có tới mười chiều, hoặc mười sáu chiều, chứ không phải là không gian chỉ có bốn chiều như chúng ta hiện nay (ba chiều không gian, một chiều thời gian). Nếu quả thật có sự tồn tại nhiều chiều không gian, thời gian, tại sao chúng ta không cảm nhận được?

Khởi đầu cho sự thắng thế của quan niệm vũ trụ không thể phân chia của nhà triết học vĩ đại Aristotle.

Đó là vũ trụ là đồng nhất thể, vật chất là liên tục và không thể phân chia, và vận hành không ngưng nghỉ theo qui luật Âm- Dương, Ngũ hành. Thế giới (dù tầm vi mô hay vĩ mô) cũng là một thể thống nhất không thể phân chia.

Mặt khác ngày nay, chưa có lý do để phủ nhận sự tồn tại của những thế giới song song theo bất kỳ nghĩa nào. Người ta thấy rằng, **vũ trụ ngày nay giống như là một tư duy vĩ đại hơn một cỗ máy vĩ đại. Và phải chăng đó là con đường của trái Tim**

Học thuyết Mesmer với Năng lượng sinh học,

Y học năng lượng và Dưỡng sinh Tâm Thể: Mesmer Franz người Áo, bác sĩ, nhà vật lý, chiêm tinh học (1774-1815) đã trình bày học thuyết với hai mươi bảy điều khoản về phương pháp trị bệnh khá huyền bí của ông. Người ta nghiên cứu, gạn học thuyết Mesmer với những lý thuyết trường hiện đại:

Có một ảnh hưởng tương hỗ giữa các thiên thể, trái đất và các sinh vật (mối quan hệ Thiên-Địa-Nhân hợp nhất). Mệnh đề này gợi nhớ tới định luật vạn vật hấp dẫn của Newton, và lý thuyết Trường: Trường nhiệt, Trường điện từ, Trường khí vũ trụ hoặc sóng vũ trụ.

Sóng vũ trụ là bức xạ từ các thiên hà, các hệ mặt trời, các vì sao trong vũ trụ, từ lòng đất, từ đại dương... **Sóng vũ trụ đến từ mọi hướng, mọi không gian, thời gian.**

Một chất lỏng đàn khắp vũ trụ một cách liên tục, không để có chỗ trống. Sự tinh tế của nó không gì sánh nổi. Nó có khả năng nhận- truyền và trao đổi mọi cảm giác của vận động.

Ngày nay khoa học cảm xạ đã khẳng định (thông qua các thí nghiệm có thể định lượng được) là: Tồn tại năng lượng dự trữ trong mọi vật chất của vũ trụ .

Nguồn năng lượng này là động lực để vật chất luôn luôn vận động tạo ra những rung động và lan truyền trong vũ trụ. Sự bức xạ năng lượng và lan truyền như vậy được gọi là sóng.

Xung quanh chúng ta tràn ngập môi trường năng lượng bức xạ, có thể hình tượng hóa chúng bằng thuật ngữ Vũ điệu năng lượng và ngậm hiểu sự kỳ bí của thế giới sóng năng lượng này.

Khái niệm chất lỏng trong mệnh đề của Mesmer ngày nay được thay bằng sóng năng lượng. Ý tưởng này thể hiện rõ trong các khái niệm rung động cộng hưởng và sóng mang thông tin khi ta thực hành chữa bệnh từ xa.

Hoạt động trên bị chi phối bởi các luật, những cơ chế mà đến nay ta vẫn chưa được biết. Tuy nhiên, đã có nhiều nhân tố, nhiều bằng chứng, cho phép chúng ta tin rằng: nền văn minh cổ đại đã biết đến, đã làm chủ và sử dụng sóng năng lượng vào nhiều mục đích khác nhau, trong đó có mục đích chữa bệnh.

Chữa bệnh theo phương pháp tự nhiên bao gồm các phương pháp khá phong phú. Có thể chia thành các nhóm chính.

Con người là một nhất thể- không thể tách rời phần tinh thần và phần thể xác. Vũ trụ tràn đầy sống năng lượng của chúng ta là một nhất thể

Quan trọng hơn, người ta đã bắt đầu nhận ra, tác động lớn lao của cuộc sống tinh thần, tình cảm, trên sức khỏe thể chất.

Quan niệm con người là một nhất thể, nhất thể trong chính mình và trong vũ trụ đã được chấp nhận rộng rãi và trở thành nhận thức chung của mọi người.

Barbara Ann Brennan nhà vật lý học vũ trụ hàng không Nasa trong hơn hai mươi năm đã nghiên cứu về trường năng lượng con người. Bà được huấn luyện chữa bệnh bằng NLSH, ngày nay bà là người chữa bệnh tâm linh giỏi nhất Tây bán cầu và là tác giả của nhiều cuốn sách nổi tiếng được dịch ra nhiều nước trên thế giới.

Barbara cho rằng con người là một nhất thể, giữa con người và vũ trụ có mối liên hệ chặt chẽ qua trường năng lượng. Theo bà: “Mọi đau khổ đều gây ra bởi ảo tưởng về tính riêng biệt, vốn là mẹ đẻ của nỗi lo sợ...” và “Yêu thương là gương mặt, hình hài của vũ trụ...”. Bà cũng thống nhất quan niệm: “Chúng ta đang sống trên hành tinh năng lượng”.

Dưỡng sinh tâm thể của má Hai Hương (Tôn nữ Hoàng Hương) tại Hà Nội. Về vũ trụ quan, từ cách tiếp cận cơ học lượng tử, những thành công và bế tắc, DSTT cho rằng: “Con người gồm hai phần. Phần tinh thần (siêu hình) và phần thể xác (hữu hình). Hai phần này hòa quyện vào nhau. Nó làm mạnh nhau lên hoặc làm yếu nhau đi; trong đó phần tinh thần (linh hồn) dẫn dắt phần thể xác.

Trong con người tồn tại một hệ kinh lạc, lưu thông trong hệ kinh lạc là “khí”, cũng có thể hiểu là sinh khí. Hệ kinh lạc thông suốt, con người khỏe mạnh. “Khí” bị tắc nghẽn ở bất kỳ nơi nào trên cơ thể, con người sẽ bị bệnh. Sinh khí trong hệ kinh lạc xung mãn, con người khỏe mạnh, tỏa trường hào quang, ngược lại, con người yếu đuối, buồn nản, héo hắt. Con người là sản phẩm hoàn thiện nhất của tạo hóa, giữa con người và vũ trụ liên hệ chặt chẽ với nhau qua trường (trường hào quang lượng. Nguồn năng lượng này là động lực để vật chất luôn luôn vận động, tạo ra những rung động và lan truyền trong mọi môi trường dưới dạng sóng (vũ điệu năng lượng). Sóng vũ trụ (còn có thể gọi là sóng năng lượng, trường khí vũ trụ, NLSH...) là sóng bức xạ từ các thiên hà, hệ mặt trời, các vì tinh tú. Người ta nghiên cứu và thấy sóng vũ trụ thật đa dạng, từ loại tần số thấp, đến loại tần số cao...

Hào quang của con người, trường năng lượng vũ trụ và sức khỏe của chúng ta
Cuối thế kỷ XX, năm 1977 cuốn sách “Năng lượng của cơ thể sống” được in tại Pháp xác định “Không phải bức xạ hào quang chỉ bao quanh con người mà là quanh muôn loài, kể cả thực vật”.

Đến nay, các nhà khoa học đã công nhận sự tồn tại những dòng phát sáng sinh học (bioplasma) trong con người. Nó có nhiều màu sắc, có tỷ trọng và cường độ khác nhau, và chảy theo các vàng có cấu trúc. Nó có liên hệ với các cảm xúc và tư duy của chúng ta. Bioplasma chính là chất liệu tạo thành các vàng của trường hào quang nơi con người.

Con người có bảy vàng hào quang. Mỗi vàng hào quang là duy nhất (có màu sắc, cấu trúc, chức năng, nhiệm vụ riêng). Chúng không pha trộn nhưng luôn tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau theo một qui luật nhất quán với sức khỏe và mức độ Thánh Thiện trong cuộc sống tinh

thần bạn. Khi bạn cân bằng sức khỏe, bạn sống tràn đầy hạnh phúc với những suy nghĩ dâng hiến thanh cao, trường hào quang bầy vàng đều cân xứng, hài hoà sáng rõ.

Ngược lại khi bạn đau khổ, thù hận, ghen ghét, giận dữ, bầy vàng hào quang sẽ méo mó, mất cân xứng, chuyển màu tối đục. Và bạn sẽ ốm đau .

Bạn thường xuyên nạp năng lượng thông qua cuộc sống Thánh Thiện và Thiên đình, bầy thứ bầy của trường hào quang mạnh mẽ, sáng suốt, sáng màu chàm, nhấp nháy với một tần số cao, sẽ giúp bạn xâm nhập vào “trường năng lượng vũ trụ”.

Nó dạy chúng ta về sự liên thông giữa tâm trí với tâm trí, giữa tâm trí của chúng ta với tâm trí vũ trụ. Nó giúp bạn tràn đầy sức sống nội tâm và thân thể khoẻ mạnh .

Năng lượng vũ trụ là vô hạn. Khi bạn sống Thánh Thiện bạn sẽ nhận được nguồn Năng lượng Tình thương từ vũ trụ và bạn sẽ có khả năng truyền năng lượng, chữa bệnh cho nhiều người.

Cách sống để nhận được năng lượng phi phạm của vũ trụ:

Sự quân bình Những người hiểu về cuộc sống tinh thần cho rằng bất cứ điều gì xảy ra trong cõi trời đất bao la này, đều được tạo bởi vô số yếu tố, mà yếu tố nào cũng cần thiết cả.

Những yếu tố ấy, như những sợi chỉ muôn màu, muôn sắc được dệt chung để tạo nên một tấm thảm của sự tồn tại. Sự quân bình là cách nắm giữ các sợi chỉ ấy lại với nhau một cách hài hòa. **Có thể nói, thước đo sự thông tuệ của một người, là khả năng giữ quân bình của người đó.**

Trong cuộc sống hiện đại náo động, xô bồ, biến động khôn lường, việc giữ được quân bình không phải là chuyện dễ. Chỉ một suy nghĩ, hay một lời nói tiêu cực thôi cũng có thể ném chúng ta ra khỏi sự quân bình. Chúng ta như người đi trên dây, ta cần rất cẩn trọng, đặt bước nọ sau bước kia, còn tay thì giữ một cái sào để giữ thăng bằng. Bước đi hơi chệch một chút, một đầu sào hơi nặng một chút, là ta sẽ bị đổ nhào. Để đến được đầu bên kia, mỗi bước chân của ta phải chính xác, mỗi bước chân của ta đòi hỏi sự quân bình

Sự quân bình với sức khỏe con người: Sự quân bình giữa thể chất và tình trạng tinh thần: Sức khỏe là kho tàng quý báu nhất của cuộc đời. Không có nó, mọi của cải khác đều trở nên vô nghĩa (Không Tử). **Để khoẻ mạnh chúng ta cần sự quân bình. Bị mất quân bình vì bất cứ lý do nào, ta sẽ bị bệnh. Giữa sức khỏe thể chất và tình trạng tinh thần có một sự gắn kết chặt chẽ. Nó cần được giữ quân bình, hài hòa.**

Da Di, người giữ linh hồn của Đại học tâm linh thế giới Ấn Độ thường nói: **“Trong cuộc đời tôi, tôi luôn ưu tiên giữ sự bình an trong mọi ý nghĩ và cảm xúc của mình. Bằng cách này, tôi không bị mất năng lượng, và cách đánh giá của tôi cũng không bị méo mó bởi những xung đột nội tâm. Cách thực hành này mang lại sức mạnh cho tâm trí, cơ thể và giúp tôi có cảm giác thoải mái trong mọi mối quan hệ”.**

Sự quân bình giữa tinh thần và thể xác

Con người có phần tinh thần, còn gọi là phần hồn, hay linh hồn (siêu vật chất) và phần thể xác (vật chất). Khi hiện hữu, trong mỗi con người, phần tinh thần và phần thể xác gắn kết chặt chẽ với nhau tới mức, người ta nhầm tưởng chúng là một, nhưng thực tế, chúng là “hai trong một” (: 2 → 1: Dual unit)

Vì vậy một con người muốn khỏe mạnh và khỏe mạnh một cách bền vững, phải khỏe mạnh cả về tinh thần lẫn thể xác, phải giữ quân bình. Hai phần này tương tác lẫn nhau, làm mạnh nhau lên hoặc làm yếu nhau đi. Tuy nhiên, phần dẫn dắt là phần tinh thần

Sự quân bình Âm- Dương

Âm- Dương ở đây là một phạm trù triết học sâu sa, chỉ hai trạng thái đối nghịch, hai cực, chúng luôn tương tác theo qui luật của Âm- Dương, Ngũ Hành, của tạo hóa, biến đổi, để tạo nên cuộc sống muôn màu của chúng ta. Để có sức khỏe, ta phải giữ quân bình Âm- Dương. Thí dụ phải giữ mình không quá nóng, không quá lạnh, không quá vui, không quá buồn...

Luật nhân quả với sức khỏe con người.

Luật nhân quả là định luật của vũ trụ. Thế giới này được điều khiển tự động bằng luật nhân quả. Từ “ nghiệp ” (Karma) có nghĩa là “ hành động ” và tức “ gieo gì gặt nấy ”. Bất kể hành động của ai đó, mà ngay cả lời nói hay mới chỉ là suy nghĩ, dù tốt hay xấu, sẽ mang lại cho người đó một kết quả tương đương. Kết quả này có thể nhận lại ngay tức thì, nhưng thường là nhận lại ở kiếp sau. Có thể là “ Nghiệp lành ”, cũng có thể là “ Nghiệp dữ ”, nếu ai tạo “ Nghiệp dữ ” thường gọi là “ Nghiệp chướng ” thì sẽ phải trả nợ sau này. Trong muôn vàn con đường trả nợ (bị tật nguyên, con cháu hư hỏng, làm ăn thất bát) có một con đường là bệnh tật, gọi là “ bệnh do nghiệp ”, đây thường là những căn bệnh khó chữa nhất. Hiểu về “ Nghiệp ” và về luật nhân quả, có một ý nghĩa nhân văn sâu sắc, những người thức tỉnh sẽ biết sống hướng Thiện, tức không tạo “ Nghiệp dữ ”. Người thức tỉnh biết trồng hoa nơi anh ta bước đi và nhâm nhi hạnh phúc được mang cho, được dâng hiến.

Luật nhân quả là định luật điều hành vĩnh hằng của vạn vật của vũ trụ. Đây là một qui luật được chi phối một cách khách quan, đương nhiên là có trước đạo Phật

Tuy nhiên, khi đức Phật thành đạo dưới gốc Bồ đề, ngài đã giác ngộ được luật này, thấy được tầm quan trọng của nó tác động đến sự sống và sự chết trên hành tinh này. Luật nhân quả được giáo lý của đạo Phật hoàn chỉnh và trở thành lý thuyết cơ bản, là chính kiến quan trọng trong Phật học, đến mức nhiều người lầm tưởng luật nhân quả là của đạo Phật.

Luật nhân quả là định luật vĩnh hằng của vũ trụ, một luật tuyệt đối khách quan và tuyệt đối công bằng với từng con người, từng quốc gia đang tồn tại trên trái đất.

(Luật này cũng tương tự như Luật Giá sắc của Nho giáo: Gieo gì thì gặt nấy, Ai gieo thì kẻ ấy gặt, Gieo một thì gặt trăm)

Chúng ta cần coi việc giáo dục Luật nhân quả như một chiến lược toàn cầu, thay thế cho mọi thuyết giảng đạo đức, và những tiếng kêu gào đánh thức lương tâm nhân loại trước tội ác đang tràn như sóng bão

Bạn đã nhìn thấy Luật nhân quả vận hành tuyệt đối chính xác từ tâm vĩ mô (trái đất) đến vi mô (con người) chưa?

Như bạn đã thấy, hành tinh của chúng ta từng mỹ lệ, hiện đang thoi thóp, và chúng ta đang gánh chịu hậu quả từng ngày (bão, lũ, mưa, núi lửa, sóng thần, động đất, bệnh dịch người và gia súc...) do chính sự tàn phá tàn tệ không thương tiếc của con người nhiều thế hệ, nay vẫn tiếp tục. Rồi trái đất sẽ ra sao?

Rồi chính bạn, trong những ngày buồn, giận, đau khổ, âm mưu, thù hận, cơ thể bạn sẽ yếu ốm

đến thế nào? Chưa nói đến việc ta quá tham sân si mà gây tội ác, thì quả báo nào sẽ đến? Chính vì sự vô minh đó mà cuộc sống của chúng ta trở nên bất hạnh, ốm yếu. Cuộc sống trên thế giới này sẽ đẹp biết bao nếu mỗi con người biết được Luật nhân quả điều hành vũ trụ hoàn hảo và độc nhất vô nhị “

(Do CLBLC: Câu lạc bộ Lều chõng chuyển tới, không rõ tác giả)

(8). TRUYỆN TIÊN RỒNG (Huyền thoại)

“ Cháu 3 đời Viêm Đế họ Thần Nông tên là Đế Minh sinh ra Đế Nghi, rồi đi Nam tuần đến Ngũ Lĩnh, gặp được nàng con gái Vụ Tiên đem lòng yêu mến, mới cưới về, sinh ra Lộc Tục, dung mạo đoan chính, thông minh túc thành. Đế Minh lấy làm lạ, cho nối ngôi vua; Lộc Tục cố nhường cho anh, Đế Minh lập Đế Nghi làm tự quân cai trị phương Bắc, phong Lộc Tục làm Kinh Dương vương cai trị phương Nam, đặt quốc hiệu là Xích Quỷ quốc. Kinh Dương vương xuống thủy phủ, cưới con gái Động Đình là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm, tức Lạc Long quân. Lạc Long quân thay cha trị nước, còn Kinh Dương vương thì không biết đi đâu. Lạc Long quân dạy dân ăn mặc, bắt đầu có trật tự về quân thần, tôn ty, có luân thường về phụ tử, phu phụ, hoặc có lúc đi về Thủy phủ nhưng trăm họ vẫn được yên ổn . Dân lúc nào có việc cần thì kêu Lạc Long Quân : Bỏ đi đường nào, không đến mà cứu chúng ta !

(Người phương Nam gọi Cha bằng Bố, gọi Quân bằng Vua là tự đấy), thì Lạc Long quân lập tức đến ngay, uy linh cảm ứng không ai có thể trác lượng được.

Đế Nghi truyền ngôi cho Đế Lai cai trị phương Bắc, nhân khi thiên hạ vô sự, sức nhớ đến chuyện ông nội Đế Minh Nam tuần gặp được tiên nữ, Đế Lai bèn khiến Xi (Si , Li) Vụ tác chủ quốc sự mà Nam tuần qua nước Xích Quỷ, thấy Lạc Long quân đã về Thủy phủ, trong nước không vua, mới lưu ái thế là Âu Cơ cùng với bộ chúng thị thiếp ở lại hành tại. Đế Lai chu lưu khắp thiên hạ, trải xem tất cả hình thể, trông thấy kỳ hoa, dị thảo, trân cầm dị thú, tề tượng, đồi mỗi, kim ngân, châu ngọc, hồ tiêu, nhũ hương, trầm đàn, các loại sơn hào hải vị, không thứ nào không có; khí hậu bốn mùa lại không nóng không lạnh, Đế Lai ái mộ quá quên cả ngày về. Nhân dân nước Nam khổ vì sự phiền nhiễu, không yên ổn như xưa, đêm ngày trông đợi Long Quân về, nên mới đem nhau kêu rằng: Bỏ ở phương nào, nên mau về cứu nhân dân. Lạc Long quân bỗng nhiên lại về, thấy nàng Âu Cơ ở một

mình, dung mạo đẹp lạ lùng, yêu quá, mới hoá ra một chàng nhi lang phong tú mỹ lệ, tả hữu thị tùng đông đảo, tiếng đàn ca vang đến hành tại. Âu Cơ trông thấy mà lòng cũng ưng theo; Long Quân bèn rước nàng về núi Long Trang .

Đế Lai về không thấy Âu Cơ (1) bèn sai quần thần tìm khắp thiên hạ. Long Quân có thần thuật, biến hiện trăm cách, nào là yêu tinh quỷ mị, nào là long xà hổ tượng, kẻ đi tìm ứ cụ, không dám lục đảo tận cùng. Đế Lai trở về Bắc lại truyền ngôi cho Đế Du Võng .

Du Võng truyền lại cho Xi Vụ, Xi Vụ cùng với Hoàng Đế đánh nhau ở Bàn Tuyền và Trác Lộc không hơn nên từ trận. Họ Thần Nông bèn mất . Âu Cơ ở với Lạc Long Quân một năm, sinh ra một bọc trứng, cho là điềm không hay, nên đem bỏ ra ngoài đồng nội; hơn bảy ngày trong bọc nở ra một trăm trứng, mỗi trứng là một con (trai), bà đem về nuôi, không phải cho ăn, cho uống, cho bú, mà tự nhiên trưởng đại, trí dũng song toàn, ai cũng ứ phục, bảo nhau đó là những anh em phi thường. Long Quân ở lâu dưới Thủy Phủ, mẹ con ở một mình, nhớ về Bắc quốc liền đi lên biên cảnh; Hoàng Đế nghe tin lấy làm sợ mới phân binh trấn ngự quan tãi; mẹ con không về Bắc được, đêm ngày gọi Long Quân: Bỏ ở phương nào, làm cho mẹ con ta thương nhớ ! Long Quân hốt nhiên lại đến, gặp mẹ con ở Tương Dã, Âu Cơ nói: Thiếp vốn người Bắc, cùng ở một nơi với quân, sinh được 100 con (trai), (2) mà không có gì cúc dưỡng, xin cùng theo nhau, chớ nên xa bỏ, khiến cho ta là người không chồng không vợ, một mình vô võ. Long Quân bảo : Ta là loài Rồng, sinh trưởng ở thủy tộc, nàng là giống Tiên, người ở trên đất, vốn chẳng như nhau, tuy rằng khí âm dương hợp lại mà có con, nhưng phương viên bất đồng, thủy hoả tương khắc, khó mà ở cùng nhau trường cửu . Bây giờ phải ly biệt, ta đem 50 con (trai) về Thủy Phủ, phân trị các xứ, 50 con (trai) theo nàng ở trên đất, chia nước mà cai trị, dù lên núi xuống nước nhưng có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau. Trăm con (trai) đều nghe mệnh, rồi mới từ giả ra đi. Âu Cơ cùng với 50 người con (trai) ở tại Phong Châu (Bây giờ là huyện Bạch Hạc), suy tôn người hùng trưởng lên làm vua , hiệu là Hùng Vương, họ là Hồng Bàng, quốc hiệu là Văn Lang hay nước Xích Quỷ (tỉnh hoa của miền Nam). Ranh giới nước Xích Quỷ thời bấy giờ như sau : Bắc giáp Động Đình Hồ, tức Hồ Nam (Trung Quốc), Nam giáp Hồ Tôn (tức Chiêm Thành), Tây giáp Ba Thục, Đông giáp biển Nam Hải . ”

(Lĩnh Nam chích quái: Trần Thế Pháp, bản dịch của Lê Hữu Mục, trang 43-44.Trăm Việt xuất bản)

(9). TRUYỆN VIỆT TỈNH (Huyền Thoại)

“ Việt tỉnh ở núi Trâu Sơn, quận Vũ Ninh, đời Hùng Vương thứ 3, Ân vương cử binh Nam xâm, đóng quân ở núi Trâu Sơn; Hùng vương cầu Long Quân giúp, Long Quân bảo tìm thấy khắp thiên hạ, nếu được người kỳ tài thì dẹp được giặc; đến kỳ cầu được Đông Thiên vương cỡi ngựa sắt đi đánh, tướng sĩ nhà Ân đều tan vỡ. Ân vương chết ở dưới núi, làm Địa Phủ Quân, dân lập đền thờ, bốn mùa cúng tế, nhưng lâu năm suy dần, bỏ thành chùa hoang.

Người bản quốc tên là Thôi Lạng làm quan nhà Tần, đến chức Ngự Sử Đại Phu, thường đi ngang qua đây, thương cảnh điêu tàn mới trùng tu miếu vũ lại, nhân đó có đề một bài thơ:

“ Cổ nhân truyền tụng chuyện Ân vương

Tuần thú năm kia đến địa phương

Núi rậm nước trôi không thấy miếu

Hồn thăng dẫu để vẫn nghe hương

Một mai thắng bại không Ân đức

Muôn thờ uy linh trấn Việt Thường

Trăm họ từ đây đều phụng tự

Âm phù vận nước vững vô cương.”

Sau đến đời Nhâm Hiệu, Triệu Đà Nam xâm, lại đóng quân ở núi này, lại trùng tu miếu mạo, cúng tế hậu hĩnh, Ân vương cảm đức, muốn đền công cho Thôi Lạng, mới sai Ma Cô Tiên đi tìm khắp nơi. Lúc bấy giờ Thôi Lạng đã chết, chỉ còn con là Thôi Vỹ.

Tiết thượng nguyên tháng giêng, phương dân đi lễ đền, có người cúng một cặp bình pha lê. Ma Cô cầm lên tay ngắm nghía, bỗng bình rơi xuống đất, vỡ nứt một mảnh; người ta bắt Ma Cô lại, đòi bồi thường, Ma Cô mặc áo rách, không ai biết là người Tiên, họ mới lấy roi đánh.

Thôi Vỹ thấy thế thương hại, cởi áo đèn hộ nàng; Ma Cô được khỏi đánh, nhân đó hỏi đến chỗ ở của Thôi Vỹ, Thôi Vỹ nói đến tên cha, thì nàng mới hay là con Thôi Lạng.

Nàng mừng báo rằng : Ta bây giờ không có gì để đền ơn, sau này chàng sẽ được hậu báo. Bèn đưa cho Thôi Vỹ một tấm lá ngải và dặn rằng : Hãy giữ lấy vật này cho cẩn thận, lúc nào cũng để trong mình, gặp bệnh nhức ảnh (cái bấu) mà đem cứu tất khỏi, rồi thế nào cũng được giàu sang. Thôi Vỹ cầm lấy là ngải, nhưng chẳng biết đó là thuốc tiên.

Một hôm đi đến nhà đạo sĩ Ứng Huyền, thấy Huyền có một cái nhọt trên đầu, Vỹ nói : Tôi có lá ngải, trị được bệnh này, để tôi trừ cho. Thôi Vỹ lấy ngải cứu cho Ứng Huyền, cái nhọt của Ứng Huyền liền tiêu tan. Ứng Huyền nói : Ấy là thứ thuốc tiên vậy, tôi không có gì đền đáp cho anh, tôi có người thân thích cũng đau bệnh này, thường nói rằng ai chữa cho bệnh lành được thì dầu hết gia tài cũng chẳng hề tiếc, tôi đem anh qua đó để chữa cho họ, và để đền ơn anh. Ứng Huyền đem Thôi Vỹ sang nhà Nhâm Hiệu (1), Thôi Vỹ lấy ngải ra cứu, cái nhọt tức lành ngay. Nhâm Hiệu rất mừng, nuôi Vỹ làm con, mở trường để dạy Vỹ, tính Vỹ thông minh, ưa thích đàn cầm, thấy con gái Nhâm Hiệu là Phương Dung, mới đem lòng yêu dấu, nhân cùng nàng tư thông, tình ý quyến luyến, con Nhâm Hiệu là Nhâm Phu biết được muốn làm cho Vỹ chết. Đến cuối năm có lễ tế thần Xương Cuồng, người ta chưa tìm được người tế, nên Nhâm Phu bảo Vỹ : Ngày nay không nên đi ra ngoài, hãy vào công sảnh mà tránh đi, thì sau này khỏi

hỏi. Thôi Vỹ chưa hiểu ý làm sao, Nhâm Phu đã khóa chặt cửa lại, bảo không được ra. Phương Dung biết ý, lén lấy con dao đưa cho Vỹ, bảo đục vách mà ra.

Đêm khuya Thôi Vỹ trốn đi, muốn đến nhà Ứng Huyền, lật đất đi lên núi, rùi rơi vào trong một cái hang, tứ phía đều là vách đá, không có chỗ nào trèo lên được, ở trên có một khối đá rò sữa đá chảy xuống một chiếc mâm đá, có một con rắn trắng dài 100 thước, mô vàng miệng đỏ, vẩy bạc, dưới cằm có một cái bướu thịt, trên trán có 3 chữ “Vương Tử Xà”, bò ra ăn thạch nhũ, thấy trên thạch bàn hết cả, rắn cất đầu lên thấy Vỹ, toan nuốt đi, Thôi Vỹ sợ quá, quỳ xuống lạy rằng : Thân tỵ nạn, lằm ròi

xuống đây, đói bụng nên có ăn trộm vương vật, thực là có tội, dưới cằm vương có một cái nhọt, thân xin lấy ngón cứu lành, xin tha tội để thân trở nghề mọn này.

Bạch Xà lập tức ngẩng đầu lên cho Vỹ cứu, bỗng thấy đồng nội bị cháy, một tia lửa bay vào trong hang, Vỹ lấy lửa cứu cho rắn, cái nhọt liền tiêu ngay. Rắn mới khom mình đến trước Vỹ, ý muốn bảo Vỹ cưỡi lên, Vỹ cưỡi lên lưng rắn, rắn bò ra hang, ước một canh thì đến trên bờ, bờ vắng vẻ không có người nào đi lại, rắn quẩn đuôi lại trở về hang.

Vỹ đi một mình, lạc đường bỗng thấy trên cửa thành, có một cái lầu cao, ngói đỏ lóng lánh, đèn sáng rực rỡ, trước cửa có treo một tấm biển đỏ chữ vàng, đề là “Ân Vương thành”. Vỹ ngồi lên cửa thành, hỏi lâu không thấy người nào qua lại, mới bước vào cửa sân, thấy bên sân có một cái ao, trong ao có hoa sen 5 sắc, trên bờ có nhiều rặng hoa liễu, đường lát bằng phẳng, ngọc điện châu cung, toà ngang dãy dọc; trên điện đặt hai cái giường vàng trải chiếu hoa bạc, trên tường có treo một cái đàn cầm đàn sắt, Vỹ thông thả bước đến lấy cây đàn gảy một hồi lâu. Kim đồng ngọc nữ, vài trăm người hầu, bà Ân Vương Hậu mở cửa đi ra, Vỹ sợ quá, chạy xuống sân điện sụp lạy. Bà Ân Hậu cười bảo rằng : Thôi Quan Nhân ở đâu lại ?

Sai người mời lên trên điện bảo rằng : Đền thờ của Ân Vương ta lâu đời bỏ hoang phế, nhờ sức của Tiên thân Ngự Sử trùng tu lại, người đời mới bắt chước thờ cúng luôn luôn. Vương đã sai Ma Cô đi tìm để báo đức, nhưng không gặp được Ngự Sử, chỉ gặp công tử chưa có dịp đền đáp, nay nhân được thấy mặt, thì Thượng đế đòi vương lên châu trời rồi, thôi công tử ở lại đây đợi vậy. Rồi lưu Thôi Vỹ ở lại ăn uống no say. Bỗng thấy một người râu dài bụng lớn, cầm một tờ biểu quý mà tâu rằng : Tháng giêng ngày mồng ba, Nhâm Ngao bị thần Xương Cuồng đánh chết. Nghe tâu xong, Hậu bảo

rằng : Dương Quan Hậu đưa Thôi Vỹ về trần. Vỹ cáo tạ mà về. Dương Quan bảo Vỹ nhắm mắt, ngồi lên trên một chiếc quạt, hơn một khắc đã đến trên núi, ngày nay hãy còn sau đền thờ Triệu Việt Vương ở núi Trâu Sơn.

Sau Vỹ về đến nhà Ứng Huyền thuật lại cho Ứng Huyền nghe. Đến ngày mồng một tháng 8, Vỹ cùng với Huyền đi chơi thì gặp Ma Cô Tiên, dắt một người con gái cho Thôi Vỹ, bảo đem về làm vợ chồng, lại cho hòn ngọc Long Toại, nói đó là ngọc châu, từ thuở trời đất mới khai tịch, đã có một cặp trống mái từ đời Hoàng Đế trải đến đời Ân truyền làm thế bảo; trong trận đánh Trâu Sơn, Ân Vương đeo nó mà chết, ngọc châu dẫu trong đất, mà tia sáng chiếu thẳng lên trời. Thời nhà Tần, binh hoả liên miên, những vật trân bảo đều bị đốt cháy; các nhà Vọng khí đều biết hòn ngọc Long Toại còn ở phương Nam. Người Tàu đem vàng bạc gấm vóc giá trăm vạn để tìm mua; Vỹ nhân đấy đại phú. Sau Ma Cô Tiên rước vợ chồng Thôi Vỹ đi, không biết đi đâu. Nay giếng bỏ hoang thành bần thiêu, hang thì còn ở núi Trâu Sơn. Người đời gọi là Việt tinh cương vậy.”

(*Trần Thế Pháp : Lĩnh Nam chích quái, bản dịch của Lê Hữu Mục, trang 66 – 69*)

Chú thích.

1 .- Truyện Việt tinh **có tính chất triết lý cao độ nhất**, vì vẽ lại những chặng tiến của tâm thức con người, tự Xương Cuồng (chỉ đợt bái vật) qua nhục ảnh (chỉ ý hệ) mà lên tới Tâm linh (chỉ bằng Thôi Vỹ lấy được Tiên nữ với quà tặng là ngọc Long Toại)

2.- **Chữ Cương** làm liên tưởng tới Hồng phạm cứu trừ, người ta cũng quen gọi trừ là đại cương. Mỗi đại cương bao gồm một số tiểu tiết kêu là điều mục.

Vì thế khi đọc Việt Tinh Cương thì nó gọi cơ cấu của Hồng Phạm với Lạc Thư cũng như lược đồ Loa Thành đều có liên hệ ngầm, được bàn trong “ Sứ Điệp ”.

3.- Chú ý nét song trùng biểu lộ ở ngọc Long Toại vẫn đi đôi sống mái, và khi giao thoa thì làm ra dạng tự ngãi cứu . Nhớ chữ Ngải viết với bộ thảo 艹 trên chữ Nghệ 義 , nên có sức cứu thoát. Rồi cũng nét song trùng đó kép lên thành chữ tinh井, nhái lại hình chòm sao tinh ở phương Nam. đứng đầu chòm 7 sao : Tinh , Quỷ , Liễu , Tinh , Trương , Dục , Chân. Nét song trùng còn hiện ra ở lá cờ Si Vuu (mỏ vàng, miệng đỏ) , nơi con rắn dài 100 thước (Bách Việt thờ Rồng). Rồi các số 3

là nhện 3 ngày, ngải hái đã 3 năm. Bộ số 2 , 3 chuyển vận để thành Việt Tinh Cương, nên cuối truyện, giềng hiện ra cách đột ngột.” (Kim Định : Kinh Hùng khái triết , trang 207 – 209)

4.- “ **Thôi Vỹ** : Thôi là lớn mạnh. Chữ Vỹ làm liên tưởng đến cái gì tế vi, hoặc là đuôi, tức cái gì cùng cực. Hai chữ Thôi Vỹ chỉ người chú ý đến cái tế vi, chú ý đến Đạo. Đạo là chỗ chí cực của vật (Đạo vật chí cực) .

Hay là người ta thấy được cái tinh vi trong vĩ đại , cũng như cái vĩ đại trong tinh vi .

5.- **Ngải cứu** : 艾 灸 Ai cũng biết là một vị thuốc mà tự dạng lại gồm có chữ nghệ 義 tức là nền tảng Kinh Dịch và hai nét trời và đất giao thoa. Có lẽ vì ngải là vị thuốc rất hay và có tính chất phổ biến, nên người xưa đã viết cách cao trọng như vậy. Có điều chắc là từ rất lâu xưa đã có niềm tin

rằng là ngải hái lúc gà vừa gáy ngày mùng 5 tháng 5, rồi cho vào cái túi treo trước cửa nhà thì tránh được sét đánh (Dances 532) . Chúng ta dễ nhận thấy những tin tưởng dị đoan này có thể phát xuất do biểu tượng lá ngải là đất số 2 gặp trời số 3, tức là tinh hoa của nền Minh triết nông nghiệp (bộ thảo), nhờ nó mà chữa được bệnh nhức ảnh.

6.- **Nhục ảnh**: là những ý nghĩ tai hại che khuất lý trí không cho thấy sự thực, nó có hại, một là cuồng tín gọi là Xương cuồng hai là như ý hệ, gọi là rơi xuống hang.

7.- **Thần Xương cuồng**: hay nữa là ý tưởng của lũ đông, tức là những tin tưởng dị đoan, những vu tưởng, những ý nghĩ của lưu tục.

8.- **Rơi xuống hang** : Có thể chỉ những ý hệ hay cả những dư luận suy tưởng của lũ đông, nó làm nên một thứ hang giam giữ tâm trí con người. Thôi Vỹ cũng tin theo như ai, nhưng may mắn thoát được là có lá ngải, và do đây làm quen được với con rắn.

9.- **Con rắn** : Dài 100 thước, mỏ vàng, miệng đỏ là vật tổ Long của Bách Việt, có màu cờ của Si Vuu nền vàng có miếng tròn đỏ ở giữa. Đó cũng là cái Long đực của Kinh Dịch, ai hiểu được thì có thể cõi 6 rồng mà đi lên trên đường tiến hoá tâm linh để đạt Minh triết nói bóng là lấy được vợ và được ngọc Long toại.

Việt tinh là một trang Huyền sử của nước ta. Huyền sử kể chuyện hôm qua để nói về hôm nay cũng như mai hậu. Vì nó vượt thời gian, nên đầy tính cách thời sự : nó tiên tri bi trạng nước ta hiện nay. Nhưng nó cũng là Việt Nho không bao giờ chịu thúc thủ, nên cũng chỉ luôn ra phương thuốc để chữa bệnh, bệnh là Nhục Ảnh, thuốc là Ngải Cứu, tức là Kinh Dịch.” (Kim Định: Dịch Kinh linh thể, An Việt Houston , trang 43-44).

HẾT

www.vietnamvanhien.org